

Bồ tát Tịch Thiên soạn luận
Thích Pháp Chánh dịch và tập chú

Nhập Bồ Tát Hạnh

Tập Chú



Bản hiệu đính 2017

Tường Quang Tùng Thư
Phật lịch 2561, TL 2017

Mục Lục

LỜI NGỎ	5
GIỚI THIỆU	7
TIỂU SỬ BỒ TÁT TỊCH THIÊN	11
DẪN NHẬP	19
SÁCH THAM KHẢO	23
1. LỢI ÍCH CỦA TÂM BỒ ĐỀ	25
2. SÁM HỐI TỘI CHƯỚNG	37
3. THỌ TRÌ TÂM BỒ ĐỀ	51
4. KHÔNG PHÓNG DẬT	59
5. HỘ TRÌ CHÁNH TRI	73
6. AN NHÃN	106
7. TỊNH TIẾN	149
8. TÍNH LỰ	171
9. TRÍ TUỆ	231
10. HỒI HƯỚNG	295
PHƯƠNG DANH ẤN TỔNG	312

Lời ngỏ

Lần tái bản 2017

Kinh dạy: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe.” Đây là lời huấn dụ sâu sắc của chư Phật Bồ tát, cùng chư liệt đại tổ sư. Thế nhưng, không những Phật pháp khó được nghe, mà Phật pháp Đại thừa lại càng khó được nghe, hoặc giả được nghe nhưng không hiểu, hoặc không thể thâm nhập.

Giáo pháp Đại thừa, tuy quảng đại bao la, thế nhưng ý nghĩa rất ráo của nó lại rất đơn giản, toàn thể nằm trọn vẹn trong tông chỉ “Phát Bồ Đề Tâm, Hành Bồ Tát Hạnh.” Phát Bồ đề tâm, bốn luận gọi là Bồ đề tâm nguyện, hay Nguyện tâm; còn Hành Bồ tát hạnh, bốn luận gọi là Bồ đề tâm hành, hay Hành tâm. Luận nói:

Nguyện tâm trong sanh tử,
Tuy sanh quả lành lớn,
Nhưng không bằng hành tâm,
Tiếp tục tăng phước đức. (1.17)

Phát Bồ đề tâm là bước đầu quan trọng của sự tu học Đại thừa, thế nhưng, nếu hành giả ngừng bước nơi đó thì vĩnh viễn sẽ không bao giờ thăng tiến. Bởi thế, sau khi phát tâm, hành giả phải mạnh dạn, hăng hái dẫn thân trên con đường tu tập, đây gọi là hành Bồ tát hạnh.

Làm thế nào để phát Bồ đề tâm? Làm thế nào để hành Bồ tát hạnh? Đây chính là những thắc mắc mà Thiện Tài Đồng Tử đã nêu lên trên suốt lộ trình tham vấn năm mươi ba vị thiện tri thức của mình. Muốn phát Bồ đề tâm, trước tiên cần phải phát Đại bi tâm. Muốn hành Bồ tát hạnh, nhất định cần phải có Đại trí tuệ. Hành giả Đại thừa cần phải hội đủ hai điều kiện Bi và Trí thì mới có thể thành tựu công hạnh Bồ tát và chứng thành quả Phật.

Chìa khóa mở cửa cho sự phát tâm và tu học Đại thừa đã được ngài Tịch Thiên nêu lên và trình bày tường tận

trong quyển Nhập Bồ Tát Hạnh này. Hành giả chỉ cần y theo những lời chỉ dạy, chí tâm phụng hành thì ắt sẽ được thành tựu tâm nguyện và chí hướng của mình.

Trên bước đường tu học công hạnh Bồ tát, ngay từ lúc bắt đầu, hành giả cần phải ý thức về ý nghĩa chân thật của Đại thừa. Hơn nữa, hành giả cần phải kiên quyết giữ vững lập trường cùng chí hướng của mình, nhất định không để chúng bị lung đoạn bởi những kiến giải hoặc luận điệu vô đoán nào, dù đó là của Nhị thừa, hoặc của ngoại đạo. Và chỉ trong tinh thần kiên định đó, hành giả Đại thừa mới có thể sống trọn vẹn và phát huy rốt ráo ý nghĩa chân thật mà mình theo đuổi.

Trong lần tái bản này, người dịch đã cẩn thận tu đính những chỗ sai lầm, bổ túc những nơi thiếu sót, và đồng thời cũng thay đổi cách thức trình bày, bằng cách đem tất cả chú giải xuống phần cước chú của mỗi trang, để cho phần chánh văn được liên tục, giúp người đọc có thể theo dõi sự chuyển biến liên tục của dòng tư tưởng của tác giả.

Người dịch tuy đã bỏ nhiều tâm lực và công sức như vậy nhưng vẫn chưa hài lòng vì cảm thấy lời văn vẫn còn quá cục mịch thô sơ, vẫn chưa diễn đạt được hết ý nghĩa mà tác giả [Tịch Thiên] muốn truyền đạt. Khổ nỗi, đóa hoa tuy không đẹp nhưng vứt đi thì lại tiếc, cho nên hôm nay xin được mạo muội tái bản, với mục đích duy nhất chỉ là cầu mong “những người cùng duyên lành, nhân đây đều lợi ích”, cũng giống như ý nguyện của Bồ tát Tịch Thiên khi tạo ra quyển luận này.

Xuân Di Lặc, năm Đinh Dậu, 2017

Thích Pháp Chánh kính bút

Giới thiệu

Meaningful to Behold

Geshe Kelsang Gyatso

Bộ luận trú danh nhan đề Nhập Bồ Tát Hạnh (Phạn: Bodhisattvacharyāvatāra) là một kiệt tác của Bồ tát Tịch Thiên (Phạn: Shantideva), một bậc cao tăng lòng lấy của Phật giáo Ấn Độ vào thế kỷ thứ tám. Bộ Thánh điển này là một cẩm nang thực tiễn, hướng dẫn chúng ta làm thế nào để thể nhập, thăng tiến, và hoàn thành con đường đi đến Phật quả. Nó là sự cô đọng tất cả lời dạy của Đức Bồ Sư, và chỉ dẫn một cách rất rõ ràng phương cách làm thế nào để áp dụng lời dạy của Đức Thế Tôn vào cuộc sống thực tiễn hằng ngày.

Bộ sách này của ngài Tịch Thiên đã là một nguồn khích lệ mạnh mẽ cho những tác phẩm Phật giáo vĩ đại khác, chẳng hạn như Tám Bài Kệ Huấn Luyện Tâm Thức (Anh: Eight Verses of Training the Mind) của ngài Langri Tangpa thuộc dòng Kadampa, và Bảy Điểm Huấn Luyện Tâm Thức (Anh: Training the Mind in Seven Points) của Bồ tát Chekhawa. Hai quyển sách này giảng giải phương cách tán thán công đức của người khác, tu tập pháp quán “sự bình đẳng giữa ta và người”, “trao đổi ta và người”, cách thực tập “cho và nhận”, và phương cách chuyển đổi nghịch cảnh thành phước thiện giải thoát. Tất cả lời giáo huấn này đều được trích lục từ Nhập Bồ Tát Hạnh của ngài Tịch Thiên. Rất nhiều hành giả phái Kadampa đã thuộc nằm lòng những lời dạy của ngài, và ngài Tsong Khapa cùng các đệ tử cũng đã từng nhiệt liệt tán thán kiệt tác này của Bồ tát Tịch Thiên.

Qua sự học hỏi nhiều kinh điển Phật giáo có thể làm cho chúng ta trở thành những học giả nổi tiếng, thế nhưng, nếu chúng ta không chịu áp dụng những lời dạy của Đức Phật vào trong cuộc sống hằng ngày, thì sự hiểu biết Phật pháp của chúng ta sẽ mãi mãi nông cạn, và chúng ta sẽ không có đủ năng lực để giải quyết những vấn đề cho chính

mình cùng những người chung quanh. Nếu chỉ hy vọng rằng những kiến thức suông về Phật pháp sẽ giải quyết vấn đề phiền lụy trong cuộc sống, thì cũng giống như người bệnh hy vọng được lành bệnh chỉ bằng cách đọc những toa thuốc, mà không chịu uống thuốc, như ngài Tịch Thiên đã nói trong phẩm Hộ Trì Chánh Tri, kệ 109:

Pháp, phải cung kính hành,
Chỉ nói không ích gì!
Nếu chỉ đọc sách thuốc,
Bệnh tật làm sao lành?

Mỗi người trong chúng ta đều rất khẩn thiết mong muốn xa lìa những vấn đề khổ đau và phiền lụy. Chúng ta thường thường tìm cách giải quyết vấn đề này bằng những phương tiện vật chất bên ngoài, thế nhưng, dù chúng ta có thành công cách mấy trên phương diện vật chất, bất luận chúng ta đạt được sự giàu có, thế lực, danh vọng bao nhiêu đi chăng nữa, chúng ta sẽ không bao giờ tìm được sự giải thoát vĩnh viễn khỏi sự khổ đau và phiền lụy của cuộc đời. Phiền não, bệnh hoạn, khổ đau, và phiền lụy không hiện hữu ở phía ngoài tâm của chúng ta, mà chúng chỉ là những “cảm giác bất an” (Anh: unpleasant feeling), và những cảm giác này đều là những biểu hiện khác nhau của cái tâm. Chỉ có phương pháp hoán chuyển tâm thức mới có thể giúp chúng ta vĩnh viễn trừ diệt những phiền não và hệ lụy này. Những phương pháp đó đã được giải thích một cách tỉ mỉ trong quyển sách này của ngài Bồ tát Tịch Thiên.

Trên thực tế, tất cả những vấn đề mà chúng ta va chạm hằng ngày đều phát sinh từ sự tự cao và chấp trước, nghĩa là bám vào quan niệm sai lầm là đề cao quá đáng sự quan trọng của mình. Thế nhưng, vì chúng ta không hiểu rõ điều này, và thường đổ lỗi cho những người chung quanh về những vấn đề của chính mình gây ra, và điều này chỉ làm cho sự kiện trở nên trầm trọng. Từ hai quan niệm sai lầm căn

bản này đã phát khởi những vọng tưởng khác, chẳng hạn như sân hận và tham luyến, làm cho vấn đề của chúng ta càng lúc càng trở nên phức tạp. Chúng ta khẳng định có thể giải quyết tất cả vấn đề này bằng cách thành tâm tu tập những lời dạy được trình bày trong quyển sách này. Ít nhất, chúng ta phải nên ghi nhớ nằm lòng những bài kệ mà chúng ta nhận thấy rằng có ích lợi nhất, và sau đó suy tư tường tận về ý nghĩa của chúng cho đến khi tâm chúng ta trở nên tĩnh lặng và trong sáng. Chúng ta phải nên bảo trì tình trạng này một cách liên tục không gián đoạn. Nếu thực tập như vậy, chúng ta sẽ dần dần thể nghiệm sự an lạc và ý nghĩa của cuộc đời.

Chúng ta nên đọc quyển sách này với một tâm thái hoan hỷ, chuyên chú và khách quan. Một điều cũng rất quan trọng là chúng ta nên gia tăng sự thể hội của ta bằng cách đọc thêm các sách chú giải, chẳng hạn như Meaningful to Behold. Qua sự thành tâm tu tập những điều dạy trong đây, chúng ta có thể chuyển đổi bản tánh của ta, từ sự quan tâm tự ngã chuyển thành tâm thái từ bi, từ kiến giải lầm lạc chuyển thành trí tuệ sâu sắc, và từ cuộc sống phàm tục ích kỷ chuyển thành cuộc sống Bồ tát lợi tha. Theo hướng đi này, chúng ta sẽ dần dần đạt đến tâm thái tuyệt đối an lạc của sự giác ngộ, và đây chính là ý nghĩa chân thật của cuộc sống con người.

Tiểu sử Bồ tát Tịch Thiên

Sách Đạt Cát Kham Bố thuật

Theo truyền thuyết, Tịch Thiên là thái tử của nước Hiền Vương ở miền nam Ấn Độ, tên là Tịch Khải, cha ngài là vua Thiện Khải (Kushalavarmana). Từ nhỏ ngài đã rất tin tưởng Phật pháp, tôn kính Tam bảo, rất có lòng từ bi đối với họ hàng quyến thuộc, cùng với tất cả mọi người chung quanh, và thường hay bố thí giúp đỡ họ. Lúc nhỏ, ngài đã có một kiến thức vượt xa mọi người, và đã am hiểu nhiều loại học vấn, kỹ nghệ thế gian. Ngài đến cầu học với một vị hành giả Du già tên Cổ Tô Lỗ, cầu khẩn tu học “Văn Thù Sư Lợi Nhuệ Lợi Trí Thành Tự Pháp”, sau một giai đoạn tinh tiến tu trì đã thấy được Bốn tôn.¹ Sau khi vua Thiện Khải băng hà, quần thần bèn chuẩn bị đại lễ đăng quang cho ngài. Vào đêm trước khi cử hành đại lễ, ngài nằm mộng thấy Bồ tát Văn Thù ngồi trên ngai vàng nói rằng: “Đây là bảo tòa của ta. Ta là thượng sư của con. Nếu con cùng ngồi một chỗ với ta, e không thích nghi.” Lại có truyền thuyết cho rằng ngài nằm mộng thấy Đại Bi Độ Mẫu (hóa thân của Đức Quán Âm) dùng nước sôi quán đánh cho mình. Ngài bèn hỏi tại sao lại dùng nước sôi làm lễ quán đánh. Độ Mẫu trả lời: “Nước sôi dùng để quán đánh và nước sắt sôi trong địa ngục có gì khác biệt. Ta dùng nước sôi để quán đánh cho con là có ý nghĩa này.” Sau khi thức dậy, ngài hiểu rằng đây là sự thọ ký và gia trì của Bốn tôn, bèn phát tâm xuất ly, xả bỏ lạc thú thế gian, âm

¹ Các vị cổ đức Ấn Độ, như ngài Luận sư Trí Tác Tuệ, Tôn giả Atisa, v.v..., đều công nhận rằng ngài Tịch Thiên là hóa thân của Đức Văn Thù. Tôn giả Atisa trong quyển Bồ Đề Đạo Đăng Luận có viết: “Luận sư Tịch Thiên đích thân gặp được Bồ tát Văn Thù, được sự gia trì của ngài và đã liễu ngộ chân đế.” Lại có một vị luận sư tên Bồ Trát cũng đã thuật lại tương tự như vậy.

thầm rời bỏ hoàng cung, lên đường tìm đạo. Ngài đi một mình lang thang qua nhiều vùng đồi núi hoang vu, đến ngày thứ hai mươi mốt thì đến một khu rừng rậm rạp. Ngài cảm thấy rất mệt mỏi và đói khát, trông thấy một vũng nước bùn bèn vội vã đi đến định vốc nước uống, bỗng nhiên thấy một thiếu nữ đẹp lộng lẫy hiện ra, bảo ngài không nên uống nước đó, mà nên uống nước trong sạch. Nói xong bèn dẫn ngài đến một dòng suối trong vắt. Bên cạnh dòng suối có một vị Du già sư đang ngồi kiết già. Vị Du già sư đó chính là hóa thân của ngài Văn Thù, còn thiếu nữ xinh đẹp kia chính là Độ Mẫu hóa hiện. Sau khi uống nước, ngài bèn thỉnh cầu vị Du già sư truyền thọ pháp yếu, rồi y theo đó mà tu tập, và dần dần đạt được cảnh giới trí tuệ thâm sâu thù thắng.

Sau đó, ngài bèn đi qua miền đông Ấn Độ, đến nước của vua Ngũ Sư. Có một vị đại thần biết ngài là người võ nghệ cao cường, bèn tiến cử cho nhà vua, từ đó ngài trở thành một cận thần của vua Ngũ Sư. Ngài bèn đem những sở học về võ nghệ, v.v..., truyền bá cho mọi người. Một số quần thần đố kị, thấy ngài thường đeo một thanh kiếm gỗ dùng để tu tập pháp của Bốn tôn Văn Thù, bèn dèm pha với nhà vua: “Tên cận thần này là một kẻ gian xảo. Bệ hạ nếu không tin, hãy xem thanh kiếm gỗ của hắn quyết không thể nào hộ vệ nổi Bệ hạ.” Nhà vua nghe xong, nửa tin nửa ngờ, bèn ra lệnh ngài đưa thanh kiếm cho xem. Ngài nói với nhà vua: “Thưa Bệ hạ. Việc này sẽ làm tổn thương đến long thể của ngài.” Thế nhưng, nhà vua vẫn không nghe, nằng nặc đòi ngài phải rút thanh kiếm ra khỏi vỏ. Ngài không còn cách nào khác, bèn yêu cầu nhà vua che mắt phải lại, sau đó rút thanh kiếm gỗ ra cho vua xem. Thanh kiếm vừa được rút ra khỏi vỏ thì luồng ánh sáng chói lọi mãnh liệt phát ra từ thanh kiếm làm tròn mắt trái của nhà vua đang chăm chăm nhìn vào nó rơi xuống đất. Nhà vua vô cùng đau đớn, bèn cảm thấy hối hận, tự trách, biết rằng ngài là một vị hành giả đại thành tựu. Nhà vua cùng quần thần vội vàng quỳ mọp xuống đất, cầu sám hối, quy y. Ngài bèn làm phép gia trì khiến cho mắt trái của

nhà vua được bình phục như cũ. Sau việc này, nhà vua khâm phục, hoàn toàn tuân theo những lời chỉ dẫn của ngài. Trong địa hạt cai trị của ngài, dựng cao ngọn cờ Phật giáo, hoàng dương Chánh pháp. Có nhiều truyền thuyết về khoảng thời gian mà ngài ở tại nước của vua Ngũ Sư. Sau đó một thời gian, ngài bèn đi đến chùa Na Lan Đà ở miền trung Ấn Độ.

Sau khi đến chùa Na Lan Đà, ngài bèn xuất gia với ngài Thắng Thiên (Jayadeva), đương thời là vị thượng thủ của năm trăm vị Ban trí đạt (Pandita) trong chùa, được đặt pháp danh là Tịch Thiên (Shantideva). Trong khoảng thời gian ở Na Lan Đà, ngài giấu kín công đức tu chứng của mình, bí mật nghe đức Văn Thù giảng pháp, tinh tiến tu tập thiền quán, và đồng thời tìm hiểu thứ tự tu tập của Bồ tát Đại thừa. Ngài đã sưu tập tinh nghĩa của hơn một trăm bộ kinh luật luận, và đã biên soạn hai bộ sách nhan đề Nhất Thiết Học Xứ Tập Yếu (còn gọi là Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu) và Nhất Thiết Kinh Tập Yếu. Thế nhưng, những người bên ngoài chỉ thấy ngài, ngoài việc ăn uống, ngủ nghỉ, và bài tiết, không quan tâm đến những sự việc gì khác. Mọi người trong chùa đều châm biếm, đặt cho ngài một biệt hiệu là “tam tướng.” Vị tăng tri sự trong chùa, cho rằng Tịch Thiên không đầy đủ công đức tu hành chánh pháp, không đủ tư cách cư trú ở trong chùa, nhưng lại không tìm được lý do chính đáng nào để trục xuất ngài. Sau đó ít lâu, trong chùa tổ chức đại hội tụng kinh, yêu cầu tất cả các tỳ kheo trong chùa phải đọc thuộc lòng các kinh điển mà họ đã học tập. Có một số muốn mượn cơ hội này để làm nhục Tịch Thiên, khiến cho ngài phải tự động ra khỏi chùa, bèn yêu cầu Luận sư Thắng Thiên an bài việc tụng kinh cho Tịch Thiên, ngài bèn đồng ý chấp thuận. Hôm đến phiên ngài tụng kinh, bọn người đó bèn đặt một giảng đài thật cao, nhưng lại không có bậc thang để bước lên. Hội trường chen chúc những người tin tưởng vào tài năng của Tịch Thiên, cùng những người muốn đến xem ngài sẽ dỡ những trò gì. Tịch Thiên không quan tâm đến sự náo nhiệt chung quanh, ung dung bước lên giảng đài (?). Sau

khi lên đài, ngài bèn hỏi đại chúng: “Xin hỏi quý ngài muốn tôi đọc thuộc lòng những kinh điển đã được nghe qua, hay chưa được nghe qua?” Những người đến để xem vui bèn cố ý yêu cầu Tịch Thiên đọc thuộc lòng những kinh điển chưa được nghe qua. Lúc đó, thụy tướng bỗng nhiên xuất hiện, nhiều người trong đại chúng thấy Đức Văn Thù hiện ra trên không trung. và Bồ tát Tịch Thiên, từ trong trí tuệ của ngài lưu xuất, bắt đầu đọc tác phẩm Nhập Bồ Tát Hạnh, khi tụng đến bài kệ 34 của phẩm Trí Tuệ:

Nếu pháp thực, không thực,
Đều không hiện trước tâm,
Lúc đó không tướng khác,
Không duyên, tối tịch diệt.

Thì ngài từ từ bay lên không trung, càng lúc càng cao, đến lúc không còn thấy hình bóng, mà chỉ từ không trung nghe văng vẳng lời tụng của ngài, cho đến khi hết quyển luận mới dứt. Lúc ấy, các vị Ban trí đạt chứng được “Bất vong đà la ni”, mỗi người tự ghi lại phần đã nhớ được. Vị Ban trí đạt của xứ Khắc Thập Mễ La (Kashmir) nhớ được một ngàn bài kệ, vị Ban trí đạt của Đông Ấn nhớ được bảy trăm bài kệ, còn vị Ban trí đạt của Trung Ấn nhớ được một ngàn bài kệ, nhân đây mọi người khởi lên việc tranh luận hoài nghi. Sau đó ít lâu, mọi người nghe được tin Tịch Thiên đang cư ngụ tại tháp Cát Tường Công Đức ở vùng nam Ấn Độ (theo sử liệu của Nepal, tháp Cát Tường Công Đức là tháp của Phật Hương Ngân), liền phái hai vị Ban trí đạt nổi danh đến thỉnh ngài trở về chùa, nhưng ngài đã khéo léo chối từ, hai vị ấy không còn cách nào hơn là yêu cầu ngài xác nhận tụng văn của Nhập Bồ Tát Hạnh, Tịch Thiên bèn xác nhận rằng bản tụng một ngàn bài kệ là chính xác, hơn nữa, còn cho họ biết là trong phòng của ngài tại Na Lan Đà còn để bản thảo của ba bộ Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu, Nhất Thiết Kinh Tập Yếu và Nhập Bồ

Tát Hạnh, và từ đó Nhập Bồ Tát Hạnh đã dần dần được truyền bá rộng rãi tại Ấn Độ.

Khi Tịch Thiên đến tháp Cát Tường Công Đức, trong một khu rừng sầm uất. Chung quanh cũng có năm trăm tỷ kheo đang cư trú. Ngài bèn dựng một cái am tranh để tạm cư. Trong rừng có rất nhiều dã thú sống chung với các vị tu hành một cách hòa mục. Các tỷ kheo thường thường trông thấy từng đoàn thú rừng đi vào am của Tịch Thiên, tuy đó là một sự kiện rất bình thường, thế nhưng một vài người trong bọn họ lại cảm thấy rất dị thường. Bọn họ theo dõi sự tình, thì phát giác rằng những con thú đi vào am của Tịch Thiên đều không thấy trở ra. Bọn họ đến lén nhìn vào am của ngài, thì thấy ngài đang nhai ngấu nghiến những miếng thịt to. Các vị tỷ kheo suy đoán là Tịch Thiên đang phạm tội sát sinh, bèn đánh bằng tập hợp toàn thể các tỷ kheo sống trong rừng, chuẩn bị tuyên bố việc phá giới ác hạnh của ngài, và dự định sau đó sẽ trục xuất ngài ra khỏi rừng. Đang lúc bọn họ đang tập hợp thương nghị, thì những con thú rừng đã bị “mất tích” từ lâu, đột nhiên từ trong am của Tịch Thiên đi ra. Điều đáng kinh ngạc là các vị tỷ kheo sống lâu năm trong rừng phát giác rằng những con thú đó, hiện nay thần khí sung túc, thân thể lại tráng kiện hơn xưa. Sau khi chứng kiến được kiện kinh dị này, mọi người đều sinh khởi lòng tin tha thiết đối với đối với ngài. Thế nhưng, vì không muốn mọi người biết chơn tướng của mình, Tịch Thiên đã từ chối lời cầu thỉnh của đại chúng lưu giữ ngài ở lại, và sau đó du hành về phương nam. Từ đó, ngài ăn mặc lam lũ, đi nhặt những thực phẩm phế thải để ăn, một mặt tu tập mật hạnh “ô thô ma.” Vị vua vùng đó tên là Ca Đế Tỳ Xá Lê. Một tỷ nữ của vua có một lần làm đổ một chậu nước tắm. Những giọt nước vấy vào thân ngài Tịch Thiên giống như bị chạm vào sắt nóng, đều bốc thành hơi. Nàng tỷ nữ thấy sự việc đó, còn đang hoảng kinh, thì ngài Tịch Thiên đã biến mất.

Lúc đó, có một ngoại đạo nổi danh tên là Hương Ca Đắc Ngõa tâu với nhà vua: “Hai ngày sau, chúng tôi sẽ vẽ Đàn

thành của Đại tự tại thiên trên không trung, nếu như các tín đồ Phật giáo không thể hủy hoại Đàn thành này, thì chúng tôi sẽ thiêu hủy kinh, tượng Phật giáo, v.v..., và hơn nữa, các tín đồ Phật giáo cũng sẽ bị cưỡng bức gia nhập vào đạo của chúng tôi.” Nhà vua là một tín đồ Phật giáo, nghe xong bèn triệu tập tăng chúng, loan báo về việc ngoại đạo khiêu chiến, thế nhưng, trong tăng chúng không có người nào dám quả quyết là có thể phá hủy Đàn thành. Nhà vua thấy sự tình như thế, cảm thấy rất lo lắng. Lúc đó, nàng tỳ nữ bèn tâu với vua về vị đạo sĩ kỳ dị mà mình đã gặp, nhà vua bèn ra lệnh phải cấp tốc đi tìm vị đạo sĩ ấy. Nàng tỳ nữ đi khắp nơi, rốt cuộc tìm thấy Tịch Thiên đang ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây ngoài đồng vắng, nàng liền đem lời của vua thỉnh cầu hàng phục bọn ngoại đạo bạch lại với ngài. Tịch Thiên nghe xong bèn nhận lời, bảo nàng ấy hôm đó phải chuẩn bị sẵn một bình nước lớn, hai tấm vải và một mối lửa. Sáng sớm ngày thứ ba, bọn ngoại đạo bắt đầu dùng đất màu để vẽ Đàn thành của Đại tự tại thiên trên không trung. Vừa vẽ xong cửa đông của Đàn thành, thì ngài Tịch Thiên nhập Phong du già định, hiển thị thần thông, tức thời có một cơn mưa bão dữ dội kéo đến, trong khoảnh khắc, phần Đàn thành mà bọn ngoại đạo vừa vẽ trên không trung bị phá hủy không còn một dấu vết. Bọn ngoại đạo đang run rẩy vì sợ hãi cũng bị gió cuốn lên không trung, giống như lá rụng, bay đi bốn phía. Khi đó trời đất u ám, ngài Tịch Thiên phóng ánh sáng từ chạng giữa lông mày, chiếu sáng nhà vua, hoàng hậu và mọi người. Trong cơn mưa tầm tã, áo quần của mọi người đều ướt sũng. Lúc ấy, nàng tỳ nữ bèn đem bình nước đã chuẩn bị trước cho mọi người tẩy rửa, sau đó lại đem hai tấm vải khoát lên người của vua và hoàng hậu, rồi dùng mối lửa đốt lên một đồng lửa lớn để mọi người sưởi ấm. Ai nấy đều cảm thấy rất hân hoan vì đã hàng phục được bọn ngoại đạo. Sau đó, nhà vua ra lệnh thiêu hủy tất cả đền thờ của bọn ngoại đạo, và tất cả bọn họ đều quy y Phật pháp. Vùng đất mà Tịch Thiên

hàng phục bọn ngoại đạo, cho đến hiện tại, được gọi là vùng “Ngoại đạo thất bại.”

Kể đến, Tịch Thiên du hành đến xứ Mạn Ca Đạt ở miền đông Ấn Độ. Tại đó ngài đã từng tranh biện với bọn ngoại đạo, và đã hiển thị thần thông chiết phục bọn chúng.

Tại vùng phía tây cách Mạn Ca Đạt không xa, có năm trăm ngoại đạo tà kiến nổi danh cư trú. Lúc đó nạn đói đang hoành hành, bọn họ không tìm ra được thức ăn, đang bị sự đói khát dày vò khổ sở, không còn phương cách nào khác, bọn họ bèn thương nghị rằng nếu người nào có thể giải quyết vấn đề ẩm thực thì sẽ tôn người đó lên làm thủ lãnh. Ngài Tịch Thiên biết được, liền vào trong thành xin được một bát cơm, sau khi làm pháp gia trì, bèn đem đến cho bọn họ ăn uống no nê mà cơm vẫn còn chưa hết. Nhân đây, họ bèn tôn ngài lên làm thủ lãnh. Ngài đem Phật pháp giảng giải cho bọn họ nghe, khiến bọn họ vứt bỏ tà kiến, quy y Phật pháp, sau đó tất cả đều trở thành những nhà tu chân chánh.

Lại có một thời kỳ, có một vùng tại Ấn Độ, mùa màng bị thất thu, bị nạn đói rất trầm trọng. Trong vùng có hơn một ngàn người ăn mày không còn cách nào để xin được thực phẩm, bọn họ chỉ còn có cách bó tay chờ chết. Đang lúc mọi người trong tình trạng thoi thóp, ngài Tịch Thiên bèn dùng thần thông khiến mọi người trong nhóm đều được ăn uống no đủ, sau đó ngài giảng pháp cho họ nghe về nhân quả, luân hồi, ngũ giới, thập thiện, v.v..., dẫn họ tiến nhập vào Phật pháp.

Trên đây là những mẫu chuyện nhỏ về Bồ tát Tịch Thiên, người mà trong cuộc đời mình đã từng đem đến cho Phật pháp và chúng sinh bao nhiêu sự lợi ích. Cho đến ngày hôm nay, những kẻ có diễm phúc đọc được bộ luận này, nếu theo đó mà suy tư, tu tập, chắc chắn cũng sẽ tìm được ở đây một niềm vui bao la bất tuyệt.

Dẫn nhập

Thích Như Thạch

Nói một cách tổng quát, nội dung của Nhập Bồ Tát Hạnh là muốn chỉ rõ thứ lớp tu tập pháp môn Đại thừa: Thế nào phát tâm Bồ đề và tu tập Bồ tát hạnh. Toàn bộ luận phân làm mười phẩm. Phẩm thứ nhất Lợi ích của tâm Bồ đề, khuyến khích chúng sinh phát tâm Bồ đề chân thực. Phẩm thứ hai Sám hối tội chướng, tu tùy hỷ, khuyến thỉnh, và hồi hướng phước đức rộng lớn. Phẩm thứ ba Thọ trì tâm Bồ đề, phát khởi tâm Bồ đề nguyện cùng thọ giới Bồ tát. Phẩm thứ tư Không phóng dật, tu tập không phóng dật, hầu tránh vi phạm Bồ tát học xứ. Phẩm thứ năm Hộ trì chánh tri, chỉ dẫn thế nào để thủ hộ (giữ gìn) Bồ Tát học xứ. Phẩm thứ sáu Nhẫn nhục, dạy tu nhẫn nhục để trừ khử tâm lý chướng ngại trong sự tu tập Bồ tát hạnh. Phẩm thứ bảy Tinh tiến, vì muốn được tăng trưởng Bồ tát hạnh, phải tinh cần tu tập. Phẩm thứ tám Thiền định, trước tiên tu tĩnh lực để đối trị hôn trầm, tán loạn (đặc biệt quả trách sự tham dục). Sau đó tiến thêm một bước tu tập pháp môn tự tha hoá (trao đổi ta và người), để tăng trưởng tâm Bồ đề thế tục. Phẩm thứ chín Trí tuệ, vì muốn thông đạt thực tướng của chư pháp, dẫn đến tâm Bồ đề thắng nghĩa, hầu có thể đoạn trừ phiền não, nên phải có trí tuệ. Phẩm thứ mười Hồi hướng, đem tất cả công đức của nghiệp lành hồi hướng đến tất cả chúng sinh.

Phần trên là đại ý nội dung của bộ luận này. Nếu qui nạp lại, có thể chia làm bốn phần:

(1) Ba phẩm đầu là tông chỉ chủ yếu, đối với chúng sinh chưa phát tâm, dẫn phát thế tục tâm Bồ đề nguyện và tâm Bồ đề hành.

(2) Ba phẩm Không phóng dật, Hộ trì chánh tri, Nhẫn nhục, chỉ dẫn, khuyến khích thế nào thủ hộ tâm Bồ đề cùng

nghiêm trì giới Bồ tát, không để cho ngoại duyên làm ô nhiễm, thoái thất.

(3) Ba phẩm Tinh tiến, Tịch lự, Trí tuệ, một mặt giúp hành giả tăng tiến tâm Bồ đề thế tục, một mặt dẫn hành giả đến sự phát sinh tâm Bồ đề thắng nghĩa, thuần tịnh không nhiễm. Cùng y vào đây thực hành xuất thế gian Ba la mật, tăng trưởng phúc tuệ tư lương, tăng tiến cho đến lúc thành Phật.

(4) Cuối cùng là phẩm Hồi hướng, hồi hướng phát nguyện, và đây cũng là một phương cách tăng trưởng vô tận phước đức.

Nếu từ một khía cạnh khác, theo quan điểm của chính ngài Tịch Thiên trong Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu, có thể giải thích như sau:

(1) Tông chỉ chủ yếu của ba phẩm đầu là muốn dẫn phát một loại ý nguyện tối thù thắng. Nguyện đem thân thể, tài sản, thiện căn của mình, hoàn toàn bố thí cho tất cả chúng sinh. Hơn nữa, bắt đầu chân thành tu tập hạnh Bồ tát.

(2) Ba phẩm Không phóng dật, v.v..., chủ yếu muốn nói đến trong quá trình tu học, làm thế nào để thủ hộ thân thể, tài sản, thiện căn của mình để thuận tiện cho việc lợi ích chúng sinh.

(3) Bốn phẩm cuối là muốn chỉ đạo hành giả, sau khi thủ hộ thân thể, tài sản v.v... , làm thế nào tiến thêm một bước nữa trong công việc tịnh hóa cùng tăng trưởng.

Nói một cách tổng quát, nội dung chủ yếu của Nhập Bồ Tát Hạnh là chỉ dẫn hành giả, trong quá trình tu học hạnh Bồ tát, làm thế nào tu tập lục độ vạn hạnh, để thuận tiện dùng những phương thức bố thí, hộ trì, tịnh hóa cùng tăng

trưởng thân thể, tài sản, thiện căn, v.v..., trong việc tế độ chúng sinh. Ngài Tịch Thiên trong Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu, phẩm *Tập học bố thí*, có nói: "Đem thân thể, tài vật cùng thiện căn, hoàn toàn bố thí cho tất cả hữu tình. Hơn nữa, phải hộ trì, tịnh hoá cùng tăng trưởng chúng. Đây là yếu lĩnh của học xứ Bồ Tát." Tại cuối phẩm đó, ngài Tịch Thiên dẫn Kinh Bảo Vân để kết luận như sau: "Thí xả là Bồ Đề của Bồ Tát."

Nhập Bồ Tát Hạnh, phẩm thứ ba, kệ 10 và 11, cũng nói: "Vì muốn thành tựu sự lợi ích của tất cả hữu tình, con bố thí thân mệnh ta không chút luyến tiếc. Bố thí tất cả tài sản cùng thiện căn phước đức. Nếu có thể từ đáy lòng thí xả tất cả thân thể, tài sản, thiện căn, con sẽ vượt qua tất cả khổ, thành tựu Niết bàn."

Do đây, có thể thấy được ngài Tịch Thiên rất chú trọng đến sự tu tập bố thí. Từ cái nhìn của ngài, chữ Xả là tổng trì trong sự hành trì của cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Hành giả Tiểu thừa, do xả ly tất cả sự tham luyến đối với tam giới mà chứng được sự diệu lạc của Niết bàn. Hành giả Đại thừa, lại tiến thêm một bước, xả bỏ luôn sự diệu lạc của Niết bàn, đặt tới cái gọi là "Trí không trụ ba cõi, Bi không trụ Niết Bàn", chính là cảnh giới vô trụ của Vô thượng Bồ đề.

Chính do ngài Tịch Thiên nghĩ rằng tu bố thí là trọng yếu nhất trong quá trình tu học Bồ tát hạnh, vì thế ngài không lập riêng một phẩm Bố thí, mà đem quan niệm "thí xả tất cả" vào trong tất cả các phẩm khác. Nhân đây, trong mỗi phẩm của Nhập Bồ Tát Hạnh, có thể thấy rõ ý nghĩa của sự "thí xả tất cả" này.

Sách tham khảo

Tiếng Anh:

[Batchelor] Batchelor, Stephen: A guide to Bodhisattva's Way of Life, Library of Tibetan Works and Archives, Dharamsala, 1979, reprint 1998.

[Berzin] Berzin, Alexander: Engaging in Bodhisattva Behavior, 2004, Nguồn: <http://www.buddhistische-gesellschaft-berlin.de/downloads/bca.pdf>.

[Brassard] Brassard, Francis: The Concept of Bodhicitta in Santideva's Bodhicaryavatara, SUNY Press. 2000.

[Crosby] Crosby, Kate and Andrew Skilton: The Bodhicaryavatara, Oxford University Press, Oxford, 1995.

[Elliott] Elliott, Neil: Guide to the Bodhisattva's Way of Life, Tharpa Publication, Glen Spey, NY 2002.

[Behold] Geshe Kelsang Gyatso: Meaningful to Behold, Tharpa Publication, London, 1998.

[Cultivating] Gyatso, Ven. Lobsang: Boddhicitta, Cultivating the Compassionate Mind of Enlightenment, Snow Lion Publication, New York, 1997.

[Engaging] Kalsang Gyaltsen and Ani Chodron: Engaging in the Conduct of the Bodhisattvas, The Yeshe Dorje Foundation, New York, NY, 2006.

[Comment] Kalsang Gyaltsen and Ani Chodron: A Commentary on Shantideva's Engaging in the Conduct of the Bodhisattvas Written by Sazang Mati Panchen, The Yeshe Dorje Foundation, New York, NY, 2006.

[Matics] Matics, Marion L. : Entering the Path of Enlightenment, George Allen & Unwin, Ltd, London, 1971.

[Padma] Padmakara Translation Group: The Way of the Bodhisattva, Shambala Publication, Boston, 1997.

[Sweet] Sweet, Micheal: Santideva and the Madhyamika: The Prajnaparamita Pariccheda of the Bodhicaryavatara, Ph.D Dissertation, Univ. of Wisconsin, 1977.

[Flash] The Dalai Lama: The Flash of Lightning in the Dark of the Night, Shambala Publication, Boston, 1994.

[Wisdom] The Dalai Lama: Transcendental Wisdom, Ed. By B. Wallace, Snow Lion Publication, Ithaca, NY, 1994.

[Wallace] Wallace, V. and Wallace B. : A Guide to Bodhi sattva's Way of Life, Snow Lion Publication, Ithaca, NY, 1997.

Tiếng Hán:

[Diễn Nghĩa] Thích Như Thạch (Trần Ngọc Giao): Nhập Bồ Tát Hạnh Diễn Nghĩa (入菩薩行演義), Đệ Thính Văn Hóa, Cao Hùng, Đài Loan, 1997.

[Dịch Chú] Thích Như Thạch: Nhập Bồ Tát Hạnh Dịch Chú (入菩薩行譯註), Đệ Thính Văn Hóa, Cao Hùng, Đài Loan, 1997.

[Đạo Luận] Thích Như Thạch: Nhập Bồ Tát Hành Đạo Luận (入菩薩行導論), Đệ Thính Văn Hóa, Cao Hùng, Đài Loan, 1997.

[Giảng Ký] Nhập Bồ Tát Hành Luận Giảng Ký (入菩薩行論講記), Sách Đạt Cát Kham Bố truyền giảng. Nguồn: <http://blog.xuite.net/zhmajc/sdjkb/4518800>.

[Quảng Giải] Nhập Bồ Tát Hành Luận Quảng Giải (入菩薩行論廣解), Kiệt Thao Đại Sư quảng giải, Long Liên Pháp Sư dịch Hán văn. Nguồn: <http://www.book.bfn.org/article2/1838.htm>.

[Toàn Tập] Tịch Thiên Bồ Tát Toàn Tập (寂天菩薩全集), Phương Quảng Văn Hóa, Đài Bắc, Đài Loan, 1998.

Tiếng Việt:

[Hong Như] Hồng Như: Nhập Bồ Đề Hành Luận, tài liệu trên internet (www.hongnu.org), 2013.

[Nguyên Hiễn] Nguyên Hiễn: Nhập Hạnh Bồ Tát, Hội Phật Học Phổ Minh, 2006.

[Giác Nguyên] Thích Giác Nguyên, Phương Pháp Thực Hành Hạnh Bồ Tát. Nguồn: <https://thuvienhoasen.org/images/file/KGqxp1G0QgQADpz/phuong-thuc-thuc-hanh-hanh-bo-tat.pdf>.

[Trí Hải] Thích Nữ Trí Hải: Nhập Bồ Tát Hạnh, Tịnh Luật Temple, Waller, Texas, 2003.

[Trí Siêu] Thích Trí Siêu: Bồ Tát Hạnh, Thanh Vân, Montreal, Canada.

1. Lợi ích của tâm Bồ đề

(1) Kính lạy mười phương Phật,
Bồ tát, hiền thánh tăng, ...
Nay xin nói sơ lược,
Học xứ của Bồ tát.²

(2) Trong đây không gì mới,
Tôi không rành văn điệu,
Đâu dám nói lợi người,
Soạn luận để tự tu.

(3) [Tôi] nhờ tu pháp thiện,
Nên tăng trưởng niềm tin,
Những người cùng duyên lành,
Nhân đây đều lợi ích.

(4) Thân người khó gặp được,
Đã được, cố tu thiện,
Nếu đời này không tu,
Đời sau khó gặp lại.³

² Học xứ của Bồ tát: tức là những công hạnh Bồ tát cần phải tu tập, bao gồm nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiếp hữu tình giới. Nhiếp luật nghi giới bao quát tất cả giới luật theo ý nghĩa thông thường của nó; nhiếp thiện pháp giới bao quát tất cả việc lành thế gian, xuất thế gian, tức là Thập thiện, Tứ đế, Bát chánh đạo, Lục độ v.v...; còn nhiếp hữu tình giới là sự ứng dụng của hai phần trên, tức là Bồ Tát áp dụng sự tu học của mình vào việc lợi ích chúng sinh.

³ **[Behold]** Thân người được gọi là *nhàn hạ và viên mãn* nếu hội đủ những điều kiện sau: không gặp tám nạn, và đầy đủ

(5) Giống như trời đêm mây,
Phút chốc chớp ánh điện,
Như vậy, nhờ Phật lực,
Người đời sinh tâm thiện.⁴

(6) Tâm thiện thường yếu ớt,
Tâm ác rất hung hăng,
Nếu bỏ tâm Bồ đề,
Làm sao mà diệt ác?⁵

mười điều lành. Tám nạn, tức là nếu gặp tám việc sau đây sẽ chướng ngại sự tu học Phật pháp, (1) địa ngục, (2) ngã quý, (3) súc sinh, (4) châu Bắc cu lô, (5) cõi trời trường thọ, (6) đui, điếc, câm, ngọng, v.v..., (7) trí thể biện thông (thông minh tài trí của thể gian), và (8) sinh trong thời không có Phật. Mười điều lành, có năm điều thuộc cá nhân và năm điều thuộc hoàn cảnh. Năm điều cá nhân là (1) sinh làm người, (2) sinh nơi có Phật pháp hưng thịnh, (3) thân căn đầy đủ, (4) không phạm năm tội nghịch, và (5) tin tưởng Tam bảo. Năm điều thuộc hoàn cảnh là (1) sinh lúc Phật tại thế, (2) sinh khi Phật đang giảng pháp, (3) sinh lúc Chánh pháp đang hưng thịnh, (4) sinh nơi có nhiều chúng sinh tu tập Chánh pháp, và (5) sinh nơi có người hộ trì Chánh pháp.

⁴ Ở đây Phật lực được ví với ánh chớp điện, còn vô minh được ví với sự tối tăm của đêm mây. Nhờ ánh điện, chúng sinh thấy được lối đi trong bóng đêm; cũng thế, nhờ Phật lực chúng sinh tạm thời phát tâm hướng thiện.

⁵ Tâm thiện: **[Crosby]** Tâm nghĩ đến làm việc công đức (An: merit). Công đức có ba loại: do bố thí, do trì giới và do thiền định.

Tâm Bồ đề: **[Behold]** tức là tâm mong cầu thành Phật, hầu cứu độ tất cả chúng sinh.

(7) Phật nhiều kiếp suy tư,
Tâm Bồ đề là nhất,
Chúng sinh nương vào đây,
Được sự vui thù thắng.

(8) Muốn diệt khổ ba cõi,
Cùng những sự bất an,
Muốn hưởng sự an lạc,
Xin đừng bỏ tâm này.

(9) Kẻ tù trong [ngục] sinh tử,
Nếu phát tâm Bồ đề,
Liền được gọi [là] Bồ tát,⁶
Trời người nên cung kính.

(10) Tâm này [là] thuốc luyện kim,
Chuyển thân phiền não này,
Thành thân Phật vô giá,
Xin gìn giữ tâm này.

(11) Phật dùng trí [tuệ] quán xét,

⁶ Bồ tát, còn gọi là Phật tử, tức là kẻ truyền thừa gia nghiệp của đức Như Lai.

“Liền được gọi [là] Bồ tát”: **[Diễn Nghĩa]** Nhập Trung Luận nói: “Tâm Bồ Đề là nhân để thành Phật. **Hỏi:** Tại sao kẻ mới phát tâm Bồ đề lại xứng đáng gọi là Bồ tát? **Đáp:** Chư Phật vì lợi ích tất cả chúng sinh mà phát tâm tu thành Phật. Sau khi thành Phật, lại tiếp tục trong vô lượng thời gian, không gian, làm lợi ích chúng sinh. Nay nếu có người phát tâm Bồ đề, nguyện thành Phật lợi ích chúng sinh, chẳng lẽ kẻ đó không đáng gọi là Bồ tát hay sao?”

Tâm này rất quý báu,
Muốn ra khỏi ba cõi,
Xin giữ vững tâm này.

(12) Việc lành như cây chuối,
Sinh quả [xong], liền chết khô,
Tâm Bồ đề sinh quả,
Không chết lại xanh tốt.⁷

(13) Có kẻ, tuy phạm tội,
Cậy thế [lực], nên không sợ,
Nay có Chỗ cứu vớt,
Sao ta lại không nương?⁸

(14) Tâm này như kiếp lửa,⁹
Diệt tội trong sát na,
Di Lạc bảo Thiện Tài,
Tâm này phước vô lượng.¹⁰

⁷ [Diễn Nghĩa] Hỏi: Nhân lành hữu hạn có thể sinh quả lành vô hạn chăng? Đáp: Không thể. Tất cả nhân lành, nếu không có tâm Bồ đề làm cơ sở, đều chỉ là hữu hạn, do đó chỉ có thể sinh quả lành hữu hạn mà thôi.

⁸ Chỗ cứu vớt: tức là tâm Bồ đề, chúng ta, những chúng sinh đang lưu lạc trong sinh tử tại sao lại không nương tựa?

⁹ Kiếp lửa: lửa ở kiếp hoại, đốt tan đại thiên thế giới đến cõi nhị thiên. (Mỗi đại kiếp được chia làm bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không.)

¹⁰ Xin xem Kinh Hoa Nghiêm, phẩm *Nhập Pháp Giới*. Nay xin trích một đoạn ngắn: “Bồ đề tâm như ruộng tốt, vì có thể sinh trưởng bạch tịnh pháp cho tất cả chúng sinh. Bồ đề tâm như đại địa, vì có thể giữ gìn tất cả thế gian. Bồ đề tâm như

(15) Tóm lược, tâm Bồ đề,
Được phân làm hai loại,
Là tâm Bồ đề nguyện,
Và tâm Bồ đề hành.

(16) Nên biết hai tâm này,
Khác biệt nhau như là:
Người đang dự định đi,
Và người đã dẫn bước.¹¹

(17) Nguyện tâm trong sinh tử,
Tuy sinh quả lành lớn,
Nhưng không bằng Hành tâm

tịnh thủy, vì có thể rửa sạch phiền não như nhớt. Bồ đề tâm như gió lớn, vì vô ngại khắp ở thế gian. Bồ đề tâm như lửa mạnh, vì có thể đốt tiêu củi kiến chấp. Bồ đề tâm như tịnh nhật, vì chiếu khắp tất cả thế gian. Bồ đề tâm như mặt nguyệt sáng, vì những pháp bạch tịnh đều viên mãn. Bồ đề tâm như đèn sáng, vì có thể phóng những pháp quang minh. Bồ đề tâm như mắt sáng, vì thấy khắp tất cả chỗ an nguy. Bồ đề tâm như con đường lớn, vì dẫn vào thành đại trí. Bồ đề tâm như con đường chánh, vì làm cho rời khỏi tà pháp. Bồ đề tâm như cỗ xe lớn, vì có thể chuyên chở chư Bồ Tát. Bồ đề tâm như cửa nẻo, vì khai thị tất cả hạnh Bồ tát. Bồ đề tâm như cung điện, vì an trụ tu tập pháp tam muội...”

¹¹ **[Diễn Nghĩa]** Đầu tiên, đối với hữu tình khởi tâm Đại bi, sau đó từ tâm Đại bi này khởi lên một ý nguyện thuần tịnh: “Vì muốn độ chúng sinh thoát khỏi ba cõi, con quyết định tu hành thành Phật”, đây là Nguyện tâm. Sau khi khởi nguyện tâm bèn tiến thêm một bước, thọ Bồ tát giới, tu tập Lục độ vạn hạnh, đây là Hành tâm.

Tiếp tục tăng phước đức.¹²

(18) Khi nào nguyện độ hết,
Vô biên chư hữu tình,
Lập chí không thoái chuyển,
Thực hiện Hành tâm này.

(19) Từ lúc đó trở đi,
Dù ngủ nghỉ, nhàn hạ,
Tương tục sinh phước đức,
[Số] lượng nhiều như hư không.¹³

¹² **[Diễn Nghĩa]** Đối với lợi ích của Nguyện tâm, Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu nói: “Trong sinh tử luân hồi, tâm Bồ đề nguyện, mặc dù chưa tiến nhập tâm Bồ đề hành, đã có thể sản sinh vô lượng an lạc. Bởi thế không nên xem thường sức mạnh của tâm này.” Kinh Di Lặc Giải Thoát nói: “Thiện nam tử, thí như kim cương, tuy bị đập nát, vẫn còn quý hơn tất cả món trang sức quý báu khác. Không những không mất tên kim cương, mà còn tiêu trừ tất cả sự nghèo khổ. Thiện nam tử, cũng như thế, sinh khởi Kim cương bảo Nhất thiết trí tâm (tâm Bồ đề nguyện), tuy nhiên chưa được thực hành, phước đức đã đủ thắng tất cả Thanh văn, Độc giác. Không những không tổn hoại danh dự của tâm Bồ Đề, mà còn có thể tiêu trừ tất cả khổ não của luân hồi.”

¹³ Ở đây muốn nói đến tiềm lực bất khả tư nghị của tâm Bồ Đề Hành. Khi Bồ Tát phát nguyện thành Phật độ chúng sinh, trong quá trình tu tập lục độ vạn hạnh, tâm Bồ đề hành nảy sinh một lực lượng bất khả tư nghị, đồng hư không giới. Lực lượng của nghiệp lành này tiếp tục tăng trưởng, dù là đôi khi Bồ Tát đang ở trong trạng thái nhàn hạ (vô ký), hoặc ngủ nghỉ. Bởi thế, Bồ Tát dù ở lâu trong sinh tử, vẫn tiếp tục thăng tiến trên bước đường thành Phật độ sinh của mình.

(20) Vì người tin Tiểu thừa,
Phật trong Kinh Thiện Tỷ,
Nói đến sự hợp lý,
Lợi ích của tâm này.¹⁴

(21) Vừa khởi tâm lợi ích,
Mong được trị lành bệnh,
Đau đầu của chúng sinh,
Đã được phước vô tận.¹⁵

(22) Huống chi diệt vô lượng,

¹⁴ [Batchelor] trích một đoạn trong Kinh Thiện Tỷ (Anh: The Question of Subahu, Kinh Đại Bảo Tích, Thiện Tỷ Bồ Tát Hội, thứ 26), như sau: “Nếu hành giả kiên trì trong việc đem lợi ích đến vô lượng hữu tình, thì vô lượng thiện căn phát sinh từ tâm mong cầu sự lợi ích chúng sinh này sẽ tiếp tục tăng trưởng, bất luận là hành giả đang trong trạng thái tỉnh thức hay ngủ nghỉ.”

¹⁵ [Diễn Nghĩa] Đức Bốn Sư, trong một đời quá khứ, đã từng làm một đồng nữ tên Từ, con của một vị trưởng giả. Một hôm, vì quá giận, cô Từ đã lấy chân đạp vào đầu mẹ mình, và vì tội bất hiếu đó nên đã bị đọa địa ngục. Trong địa ngục, cô Từ nhận chịu sự thống khổ khốc liệt, thường bị kiếm lửa bổ vào đầu. Nhưng trong lúc đang thọ khổ, cô thấy có nhiều tội nhân trong địa ngục còn chịu khổ thảm khốc hơn mình. Thốt nhiên lòng thương xót (thiện căn trong quá khứ) nảy sinh, cô bèn phát nguyện rằng: “Nguyện con có thể tiêu trừ được thống khổ của các tội nhân, nếu không, xin đem toàn bộ thống khổ của họ trút vào thân con. Con xin nhận chịu.” Vừa phát xong lời thệ nguyện đó, tất cả tội chướng đều được tiêu trừ. Chẳng bao lâu, cô được sinh lên trời Đâu suất.

Khổ đau cho hữu tình,
Lại khiến họ thành tặc,
Vô lượng chư phước đức.

(23) Mẹ, cha, hay kẻ nào,
Có được tâm như vậy?
Dù tiên, trời cõi Dục,
Phạm thiên cũng không có.¹⁶

(24) Họ chưa từng nghĩ đến,
Giải thoát cho chính mình,
Huống khởi tâm lợi ích,
Giải thoát cho chúng sinh?

(25) Kẻ khác còn chưa từng,
Phát tâm cầu giải thoát,
Người phát tâm Bồ đề,
Quả thật là hiếm có.

¹⁶ **[Diễn Nghĩa]** Trong Trang Nghiêm Đại Thừa Kinh Luận có một bài kệ:

Như Phật tử đem tâm lợi tha,
Trụ thế thành thực chư hữu tình,
Cha mẹ cho đến những bạn bè,
Con cái, người thân đều không thế.

Ngài Thế Thân giải thích như sau: “Ví như người đời lo cho con mình, lo cho cha mẹ mình, lo cho chính mình, Bồ tát thành tặc tất cả chúng sinh, vượt quá ba tâm này, không thể nào so sánh được. Bởi vậy Bồ Tát lo lắng cho chúng sinh, tâm đó thù thắng nhất.”

(26) Tâm Bồ đề trân quý,
Nhân của sự an lạc,
Mưa cam lộ trừ khổ,
Phước đức thật khôn lường.

(27) Chỉ nghĩ lợi chúng sinh,
Phước hơn cúng dường Phật,
Huống chi thường tinh tiến,
Làm lợi lạc hữu tình.¹⁷

(28) Chúng sinh muốn trừ khổ,
Trái lại tăng thêm khổ.
Người ngu tuy cầu vui,
Giết vui như giết [kẻ] thù.¹⁸

¹⁷ **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** Tại sao chỉ nghĩ lợi ích chúng sinh, lại được phước đức hơn cúng dường Phật? **Đáp:** Phật là bậc mà phước đức đã hoàn toàn viên mãn. Ngài không còn tham cầu bất cứ một sự cúng dường nào. Phật thọ nhận sự cúng dường, hoàn toàn là do tâm Đại bi của ngài muốn cho chúng sinh có cơ hội trồng trọt phước đức và thiện căn. Nếu Phật còn sự thiếu thốn hay mong cầu, tức là nguyện Đại bi cứu độ chúng sinh của Phật chưa được viên mãn. Do đây, hành giả muốn lợi ích chúng sinh, chẳng phải là giúp Phật viên thành nguyện Đại bi vô tận hay sao? Vì thế lợi ích chúng sinh, phước đức to hơn đem tài vật cúng dường Phật. Như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: "Trong các sự cúng dường, cúng dường Pháp tối thù thắng. Nghĩa là như thuyết tu hành, nhiếp thọ chúng sinh, thay chúng sinh thọ khổ. Công đức vô lượng của cúng dường tài vật như trên, so với cúng dường Pháp, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, v.v..."

(29) Đối [với] kẻ thiếu niềm vui,
Cuộc sống nhiều khổ não,
Tâm này đem an lạc,
Dứt khổ đau, lại còn.

(30) Diệt ngu si cho họ,
Có [việc] lành nào như vậy,
Có bạn nào tốt hơn,
Có phước nào như thế.

(31) Có kẻ chỉ trả ơn,
Mà còn được tán thán,
Huống chi người chưa nhờ,
Bồ tát tự đến giúp?

(32) Có kẻ tâm bỏn sẻn,
Cho vài người chút cơm,
Để họ qua cơn đói,
Còn được đời ca ngợi.

(33) Huống chi [Bồ tát] thường bố thí,

¹⁸ **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** Tránh khổ tìm vui là tâm lý chung của tất cả chúng sinh. Chúng sinh tự truy cầu khoái lạc, Bồ tát cần gì phải lo nghĩ? **Đáp:** Bởi vì chúng sinh ngu si, thiếu cận, không hiểu rõ nhân quả. Mặt khác, do vì nhiều phiền não tập khí, chỉ biết truy cầu khoái lạc tạm thời, không biết nghĩ đến an lạc trường cửu trong vị lai. Tuy muốn tránh khổ cầu lạc, nhưng vì không tự chủ được, lại tạo rất nhiều nghiệp ác. Kết quả, họ tự hủy diệt cái nhân của sự an lạc, như tàn sát kẻ thù của họ vậy.

Niềm vui của chư Phật,
Đến vô biên hữu tình,
Làm cho họ mãn nguyện.

(34) Kẻ nào khởi ác tâm,
Đối với Bồ tát này,
Phật nói mỗi niệm ác,
Đọa địa ngục một kiếp.¹⁹

(35) Người nào sinh kính tâm,
Được quả lành vô lượng.²⁰
Bồ tát khi gặp nạn,
Tăng phước, không phạm lỗi.²¹

¹⁹ Phật nói nếu có người nào sinh khởi ác tâm đối với Bồ tát, cứ mỗi lần khởi một niệm ác, sẽ bị [quả báo] đọa địa ngục một kiếp.

²⁰ **[Diễn Nghĩa]** Đối với một vị Bồ tát, phước điền to lớn của chúng sinh, nếu như có người sinh tâm sân hận, chắc chắn sẽ nhận chịu vô biên ác báo. Ngược lại, nếu đối Bồ tát sinh tâm kính tín, sẽ được vô lượng quả lành. Quả lành này không những có công năng tiêu diệt được tội bất kính trên, mà còn nhiều hơn thế trăm ngàn vạn lần. Vì sao được như vậy? Vì Bồ tát ôm lòng từ bi, đối kẻ thù địch đến tàn hại mình, không những không sinh tâm báo thù, mà còn tu tập an nhẫn, đem đức báo oán, làm cho kẻ thù tự cảm thấy hổ thẹn, cải đổi. Giả sử Bồ tát không giáo hóa được kẻ thù, cũng không làm cho họ tăng trưởng phiền não, tạo thêm ác nghiệp. Ngược lại, đối với kẻ tin tưởng, kính trọng mình, Bồ tát ân cần giáo hóa, làm cho họ tăng trưởng thiện căn, phước đức, trí tuệ. Nhân đây, kẻ kính tín Bồ tát được quả phước vô lượng, vô biên.

²¹ **[Diễn Nghĩa]** Bồ tát dù gặp chướng nạn to lớn, thân tâm cũng không sinh tội quá, bởi vì chướng nạn không thể nào

(36) Con nay xin kính lạy,
Bậc phát tâm Bồ đề,
Cùng qui y những bậc,
Ban kẻ thù an lạc.²²

tổn hoại Bồ tát được. Ba nghiệp của Bồ tát đã được thanh tịnh, vì thế người khác đối với ngài đều sinh tâm kính trọng, tin tưởng. Lại nữa, do vì Bồ tát tu học tứ nhiếp pháp lợi lạc hữu tình, lại nỗ lực làm cho mọi người hoan hỷ. Nhân đây, lại giúp cho chúng sinh tăng trưởng tâm hoan hỷ, kính trọng và tin tưởng Chánh pháp.

²² **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** Đang lúc Bồ tát sơ học lễ kính mình, thì mình phải làm sao? **Đáp:** Kẻ lễ kính tuy là Bồ tát sơ học, cũng nên coi họ như đức Bổn Sư. Hơn nữa, tuy họ là sơ học, nhưng đã phát tâm Bồ đề, đáng được lễ kính, do đó ta cũng phải nên lễ kính họ. Tuy thế, nếu đem thân lễ kính họ, nhiều khi làm cho kẻ khác khởi tâm gièm pha, lúc đó chỉ đem tâm lễ kính cũng được. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát Bảo Vân, tuy là bậc trưởng bối, ngài vẫn quì mọp kính lễ người mới vào đạo là đồng tử Thiện Tài.

2. Sám hối tội chướng

(1) Mong giữ tâm Bồ đề,
Con xin cúng dường Phật,
Pháp, vi diệu vô nhiễm,
Bồ tát, biển công đức.²³

(2) Hoa tươi, quả thơm ngọt,
Cùng những món thuốc hay,
Vật trân báu thế gian,
Nước trong làm tâm mát.

(3) Núi trân bảo vút cao,
Rừng đẹp màu yên tĩnh,
Cây trời, hoa kỳ diệu,
Cành trĩu đầy quả ngon.

(4) Hương trời diệu thế gian,
Những hàng cây Như ý,
Lúa bắp mọc tự nhiên,
Cùng bao nhiêu bảo ngọc.

²³ **[Diễn Nghĩa]** Ở đây là cúng dường Tam Bảo: Phật, Pháp (vi diệu vô nhiễm), và Bồ Tát Tạng (biển công đức). Cúng dường trong ý nghĩa thù thắng nhất của nó phải hội đủ sáu điều kiện: (1) có ý nguyện thành Phật, (2) muốn lợi ích tất cả hữu tình, (3) cúng vật phải được chưng bày đẹp mắt để người khác sinh tâm hoan hỷ, (4) phải hiểu rằng người cúng, vật cúng và đối tượng được cúng đều là không tịch, (5) tâm tưởng không có phiền não tạp nhiễm, và (6) hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

(5) Hồ sen đầy những hoa,
Tiếng thiên nga vang vọng,
Bàng bạc tít chân trời,
Bao nhiêu vật vô chủ.

(6) Những vật từ tâm tưởng,
Kính dâng Phật Bồ tát,
Cầu các bậc Phước điền,
Thương con mà thọ nhận.

(7) Con bần cùng bạc phước,
Không còn vật nào hơn,
Cúi xin Phật từ bi,
Thương con mà nhận lấy.²⁴

²⁴ **[Diễn Nghĩa]** Trong phẩm này nói về sự cúng dường, trừ hai bài kệ (9), (10) ra, mười chín bài kệ khác, nghĩa là (2)-(7), (11)-(22), toàn đề cập đến sự dùng quán tưởng cúng dường. Tại sao như thế? Có thể dùng ba lý do để giải thích:

(1) Xã hội Ấn Độ ở khoảng thế kỷ thứ tám, thứ chín, sinh hoạt vật chất thiếu thốn, nhất là các vị xuất gia. Trừ ba bộ y ra, thực tế không có tài vật gì để cúng dường Tam bảo.

(2) Tâm lượng của tâm Bồ đề rộng lớn vô lượng, vì thế trước khi phát tâm, trước tiên nên dùng tâm quán vô lượng tài vật cúng dường. Mục đích là làm cho tâm tưởng trở nên quảng đại, trang nghiêm. Đây là điều rất cần thiết cho sự phát tâm Bồ đề sau này.

(3) Tâm Bồ đề là kho phước đức to lớn. Nếu trước không tích tập tư lương, e sợ sau này không thể phát khởi nổi tâm Bồ đề. Giả sử có phát tâm chẳng nữa, cũng khó lòng mà làm cho nó tiếp tục tăng trưởng.

Trên mặt lý luận, dùng quán tưởng tu cúng dường, sở duyên không bị hạn chế, do đó, nếu quán tưởng thành tựu,

(8) Nguyên đem thân tâm này,
Cúng Phật, chư Bồ tát,
Cầu khẩn thương xót con,
Con xin làm nô bộc.²⁵

(9) Các ngài đã nhiếp thọ,
Nguyên không sợ, làm lành,
Bỏ ác, tịnh thân tâm,
Đoạn trừ chư ác nghiệp.²⁶

phước đức này so với sự đem phẩm vật cúng dường, nhiều vô lượng vô biên. Nhưng trên thực tế, vì phàm phu tâm tưởng tán loạn, tu quán khó thành. Do đó, dù có tu quán tưởng cúng dường đi chăng nữa, cũng chẳng qua là phô diễn hình thức mà thôi, không có hiệu quả bao nhiêu. Trái lại, đem phẩm vật cúng dường, tuy là số lượng hữu hạn, khiếm khuyết công năng dẫn sinh tâm lượng quảng đại, lại dễ làm cho tư tưởng nhiễm ô, nhưng lại có công năng là hộ trì Tam bảo, phá hoại được tâm bốn sên, khiến cho chúng sinh tập sự tu học tâm bồ đề. Do đó, trên thực tế, đối với phàm phu, đem tài vật cúng dường Tam bảo, phước đức to hơn tu quán tưởng cúng dường.

²⁵ Nếu một người xuất gia đem trọn cuộc đời mình phục vụ cho lý tưởng, học tập Phật pháp, phục vụ tăng đoàn; đợi đến khi sở học thành tựu, tùy duyên hoằng hóa, lợi ích quần sinh. Nếu được như vậy, tức là đem thân tâm phụng hiến (làm nô bộc) cho Phật pháp. Đối với người tại gia, ý nghĩa cũng tương tự như vậy.

²⁶ Không sợ: Nhờ Tam Bảo nhiếp hộ, con nguyện ở trong sinh tử độ chúng sinh, mà không sợ bất cứ sự khổ não nào nữa (Chí nguyện vĩ đại). **[Diễn Nghĩa]** Suzuki trong Khai Ngộ Độ Nhứt có nói: "Lúc mà chúng ta buông bỏ tự ngã, cũng chính là lúc tha lực hiển hiện." Nếu như một người hoàn

(10) Phòng đẹp huân mùi hương,²⁷

Sàn pha lê óng ánh,
Cột báu màu vui tươi,
Màn trân châu rực rỡ.

(11) Bình tắm nạm ngọc quý,

Chứa đầy nước mát thơm,
Xin tắm Phật Bồ tát,
Véo von hòa tiếng nhạc.

(12) Xin được lau thân ngài,

Bằng khăn thơm mềm dịu,
Sau đó nguyện dâng lên,
Áo đẹp màu tươi mát.

(13) Xin đem gấm lụa trời,

Cùng bao nhiêu vật quý,
Trang nghiêm đức Phổ Hiền,

toàn đem hết thân phụng hiến Tam bảo, không còn một tí hào tướng nghĩ đến chính mình, thì đó chính là lúc họ được sự hộ trì, ân sủng (thương xót) của Tam bảo trong ý nghĩa thuần khiết nhất. Khi mà hành giả đã buông bỏ ngã chấp, tâm tướng không chút kháng cự, lúc đó sự từ bi gia hộ của Tam bảo mới có cơ hội thấm nhuần vào tâm của họ. Còn nếu như tâm hành giả còn chút chấp nê, phản kháng, dù không đáng kể, thì họ khó lòng mà tiếp nhận được uy lực nhiệm màu này. Nói như vậy không có nghĩa là mê tín, mà chính là muốn nói đến đức tin trong bản chất thuần khiết nhất của nó.

²⁷ Sau khi phát nguyện, tiếp tục quán tưởng tắm cho Phật, Bồ tát, v.v...

Văn Thù, Quán Thế Âm.

(14) Nguyện đem nước hương trời,
Ướp lên thân chư Phật,
Sáng đẹp màu hoàng kim,
Mùi thơm lừng ba cõi.

(15) Xin kính dâng chư Phật,
Hoa trời, sen tinh khiết,
Ngan ngát, dịu màu tươi,
Cùng những vòng hoa đẹp.

(16) Lại xin hiến mây trời,
Hương thơm dâng ngào ngạt,
Lại cúng dường thức ngon,
Mùi vị hơn thiên đường.

(17) Xin cúng đèn trân bảo,
Đặt trên đóa sen vàng,
Và trên sàn thơm ngát,
Xin rải đẹp lòng hoa.²⁸

(18) Xin dâng đấng Từ Bi,
Đài các²⁹ tấu nhạc trời,
Lầu cao giăng lưới ngọc,
Bao la như trời mây.

(19) Lại xin cúng chư Phật,

²⁸ Đẹp lòng hoa (Hán: duyệt ý hoa 悅意花).

²⁹ Đài các (臺閣): Nhà cao nhiều tầng. Chỉ sự quyền quý.

Lọng ngọc cán nạm vàng,
Vành lọng thêu trăn bảo,
Nhan sắc màu nghiêm trang.

(20) Con nguyện đem nhạc trời,
Tiếng đẹp lòng êm dịu,
Như mây tan niềm khổ,
Hiển dăng người trần ai.

(21) Xin nguyện hoa trăn ngọc,
Ấm áp như mưa trời,
Rải khắp cúng dường Phật,
Chùa, tháp, cùng Phật tượng.

(22) Xin như đức Văn Thù,
Khi xưa cúng dường Phật,
Con nay nguyện như vậy,
Cúng dường Phật pháp tăng.³⁰

(23) Xin đem hải triều âm,
Tán ca Phật công đức,
Nguyện mây trời âm nhạc,
Dâng hiến đấng Từ Bi.

³⁰ **[Crosby]** Đức Văn Thù, trong một tiền thân của ngài là vua Ambararaja, đã cống hiến thì giờ của mình và tất cả của cải trong nước cúng dường chư Phật, cùng khuyến khích mọi người trong nước cũng đều như vậy. Câu chuyện này được kể trong Kinh Văn Thù Phật Sát Công Đức Trang Nghiêm (Skt: Mañjuśrībuddhakṣetraguṇavyūha Sutra).

(24) Hoá thân như vi trần,
Gập mình, con cúi lạy,
Chư Phật trong ba đời,
Chánh pháp, hiền thánh tăng.

(25) Cúi lạy tháp chư Phật,
Gốc của tâm Bồ đề,
Lạy bậc chân tu hành,
Sư trưởng cùng ân nhân.³¹

(26) Từ nay đến thành Phật,
Xin qui y chư Phật,
Cùng qui y Chánh pháp,
Và Thánh tăng Bồ tát.³²

(27) Trước chư Phật mười phương,
Chư Bồ tát từ bi,
Tâm Bồ đề chan chứa,
Con chấp tay thệ nguyện.

³¹ Tháp, tượng v.v... là trợ duyên căn bản của Tâm Bồ Đề.

³² Tam bảo, đối tượng quy y ở đây bao gồm: Phật, tức là Pháp thân Phật, Báo thân Phật, và Hóa thân Phật, hoặc có thể hiểu là chư Phật mười phương ba đời; Pháp, tức là giáo pháp Đại thừa, bao gồm mười hai thể loại kinh điển Đại thừa; và Tăng, tức là chư Bồ tát mười phương ba đời.

[Diễn Nghĩa] Qui y Tam bảo có ba loại động cơ tâm lý khác nhau: (1) Vì sợ sự khổ trong ba đường ác, muốn cầu Tam Bảo cứu hộ nên qui y. (2) Vì sợ sự khổ luân hồi trong tam giới, muốn cầu giải thoát triệt đế nên qui y. (3) Vì muốn lợi lạc tất cả chúng sinh, muốn tu hành thành Phật nên qui y. Ở đây nói đến qui y là thuộc về loại thứ ba này.

(28) Từ luân hồi đến nay,
Đời này, hoặc đời trước,
Vì u mê làm ác,
Hoặc khuyến người làm ác.

(29) Hoặc [vì] ngu si dẫn dắt,
Thấy việc ác mà vui,
Con nay rõ tội mình,
Trước Phật xin sám hối.

(30) Do vô minh thúc đẩy,
Ba nghiệp³³ tạo thương tổn,
Đến người thân, Tam bảo,
Sư trưởng và chúng sinh.

(31) Do xưa gây nghiệp ác,
Nay thành người lỗi lầm,
Tội lỗi khó thứ tha,
Trước Phật cầu sám hối.

(32) Con có thể mệnh chung,
Trước khi sám [hối] sạch tội,
Làm sao thoát tội này,
Xin mau cứu hộ con!

(33) Tử thần thật khó tin,
Không đợi tội còn, [hoặc] hết,

³³ Ba nghiệp: tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp; hoặc giả, có thể hiểu là ba nghiệp tham, sân và si.

Dù bệnh hay không bệnh,
Khó ỷ lại tuổi trời.

(34) Xưa con không biết rằng,
Khi chết buông tất cả,
Bởi thế vì thân thù,
Gây tạo nhiều ác nghiệp,

(35) Kẻ thù thành hư vô,
Người thân cũng không còn,
Thân con rồi sẽ chết,
Tất cả đều là không.

(36) Cuộc đời là huyễn mộng,
Bất luận sự việc gì,
Gặp xong thành hoại niệm,
Qua rồi không trở lại.

(37) Vả lại trong đời này,
Thân thù đều biệt ly,
Chỉ còn lại ác báo,
Đứng chờ dẫn con đi.

(38) Con vì không hiểu rõ,
Chết đến mau như vậy,
Nên theo tham sân si,
Tạo tác nhiều ác nghiệp.

(39) Ngày tháng không chờ mong,

Tuổi xanh như bụi hồng,³⁴
Thời gian thân tàn lụi,
Đời rồi sẽ là không.

(40) Trên giường trước khi đi,
Họ hàng tuy gần kề,
Lâm chung bao thống khổ,
Oằn oại, nào ai hay?

(41) Tử thần đã đến bên,
Thân bằng nào ích gì,
Chỉ có phước mới cứu,
Mà con nào chịu tu.

(42) Phóng dật con nào hay,
Chết đáng sợ như vầy,
Nên vì thân tạm bỏ,
Tạo những ác nghiệp này.

(43) Như kẻ ra pháp trường,
Phạm tội lòng kinh sợ,
Miệng khô đôi mắt hỏm,
Dáng dấp đầy khổ đau.

(44) Huống hồ khi thần chết,
Hải hùng, đến dẫn đi,
Niềm đau nào ai biết,
Tức tởi trong sầu bi.

³⁴ Bụi hồng: nghĩa là người khách qua đường. Lấy ý ở câu “Bụi hồng leo đẹo đi về chiêm bao” trong Truyện Thúy Kiều.

(45) Ai là kẻ cứu con,
Ra khỏi khổ đêm trường,
Lòng đau, con ngưỡng vọng,
Bốn phương tìm tình thương.

(46) Mà ai nào có hay,
Thất vọng con ưu hoài,
Nếu không người cứu độ,
Mệnh mang trong trần ai.

(47) Lay Phật đấng cứu thế,
Từ bi độ chúng sinh,
Trừ diệt niềm sợ hãi,
Con xin qui y ngài.

(48) Lại qui y Chánh pháp,
Mà Phật đã chứng đắc,
Trừ diệt khổ luân hồi,
Xin qui y Bồ tát.

(49) Run rẩy lòng lo sợ,
Xin thờ phượng Phổ Hiền,
Lại xin đem thân này,
Cúng dường Văn Thù Tôn.

(50) Nức nở mắt lệ nhòa,
Giập đầu con cúi lạy,
Đức Quán Âm từ bi,
Xin thương người ngu muội.

(51) Ngưỡng cầu Hư Không Tạng,
Cùng đức Địa Tạng Vương,
Tất cả chư Bồ tát,
Thương xót cứu hộ con.

(52) Kính lạy Kim Cang Trì,
Chúng ma lòng sân độc,
Chỉ nhìn thấy thân ngài,
Kinh sợ chạy tứ tán.³⁵

(53) Xưa không tuân lời dạy,
Đời này lòng sợ hãi,
Nguyện nhờ qui y này,
Dẹp tan lòng quái ngại.³⁶

(54) Vì trị cơn bệnh thường,
Còn tuân lời thầy thuốc,
Huống trị bệnh tham sân,
Trói buộc từ vô thủy?

(55) Một bệnh sân có thể,
Giết hết Diêm phù đề,

³⁵ Kim Cương Trì (Skt: Vajrapani), còn gọi là Kim Cương Thủ, nghĩa là vị Bồ tát cầm chày Kim Cương. Đây không phải là tên riêng của một vị Bồ Tát, mà là tên chung của các vị hộ pháp Bồ tát cầm chày kim cương. Trong Mật giáo, Kim Cương Thủ còn là tên gọi khác của ngài Phổ Hiền.

³⁶ Quái ngại: tức là chướng ngại, lấy ý ở Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh.

Nhưng thuốc trị bệnh này,
Khấp chốn tìm không thấy,

(56) Mà nay đấng Y vương,
Có phương thuốc trị khổ,
Thấy được mà không tin,
Thật là kẻ đáng trách.

(57) Gặp một nguy hiểm nhỏ,
Còn cẩn thận gìn giữ,
Huống chi vô lượng kiếp
Trong hiểm nạn sinh tử?

(58) Phi lý, nếu nghĩ mình,
Không chết, rồi buông lung,
Thần chết ắt sẽ đến,
Đời này sẽ cáo chung.

(59) Ai ban sự không sợ,
Làm sao thoát được khổ,
Nếu như sẽ phải chết,
Nay sao còn phóng dật?

(60) Giờ đây chẳng còn chi,
Trừ nỗi niềm dĩ vãng,
Bởi vì nhiều tham luyến,
Thường trái lời Phật dạy.

(61) Rồi sẽ bỏ thân này,
Và bạn bè thân thích,

Một mình không định xứ,
Nhọc chi kết thân thù.

(62) Làm sao mà thoát khỏi,
Sự ác gây khổ đau,
Vì thế con quyết tâm,
Ngày đêm nghĩ trừ khổ.

(63) Con vì nhiều vô minh,
Phạm giới do Phật chế,
Hoặc phạm vào tánh tội,
Cùng bao nhiêu tội khác.³⁷

(64) Trước Phật con chấp tay,
Tâm đau, lòng sợ hãi,
Giập đầu con cúi lạy,
Sám hối bao lỗi lầm.

(65) Cầu xin Phật tha thứ,
Tội ác tạo khi xưa,
Đã biết mình không lành,³⁸
Xin nguyện không tái phạm.

³⁷ Giới do Phật chế: còn gọi là giá tội, là giới do Phật chế ra để phòng ngừa sự ky hiem của người đời đối với hàng xuất gia (như đào đất, chặt nhỏ cây cối, v.v...), hoặc tại gia (như uống rượu, v.v...). Tánh tội: là những tội tự nó là ác mà không cần Phật chế (như giết người, tà dâm, v.v...). Ví như trong Ngũ giới, bốn giới đầu là tánh tội, giới uống rượu là giá tội.

³⁸ Đã biết mình khi xưa tạo nhiều nghiệp ác.

3. Thọ trì tâm Bồ đề

(1) Con hân hoan tùy hỷ,
Sự lành diệt tội khổ,
Đem đến cho hữu tình,
Phước báo cùng an lạc.

(2) Tùy hỷ giới định tuệ,
Là nhân của giải thoát,
Tùy hỷ chư hữu tình,
Được thoát khổ luân hồi.

(3) Tùy hỷ quả vị Phật,
Cùng quả vị Bồ tát,³⁹
Tùy hỷ sự phát tâm,
Bao la như biển lớn,
Cùng những hạnh lợi ích,
Đem hữu tình an lạc.⁴⁰

(4) Trước chư Phật mười phương,
Chắp tay lòng khẩn thiết,
Thỉnh ngài chiếu đèn Pháp,
Độ chúng sinh ngu khổ.

(5) Biết Phật muốn nhập diệt,
Liền chắp tay khẩn cầu,

³⁹ Tùy hỷ quả vị Bồ đề của Phật, và cũng tùy hỷ quả vị của chư vị Bồ tát.

⁴⁰ Sự phát tâm bao la như biển lớn: tức là Bồ đề nguyện. Những hạnh lợi ích đem hữu tình an lạc: tức là Bồ đề hạnh.

Xin trụ vô lượng kiếp,
Đừng bỏ thế gian mê [muội].

(6) Từ những việc thiện này,
Tích tập được phước đức,
Nguyện hồi hướng hữu tình,
Tiêu diệt tất cả khổ.

(7) Xin nguyện làm lương y,
Thuốc men, người chăm sóc,
Trị liệu chư hữu tình,
Đến khi hết bệnh khổ.

(8) Nguyện thành [cơn] mưa thức ăn,
Giải trừ bệnh đói khát,
Trong những kiếp tai nạn,⁴¹
Nguyện thành cơn [làm] no lòng.

(9) Xin nguyện thành kho báu,
Cứu vớt kẻ bần cùng,
Nguyện thành vật cần thiết,
Hiện đến trên tay họ.

(10) Vì muốn lợi hữu tình,
Nguyện cho không sên tiếc,
Thân, tiền và vật dụng,

⁴¹ Kiếp tai nạn: Mỗi khi tuổi thọ con người giảm xuống đến mười tuổi sẽ có ba tiểu tai (đói khát, tật dịch và chiến tranh) xuất hiện. Ở đây kiếp tai nạn có thể là muốn nói đến tiểu tai đói khát này.

Những việc lành ba đời.⁴²

(11) Xả hết ắt thoát khổ,
Tâm con [trở] thành Niết bàn,
Nếu đợi chết mới buông [bỏ],
Chi bằng cho [ngay] bây giờ.

(12) Con đã đem thân này,
Hoan hỉ [bố] thí chúng sinh,
Để cho họ mặc tình,
Đánh, giết, hoặc mắng chửi.

(13) Dem thân [con] làm trò vui,
Lãng nhục, hoặc cười nhạo.
Con đã [bố] thí thân này,
Nào còn luyến tiếc gì?⁴³

⁴² **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** Các vị A la hán có sên tiếc thân mạng, tài sản và thiện căn không? **Đáp:** Không. Bỏ sên là một phần của phiền não. Các vị Thanh văn, Duyên giác đã trừ sạch tam độc, đương nhiên không còn sên tiếc thân mạng, tài sản và thiện căn của họ. Tuy vậy, vẫn chưa đủ tư cách gọi là Bồ thí ba la mật của Đại thừa. Nếu muốn tu thành Bồ thí ba la mật, ngoài việc diệt trừ tâm bỏ sên ra, còn phải tích cực sinh khởi ý nguyện hoan hỷ bố thí đến tất cả chúng sinh, và dùng sự tu tập này tăng trưởng thiện căn của mình.

⁴³ **[Diễn Nghĩa]** Hòa thượng Bồ Đại đã từng nói: "Nếu người đánh lão tăng, lão tăng lăn xuống đất. Nếu có người mắng chửi, lão tăng cười ha ha. Họ không phải nhọc sức, lão tăng ít phiền não." **Hỏi:** Để mặc người đánh giết ta, chẳng phải là đi ngược lại tông chỉ của Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu "dù đã bố thí thân mạng, vẫn phải cẩn thận giữ gìn thân này" hay sao? **Đáp:** Không phải vậy. Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu nói giữ gìn, có

(14) Tất cả việc lợi ích,
Xin tận lực thật hành,
Nguyện kẻ thấy thân con,
Đều được nhiều lợi lạc.

(15) Nếu có người thấy con,
Sinh lòng tin, hoặc ghét,
Nguyện cho họ thường được,
Thành tựu nhiều phước lợi.

(16) Nguyện kẻ hủy báng con,
Cùng kẻ làm tổn hại,
Thậm chí làm nhục con,
Đều tăng duyên Bồ đề.

(17) Nguyện con sẽ là kẻ,
Bảo hộ người cô độc,
Dẫn dắt kẻ lữ hành,
Nguyện vì người qua bến,
Làm cầu, bè, thuyền, đò.

(18) Những ai cầu ốc đảo,
Con nguyện làm ốc đảo,
Cần đèn, hóa ra đèn,
Cần giường, xin làm giường,
Những ai cần nô bộc,
Con nguyện làm nô bộc.

nghĩa là không nên để thân thể thọ nhận sự thương tổn một cách vô ý nghĩa.

(19) Nguyên làm bình như ý,
Bùa chú và thuốc linh,
Xin làm cây Mãn nguyện,
Làm bò dâng sữa lành.

(20) Con nguyện được trở thành,
Hư không và tứ đại,⁴⁴
Làm tăng trưởng cuộc sống,
Cho vô lượng hữu tình.

(21) Con nguyện làm nguồn sống,
Cho tất cả hữu tình,
Đầy đầy khắp hư không,
Đến ngày họ thành Phật.⁴⁵

(22) Như chư Phật quá khứ,
Tùng phát tâm Bồ đề,
Đã tuần tự tu tập,
Những giai vị Bồ tát.⁴⁶

⁴⁴ Tứ đại: là bốn nguyên tố đất, nước, gió, lửa.

⁴⁵ **[Diễn Nghĩa]** Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu dẫn Kinh Thánh Vô Tận Ý nói: “Chúng ta đối với bất cứ việc gì, nên vì hữu tình mà siêng năng tận tụy. Nên nghĩ như vậy, ‘Ví như tứ đại, đất nước gió lửa, dùng các phương thức, v.v..., để cho hữu tình hưởng dụng. Như vậy, chúng ta cũng nên đem thân tứ đại này, dùng tất cả phương thức, v.v..., để trưởng dưỡng, thành thực tất cả hữu tình.’ Bồ tát vì hiểu rõ đạo lý như vậy, cho nên nhiều lúc nhận chịu sự thống khổ, vì tưởng nghĩ đến hữu tình nên vẫn nhẫn thọ, không nề hà, chán nản.”

(23) Vì muốn lợi chúng sinh,
Con [cũng] phát tâm Bồ đề,
Xin tuần tự tu học,
Tất cả chư hạnh nguyện.

(24) Người trí siêng giữ gìn,
Tâm Bồ đề thanh tịnh,
Nếu muốn cầu thăng tiến,
Nên ca ngợi phát tâm.⁴⁷

(25) Con nay được phước lớn,
May mắn được thân người,
Lại sinh trong nhà Phật,
Làm con đức Như lai.⁴⁸

(26) Từ đây con phải làm,
Xán lạn gia tộc Phật,
Không được làm ô nhiễm,

⁴⁶ Giai vị của Bồ tát: là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa và Đẳng Giác.

⁴⁷ Người trí, sau phát tâm Bồ đề, thọ giới Bồ tát, kể đến luôn luôn nghĩ tưởng đến sự lợi ích và công đức của tâm Bồ đề, nhân đây mà phát sinh tâm vui mừng, hân diện. Nên tự khuyến khích và khen ngợi chính mình. Đây không phải là sự ngạo mạn, mà chính là giúp cho chúng ta có thêm can đảm, tiếp tục dẫn thân trên đường hành Bồ tát hạnh.

⁴⁸ Con đức Như lai: ở đây chỉ cho những người đã khởi tâm tín giải đối với Tam bảo, hoặc đã phát tâm Bồ đề thế tục, khác với Nhập Trung Luận cho rằng Bồ tát đẳng địa (phát tâm Bồ đề thắng nghĩa) mới được gọi là con của Như lai.

Dòng dõi tôn quý này.

(27) Giống như một kẻ mù,
Trong rác, [lượm] được ngọc quý,
Con thật là điểm phúc,
Phát tâm Bồ đề này.⁴⁹

(28) Tâm Bồ đề tôn quý,
Là cam lộ bất tử,⁵⁰
Núi báu trừ bần cùng,
Thuốc trị tất cả bệnh.

(29) Là trạm nghỉ ngơi cho,
Kẻ lang bạc sinh tử,
Là cầu qua cõi khổ,
Dẫn người khỏi ác thú.

(30) Tâm này là ánh trăng,
Mát mẻ trừ nhiệt não,
Tâm này là mặt trời,
Sáng ngời đẹp ngu si.⁵¹

⁴⁹ Đây là sự chứng thực phần giải thích của bài kệ (24). Tác giả biểu lộ sự mừng rỡ đến độ kinh ngạc, bàng hoàng, như kẻ tìm được một vật quý mà họ chưa từng dám mơ tưởng đến. Hiện nay trong đời mạt pháp, nếu chúng ta có thể chân chính phát được tâm này, cũng nên sinh khởi niềm hoan hỷ như vậy.

⁵⁰ Cam lộ: là một loại thuốc cõi trời, uống vào có thể làm cho sống lâu không chết.

⁵¹ **[Diễn Nghĩa]** Trong bài kệ này, ánh trăng mát mẽ, mặt trời ngời sáng đều là chỉ cho tâm Bồ đề thắng nghĩa. Bởi vì

(31) Là quây sữa Chánh pháp,
Sinh ra Diệu đề hồ.⁵²

(32) Những kẻ đang lang bạc,
Muốn hưởng sự phước lạc,
Tâm này sẽ đem đến,
Tất cả niềm an lạc.

(33) Nay trước Phật Thế tôn,
Dọn tiệc mời khách quý,
Nguyện các ngài hoan hỉ,
Hưởng món ngon thành Phật.⁵³

nếu chỉ y vào tâm Bồ đề thế tục ắt không thể nào đoạn được phiền não chướng và sở tri chướng. Theo kiến giải của phái Ứng Thành, ánh trắng chỉ cho tâm Bồ đề của Bồ tát từ địa thứ nhất đến địa thứ bảy, chỉ có thể trừ được phiền não chướng. Muốn trừ được sở tri chướng, cần phải nhờ đến ánh mặt trời, tức là tâm Bồ đề của địa thứ tám đến địa thứ mười mới thành tựu được.

⁵² Đề hồ: là một món ngon nhất làm từ sữa bò. Diệu đề hồ tượng trưng cho giáo pháp tối thượng của đức Phật.

⁵³ Khách quý, tức là tất cả chúng sinh đang còn chìm ngập trong sinh tử. Món ngon thành Phật: tức là tâm Bồ đề.

4. Không phóng dật

(1) Phật tử đã giữ vững,
Tâm Bồ đề như vậy,
Siêng năng đừng biếng nhác,
Đừng vi phạm học xứ.

(2) Nếu như chưa nghĩ kỹ,
Bốc đồng, chẳng đắn đo,
Tuy đã lập thệ nguyện,
Cũng nên suy xét lại.⁵⁴

(3) Làm sao mà xả được,
Những điều Phật Bồ tát,
Dùng trí tuệ quán sát,
Ta cũng từng suy ngẫm.⁵⁵

⁵⁴ Khi lập thệ nguyện thọ Bồ tát giới, tu Bồ tát hạnh, nếu tâm chưa được chín chắn, cần phải suy nghĩ lại là ta có nên tiếp tục tu hạnh Bồ tát hay không? Nếu cảm thấy chưa đủ tâm chí, lực lượng v.v..., nên tạm thời hoãn lại. Đừng nên bốc đồng phút chốc, sau này nửa chừng không kham nổi lại bỏ cuộc. Nếu thế, sẽ đem lại nhiều quả báo không lành trong đời vị lai. Thành thử, hành giả Đại thừa trước khi hạ quyết định thọ Bồ Tát giới, phải hiểu rõ giới luật Bồ tát, cùng chí hướng và thệ nguyện của người hành Bồ tát hạnh.

⁵⁵ Bởi vì chư Phật và chư Bồ tát đã từng dùng trí tuệ quán sát một cách thâm sâu và đã khẳng định rằng sự phát tâm Bồ đề, thọ Bồ tát giới sẽ đem lại vô lượng phước báo. Hơn nữa, ta cũng đã từng suy ngẫm đắn đo trước khi thọ giới. Phát tâm, thọ giới là một sự lợi ích lớn lao cho ta, tại sao ta lại xả bỏ Bồ tát giới luật (nghĩa là xả bỏ tâm Bồ đề).

(4) Đã nguyện độ chúng sinh,
Mà không siêng tu hành,
Tức là khinh hữu tình,
Đời sau sẽ về đâu?

(5) Nếu phát tâm bố thí,
Dù là ít vật quèn,
Lại sên tiếc không cho,
Kinh nói đọa ngạ quỷ.⁵⁶

⁵⁶ **[Batchelor]** Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ (Skt: Saddharma smṛtyupasthāna Sūtra) nói: “Nếu như không bố thí món vật, dù loại quèn nhất, mà ta đã nghĩ cho (ý nghiệp), sẽ bị đọa ngạ quỷ. Còn nếu như không bố thí món vật ta đã hứa cho (khẩu nghiệp), sẽ bị đọa địa ngục.”

[Diễn Nghĩa] **Hỏi:** “Tại sao hứa cho một vật mọn, sau đó vì bôn sên không cho, lại đọa ngạ quỷ. Nếu vậy, quả báo chẳng phải là cực kỳ tàn khốc hay sao?” **Đáp:** “Thật ra, những vật mọn đó, những người bình thường chắc chắn sẽ không màng đến. Cần đến những vật như vậy, chỉ có những kẻ bần cùng, khổ cực mà thôi. Nay đối với kẻ nghèo khổ như vậy đến xin, đã hứa cho, lại vì keo kiệt mà từ chối không cho. Người như thế chẳng phải một loại cực kỳ keo bẩn hay sao? Hơn nữa, tâm họ hoàn toàn không có một chút từ bi nào đối với chúng sinh bần khổ. Tâm nào cảnh đó, thọ quả báo địa ngục là điều đương nhiên, còn thắc mắc nỗi gì!”

Luận Du Già Sư Địa, phần Bồ Tát Địa, phẩm Giới Ba La Mật, khai thị bốn giới đọa căn bốn nói: “Nếu Bồ Tát có tài vật, giả sử có người nghèo khổ, không nơi nương tựa, đến xin tài vật, nếu Bồ Tát vì keo kiệt, không khởi lòng thương xót bố thí, v.v..., phạm giới đọa thứ hai.” Đã phạm giới trọng căn bốn, hủy hoại Bồ Tát giới thể, như vậy đọa ngạ quỷ là điều đương nhiên.

(6) Huống mời chúng sinh đến,
Buổi tiệc Vô thượng lạc,
Sau đó lừa chúng sinh,
Khó mà sinh cõi lành.⁵⁷

(7) Có người bỏ tâm này,
Tu đắc quả Tiểu thừa,
Nghiệp họ khó nghĩ bàn,
Chỉ có Phật mới biết.⁵⁸

⁵⁷ “Mời chúng sinh đến buổi tiệc Vô thượng lạc”: nghĩa là phát nguyện trước tất cả chúng sinh là sẽ độ họ thành Phật. “Sau đó lừa chúng sinh”: sau đó lại thoái thất tâm nguyện của ta, hứa mà không làm. “Khó mà sinh cõi lành”: Chỉ cần lừa một người, tội báo đã không ít, nay đi lừa tất cả chúng sinh, tội báo như vậy khó mà tưởng tượng được.

⁵⁸ **[Diễn Nghĩa]** Ở đây có một công án về ngài Xá Lợi Phất. Trong quá khứ ngài đã từng phát tâm tu Bồ tát hạnh, chứng đến Lục trụ (Chánh tâm trụ). Sau bị ma thử thách không nhẫn được, nhân đó đã xả bỏ Bồ đề tâm, tu hạnh Tiểu thừa. Trải qua vô lượng kiếp gặp đức Bốn Sư, chứng quả A la hán. **Hỏi:** “Như vậy có mâu thuẫn với bốn luận ‘Sau đó lừa chúng sinh, khó mà sinh cõi lành’ hay không?” **Đáp:** “Ngẫm kỹ, công án của ngài Xá lợi Phất phù hợp với tông chỉ của bốn luận: (1) Xá Lợi Phất thực tâm hành Bồ tát đạo, chưa từng có tâm khinh khi, lừa dối chúng sinh. (2) Dù xả tâm này, ngài vẫn tinh tiến tu hành, không rời Không tánh tuệ và tâm xả ly sinh tử, nhờ đó sau này chứng được Tiểu quả. Kinh có nói ngài đã từng bị đọa ác đạo nhiều kiếp, và trong vô lượng kiếp chỉ có thể sinh trong năm cõi (trừ cõi trời). Điều này cho thấy, ngài không có tâm lừa dối chúng sinh, mà quả báo ngài nhận chịu đã khốc liệt như vậy. Huống chi tu hành lại

(8) Trong tất cả giới đạo,⁵⁹
Tội xả tâm nặng nhất.
Vì xả tâm Bồ đề [là],
[Đánh] mất [sự] lợi lạc hữu tình.

(9) Dù chỉ trong phút giây,
Chướng ngại Bồ tát hạnh,
Vì tổn [hoại] hữu tình lợi,
[Sẽ bị] quả ác đạo vô biên.⁶⁰

(10) [Hủy] hoại niềm vui một người,
Tự thân còn bị tổn [hại],
Hưởng [chi, phá] hủy sự an lạc,
Của tất cả chúng sinh.

(11) Nếu như không quả quyết,
Phát tâm, lại tạo ác,
Lên xuống cõi luân hồi,
Khó mà chứng đạo quả.⁶¹

mang tâm lừa dối, quả báo còn khốc liệt biết đến chừng nào.”

⁵⁹ Giới đạo: phạm giới này có thể đưa hành giả đến sự đạo lạc trong đời sau nên gọi là giới đạo.

⁶⁰ Bài kệ (8), tự mình xả tâm Bồ đề; bài kệ (9), khiến kẻ khác thoái thất tâm Bồ đề. Vì làm tổn hoại sự lợi ích của tất cả chúng sinh, do đó phải nhận chịu vô lượng vô biên quả báo ác.

⁶¹ [Diễn Nghĩa] Hỏi: Xả bỏ tâm Bồ đề, tuy phạm giới đạo, nhưng sau khi đã sám hối, chẳng lẽ không được thọ lại giới Bồ tát hay sao? Đáp: Được. Phạm tội căn bản, sau khi sám

(12) Nay y lời thệ nguyện,
Phải cung kính thật hành,
Nếu mà không nỗ lực,
Nhất định sẽ trầm luân.

(13) Vì lợi ích hữu tình,
Bao nhiêu Phật ra đời,
Nhưng [chúng] ta vì tội lỗi,
Nên không gặp chư Phật.

(14) Nếu không chịu cải ác,
Nhất định sẽ [bị] thăng trầm,
Trong nẻo ác, nhận chịu,
Sự khổ: bệnh, trói, đâm.

(15) Ngày nào mới gặp được,
Chư Phật hiện thế gian,

hối thanh tịnh, có thể thọ lại Bồ tát giới; chẳng qua, sau khi thọ giới, sám hối khiến cho thanh tịnh, so với xưa nay không phạm, giữ gìn giới thể thanh tịnh, có sự khác biệt rất lớn. Luận Du Già Sư Địa, phần Bồ Tát Địa nói: “Bồ tát đối với giới trọng căn bản, tùy phạm một giới, huống phạm tất cả, trong hiện pháp, không thể tăng trưởng nhiếp thọ tư lương Bồ đề rộng lớn, cũng không thể được ý lạc thanh tịnh.” Do đây biết rằng, Bồ tát dù sám hối thanh tịnh, tối đa chỉ có thể tiêu diệt chủng tử ác báo, không bị đọa ác đạo, chứ không thể tiêu trừ sự chướng đạo sau này. Phải trải qua một thời gian lâu dài, nhiều đời nhiều kiếp, mới có thể hoàn toàn khôi phục ngôi vị Bồ tát của mình. Bồ tát sơ học nên cẩn thận điều này, không nên vì sự phóng dật mà tùy tiện phạm giới.

Làm người tin Chánh pháp,
Và biết tu điều lành.

(16) Dù ngày nay không bệnh,
No cơm cùng vui sướng,
Cuộc đời là vô thường,
Thân này như vật mượn.

(17) Nếu mà cứ làm ác,
Khó mà sinh làm người,
Nếu không được thân người,
Làm sao biết tu thiện?

(18) Được nhân duyên tu thiện,
Mà không chịu gắng tu,
Một mai đọa đường ác,
Khi đó phải làm sao?

(19) Đã không biết tu thiện,
Lại còn tạo ác hành,
Trải qua một ức kiếp,
Không nghe tên cõi lành.

(20) Thân người khó gặp được,
Như rùa mù dưới biển,
Trời lên trên mặt nước,
Đầu lọt [vào] bọng cây [đang] trôi.⁶²

⁶² Trong kinh có một công án như sau: "Có một con rùa mù sống dưới đáy biển, cứ một trăm năm trời lên mặt nước một lần. Trên mặt biển có một khúc cây trôi, trên khúc cây có

(21) Sát na tạo tội nặng,
[Bị] đọa địa ngục nhiều kiếp,
Huống chi từ vô thủy,
Trồng hạt giống đọa lạc?

(22) Chỉ thọ ác báo đó,
Vẫn chưa thoát được khổ,
Vì lúc thọ quả báo,
Lại tạo thêm ác nghiệp.

(23) Nay đã được thân người,
Nếu không chịu tu thiện,
Tự khinh không gì hơn.
Ngu si không ai bằng.

(24) Nay đã rõ điều này,
Nếu vì ngu mà [biếng] nhác,
Khi thân này mất đi,
Chắc chịu nhiều thống khổ.

(25) Khi mà lửa địa ngục,
Đốt thân này lâu dài,

một bông cây, to chỉ đủ đầu rùa lọt vào. Rùa mù cứ mỗi trăm năm trồi lên một lần, hy vọng đầu chui vào được bông cây." Cứ tưởng tượng, nếu như vậy đến khi nào mới chui đầu vào được bông cây? Cơ hội gần như tuyệt vọng. Thân người khó được cũng giống như vậy. Bởi thế, truyền thống Phật giáo Tây Tạng rất chú trọng đến điều "thân người khó được" này; hơn nữa, nhất luật khuyến cáo hành giả phải mau phát Bồ đề tâm, tu Bồ tát hạnh ngay, kéo trễ!

Lửa hối hận bùng cháy,
Lòng ta càng khổ đau.

(26) Tắm thân lợi ích này,
Khó được, nay đã được,
Lại thêm đủ trí tuệ,
Nếu bị đọa địa ngục.

(27) Chắc là bị bùa chú,
Làm tâm ta mê hoặc,
Ai làm ta thác loạn,
Ma [quái] nào trong tâm này?

(28) Tham sân si không có,
Tay chân, dũng [cảm], trí tuệ,
Sao có thể sai [khiến] ta,
Như một kẻ nô lệ?

(29) Phiền não trong tâm này,
Tùy tiện tổn hại ta,
Nếu không trừ diệt nó,
Quả thật là đáng trách.⁶³

⁶³ Nếu đối với phiền não mà không khởi tâm sân hận, nghĩa là không coi nó như kẻ thù và tìm cách tiêu diệt nó, mà lại cam chịu để nó sai khiến, làm ta đời đời kiếp kiếp đọa lạc, điều này quả thực là đáng trách. Ở đây nói đến sân hận, không phải là khuyên hành giả khởi tâm phiền não, mà chính là khuyến khích hành giả nên nỗ lực hướng thượng, hướng thiện. Nếu hành giả không khởi được tâm này, chắc sẽ không tìm được động cơ để thăng hoa chính mình.

(30) Dù trời, a tu la,
Cùng đến uy hiếp ta,
Nhưng họ cũng không thể,
Ném ta vào [ngục] Vô gián.

(31) Giặc phiền não hung tợn,
Ném ta vào ngục lửa,
[Núi] Tu di gặp lửa này,
Cháy tan không còn thừa.⁶⁴

(32) Kẻ thù trên thế gian,
Tuổi thọ chỉ có hạn,
Giặc phiền não trong tâm,
Sống lâu không kỳ hạn.

(33) Chiều lòng kẻ thù địch,
[Họ] có thể [làm] lợi cho ta,
Còn tùy thuận phiền não,
Chỉ gặp khổ thương tổn.

(34) Kẻ thù, từ vô thủy,
Ẩn núp trong tâm này,
Chỉ tìm cách hại ta,
Sao [ta] không sợ sinh tử?

(35) Nếu cai tù sinh tử,
Cùng bọn quỷ địa ngục,
Còn ở trong tâm này,

⁶⁴ Lửa địa ngục nóng đến độ núi Tu Di bị nó thiêu đốt sẽ cháy tan không còn tro bụi.

Ta làm sao an lạc?⁶⁵

(36) Nếu chưa diệt [được] phiền não,
Nguyên trọn đời tinh tiến,
Chưa giết sạch vô minh,
Người trí không ngủ yên.

(37) Chiến sĩ trên chiến trường,
Gắng sức diệt quân thù,
Dù biết rằng đối phương,
Sẽ chết vì già bệnh,
Tuy vậy vẫn không màng,
[Sự] khổ bị gươm giáo đâm,
Nếu chưa đạt mục đích,
Cương quyết không trốn chạy.

(38) Huống chi người tinh tiến,
Quyết chí muốn dẹp tan,
Kẻ thù phiền não này,
Nguồn gốc của sự khổ,
Cho nên dù gặp phải,
Trăm vạn sự khổ đau,
Thề quyết chẳng bao giờ,

⁶⁵ Cai tù sinh tử, tức là vô minh, là nguyên nhân chính giam nhốt chúng ta trong ngục sinh tử này; còn bọn quỷ địa ngục tức là phiền não tham, sân, si. Hiện nay, ở trong sinh tử, tức là ở chung với kẻ thù phiền não này. Bọn này ngày đêm tìm đủ mọi cách tàn hại pháp thân tuệ mệnh của chúng ta. Người có trí tuệ lẽ đâu không sợ? Nếu muốn được an vui, phải tìm đủ mọi cách giết sạch kẻ thù này, thoát ly tam giới.

Nhục chí sinh biếng nhác.

(39) Tráng sĩ vì chút lợi,
Ra trận bị thọ thương,
Trở về, khoe vết sẹo,
Nhu được thưởng huân chương,
Ta nay vì lợi lớn,
Tu hành gặng siêng năng,
Tạm thời gặp chút khổ,
Có gì là đau thương.⁶⁶

(40) Bọn đánh cá, đồ tể,
Nông phu, lũ phạm tặc,
Chỉ biết lo thân họ,
Cần cù việc sinh nhai,
Còn nhẫn chịu nóng, lạnh,
Sự nhọc nhằn gian khổ,
Ta vì chúng sinh vui,
Sao lại không nhẫn nhục?

(41) Tuy từng lập thế nguyẹn,
Đến khắp cả mười phương,
Độ chúng sinh thoát khổ,
Thế nhưng chính thân ta,

⁶⁶ **[Diễn Nghĩa]** Trên bước đường tu hành gặp phải những khổ nạn, chung quy, đây là chướng ngại hay là nghịch tăng thượng duyên (tức là những nghịch cảnh làm tăng trưởng sự tiến bộ của ta trên bước đường tu hành), là sự bất lợi hay là sự khích lệ, hoàn toàn là do cái nhìn của hành giả. Đây cũng là phương pháp dùng khổ tu đạo.

Vẫn chưa đoạn phiền não.

(42) Phát nguyện không tự lượng [sức],
Phải chăng ta cuồng ngạo,
Vậy phải diệt phiền não,
Vĩnh viễn không lùi bước.⁶⁷

(43) Nay phải nên quán chiếu,
Phiền não như kẻ thù.
Phải ôm tâm hận này,
Mới mong diệt phiền não.

(44) Chẳng thà bị đốt chết,
Hoặc chịu khổ chặt đầu,
Tâm quyết không khuất phục,
Tùy thuận quỉ phiền não.

(45) Kẻ thù bị đánh đuổi,
Chạy trốn nơi đất người,
Chờ mạnh quay trở lại,
Phiền não không phải thế.⁶⁸

⁶⁷ [Diễn Nghĩa] Kinh nói: “Tự mình chưa được độ mà lo đi độ người, điều này không thể có được.” Do thế, nếu chúng ta không bắt đầu siêng năng đoạn trừ phiền não, thì giống như chúng ta đã đi ngược bốn nguyện của chính ta. Vì vậy, đối với việc tiêu diệt phiền não, chúng ta phải thường tinh tiến tu tập, vĩnh viễn không lùi bước.

⁶⁸ Phiền não một khi bị đoạn trừ, vĩnh viễn sẽ không còn tung tích. Như ánh sáng chiếu đến thì bóng tối sẽ tan đi không còn dấu vết.

(46) Nếu bị tuệ nhãn giết,
Còn ẩn núp nơi nào,
Làm sao quay trở lại,
[Hiện nay] chỉ vì ta biếng nhác.⁶⁹

(47) Phiền não không ở ngoài,
Ở trong, hoặc nơi khác,
Làm sao hại chúng sinh?
Phiền não như huyễn ảo,
Tâm đừng nên sợ hãi,
Người trí phải siêng năng,
Ngu gì [phải chịu] đọa địa ngục,
Chịu thống khổ vô ích.⁷⁰

(48) Nghĩ xong nên tận lực,

⁶⁹ [Batchelor] **Hỏi:** Tôi hiểu rõ phiền não làm hại chúng sinh, nhưng chúng ta có thể nào diệt sạch phiền não hay không? **Đáp:** Có thể. Nếu gốc phiền não bị nhổ, thì tất cả phiền não sẽ bị tiêu diệt; như nhổ gốc cây thì tất cả cành lá sẽ khô héo. Đây cũng giống như thế, nếu nhổ bật gốc phiền não là sự chấp trước thì tất cả phiền não đều bị quét sạch. Vũ khí mà chúng ta cần đến là đôi mắt trí tuệ, tức là sự chứng ngộ Tánh không. Nếu có đôi mắt trí tuệ này, chúng ta sẽ quét sạch được phiền não.

⁷⁰ Đây là dùng trí tuệ quán sát phiền não không có tự tính. Ý nghĩa cũng giống như bài kệ trong Kinh Kim Cương: "Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt nước, ảnh..."

Nếu hiểu rõ phiền não vốn không, thì tự nhiên nó không còn trói buộc ta được nữa. Chúng sinh luân hồi sinh tử, vấn đề là tại chấp trước tất cả đều là thật. Bởi thế hành giả tu hạnh Bồ Tát, phải nhất tâm quán sát chư pháp vô tự tính. Đây là điều thiết yếu.

Viên mãn chư giới hành,
Nếu không nghe [lời] thầy thuốc,
Bệnh tật làm sao lành?⁷¹

⁷¹ Nếu không chịu nghe lời dạy bảo của Phật (thầy thuốc) mà tinh tiến tu hành thì làm sao trị lành cơn bệnh trầm kha sinh tử này?

5. Hộ trì chánh tri

(1) Người muốn giữ [gìn] học xứ,
Phải giữ vững tâm mình,
Nếu không giữ tâm này,
Không thể giữ [gìn] học xứ.

(2) Nếu để tâm buông lung,
Sẽ bị đọa địa ngục,
Trên đời, lũ voi điên,
Cũng không hại [ta] đến thế.

(3) Nếu dùng dây chánh niệm,⁷²
Trói chặt tâm buông lung,
Sợ hãi đều tiêu trừ,
Phước thiện ắt sẽ đến.

(4) Cọp, sư tử, gấu, voi,
Rắn rít, kẻ địch thù,
Cùng bọn quỷ địa ngục,
Ác thần, loài la sát.

(5) Chỉ cần buộc tâm này,
Là nhiếp phục bọn chúng,
Điều phục được tâm này,
Tất cả đều tuân mệnh.⁷³

⁷² Chánh niệm: là sự tỉnh giác, không quên niệm, biết rõ các pháp một cách trọn vẹn, biết rõ những gì phát sinh ngay trong mỗi giây phút hiện tại.

(6) Đức Phật từng dạy rằng,
Tất cả sự sợ hãi,
Và vô lượng thống khổ,
Đều do tâm này sinh.

(7) Ai là kẻ tạo ra,
Những binh khí địa ngục,
Ai làm sàn ngục lửa,
Yêu nữ từ đâu ra?⁷⁴

⁷³ **[Diễn Nghĩa]** **Hỏi:** Tại sao giữ gìn tâm ta lại có thể tiêu trừ sự sợ hãi đối với ngoại cảnh? **Đáp:** Bởi vì tất cả sự sợ hãi đều do tâm phát sinh. Toàn là do sự chấp trước thân tâm, thể giới có thực mà sinh ra. Nếu chúng ta thường thường nghĩ đến Chánh pháp, cùng chiêm nghiệm pháp nghĩa về sự vô thường, vô ngã, ta người bình đẳng, tất cả hữu tình đều như mẹ ta, v.v..., rồi đem pháp nghĩa này điều phục tự tâm, tự nhiên đối với ngoại cảnh không còn tham luyến, vì không tham luyến nên không sợ hãi. Không những không sợ hãi mà còn điều phục, cảm hóa kẻ khác, bất luận là trời, ma, quỷ, súc sinh, làm cho họ quy y tín ngưỡng Phật pháp. Ngược lại, nếu như không khéo điều phục tâm, ta rất dễ sợ hãi, và dễ bị ngoại cảnh xâm hại.

⁷⁴ **[Diễn Nghĩa]** Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: "Nay nói lược về quả báo sát sinh như sau. Chỗ đó (địa ngục) có bánh xe ngàn cãm bằng kim cương, vành bánh xe lửa cháy phừng phực. Tội nhân vừa vào đến, thì những vành xe này liền xuyên qua thân. Chỗ thân bị chạm xúc đều bị cháy tan v.v... Quả báo trộm cắp như sau: ... bị ngục tốt chộp lấy thân, ném vào đồng lửa đang cháy đỏ v.v... Đối với những kẻ tham dục phạm tà dâm: Do nghiệp phát động, nhìn thấy [yêu nữ hiện thành] người nữ mà họ đã từng từng tị đời trước, liền tất tả chạy đến, kết quả bị yêu nữ [bằng sắt] chộp lấy thân thể mà

(8) Phật nói những việc này,
Đều do tâm ác tạo,
Vì thế trong ba cõi,
Không gì ác hơn tâm.

(9) Nếu diệt hết bần cùng,
Mới thành tựu [Bố] thí độ⁷⁵,
[Chư] Phật làm sao thành đạo,
[Trong] khi vẫn còn kẻ nghèo?⁷⁶

(10) Nếu tâm ưa bố thí,
Thân [thể], tài sản, phước đức,
Do đây tròn [Bố] thí độ,
Bố thí chỉ do tâm.⁷⁷

nhai nuốt v.v... Quả báo nói dối như sau: Diêm la, ngục tốt kéo lôi tội nhân bắt nằm bẹp trên sàn lửa (giống như người đòi lấy ví sắt nướng thịt vậy), v.v ..."

⁷⁵ Độ: nghĩa chữ Hán là “qua đến bờ bên kia”, cũng là ý nghĩa của “ba la mật đa.”

⁷⁶ **[Batchelor]** Nếu như phải trừ diệt hết tất cả sự bần cùng của chúng sinh mới có thể viên mãn Bố thí ba la mật, như vậy hiện nay vẫn còn biết bao nhiêu kẻ nghèo đói, chư Phật trong quá khứ làm sao viên mãn được Bố thí ba la mật này?

⁷⁷ **[Diễn Nghĩa]** Tu hành bố thí có thể làm lợi ích, cứu tế chúng sinh đói khát và bệnh khổ, đồng thời làm tăng trưởng công đức. Thật ra, mục đích chánh của sự bố thí là đối trị sự keo kiệt sinh ra từ ngã chấp, và hơn nữa tăng trưởng ý nguyện bố thí. Vì thế chìa khóa chính để viên mãn sự bố thí, không phải là tiêu trừ tất cả sự bần cùng, mà là hành giả có hoàn toàn đoạn trừ được tâm bợn sẻn của mình, và đồng thời có dưỡng thành ý nguyện bố thí hay không? Kinh Vô

(11) Phóng sinh cá về đâu,
Để chúng không bị hại?
Khi đoạn hết ác tâm,
Gọi là tròn Giới độ.

(12) Kẻ ác nhiều vô biên,
Làm sao mà giết hết?
Nếu diệt sạch tâm sân,
Cũng giống như giết thù.

(13) Làm sao đủ da bò,
Để lột hết mặt đất,
Da chỉ đủ lột giày,
Đồng như lột đại địa.⁷⁸

Tận Ý nói: “Bồ thí ba la mật là gì? Là tâm xả tất cả tài vật và phước báo, bồ thí cho kẻ khác.” Do đây biết rằng Bồ thí ba la mật là hoàn toàn y vào sự chuyển biến của tâm. Lý luận trên có thể áp dụng vào Giới ba la mật (Kệ 11) và Nhẫn nhục ba la mật (Kệ 13, 14).

⁷⁸ Đây là một câu truyện trong Kinh. Có một vị vua thấy lãnh thổ của mình nhiều sỏi đá gập ghềnh, bèn ra lệnh quần thần phải tìm da bò lột hết mặt đất ở trong nước để cho dân chúng đi lại dễ dàng mà không bị sỏi đá làm thương tổn. Một vị đại thần mưu trí tâu rằng: “Mệnh lệnh nhà vua không thể nào thi hành được, bởi vì không thể tìm đủ da bò để lột hết mặt đất. Chỉ có cách hay nhất là cắt da bò vừa đủ bọc vào hai chân, thì đi đến đâu cũng giống như mặt đất chỗ đó được lột da bò vậy.” Nhà vua cho là hợp lý, bèn ra lệnh cho nhân dân lấy da bò làm giày mà mang. Bài kệ này làm ví dụ dẫn khởi bài kệ (14).

(14) Như vậy không thể nào,
Chế phục hết kẻ thù,
Chỉ cần điều phục tâm,
Đâu cần chế [phục] kẻ khác.

(15) Khởi một niệm minh định,⁷⁹
Đủ sinh lên Phạm Thiên,
Thân, khẩu dù tu thiện,
Tâm yếu ớt khó thành.⁸⁰

(16) Tuy tụng niệm nhiều năm,
Lại tu chư khổ hạnh,
Nếu tâm thường tán loạn,
Phật nói tu vô ích.

(17) Nếu không rõ tâm này,
Là tạng Pháp thâm sâu,
Cầu vui, hoặc tránh khổ,
Trôi dạt vô ý nghĩa.⁸¹

⁷⁹ Minh định: Một trạng thái thiền định mà sau khi trừ bỏ sự hôn trầm, tán loạn, thân tâm đạt đến trạng thái bình đẳng, an hòa.

⁸⁰ Tâm yếu ớt: tức là tâm thường hôn trầm, tán loạn.

⁸¹ “Cầu vui”, có thể hiểu là những kẻ phạm phu tu pháp lành để cầu lên cõi trời hưởng sự vui sướng. “Tránh khổ”, có thể hiểu là các bậc Tiểu thừa, tu tập thiền định cầu chứng Niết bàn, để mau ra khỏi cõi khổ luân hồi.

[Crosby] Tâm thâm sâu, tức Bồ đề tâm, không thể nào cảm nhận được bởi những người phạm tục (nghĩa là những kẻ không theo đuổi lý tưởng giải thoát). Tâm chứa

(18) Nên phải khéo giữ vững,
Bảo hộ đạo tâm này,
Ngoài giới “giữ tâm” này,
Nhọc gì giữ giới khác.⁸²

(19) Trong đám đông hỗn loạn,
Cẩn thận che vết thương,
Thân giữa lũ người ác,
Phải gìn giữ tâm mình.⁸³

(20) Vì sợ vết thương đau,
Còn cẩn thận giữ gìn,
Nếu sợ ngục Núi ép,
Sao không giữ tâm này.⁸⁴

đựng tất cả pháp với ý nghĩa là tất cả hiện tượng không thể rời tâm, v.v... (Đây là lập trường của phái Duy thức).

[Batchelor] Sự thâm sâu bí mật của tâm, sự nhận thức trọng đại nhất là “chư pháp tự tánh không.” (Đây là lập trường của phái Trung quán).

⁸² “Ngoài giới ‘giữ tâm’ này, nhọc gì giữ giới khác”: Khi đã giữ vững được tâm này như như bất động, không còn bị ngoại cảnh làm phiền não, lúc đó không cần giới khác. Nhưng nếu như chưa đến trình độ này, vẫn phải cẩn thận trì giới, không được phóng dật. Hai câu này tương tự với hai câu “tâm đã bình đẳng thì nhọc gì phải trì giới, hạnh đã chánh trực thì cần gì phải tham thiền” trong Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn.

⁸³ Cần phải cẩn thận giữ gìn tâm mình, không cho phiền não trở dậy.

⁸⁴ Ngục Núi ép: Vãng Sinh Yếu Tập của ngài Nguyên Tín nói: “Ngục Núi ép còn gọi là địa ngục Chúng hợp. Ngục này ở phía dưới địa ngục Hắc thẳng (Dây đen), có nhiều núi sắt. Cứ hai

(21) Nếu giữ được như thế,
Dù trong lũ người ác,
Hay giữa vòng gái đẹp,
Giữ giới không thoái chuyển.

(22) Chẳng thà mất lợi dưỡng,
Danh dự, hoặc thân mệnh,
Hoặc thà mất phước thiện,
Quyết không hoại tâm này.

(23) Chắp tay xin khuyến thỉnh,
Người muốn giữ tâm mình,
Tận lực thường giữ gìn,
Chánh niệm và chánh tri.⁸⁵

quả núi, hai quả núi đứng đối nhau. Bọn đầu trâu mặt ngựa tay cầm binh khí xua đuổi tội nhân chạy vào khoảng giữa của hai quả núi. Lúc đó hai quả núi tự nhiên ép chặt lại, làm thân thể của tội nhân bị ép nát, máu mủ bầy nhầy tung toé trên mặt đất; hoặc núi sập từ trên không rớt lên đầu tội nhân, ép thân thể thành bùn; hoặc đặt tội nhân lên mặt đá, lấy núi giập xuống, hoặc bỏ tội nhân vào cối sắt, lấy chày mà giã. Bọn ác quỷ cùng sư tử sắt, cọp sắt, chim ưng sắt, v.v..., xúm đến mà ăn, v.v..."

⁸⁵ Chánh niệm (Anh: mindfulness): tức là nhận biết, lưu tâm và chú ý đến: (1) hoạt động của thân thể, (2) cảm giác, (3) hoạt động của tâm, (4) hoạt động của các pháp như tư tưởng, ý niệm, v.v..., tức là bốn pháp thân, thọ, tâm và pháp.

Chánh tri (Anh: awareness): **[Diễn Nghĩa]** Trong phẩm này, kệ 108, ngài Tịch Thiên đã từng định nghĩa chánh tri một cách rõ ràng như sau: "Thường cẩn thận quán sát tình trạng của thân tâm." Có thể thấy rằng chánh tri là một

(24) Giống như người bị bệnh,
Không có sức làm việc,
Nếu vô minh loạn tâm,
Không sức thành [tự] nghiệp lành.

(25) Người tâm không chánh tri,
Tu được văn, tư, tu,
Như nước trong bình nứt,
Khó trụ trong chánh niệm.⁸⁶

(26) Tín tâm, nhiều học vấn,
Lại thường siêng tu tập,
Chỉ vì không chánh tri,
Ô nhiễm phạm tội đọa.⁸⁷

sự thấy rõ (minh giác), hoặc nhận biết những trạng thái vi tế của thân tâm ta một cách rõ ràng. Đây là một loại nhận thức tức khắc hiện tiền, mà không phải, như một số người lầm tưởng là tri kiến chính xác. Tương phản của chánh tri là bất chánh tri, nghĩa là một trạng thái tâm lý không chú ý, hoặc nhận biết hiện tại một cách không rõ ràng.

⁸⁶ “Khó trụ trong chánh niệm”: Câu này là dịch từ bản chữ Hán, nhưng **[Batchelor]** và **[Crosby]** không dùng chữ chánh niệm (mindfulness) mà dùng chữ ký ức (memory), nghĩa là hành giả không giữ được những điều đã tu học được trong ký ức của mình. Còn **[Behold]** giải thích là: “Tâm thiếu chánh niệm và chánh tri.” Từ những đoạn văn trên, bài kệ này có thể giải thích là: “Người mà tâm không trụ trong chánh niệm và chánh tri, thì những thành quả tu tập được từ văn tư tu sẽ thất thoát như nước đựng trong bình nứt.”

⁸⁷ Bài kệ này nói đến sự trọng yếu của chánh niệm và chánh tri. Kệ tuy chỉ nói chánh tri, kỳ thực đã bao hàm chánh niệm.

(27) Bọn giặc “bất chánh tri”,
Theo sau “mất chánh niệm”,
Trộm phước đức đã tu,
Làm cho đọa ác thú.

(28) Bọn giặc phiền não này,
Tìm cơ hội cướp giật,
Không những [cướp] đoạt thiện tài,
[Lại che] lấp nẻo về cõi thiện.⁸⁸

(29) Chớ nên để chánh niệm,
Rời xa cửa tâm hồn,
Nếu rời, sợ đọa lạc,
Liền quay về chánh niệm.

(30) Nếu thường theo Thượng sư,

Như kệ (27) nói: “Bọn giặc bất chánh tri, theo sau mất chánh niệm”, nghĩa là nếu không có chánh niệm, chắc chắn sẽ mất chánh tri. Cho nên hành giả dù đủ tín tâm, lại học rộng nghe nhiều, tinh tiến tu hành, nhưng nếu không giữ chánh niệm, phiền não dễ sinh khởi, rốt cuộc vẫn bị đọa lạc.

⁸⁸ Thông thường, thiện tài có nghĩa là những phước báo tích tụ do sự tu thiện, nhưng ở đây phải hiểu là Thất thánh tài (tín: lòng tin đối với Tam bảo; giới: giữ gìn giới luật; tà: hổ thẹn với chính mình; quý: hổ thẹn với người khác; văn: học rộng nghe nhiều; thí: tu hạnh thí xả; và tuệ: tăng trưởng trí tuệ). Bởi vì phiền não, nếu chỉ cướp đoạt phước đức tích tụ được trong quá khứ, chưa đủ làm cho hành giả đọa lạc, mà phải hủy diệt Thất thánh tài, mới có thể làm cho hành giả đọa tam ác đạo, bởi vậy mới nói “Lấp nẻo về cõi thiện.”

Vì sợ đọa, nghe Pháp,
Để làm cho hành giả,
An trụ trong chánh niệm.

(31) Chư Phật, chư Bồ tát,
Thấy tất cả không ngại,
Những gì ta nói, [hoặc] làm,
Các ngài đều thấy rõ.

(32) Suy nghĩ như vậy xong,
Kính sợ, lòng tầm quý,
Duyên đây ắt rất dễ,
Ân cần thường niệm Phật.⁸⁹

(33) Do an trụ chánh niệm,
Chánh tri sẽ phát sinh,
Những gì xưa đã quên,
Nay sẽ nhớ trở lại.⁹⁰

⁸⁹ **[Crosby]** Theo ngài Trí Tác Tuệ (Prajñākaramati), chúng ta phải nên cảm thấy tầm quý khi nghĩ đến lỗi lầm của mình, kính trọng Phật Pháp và khởi tâm sợ hãi khi nghĩ rằng mình có thể vi phạm lời Phật dạy.

⁹⁰ **[Diễn Nghĩa]** Nương vào chánh niệm sẽ sinh ra chánh tri, và làm cho chánh tri an trụ. Từ phương diện khác, đôi khi nhờ chánh tri quán sát và xem chừng, cũng làm cho chánh niệm an định. Hai bên nương nhờ vào nhau mà tồn tại, nếu bên này không còn thì bên kia cũng mất. Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Đại Luận nói: "Chánh tri, một cách gián tiếp, cũng có thể làm tâm an trụ vào đề mục (cảnh sở duyên)." Ví như chánh tri biết rõ tâm đang, hoặc là sắp hôn trầm, tán loạn, do đây cảnh tỉnh hành giả không nên tùy thuận vào sự hôn trầm, tán loạn

(34) Tâm ý vừa khởi lên,
Nếu biết có lỗi lầm,
Tức thời giữ chánh niệm,
Trấn định như cột trụ.⁹¹

(35) Mắt quyết không nên nhìn,
Láo liên không mục đích,
Mà phải nên quyết chí,
Nhìn thẳng, hơi hướng xuống.

(36) Để đôi mắt đỡ mệt,
Cũng nên nhìn chung quanh,
Nếu thấy có người đến,
Hoan hỉ mở lời chào.⁹²

(37) Đi đường, xem nguy hiểm,
Nên nhìn khắp bốn phương,
Ngừng lại, nên quày đầu,
Nhìn phía sau xem xét.

mà nên an trụ vào đề mục. Tóm lại, yếu lĩnh của sự tu hành có khéo léo hay không, toàn y cứ vào sự kiện chúng ta có khéo giữ gìn dòng tâm niệm của mình hay không? Trong Đại thừa, tất cả các công đức tu hành được sinh khởi và tăng trưởng hoàn toàn tùy thuộc vào sự biết rõ (chánh tri) này.

⁹¹ “Trấn định như cột trụ”: nghĩa là giữ tâm an nhiên bất động giống như một cột trụ vững chắc, không để cho ngoại cảnh ảnh hưởng làm tâm mình ô nhiễm.

⁹² **[Diễn Nghĩa]** Bởi vì không muốn những kẻ không tin Phật Pháp gây tạo ác nghiệp. Trong kinh có nói: “Bồ Tát tiếp dẫn chúng sinh, miệng luôn luôn mở lời làm chúng sinh hoan hỉ.”

(38) Đã quán sát trước sau,
Đi tới, hoặc quay về,
Như thế, trong mọi thời,
Thận trọng trước khi làm.⁹³

(39) Muốn được thân an trụ,
Nên giữ vững uy nghi,
Thỉnh thoảng nên quán sát,
Thân trong tư thế nào.

(40) Tận lực quán sát kỹ,
Cái tâm buông lung này,
Đã cột vào chánh niệm,
Có còn đó hay không?⁹⁴

⁹³ **[Diễn Nghĩa]** Trong tất cả uy nghi, trước tiên nên dùng chánh niệm và chánh tri để nhận rõ hành vi và ngôn ngữ của mình, xem chúng có thực sự lợi ích chúng sinh hay không, sau đó tiến hành những công tác lợi ích cho họ.

[Behold] Bồ tát, tuy ý thức rằng tất cả hành vi của mình rất quan trọng, nhưng cũng không nên quan niệm một cách cực đoan: "Ta là Bồ Tát đang giữ gìn uy nghi, việc giao tiếp với chúng sinh không có gì quan trọng." Chúng ta tuy phải hành động quy tắc, nhưng cũng phải nên lịch sự và nhã nhặn. Nếu cần phải thích ứng với phong tục tập quán địa phương, cùng thỏa mãn nguyện vọng của quần chúng, chúng ta nên uyển chuyển tùy thuận nguyện vọng của họ, chớ nên nghĩ rằng [những phong tục đó] đi ngược với giới luật của mình. (Phụ chú: Vì muốn hòa đồng để độ chúng sinh, không nên quá "lập dị", hoặc "hợm mình").

⁹⁴ Nên quán xét xem tâm ta có còn đang ở trong chánh niệm hay không?

(41) Người tinh tiến tu định,
Sát na chớ buông lỏng,
Niệm niệm thường quán sát,
Tâm đang đi về đâu?⁹⁵

(42) Gặp hoạn nạn, [hoặc] vui mừng,
Nên giữ tâm an định,
Kính nói lúc bố thí,
Có thể bỏ giới nhỏ.⁹⁶

(43) Nghĩ xong, quyết thực hành,
Không nên nghĩ việc khác,

[Behold] Kệ (39) nói về thân nghiệp, kệ (40) nói về ý nghiệp. Bồ Tát không những giữ thân nghiệp đoan chính, ý nghiệp cũng phải thuần khiết, không để cho ngoại trần ô nhiễm. Vì thế phải thường nên suy tư về công đức của Chánh pháp.

⁹⁵ **[Diễn Nghĩa]** Lúc quán sát hoạt động của tâm, nếu phát hiện tâm đang an trụ trong cảnh sở duyên lành, nên làm cho tăng trưởng; nếu cảnh sở duyên là vô ký, nên kéo tâm về an trụ trong cảnh lành; nếu sở duyên cảnh là ác, phải tức khắc tiêu diệt tâm niệm đó. Tóm lại, phải khéo điều động tâm mình như vậy.

⁹⁶ “Bỏ giới nhỏ”: Không phải là bỏ giới, mà nên xem xét là điều giới đó có khai duyên hay không? Khai duyên tức là trong những trường hợp đặc biệt, Phật cho phép tạm thời tùy cơ ứng biến.

[Diễn Nghĩa] Giả sử, chúng ta muốn bố thí vô úy (bố thí sự không sợ) cho một người sắp bị giết đang ẩn nấp. Tuy chúng ta biết rõ chỗ ẩn nấp của họ, nhưng nếu hung thủ đến hỏi, vì để bảo vệ sinh mệnh nạn nhân, chúng ta vẫn có thể nói dối là không biết.

Tâm ý phải chuyên nhất,
Trước nên xong việc này.⁹⁷

(44) Như thế, việc đều thành,
Nếu không, việc khó thành,
Phiền não, bất chánh tri,
Nhân đây không tăng trưởng.⁹⁸

(45) Bàn chuyện vô ý nghĩa,
Những cuộc chơi phóng dật,...
Nếu gặp cảnh như vậy,
Quyết chí không tham luyến.⁹⁹

(46) Không duyên có [mà]: đào đất,

⁹⁷ **[Diễn Nghĩa]** Một khi đã xác định thứ tự của sự tu học, cần phải tuân theo thứ tự mà tiến tu. Không nên "nhảy lớp" hoặc pha trộn nhiều pháp môn một lúc.

⁹⁸ **[Behold]** Nếu chúng ta khéo kiểm soát được động cơ của mình, quyết định công tác phải làm, sau đó thực hiện cho đến khi hoàn tất. Như thế chúng ta sẽ duy trì được chánh tri ở mức cao độ. Do sự chánh tri này, mà ngăn chặn được những phiền não khác xâm nhập vào tâm. Nếu thế, chúng ta có thể chuyển biến những công tác hằng ngày thành sự tu tập.

⁹⁹ **[Diễn Nghĩa]** Ngoại trừ bài kệ (42), những tình trạng đặc biệt được khai duyên ra, trong những trường hợp thông thường, như bài kệ này đề cập đến những hành động vô vị (như mách lẻo), hoặc làm tâm thái tán loạn (như đi xem hát hay tham gia vào những sự việc dễ làm cho tâm bị kích thích), đều bị cấm chỉ. Nếu hành giả ngẫu nhiên hiện diện trong những hoàn cảnh như vậy, phải cẩn thận phòng hộ tâm mình, đừng để đánh mất chánh niệm.

Nhổ cỏ, chặt cây cối,
Vẽ hình trên mặt đất,...
Nên nhớ điều Phật dạy,
Sợ tội chó nên làm.¹⁰⁰

(47) Nếu thân muốn di động,
Hoặc miệng muốn mở lời,
Trước [tiên], nên quán tâm mình,
[Sau đó,] an nhiên làm đúng lý.¹⁰¹

(48) Nếu tâm đang sinh tham,
Hoặc đang muốn sân hận,
Nên tạm ngừng hành động,
Trấn định như cột trụ.

(49) Lúc tâm trong trạng thái:
Tán loạn, hoặc khinh người,

¹⁰⁰ **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** “Tại sao trong phần giá tội chỉ đề cập đến một vài điều như đào đất, nhổ cỏ chẳng hạn, mà không đề cập đến những tội khác?” **Đáp:** “Nhân vì trong giới luật có nói: ‘Những tội như trộm cắp, sát sinh v.v..., cư sĩ cùng chúng tăng đều phải học, còn những tội như đào đất, nhổ cỏ v.v..., chỉ là học xứ của Tỳ Kheo, mà không phải là học xứ của cư sĩ tại gia.’ Tuy vậy, người tại gia cũng nên học tập một số uy nghi của các bậc xuất gia.”

¹⁰¹ **[Diễn Nghĩa]** Bảy bài kệ sau (47-53), ý chỉ chủ yếu là bất luận tiến hành bất cứ sự việc nào, đều phải quán sát động cơ của việc làm đó. Nương vào năng lực đối trị phiền não của chánh niệm và chánh tri, hành giả có thể ngăn chặn cùng đoạn trừ những hành vi có thể đem đến phiền não cho chính mình.

Ngạo mạn, hoặc khoe khoang,
Hoặc muốn bươi lỗi người,
Giả vờ, hoặc lừa dối.

(50) Hoặc mong người khen ngợi,
Hoặc muốn hủy nhục người,
Nói thô, hoặc đâm thọc,
Nên giữ vững tâm mình,
Trấn định như cột trụ.

(51) Hoặc tham: danh, lợi, kính,
Hoặc muốn sai khiến người,
Hoặc muốn [được] người hầu hạ,
Trấn định như cột trụ.

(52) Khi mở miệng muốn nói,
Vì mưu lợi cho mình,
Hoặc mong người mất lợi,
Trấn định như cột trụ.

(53) [Khi] bôn chôn, lười, khiếp sợ,
Vô [liêm] sỉ, [nói] lời vô nghĩa,¹⁰²
Hoặc có ý thiên vị,
Trấn định như cột trụ.

(54) Nên quán tâm nhiễm ô,
Ưa làm việc vô nghĩa,

¹⁰² Bôn chôn (Anh: impatient): tức là không có nhẫn nại trong công việc. Vô liêm sỉ (Anh: shamelessness, insolence): mặt dày mày dạn, không biết hổ thẹn.

Biết rồi liền đối trị,
Kiên quyết giữ chánh niệm.¹⁰³

(55) Tin sâu, lòng kiên quyết,
Ổn định, [cung] kính, nhã nhặn,
Hỗ thẹn, sợ nhân quả,
Tịch tĩnh, thường đem vui.¹⁰⁴

(56) Đối [với] kẻ ngu, ấu trĩ,
Tâm chớ nên oán ghét,
Biết họ nhiều vô minh,
Nghĩ vậy sinh lòng từ.

(57) Vì ta và hữu tình,

¹⁰³ **[Diễn Nghĩa]** Từ kệ (48) đến kệ (53), tất cả những tâm lý nhiễm ô, cùng những tâm lý ưa thích những hành vi vô nghĩa như đào đất, nhổ cỏ, chặt cây chẳng hạn, tất cả đều phải được quán sát một cách tỉ mỉ. Mỗi lúc phát hiện tâm lý này hiện khởi, kẻ dững sĩ muốn khắc phục phiền não, phải học tập đối trị bằng cách dùng chánh tri và chánh niệm, hoặc dùng những phương pháp đặc thù khác như quán bất tịnh, quán từ bi chẳng hạn. Tùy bệnh mà cho thuốc. Phải thường giữ gìn tâm mình, dùng đây làm phương tiện ngăn chặn cùng diệt trừ tất cả ác nghiệp cùng tập khí.

¹⁰⁴ **[Diễn Nghĩa]** (1) Đối với tất cả học xứ, nên phải trừ diệt sự hiểu lầm cùng hoài nghi, hơn nữa phải hoàn toàn khẳng định sở học của mình. Đối Tam bảo phải khởi lòng tin tưởng sâu đậm và vui vẻ học tập. (2) Đối với học xứ cao thâm, cùng những sự nghiệp lợi sinh, phải kiên định ý chí, không sợ hãi, rụt rè. (3) Đối với Tam bảo và học xứ sinh khởi lòng yêu thích. Đối với tất cả người trên kẻ dưới, hoặc già hoặc trẻ, phải khởi lòng kính trọng, khiêm cung.

Làm lợi, không phạm tội,
Thường quán pháp hữu vi,
Tất cả đều như huyễn.¹⁰⁵

(58) Nên suy nghĩ dẫn đo,
Thân người rất khó được,
Vậy nên giữ tâm này,
Bất động như Tu di.

(59) Tâm, nếu tham thân này,
Sao người lại không màng,
Lúc chết, [nó] bị điều hâu,
Tranh giành và cắn xé?¹⁰⁶

¹⁰⁵ **[Diễn Nghĩa]** Vì muốn thực hiện lợi ích cho chúng sinh, Bồ tát ngoài việc hộ trì giới luật, tu những pháp lành, như bố thí, v.v..., còn phải thường dùng trí tuệ hiểu rõ Tánh không, cảnh tỉnh mình như sau: "Tất cả những việc đã làm, chẳng qua cũng chỉ là những sự huyễn hoá do kẻ huyễn hoá làm ra mà thôi." Dùng đây để đối trị lòng ngã mạn sinh ra bởi sự chấp trước vào sự tu hành của mình. Bồ Tát dùng phương tiện như vậy để bảo hộ tự tâm.

¹⁰⁶ **[Behold]** Nếu chúng ta không giảm thiểu sự tham trước đối với thân thể của ta, chúng ta khó lòng giữ tròn được giới hạnh thanh tịnh. Vì sao? Vì muốn bảo hộ thân này mà chúng ta đã tổn hại kẻ khác cùng gây tạo biết bao nhiêu điều ác. Bởi vậy chúng ta phải tự hỏi lòng ta: "Tại sao ta lại tham luyến thân này như vậy? Tại sao ta lại bảo hộ nó và nghĩ nó là của ta? Khi cái chết phân ly chúng ta ra khỏi thân thể này, chúng ta sẽ ra đi một mình không bạn bè thân thích. Lúc đó ai bảo hộ thân này? Nếu chúng ta không bảo hộ nó khi chết, tại sao bây giờ lại bảo hộ nó một cách quá đáng như vậy?" Người trí nên suy ngẫm kỹ, nên suy ngẫm kỹ.

(60) Người đối với thân này,
Sao chấp mê như vậy.
Nó và người khác biệt,
Người cần chi thân này.¹⁰⁷

(61) Đồ ngu, sao không nhận,
Thân cây sạch làm thân,
Khổ chi mà ôm giữ,
Bọc đồ dơ hôi thối?

(62) Trước nên dùng ý quán [sát],
Bóc da rời khỏi thịt,
Kế đến dùng tuệ kiếm,
Cắt thịt rời khỏi xương.¹⁰⁸

¹⁰⁷ **[Diễn Nghĩa]** Từ vô thủy đến nay, cho đến giây phút mà thần thức của thân trung ấm hòa hợp cùng tinh cha huyết mẹ để thành tẩm thân này, không những hai bên (thân trung ấm và tinh cha huyết mẹ) khác nhau không chút tương quan, hơn nữa tính chất lại hoàn toàn khác biệt. Nếu sự thực đã như vậy, nay chúng ta sao vẫn còn cần tẩm thân thô kệch này làm gì? Trước sau gì cũng có một ngày chúng ta và nó sẽ biệt ly vĩnh viễn không bao giờ gặp lại. Bởi thế hiện nay chúng ta nhận nó là của ta, vì nó mà chúng ta phải chịu sự oằn oại khổ đau như thế, chẳng lẽ chẳng phải là một sự kiện cực kỳ vô lý hay sao?

¹⁰⁸ **[Behold]** Sự bảo hộ hay chăm sóc đối với thân thể một cách quá đáng, mà ngài Tịch Thiên đề cập đến, là do sự tham trước của chúng sinh. Muốn đối trị sự tham nhiễm này, chúng ta phải phân tích thân thể này một cách tường tận, tìm xem bên trong có gì là sạch sẽ quý báu, đáng để chúng ta quá phần tham luyến hay không?

(63) Lại chẻ những lóng xương,
Nhìn kỹ cho đến tủy,
Phải suy ngẫm như vậy,
Chỗ nào là “bổn chất”?¹⁰⁹

(64) Gắng sức tìm như vậy,
Vẫn không thấy bổn chất,
Tại sao còn tham luyến,
Ôm giữ thân dơ này?

(65) Chất bần không thể ăn,
Máu tanh không thể uống,
Lòng ruột không nút được,
Còn cần chi thân này.

(66) Hoặc là tham thân này,
Để chó sói, điều [hâu] ăn?
Kỳ thật, giữ thân này,
Chỉ vì muốn tu thiện.

(67) Dù có tham tiếc thân,
Tử thần sẽ đến cướp,

¹⁰⁹ Bổn chất (Anh: essence, Hán: tinh diệu), ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa: (1) Bổn chất, nghĩa là những gì mà chúng ta cho là thanh tịnh, quý báu. (2) Linh hồn, nghĩa là cái mà chúng sinh chấp là ngã. Sự quán sát này có hai công năng: (1) Trừ vọng tưởng về sự thơm sạch của thân thể này (chấp dơ là sạch). (2) Trừ diệt sự chấp ngã (hoặc chấp thân này là ngã, hoặc chấp trong thân có ngã).

Đoạt xong, cho [chó] sói, điều [hâu],
Lúc đó sẽ làm sao?

(68) Đầy tớ không làm việc,
Chủ nhân không trả tiền,
Dù nuôi, thân vẫn chết,
Nhọc nhằn để làm chi?¹¹⁰

(69) Đã trả lương cho nó,
Bắt nó làm lợi mình,
Nếu thân này vô ích,
Quyết không cho gì cả.¹¹¹

(70) Coi thân như thuyền đồ,
Làm phương tiện tới lui,
Để làm lợi hữu tình,
Tu thành thân Như ý.¹¹²

¹¹⁰ **[Behold]** Nếu thân này không làm lợi ích cho chúng ta, thì sự nuôi nấng và chăm sóc này, cũng giống như nuôi một tên đầy tớ lười biếng, không chịu làm việc. Nếu chúng ta coi thân này như một tên đầy tớ, thay vì coi nó như ông chủ mình, thì lúc đó chúng ta sẽ có một thái độ thích đáng và thực tế hơn trong việc nuôi nấng và chăm sóc nó.

¹¹¹ “Bắt nó làm lợi mình”: Trang Nghiêm Đại thừa Kinh Luận nói: “Lợi người tức là lợi mình, nghĩa là Bồ Tát mưu cầu lợi ích cho chúng sinh tức là làm lợi cho mình. Trừ việc này ra, chẳng có việc tự lợi nào khác đáng nói cả.”

“Quyết không cho gì cả”: Nếu chúng ta phát hiện thân này không giúp ích gì cho ta trong việc tu tập hạnh lợi ta lợi người, lúc đó chúng ta nên có thái độ nghiêm khắc và tự trách.

(71) Làm chủ thân tâm mình,
Sắc mặt thường vui vẻ,
Không nhăn nhó, hầm hừ,
Làm bạn lành chúng sinh.

(72) Dời đồ đừng sơ suất,
Gây tiếng động ồn ào,
Mở cửa đừng thô bạo,
Nhã nhận làm người vui.

(73) Như [chim] hạc, mèo, kẻ trộm,
Vì muốn được thành công,
Nhẹ nhàng không tiếng động,
Bồ tát vì lợi người,
Cũng nên làm như thế.¹¹³

(74) Nên khéo khuyên nhắc người,
Đối với lời hay đẹp,
Phải cung kính tuân hành,
[Nên] làm học trò chúng sinh.¹¹⁴

¹¹² **[Behold]** Nếu muốn vượt qua biển sinh tử và đạt đến bờ bên kia, điều quan trọng là phải giữ gìn tấm thân quý báu này, cho đến lúc chúng ta đạt đến mục đích và thành tựu được thân Như ý, tức là Phật thân.

¹¹³ **[Diễn Nghĩa]** Bài kệ này chỉ là một thí dụ điển hình về việc dùng thái độ hòa nhã để đạt thành mục tiêu của ta. Ba bài kệ (71- 73) muốn nói trong tất cả hành động, Bồ tát phải học tập thái độ hòa nhã làm cho tất cả chúng sinh khi nhìn thấy ta đều khởi tâm hoan hỷ và hâm mộ.

(75) Khi nghe lời cao nhã,
Nên khen là “khéo nói”,
Thấy người làm điều lành,
Tâm vui mừng ca ngợi.

(76) Thường khen công đức người;
Nhưng khi người khen ta,
Nên tự quán đức hạnh [mình],
Xem [có] thật, hay không thật?

(77) Mọi việc làm của người,
Là niềm vui khó mua,
Khi thấy công đức người,
Nên sinh tâm tùy hỷ.

(78) Làm thế, [hiện] nay không [bị] tổn,
Đời sau được nhiều vui,
Nếu ganh ghét sẽ khổ,
Đời sau càng khổ hơn.

(79) Nói ra nên hợp ý,
Nghĩa rõ, lời thích nghi,
Lòng vui, không sân giận,
Nhã nhận, tâm từ bi.

(80) Mỗi khi thấy hữu tình,

¹¹⁴ “Đối lời ... tuân hành”: tuy ta không thỉnh cầu, nhưng nếu có người đến khuyên nhắc ta, ta cũng nên khiêm cung học hỏi.

Hân hoan, lòng rộng rãi,
Nhờ họ, ta mới được,
Đường thành Phật không xa.

(81) Thường nhiệt thành tu thiện,
Siêng đối trị phiền não,
[Bố] thí ân, bi, phước điền,¹¹⁵
Thành tựu đại phước thiện.

(82) [Đầy] đủ trí tuệ, tín tâm,
Nên thường siêng tu tập,
Nhưng điều ta nên làm,
Chớ ý vào người khác.¹¹⁶

(83) Tuần tự mà tu tập,
Lục độ, như bố thí, ...
Đừng chấp nhỏ bỏ lớn,
[Làm] việc lớn, nghĩ [đến] lợi người.¹¹⁷

¹¹⁵ [Bố] thí ân, bi, phước điền: nghĩa là cúng dường ân điền (cha mẹ, sư trưởng ...), bi điền (người nghèo khổ, tật nguyền ...), và phước điền (Tam bảo).

¹¹⁶ **[Behold]** Muốn sự tu tập Chánh pháp trở nên kiên cố và có cơ sở vững chắc, chúng ta cần phải thấu rõ điều ta đã học, và có tín tâm vững chắc đối với pháp môn của mình. Ngài Tịch Thiên chỉ rõ là muốn tu tập đúng phương pháp, trước tiên phải nghiên cứu giáo lý, sau đó nắm vững phương pháp tu tập. Nếu được như vậy, chúng ta có thể tự ta thực hành mà không phải nhờ vả vào kẻ khác.

¹¹⁷ Ở đây việc nhỏ (thấp) chỉ những Độ (Ba la mật) bậc thấp, còn việc lớn (cao) chỉ những Độ (Ba la mật) bậc cao (thí như bố thí là thấp so với trì giới, trì giới là thấp so với nhẫn nhục

(84) Đã hiểu rõ đạo lý,
Nên siêng làm lợi người,
Đối với Đại bồ tát,
Phật cho khai tiểu giới.¹¹⁸

(85) Khi ăn, thí ngạ quỷ,
Kẻ khổ, bạn đồng tu,
Chỉ cần giữ ba y,
Ngoài ra đều xả hết.¹¹⁹

chẳng hạn). Ý muốn nói là trong trường hợp thông thường, trì giới cao hơn bố thí, nhần nhục cao hơn trì giới v.v... Thế nhưng vì muốn thực hiện một sự bố thí to lớn, trong trường hợp đó có thể bỏ những giới nhỏ. Điều này có thể áp dụng cho các Độ (Ba la mật) khác. Như trên đã bàn qua, hành giả trên đường hành Bồ tát hạnh, trong công việc lợi sinh phải cân nhắc kỹ lưỡng hành động của mình. Tùy thời tùy nơi mà uyển chuyển hành động, không quá chấp nê, nhưng cũng không được tùy tiện thái quá.

¹¹⁸ Xem phần Giới Ba La Mật Đa trong Du Già Sư Địa Luận. (Xin xem Bồ Tát Giới Ba La Mật Đa trong Giới Bổn Bồ Tát Du Già, do Thích Pháp Chánh dịch và xuất bản năm 2016)

¹¹⁹ Kệ (85) và kệ (88) đến kệ (96) là một số uy nghi trích ra từ giới luật của người xuất gia. Tuy vậy, các vị Bồ Tát tại gia cũng có thể theo đây mà tu học, để tăng trưởng uy nghi và phước đức cho chính mình.

“Khi ăn ... đồng tu”: Theo giới luật, người xuất gia trước khi thọ trai, phải đem phần ăn của mình chia làm bốn phần: (1) bố thí cho ngạ quỷ và súc sinh, (2) bố thí cho những kẻ ăn mày nghèo khổ, (3) bố thí cho các vị đồng tu, (4) còn lại một phần tự mình hưởng dụng.

“Chỉ cần ... xả hết”: Những người xuất gia thiếu dục tri túc quyết không tích trữ tài vật nào khác. Ngoài ba y (tiểu y,

(86) Chớ vì việc thiện nhỏ,
Mà hủy hoại thân này,
Vì chúng sinh tu hành,
Sẽ chóng được viên mãn.

(87) Bi nguyện chưa thanh tịnh,
Không nên thí thân này,
Đời này hoặc đời sau,
Vì lợi lớn mới xả.¹²⁰

(88) Đối với kẻ bất kính,
Không bịnh mà trùm đầu,
Cổ quàng khăn, cầm lọng,
Cầm đao, binh khí, gậy,
Chớ thuyết pháp cho họ.¹²¹

trung y, đại y) và bình bát, những vật khác đều đem bố thí cho kẻ khác. Tuy nói như vậy, đây chỉ là nói đến những bậc căn cơ tương đối cao. Đối với những bậc căn cơ thấp, Phật cũng cho phép tích trữ một số vật dụng vừa đủ cho nhu cầu sinh hoạt của họ.

¹²⁰ **[Diễn Nghĩa]** Đối với phàm phu, ngay đến ba y còn không nên xả, huống gì xả thân mạng. Vì sao? Vì sợ xả xong lại sinh hối tiếc. Thậm chí thoái thất đạo tâm. Ngài Uy Nguyệt giải thích như sau: “Nếu như hành giả chưa đủ tâm từ bi, chưa thể quán sát thân tâm bình đẳng, chớ nên bố thí thân mạng mình. Đợi đến khi đối với tất cả chúng sinh, bất luận thân thù, đều một mực bình đẳng, lúc ấy xả thân mạng cũng không muộn. Vì sao? Vì không còn tâm hối tiếc, không còn sợ bị thoái đạo nữa.”

¹²¹ Nếu có người đến cầu pháp mà thái độ không cung kính, không nên vì họ thuyết pháp. Điều giới này trong giới luật

(89) Người nữ đến một mình,
Cũng không nên thuyết pháp;¹²²
Với người thiếu trí tuệ,
Chớ nói pháp thâm sâu;
Đối [với] pháp Đại, Tiểu thừa,
Đồng kính [trọng] mà tu học.¹²³

(90) Đối [với] người căn cơ cao,
Chớ nói pháp nông cạn,
Đừng nên bỏ giới luật,
Bùa chú lừa chúng sinh.¹²⁴

Thanh văn và giới luật Bồ Tát đều có đề cập đến. Không phải người thuyết pháp bôn sên, mà chính vì kẻ cầu pháp có thái độ vô lễ. Giả sử có nói pháp, cũng hoàn toàn vô ích, không những thế, nhiều khi lại tăng thêm phiền não cho cả hai bên.

¹²² Nếu có người nữ một mình đến tìm tỳ kheo (hoặc người nam một mình đến tìm tỳ kheo ni) để cầu pháp, nên cự tuyệt. Trừ phi người nữ có người nam tại gia (và ngược lại, người nam có người nữ tại gia) tháp tùng. Mục đích của điều giới này là ngăn ngừa sự gièm pha của người đời đối với người xuất gia.

¹²³ Theo Phạm Võng Bồ Tát Giới, nếu hành giả bỏ Đại thừa học Tiểu thừa sẽ phạm tội khinh cấu; còn theo Du Già Bồ Tát Giới, nếu hành giả Đại thừa phớt lờ không học Tiểu thừa cũng sẽ phạm tội khinh cấu. Bồ tát, vì muốn quảng độ chúng sinh, phải nên học rộng nghe nhiều, thậm chí cần phải nghiên cứu kinh sách ngoại đạo, huống chi giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa đều là lời dạy của đức Phật.

¹²⁴ Đây là điều mà giới luật gọi là tà mệnh tự hoạt, nghĩa là dùng phương tiện tà vạy, mưu cầu lợi dưỡng riêng cho mình. Điều này đi ngược với chánh mạng trong Bát chánh đạo.

(91) Xỉa răng, hoặc khắc nhổ,
Nên đi tìm chỗ khuất,
Không nên đại tiểu tiện,
Nơi đất sạch, nước trong.

(92) Ăn chó ngậm đầy miệng,
[Nhai] lớn tiếng, miệng há to,
Lúc ngồi, đừng duỗi chân,
Xoa tay đáng bối rối.¹²⁵

(93) Xe, giường, chỗ vắng vẻ,
Chớ nên hẹn vợ người,
Việc gì thiên hạ nghi,
Chớ để người đàm tiếu.

(94) Khi bày tỏ ý mình,
Đừng dùng một ngón tay,¹²⁶
Đối [với] người, phải lễ phép,
Nên đưa bàn tay phải.

Người học Phật, bất luận Đại, Tiểu thừa, mục đích chính là tìm cầu sự giải thoát hiện tại, hầu mong trong vị lai làm mô phạm và là phước điền cho trời người, đúng lý phải đem niềm tin đối với Tam Bảo đến cho chúng sinh. Nay chỉ vì chút lợi nhỏ lại lừa dối chúng sinh, đi ngược với nguyện vọng của họ. Thử hỏi, đối với Phật Pháp và chúng sinh còn tai hại nào bằng. Bởi vậy trong giới luật của Đại Tiểu thừa đều nghiêm cấm điều này.

¹²⁵ Không nên lấy hai bàn tay xoa vào nhau một cách vô ý nghĩa, làm có vẻ mất tự nhiên.

¹²⁶ Không nên dùng một ngón tay chỉ trỏ, ra vẻ hách dịch.

(95) [Khi] tỏ ý, chớ vung tay,
Cử động nên từ từ,
Khảy ngón tay nhẹ tiếng,
Cẩn thận giữ uy nghi.¹²⁷

(96) Ngủ, chọn hướng thích nghi,
Nằm như Phật Niết bàn,
Chánh niệm và quyết chí,
Tĩnh giác nên dậy liền.

(97) Học xứ của Bồ tát,
Kinh nói nhiều vô tận,
Nhưng phải tận lực mình,
Tu trì hạnh tịnh tâm.¹²⁸

(98) Mỗi ngày đêm, sáu thời,
Đọc tụng Kinh Tam Tụ,¹²⁹

¹²⁷ Hành giả muốn kêu gọi sự chú ý của người khác, không nên múa tay vung vít, hoặc lớn tiếng kêu la, mà nên khảy nhẹ ngón tay, âm thanh vừa đủ nghe, cử động khoan thai, không được vụt chặc. Chú ý đến uy nghi của mình.

¹²⁸ “Tu trì hạnh tịnh tâm”: Trước tiên, bảo trì chánh niệm cùng chánh tri, kể đến nghiêm trì giới luật, đồng thời tu quán Không tánh, khiến cho tâm ý càng lúc càng thanh tịnh.

¹²⁹ **[Crosby]** Kinh Tam Tụ: có lẽ nói đến Tam Tụ Pháp Kinh, là một bộ kinh Đại thừa ngắn, còn được bảo tồn bản tiếng Phạn và tiếng Tây Tạng, nội dung bao gồm pháp sám hối Ba mươi lăm vị Phật, và kết thúc bằng phần tùy hỷ công đức và hồi hướng. Xem Bồ Tát Học Xứ (Bodhisattva Vow) của Geshe Kelsang Gyatso, do Thích Pháp Chánh dịch.

Nương [vào] Phật, [và] tâm Bồ đề,
Sám hối trừ diệt tội.¹³⁰

(99) Vì mình hay vì người,
Tùy thời, tùy hành môn,
Tất cả các học xứ,
Đều phải siêng tu học.

(100) Không một pháp môn nào,
Mà Bồ tát không học,
Nếu khéo học như vậy,

[Behold] Sau khi thọ giới Bồ tát, phải cố gắng không vi phạm giới luật. Như trên đã bàn qua, phạm giới Bồ tát quả báo rất nặng. Tuy vậy, nếu hành giả hoàn toàn không che dấu, và đem tâm chí thành khẩn thiết cầu sám hối thì có thể sám hối thanh tịnh những điều giới đã phạm.

¹³⁰ Theo các nhà chú giải Tây Tạng, nếu phạm giới trọng, hành giả có thể dùng Tứ lực sám hối tội chướng.

[Diễn Nghĩa] Kinh Tứ Pháp nói: “Này Từ Thị, nếu Bồ tát ma ha tát thành tựu bốn pháp sẽ diệt được những tội chướng chông chất trong quá khứ. Bốn pháp đó là gì? Tức là hối quá hạnh, đối trị hạnh, chế chỉ hạnh, và y chỉ hạnh. Hối quá hạnh, nghĩa là sám hối cải đổi những nghiệp ác đã tạo. Đối trị hạnh, nghĩa là sau khi đã lỡ tạo nghiệp ác, phải nên cật lực tu thiện nghiệp, cùng làm những hạnh lợi ích khác. Chế chỉ hạnh, nghĩa là do đọc tụng cấm giới mà thành tựu sự không hủy phạm. Y chỉ hạnh, nghĩa là quy y Phật pháp tăng bảo, cùng không buông bỏ tâm Bồ đề. Do nương tựa vào Tam bảo lực và Bồ đề tâm lực, quyết định tiêu diệt hết tội chướng. Còn nếu phạm tội nhẹ, có thể sám hối bằng cách mỗi ngày ba thời tụng Kinh Tam Tự. Nương tựa vào uy lực của Phật và tâm Bồ đề, những tội chướng này sẽ được tiêu diệt.”

Không phước nào không đến.

(101) Trực tiếp, hay gián tiếp,
Việc làm đều lợi người,
Vì muốn lợi chúng sinh,
Hồi hướng Đại bồ đề.¹³¹

(102) Dù chết cũng không rời,
Thiện tri thức tôn quý,
Bậc am hiểu Đại thừa,
Trì giới hạnh thanh tịnh.

(103) Nên kính trọng thầy học,
Giống như Cát Tường Sinh,¹³²
Còn những học xứ khác,
Xem kinh ắt sẽ biết.

(104) Trong kinh, nhiều học xứ,
Phải tìm đọc kinh tạng,
Trước hết nên tìm đọc,
Kinh Thánh Hư Không Tạng.¹³³

¹³¹ **[Behold]** Bất cứ công đức nào mà chúng ta góp nhặt được, dù chỉ là thắp một nén hương, đều phải nên hồi hướng đến sự giác ngộ của chúng sinh.

¹³² Cát Tường Sinh (Skt: Śrīshambhava): Kinh Hoa Nghiêm gọi là đồng tử Đức Sinh, là vị thiện tri thức thứ năm mươi mốt mà đồng tử Thiện Tài đến tu học.

¹³³ **[Crosby]** Kinh Thánh Hư Không Tạng là một phẩm trong Kinh Đại Tập, trong đó miêu tả tám điều vi phạm căn bản của Bồ tát: (1) giảng pháp thâm sâu cho những kẻ căn cơ thấp, khiến cho họ thoái thất tâm Đại thừa; (2) giảng pháp

(105) Cũng nên siêng tìm đọc,
Chúng Học Xứ Tập Yếu,¹³⁴
Quyển này chỉ rõ ràng,
Điều Phật tử cần tu.

(106) Hoặc đọc quyển tóm lược,
Nhất Thiết Kinh Tập Yếu,¹³⁵
Đồng thời đọc Long Thọ,
Hai quyển tên giống đây.¹³⁶

(107) Chỗ kinh luật không cấm
Tất cả đều tu học,
Vì muốn giữ lòng tin,

Tiểu thừa cho những kẻ căn cơ cao (Đại thừa); (3) giảng pháp cao thâm nhưng lại coi thường giới luật; (4) khuyên người khác đừng học pháp môn thấp; (5) chê người khen mình, bao gồm sự khoe khoang mình có thần thông; (6) khoa trương kiến thức Đại thừa, và cho rằng do sự chứng đắc mà có được; (7) đi lại với nhà quyền quý mưu cầu tài lợi; (8) do ngoại cảnh ảnh hưởng làm thoái thất đạo tâm, lại còn tán thán kẻ phạm giới.

¹³⁴ Chúng Học Xứ Tập Yếu (Śikṣāsamuccaya), còn gọi là Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu, hoặc Tập Bồ Tát Học Luận. Đây là quyển trích lục những đoạn văn tinh yếu từ các bộ kinh Đại thừa, nội dung phong phú, do ngài Tịch Thiên biên soạn.

¹³⁵ Theo một số học giả, quyển này cũng do ngài Tịch Thiên biên soạn, nội dung tương tự như quyển trên, nhưng rất ngắn gọn.

¹³⁶ Tương truyền ngài Long Thọ cũng có soạn hai quyển, tên giống như hai quyển của ngài Tịch Thiên soạn, nhưng nay đã thất lạc.

Học xong nên thật hành.¹³⁷

(108) Xin được tóm lược lại,
Muốn gìn giữ chánh tri,
[Nên] thường cẩn thận quán sát,
Tình trạng của thân tâm.

(109) Pháp, nên cung kính hành,
Chỉ nói không ích gì.
Nếu chỉ đọc sách thuốc,
Bệnh tật làm sao lành?

¹³⁷ **[Diễn Nghĩa]** Du Già Bồ Tát Giới Luận (còn gọi là Bồ Đề Chánh Đạo Bồ Tát Giới Luận, Thích Pháp Chánh dịch sang Việt văn, và xuất bản năm 2006) nói: "Phàm những điều mà chư Phật cấm đoán, hoặc [hành giả] chưa thể lập tức thực hành thì không nên tu học. Bởi thế người mới phát tâm tu học Đại thừa không nên tu học hai loại học xứ này. Ngoài đây ra, tất cả học xứ khác đều phải tu học."

6. An nhẫn

(1) Một niệm sân hủy diệt,
Ngàn kiếp từng tích tụ,
Bồ thí, cúng dường Phật,
Tất cả chư phước thiện.¹³⁸

(2) Ác không gì hơn sân,
Khó không gì hơn nhẫn,
Nên phải dùng đạo lý,
Nỗ lực tu an nhẫn.

(3) Nếu ôm sân trong lòng,
Tâm ý không tịch tĩnh,
Sự vui cũng khó sinh,
Uất ức, không ngủ được.

(4) Tuy ân cần đem lợi,
Cung cấp kẻ nường nhờ,
[Nhưng] thí chủ nếu hay sân,
Dễ bị họ giết hại.¹³⁹

¹³⁸ Nhưng nếu chúng ta đã đem công đức từng tích tụ được, hồi hướng đến sự giác ngộ và đến sự lợi ích cho tất cả chúng sinh (nghĩa là hồi hướng đến Vô thượng Bồ đề), thì công đức này sẽ được bảo toàn, và không bị hủy diệt bởi sự sân hận.

¹³⁹ Giả như, có một vị thí chủ thường đem tài vật ân cần bố thí cho những kẻ nường tựa, cùng những người thân của mình. Nhưng nếu vị thí chủ này thường hay biểu lộ sự giận dữ, thì những kẻ thọ ơn cùng những người thân cũng khởi tâm muốn sát hại ông ấy, huống gì kẻ khác.

(5) Sãn làm người thân ghét,
Tuy cho, họ [vẫn] lánh xa,
Nếu tâm nhiều giận hờn,
An lạc khó trường cửu.¹⁴⁰

(6) Kẻ thù sãn hận này,
Đem lại nhiều khổ nạn,
Người tinh tiến trừ sãn,
[Đời] nay, [đời] sau, hưởng an lạc.

[Behold] Một trong những sự tai hại của sự giận dữ là cướp đoạt sự sáng suốt và óc phán đoán của chúng ta. Chỉ vì muốn trả thù những kẻ đã hại ta, chúng ta nhiều khi không màng đến sự hiểm nguy của chính mình. Chúng ta đã đánh mất sự lựa chọn, và bị những cơn bão lòng lôi cuốn, không còn tự chủ. Đôi khi sự giận dữ điên cuồng này khiến cho chúng ta làm những hành động mù quáng đối với những kẻ thân thuộc cùng người ơn của mình. Trong cơn giận dữ điên cuồng, chúng ta quên hết sự thương yêu và ân huệ to tát của kẻ đối diện. Sự điên cuồng này đưa chúng ta đến sự tàn hại tất cả, bất chấp đạo lý!

¹⁴⁰ **[Behold]** Thường thường mọi người đều cho rằng sự giận dữ phát sinh là do sự đối diện với người mà mình không ưa. Sự thật hoàn toàn trái ngược. Chính sự giận dữ chất chứa trong lòng đã biến người đối diện thành kẻ thù "tưởng tượng" của mình. Người hay giận hờn sống trong một thế giới thù hận, bao vây bởi những kẻ thù phát sinh từ sự vọng tưởng của chính họ. Sống trong ảo tưởng mù quáng là tất cả mọi người đều ghét mình, nhiều khi đưa họ đến sự điên loạn. Họ trở thành nạn nhân của sự huyền tưởng của chính họ.

(7) Bị ép [uống] sự không muốn,
Bị phá [hoại] điều mong muốn,
Do sự bất mãn này,
Sân hận hại mình, người.¹⁴¹

(8) Vậy phải nên phá hết,
Mầm mống của sân hận,
Bợn này không gì khác,
Chỉ tàn hại đời ta.

(9) Gặp việc gì cũng dừng,
Làm tâm ý rối loạn,
Ưu não chẳng ích gì,
Lại còn hại việc lành.

(10) Nếu việc còn cách cứu [vãn],
Tại sao không hoan hỉ,
Việc đã không cách cứu [vãn],
Sầu lo nào ích chi?

¹⁴¹ Bài kệ này ý nói: Nếu kẻ khác ép uống ta làm điều mà ta không muốn, hoặc không cho ta làm điều ta muốn, thì ta sẽ trở nên sân hận mà làm điều cần rõ, tổn hại cho cả hai bên.

[Behold] Muốn chinh phục sự giận dữ, chúng ta phải học tập phương pháp đối đáp, phản ứng với những sự thất bại, bất mãn. Nếu chúng ta chỉ một mực mong ước mọi việc đều thuận theo ý muốn của mình, thì đây là một sự kiên cực kỳ phi lý. Do đó chúng ta phải tập luyện một thái độ thực tế và công bình khi đối diện với vấn đề phiền toái của cuộc đời. Sự luyện tập này được bao gồm trong đề mục mà ở đây muốn nói đến, tức là sự an nhẫn.

(11) Không muốn mình và bạn [bè],
Chịu khổ, bị khinh miệt,
Hoặc nghe lời thô tục,
Thế nhưng đối [với] kẻ thù,
Lại mong muốn ngược lại.¹⁴²

(12) Nguồn vui rất là ít,
Gốc khổ lại rất nhiều,
Không khổ, khó [phát tâm] xuất ly,
Vì thế phải kiên nhẫn.¹⁴³

(13) Bọn dân Karnāṭa,
Vô có chịu đốt, cắt;
Người tu cầu giải thoát,
Tại sao lại khiếp sợ?¹⁴⁴

¹⁴² **[Behold]** Nếu kẻ thù ta được vui sướng, cung kính, hoặc được khen ngợi, chúng ta sẽ cảm thấy phiền muộn. Từ sự phiền muộn đưa đến giận dữ, thù ghét.

¹⁴³ **[Behold]** Kiên nhẫn chấp nhận sự khổ đau, ngoài sự giúp chúng ta giữ vững sự điềm tĩnh và an nhiên của tâm hồn khi đối diện với những hoàn cảnh khó khăn, nó còn giúp ta hiểu rõ một cách khách quan hơn về hiện thực khổ đau của cuộc đời. Sự tĩnh lặng của tâm hồn được đem đến từ sự hiểu rõ rằng những khổ đau mà chúng ta đang nhận chịu là do lỗi lầm của chính ta, đã sinh ra, bước qua, và chết đi trong những trạng thái vô tri và mê loạn (unknowing and confusion). Sự hiểu rõ này chính là nền tảng cho sự xả bỏ trần tục, phát sinh từ ước nguyện muốn đạt đến một đời sống mỹ mãn và tự do, thoát ly tất cả sự bất mãn và khổ đau.

¹⁴⁴ **[Crosby]** Karnāṭa là tên một vùng đất, hiện nay thuộc tiểu bang Karnakata ở miền nam Ấn Độ. Ở vùng đất này, tín đồ của nữ thần Durga tự nguyện nhận chịu một cách phi lý

(14) Không có sự việc nào,
Tập lâu mà không quen,
Tập nhẫn những hại nhỏ,
Mới nhẫn được hại lớn.

(15) Bị muỗi mòng cắn đốt,
Hoặc bị khổ đói khát,
Cùng những bệnh mụn nhọt,
Chẳng lẽ chưa chịu quen?

(16) Đối với gió, nóng, lạnh,
Bệnh, trói, bị đánh đập,
Không nên quá nhu nhược,
Càng nhu nhược càng khổ.

(17) Có kẻ thấy máu mình,
Càng kiên quyết dũng cảm,
Có kẻ thấy máu người,
Lại kinh hoàng chết giặc.

(18) Sự khác biệt là do,

những thống khổ của sự đốt cắt, hay tệ hơn thế nữa. Theo truyền thuyết, Du rga là một nữ thần rất hung tợn. Bà là một trong những hóa thân của vợ của thần Siva. Ngay đến gần đây, những buổi tế máu (blood sacrifices) hiến dâng cho vị thần này vẫn còn được diễn ra. Ngoài ra, những người trong nhóm này đã tự tàn hại họ, như dùng lưỡi câu tự róc thịt, hoặc dùng hai tay bưng bình sắt đang nóng đỏ, v.v..., dùng dây như phương tiện cầu sự ân sủng của bà, đặc biệt là muốn cầu được tiền tài, của cải, v.v...

Dũn cảm hay khiếp nhữc,¹⁴⁵
Phải coi thườn sự khổ,
Đừng để khổ chườn nại.

(19) Ngườn trí dù bị khổ,
Không loạn, tâm sáng suốt,
Chiến đấu với phiền nãu,
Dù gặp nhiều khổ đau.¹⁴⁶

(20) Phải coi thườn sự khổ,
Hàng phục giặc tham sân,
Trừ diệt được vô minh,
Mới thật là anh hùng,
Còn nhữn chiến sĩ khác,
Chỉ giết [nhữn] thây di độn.¹⁴⁷

¹⁴⁵ Kẻ dũn cảm thấy máu mình [chảy ra vì bị thươn tích] lại càng phấn chí chiến đấu, còn kẻ khiếp nhữc chỉ cần nhìn thấy máu ngườn khác là đã ngất xỉu.

¹⁴⁶ **[Crosby]** Dù nhận chịu sự khổ đau, ngườn trí quyết không để cho tâm tĩnh lặng cùng niềm tin của mình bị rối loạn, bởi đây là sự chiến đấu với phiền nãu. Trong sự chiến đấu này sự khổ đau sẽ dễ dàng bị vượt qua.

¹⁴⁷ **[Behold]** Ngườn nào nhận chịu được tất cả sự khổ đau, và hơn nữa lại chinh phục được bọn giặc sân hận và nhữn phiền nãu khác mới xứng đáng được gọi là bậc anh hùng. Thườn thườn, tôn xưng này được gán cho nhữn ngườn giết quân thù trên chiến trường. Nhưng nhữn quân thù này, dù không bị giết, bọn họ cũng sẽ bị già chết theo thời gian. Do đó giết chết bọn họ, cũng chẳng khác gì giết nhữn cái thây di độn. Trái lại nhữn kẻ thù trong tâm (phiền nãu) không bao giờ bị chết theo luật tự nhiên. Nếu chúng ta không có sự nỗ lực quét sạch lũ phiền nãu này ra khỏi tâm

(21) Sự khổ giúp hành giả,
Buông xả, trừ kiêu mạn,
Ghét ác, ưa việc lành,
Thương xót kẻ trầm luân.¹⁴⁸

(22) Bệnh tật và hữu tình,
Đều là do duyên sinh,
Sao không ghét bệnh tật,
Mà lại ghét hữu tình?

(23) Như người không muốn bệnh,
Mà bệnh lại tìm đến,
Tuy không muốn phiền não,
Phiền não cứ tràn dâng.¹⁴⁹

(24) Tâm không nghĩ đến sân,

thức, bọn chúng sẽ tiếp tục trói buộc chúng ta trong vòng sinh tử luân hồi, như đã từng làm từ vô thủy đến nay.

¹⁴⁸ **[Crosby]** Công đức của sự khổ hại không gì so sánh được. Nó tạo sự kích động (Anh: shock) khiến cho hành giả thức tỉnh, từ đó sản sinh lòng thương xót đối với những kẻ trầm luân trong biển khổ, và khởi lòng tha thiết đối với bậc Giác Ngộ (Phật).

¹⁴⁹ **[Dịch Chú]** Giả như có người không muốn bệnh tật, nhưng bệnh tật, do nghiệp lực cảm sinh, không hẹn mà đến. Giống thế, chúng ta tuy không muốn sầu não, mà phiền não lại cứ tuôn trào như thác lũ.

[Phụ chú] Bài kệ này giải thích thêm bài kệ (22) ở trên. Bệnh tật không có ý làm hại ta; kẻ thù tuy bên ngoài có vẻ như tìm cách mưu hại ta, nhưng nếu quán sát cho kỹ, tình lý của họ hoàn toàn bị vô minh khống chế.

Mà tự nhiên nổi sân,
Sân cũng không nghĩ [được] sinh,
Mà lại cứ phát sinh.¹⁵⁰

(25) Tất cả sự lỗi lầm,
Và tất cả tội ác,
Đều từ nhân duyên sinh,
Toàn không do chính mình.¹⁵¹

(26) Tất cả nhân duyên này,
Không nghĩ sẽ sinh sân,
Sân nào đã phát sinh,

¹⁵⁰ Sự sân hận cũng không nghĩ là sẽ được sinh ra, nhưng tự nhiên do vô minh điều động, nên nó thốt nhiên hiện hữu.

Bài kệ này, ý nghĩa sâu sắc hơn bài kệ (23) trên phương diện phân tích tâm lý. Một người khi nổi giận hoàn toàn không tự chủ, không nghĩ rằng “Ta sẽ giận”, mà sự giận dữ thốt nhiên đến. Ngay đến sự giận dữ cũng không hoàn toàn tự chủ, nghĩ rằng “Ta sẽ sinh”, mà lại đột nhiên được sinh ra. Điều này chứng tỏ rằng sức mạnh của vô minh không thể nghĩ bàn. Như trong Kinh Thắng Man, phu nhân Thắng Man đã từng bạch Phật rằng: “Vô minh trụ địa, lực lượng lớn nhất.”

¹⁵¹ **[Crosby]** Ngay từ giai đoạn đầu, Phật giáo đã bác bỏ quan niệm về một nguyên nhân độc nhất (như Thượng đế, Phạm thiên v.v..) sinh ra vạn vật. Mỗi hiện tượng phát sinh đều do nhiều nguyên nhân cấu thành. Tuy hành động của mỗi cá nhân có thể được phân loại thành thiện hoặc ác, nhưng quả của hành động này, trong cuộc đời của cá nhân đó, không thể được tiên đoán một cách chính xác. Bởi vì quả này, trong quá trình hình thành, còn chịu ảnh hưởng của những nhân duyên khác.

Không nghĩ là được sinh.¹⁵²

(27) Cái gọi là Vật chủ,
Cùng cái gọi là Ngã,
Vật, Ngã không nghĩ [được] sinh,
Mà lại cứ phát sinh.¹⁵³

¹⁵² Bài kệ này ý nghĩa tương tự với kệ (24); điều khác biệt là kệ (24) nói đến tâm sinh, còn ở đây nói đến nhân duyên sinh.

[Behold] Những nhân duyên tập hợp không có ý nguyên sản sinh ra sự khổ đau, và sự khổ đau được sinh ra cũng không nghĩ rằng nó sẽ được sinh. Như thế, người sân, sự sân hận, cũng như tất cả những sự kiện khác, hoàn toàn không tự chủ (nghĩa là không có tự tính, là vô ngã). Chúng hoàn toàn tùy thuộc vào nhân duyên. Hành giả tu tập quán sát về sự quan hệ lẫn nhau của sự vật, sẽ giảm trừ rất nhiều những sự sân hận vô lý của mình.

¹⁵³ **[Behold]** Trường phái Số luận nhận định sự hiện hữu của một Vật chủ (Anh: primal matter, primal substance) có một số tính chất đặc thù. Các nhà Số luận cho rằng Vật chủ là nguyên tố độc nhất sinh ra vạn vật (thế giới và hữu tình). Vật này tuy là nguyên nhân sinh ra vạn vật, nhưng lại có những đặc tính: vô nhân, độc lập, và thường trụ. Hơn nữa theo phái Số luận, Ngã cũng độc lập tồn tại, trong khi Vật chủ là nguyên nhân sinh ra tất cả vật mà chúng ta nhận biết được. Ở đây ngài Tịch Thiên muốn lập luận rằng lập trường của phái Số luận mâu thuẫn với thực tại.

Nếu Vật chủ và Ngã, như phái Số luận thừa nhận là vô nhân, và vô sinh, thì chúng không thể nào sinh khởi tùy thuộc vào ý niệm "Bây giờ ta sẽ hiện hữu với mục đích tạo tác phiền não." Như vậy, trong quá trình sinh khởi của phiền não vẫn hoàn toàn không có sự chủ động. Do đó sự thừa nhận của phái Số luận về sự hiện hữu của Vật chủ và Ngã với những đặc tính như trên hoàn toàn không thể có được.

(28) Không sinh nên không quả,
Muốn sinh cũng không sinh,
Ngã chấp trước sở sinh,
Vĩnh viễn không ngừng nghỉ.¹⁵⁴

(29) Nếu Ngã là thường trụ,
Bất động tựa hư không,
Dù gặp nhân duyên khác,
Bản chất không biến đổi.¹⁵⁵

¹⁵⁴ **[Behold]** Nếu Vật chủ là độc lập, nó không thể sinh ra vạn vật. Nếu cái Ngã là độc lập, nó không thể xử dụng hoặc kinh nghiệm những vật đã được sản sinh. Làm sao những hiệu quả (Anh: effect), hoặc cảm xúc có thể được sinh ra từ những vật thường trụ. Và nếu cái Ngã là thường hằng, khi nó thấy một vật, hoặc nghe một âm thanh chẳng hạn, nó sẽ vĩnh viễn ở trong trạng thái đó. Nếu có sự cải biến trong quá trình tương quan thì làm sao gọi là thường hằng được. Vì lý do này, ngài Tịch Thiên đã phủ nhận sự hiện hữu của cái mà phái Số luận gọi là Vật chủ và Ngã.

¹⁵⁵ **[Behold]** Phái Thắng luận chủ trương sự hiện hữu của cái Ngã thường trụ mà bốn tánh của nó là vật chất. Ngài Tịch Thiên cho rằng quan điểm như vậy là phi lý. Vì nếu cái Ngã thường trụ như hư không, nó sẽ không bao giờ có được hành động hoặc tác dụng. Phái Thắng luận cho rằng cái Ngã tuy thường trụ nhưng nếu gặp phải điều kiện vẫn có thể sản sinh quả báo. Ngài Tịch Thiên cho rằng đây là điều không thể có được. Trước hết, một vật thường trụ làm sao gặp được cảnh ngộ hoặc điều kiện? Giả sử có gặp chẳng nữa, nó làm sao biến đổi được? Một vật gọi là thường hằng chính bởi vì nó không biến đổi. Nếu nó biến đổi, sao gọi là thường hằng?

(30) Động rồi, như chưa động,
Động có tác dụng gì,
Nếu nói động là thế,
Ngã, [và] động nào tương can?¹⁵⁶

(31) Như vậy, tất cả pháp,
Tùy duyên không tự chủ,
Hiếu rồi chớ nên sân,
Những sự như huyền hóa.

(32) Kẻ nào trừ sân nào?
Trừ sân, không đúng lý.
Sân diệt, hết phiền não,
Trừ sân, không [phải là] phi lý.¹⁵⁷

(33) Nếu thấy oán hay thân,
Vô có đến hại mình,
Biết là do duyên sinh,
Vui nhận như ăn mật.

(34) Nếu tất cả hữu tình,
Đều được tự chọn thì,

¹⁵⁶ **[Behold]** Ý nghĩa của hai bài kệ (29) và (30) liên kết nhau. Nếu cái Ngã, dù đã bị tác động bởi những điều kiện khác, vẫn thường hằng bất biến, như thế tác động đối với cái Ngã có tác dụng gì? Nếu chúng ta nói rằng điều kiện của sự tác động trên cái Ngã là như thế. Như vậy, sự tương can (nhân quả) của hai bên (cái Ngã và tác động) là gì?

¹⁵⁷ Trên phương diện tuyệt đối, không có sự sân, người sân; nhưng trên phương diện thế gian, vẫn có người sân, sự sân. Do đó vẫn phải lo tu hành đoạn trừ sân hận.

Tất cả đều không khổ,
Vĩ không ai muốn khổ.¹⁵⁸

(35) Do vì tâm điên đảo,
Dùng gai, đĩnh tự hại,
Hoặc vì tranh [giành] đàn bà,
Tuyệt thực trong sâu bi.

(36) Thắt cổ, nhả xuống vực,
Uống thuốc, ăn đồ độc,
Làm nhĩng việc ngu si,
Tự tổn [hại] thân mạng mình.

(37) Người đời tiếc thân mạng,
Vĩ ngu còn tự sát.
Huống chi đối người khác,
Mà không gây tổn hại?¹⁵⁹

(38) Đối với kẻ hại mình,
Nĩn sinh lòng từ bi,

¹⁵⁸ **[Behold]** Bài kệ này có thể giải thích một cách khác: “Bởi vì tâm thức của hữu tình từ vô thủy đã bị huân tập bởi vô minh; hơn nữa, họ chưa chứng được sự giác ngộ để có thể nhìn thấy chân tướng của sự vật, cho nên, họ không có lựa chọn nào khác hơn là chịu đựng sự khổ đau trong sinh tử.”

¹⁵⁹ **[Behold]** Thường thường mọi người đều quý trọng thân thể của họ hơn bất cứ vật nào trên thế giới này, nhưng khi bị sự giận dữ chi phối, họ vẫn có thể tàn hại chính họ. Nếu sức mạnh của vô minh có thể đưa họ đến mức tuyệt vọng như vậy, chúng ta có thể thấy rõ ràng sức mạnh đó cũng có thể đưa họ đến sự tàn hại kẻ khác ác liệt như thế.

Dù không thể từ bi,
Cũng không nên sân hận.

(39) Nếu bốn tánh kẻ ngu,
Là tổn hại kẻ khác,
Giận họ thật vô lý,
Như ghét lửa bởi vì,
Tánh nó là thiêu đốt.

(40) Nếu người tánh hiền lương,
Ngẫu nhiên mà phạm tội,
Giận họ cũng vô lý,
Như ghét khói bởi vì,
Nó che đen bầu trời.

(41) Bị gây làm tổn thương,
Không [nên] giận người cầm gậy,
[Vì] họ bị sân sai khiến,
Đáng lý, nên ghét sân.¹⁶⁰

(42) Xưa kia ta đã gây,
Tổn hại đến hữu tình,
Nếu đã tổn hại họ,
Nay ta nên chịu tổn.

¹⁶⁰ **[Behold]** Nếu chúng ta giận người cầm gậy đánh ta (dù trên thực tế, chúng ta bị gậy đánh trực tiếp), nhưng người cầm gậy lại cũng chỉ là nguyên nhân thứ yếu, vì họ bị sân hận khích động. Nếu vậy chúng ta nên giận sự sân hận của họ, vì sự sân hận đó là nguyên nhân chủ yếu nhất.

(43) Gương người và thân ta,
Cả hai là gốc khổ,
Gương đâm, thân đón nhận,
Vậy sân với ai đây?¹⁶¹

(44) Mùi quáng nên chấp trước
Thân người đầy ổ trước,
Dù rờ nhẹ cũng đau,
Giận ai nếu bị [thương] tổn?¹⁶²

(45) Người ngu không muốn khổ,

¹⁶¹ **[Behold]** Khi bị kẻ khác gây tổn hại, chúng ta phải nhớ đến hai nguyên nhân chính của sự khổ đau của ta: vũ khí của kẻ địch và tấm thân bất tịnh của ta. Chỉ khi nào hai vật này tiếp xúc nhau sự khổ mới phát sinh. Nếu vậy chúng ta phải sân hận đối với bên nào? Thay vì giận dữ với kẻ địch, tại sao không giận dữ với thân ta. Nếu ta không bao giờ giận dữ với chính ta, tại sao ta lại giận dữ với kẻ địch? Chúng ta phải nhận thức rằng sự khổ đau này sinh ra là do những ác nghiệp mà chúng ta đã gây tạo trong quá khứ. Chính chúng ta là kẻ độc nhất đáng trách đối với những hậu quả ác liệt này.

¹⁶² **[Behold]** Thân thể hiện tại của chúng ta vừa yếu ớt vừa dễ bị thương tổn. Cho đến châm một ngọn gai cũng không chịu nổi. Nếu bị thương tổn bởi vũ khí, sự đau đớn còn ác liệt hơn nhiều. Thế nhưng, nếu chúng ta không đầu thai vào trong thân thể bất tịnh này, chúng ta sẽ không phải nhận chịu sự khổ sở đó. Do thiếu trí tuệ và bị dẫn dắt bởi vô minh, chúng ta đã tạo ác nghiệp, để ngày hôm nay phải thọ nhận cái thân mủ máu này, nguồn gốc của biết bao nhiêu sự thống khổ. Đã biết vậy, chúng ta sao không chịu tự trách ta, mà lại còn tiếp tục sân hận với người khác?

Mà toàn tạo nhân khổ,
Do lỗi mình tự hại,
Sao còn ghét kẻ khác?

(46) Ví như quỷ địa ngục,
Cùng với rừng đao kiếm,
Đều do nghiệp mình tạo,
Vậy sân với ai đây?¹⁶³

(47) Do nghiệp xưa phát động,
Nay khiến người [tổn] hại ta,
Nhân đây họ bị đọa,
Phải chăng ta hại họ?¹⁶⁴

¹⁶³ **[Behold]** Sự hành hạ của địa ngục không phải là những sự kiện không quan hệ đến tâm thức của ta, hoặc là sự trừng phạt của địa ngục chỉ là sự cấu tạo không tương. Tất cả những kinh nghiệm khổ đau của chúng ta đều là sự cấu tạo từ vọng tưởng của chính mình. Nếu chúng ta muốn chấm dứt sự thống khổ này, điều trước tiên là phải từ bỏ những hành vi bất chính, và dẹp tan những ảo mộng điên rồ của ta.

¹⁶⁴ **[Behold]** Kể đến, ngài Tịch Thiên tìm xem khi ta bị người khác tổn hại, ai là kẻ thực sự được lợi ích, ai là kẻ thực sự bị tổn hại. Sự tổn hại mà đối phương đem đến cho ta là quả báo do chính ta gây tạo trong quá khứ. Nếu ta khéo dùng cơ hội này tu tập nhẫn nhục, chúng ta không những được an vui, hạnh phúc trong hiện tại, mà trong tương lai sẽ gặt hái được quả lành. Nếu vậy kẻ hại ta chính là nguồn hạnh phúc cho ta. Ngược lại, kẻ làm hại ta, vì những nghiệp ác mà họ gây tạo, không những khổ đau trong hiện tại, mà còn gặt hái những quả báo khổ đau trong vị lai. Như vậy, chúng ta chính là kẻ hại họ, và họ chính là kẻ đem hạnh phúc cho ta. Biết thế, sao lại còn sân hận với người ơn của ta?

(48) Nhờ họ, ta tu nhẫn,
Tiêu diệt nhiều tội chướng,
Vì ta [chịu] nhẫn, kẻ thù,
[Bị] đọa địa ngục lâu dài.

(49) Ta thọ khổ, tức là,
Kẻ thù làm lợi [cho] ta,
Này, cái tâm thô bạo,
Sao lại [còn] sân hận họ?¹⁶⁵

(50) Nếu ta có công đức,
Chắc không đọa địa ngục.
Nếu ta tự gìn giữ,
Kẻ thù được lợi gì?¹⁶⁶

¹⁶⁵ **[Behold]** Nếu chúng ta nổi giận với một người ơn kém may mắn và tương lai mờ mịt như thế, thì đây quả thật là hành động của một quả tim thô bạo và méo mó. Nếu mục tiêu của cuộc đời ta là tìm kiếm giải thoát từ sự khổ đau, và thân chứng sự giác ngộ, thì cuộc sống vật chất này đối với chúng ta quả thật không có nghĩa lý gì. Chỉ có kho tàng nội tại của đức hạnh mới là quan trọng. Nếu vậy, kẻ thù đem đến cho ta sự bất hạnh, nhờ đó ta có thể tu tập và thành tựu hạnh Nhẫn nhục ba la mật, họ chính là người ơn tôn quý đã đem đến cho ta tất cả sự mãn nguyện.

Khi tôn giả Atisa đến Tây tạng hoàng pháp, ngài có dẫn theo một người hầu Ấn độ. Người này mỗi ngày đều mắng nhiếc ngài. Các vị đệ tử thưa với ngài: “Gã này thật quá quắt, xin thầy hãy đưa hắn về Ấn độ.” Atisa bèn nói với các đệ tử rằng: “Các con chớ nói thế. Hắn đối với ta rất tử tế. Hắn chính là một đối tượng cho ta tu sự nhẫn nhục. Nếu không, làm sao ta có cơ hội tu được hạnh Ba la mật này?”

(51) Nếu đem oán báo oán,
Kẻ thù tăng [thêm] sân hận,
Hạnh Bồ tát mình [bị] tổn,
Sự nhẫn nhục cũng mất.¹⁶⁶

(52) Tâm vốn không hình thể,
Không ai tổn hoại được,
Vì tâm chấp [vào] thân này,

¹⁶⁶ **[Behold] Hỏi:** Tuy tôi tu tập sự nhẫn nhục khi có người đến làm hại, nhưng vì tôi đã làm cho họ sân hận, như thế tôi có phải đọa ác đạo hay không? **Đáp:** Không. Nếu chúng ta quán tưởng rằng kẻ thù đang làm lợi cho ta, và tu hạnh nhẫn nhục đối với sự tổn hại đó, như thế chúng ta sẽ không tạo ác nghiệp gì mới, và vì không gây ác nghiệp nên không phải chịu ác báo. **Hỏi:** Nếu vậy, kẻ làm hại chúng ta cũng không nhận chịu ác báo nào từ những hành động của họ, ít nhất họ cũng đem đến chúng ta một cơ hội tu tập nhẫn nhục, tăng trưởng phước báo. **Đáp:** Điều này không đúng. Người tạo tác hành động sẽ nhận chịu quả báo. Không có lý do gì kẻ làm tổn hại lại có thể nhận lấy thiện báo từ sự tu tập nhẫn nhục của chúng ta. Hẳn đã tạo hành động bất thiện, làm sao có thể từ nhân ác mà nhận lấy quả lành được?

¹⁶⁷ **[Behold] Hỏi:** Nếu có kẻ hại ta, điều hay nhất là ta nên trả thù. Chắc chắn họ sẽ được lợi ích, vì lúc đó ta sẽ là đối tượng cho họ tu nhẫn nhục. **Đáp:** Có nhiều lý do để chứng minh quan niệm trên là sai lầm. Thứ nhất, nếu trả thù, chúng ta sẽ vi phạm Bồ tát nguyện của ta, làm suy giảm tâm Bồ đề, và khiến cho Bồ tát hạnh của ta thoái sụt. Thứ hai, không chắc là khi chúng ta trả thù, kẻ địch sẽ nhân đó tu nhẫn nhục. Điều chắc chắn là, vì họ là kẻ khiêu chiến, phản ứng của họ có thể sẽ trở nên táo bạo hơn, mà dù cho họ có tu nhẫn nhục chẳng nữa, hạnh Bồ tát của chúng ta sẽ bị thoái thất.

Nên gặp nhiều khổ nạn.¹⁶⁸

(53) Bị kẻ khác khinh miệt,
Nói lời thô, độc ác,
[Điều này] không tổn hại đến thân,
Tâm, sao người lại sân?

(54) Nếu nói họ ghét ta,
Nhưng đời này, đời sau,
Họ không thể [tổn] hại ta,
Sao [ta] lại ghét [sự] hủy báng?¹⁶⁹

(55) Nếu nói ghét kẻ thù,
Vì sợ mất lợi dưỡng,
Lợi này, chết sẽ mất,
Chỉ tội báo là còn.¹⁷⁰

¹⁶⁸ **[Behold]** Thật sự không ai có thể làm ta phiền não được, chỉ vì ta chấp thân này là có thật, từ đó sinh ra những sự khổ đau. **Hỏi:** Có lý do chính đáng cho sự giận dữ và trả thù khi người khác dùng vũ khí thương tổn thân thể của ta. Bởi vì tâm thức chấp trước thân thể một cách mạnh mẽ như một phần của nó, nên khi thân thể bị thương tổn, tâm thức trở nên bức dọc và tìm cách trả thù. **Đáp:** Lối lý luận như vậy thực phi lý. Nếu đúng như thế, tại sao chúng ta lại giận dữ khi kẻ khác nói nặng chúng ta.

¹⁶⁹ **[Behold]** Giả như có người ghét ta, hủy nhục ta, điều này có ăn nhập gì đến ta, sao lại phải nổi sân hận làm gì? **Phản đối:** Bởi vì người khác nghe đến những lời phỉ báng ác độc này sẽ không thích ta. **Đáp:** Sự ghét bỏ của người khác đối với ta, thực sự cũng chẳng đem đến sự tổn hại gì đến ta, dù trong đời này cũng như đời sau. Do đây cũng chẳng có lý do gì mà phải bức dọc.

(56) Chẳng thà chết hôm nay,
Quyết không sống tà mệnh,
[Bởi] dù có được sống lâu,
Chết chỉ gặp thống khổ.

(57) Dù mộng vui trăm năm,
Giấc mộng rồi phải tỉnh,
Hoặc mộng vui phút chốc,
Chung cuộc mộng sẽ tàn.

(58) Hai kẻ [nằm] mộng tỉnh giấc,
Mộng vui không trở lại,

¹⁷⁰ **[Behold]** Nếu ta sợ mất lợi dưỡng, cung kính, nên ghét họ; nhưng những cái đó đến chết ta có đem đi được đâu? Nếu vì điều này mà tạo tội, khi chết chỉ có cái nghiệp là theo ta. **Phản đối:** Nếu kẻ khác không thích ta, ta sẽ bị mất danh dự, như thế sẽ không được lợi dưỡng và địa vị. Do đó, muốn tránh sự tổn hại này, ta phải trả đũa lại sự sỉ nhục của họ. **Đáp:** Nếu ta trả thù sự nhục mạ của đối phương mà phớt bỏ sự tu tập nhẫn nhục, chúng ta càng gây thêm chướng ngại cho chính ta trong việc thu hoạch lợi dưỡng và danh dự. Sự tu tập nhẫn nhục không bao giờ ngăn chặn chúng ta thu hoạch lợi dưỡng. Sự thực, nó còn giúp chúng ta đạt được sự mong cầu. Nếu chúng ta không trả thù, đương nhiên chúng ta, hoặc trong đời này, hoặc trong đời sau, sẽ được tiếng tốt, địa vị và tài sản. Hơn nữa, trong việc truy cầu vật chất, tuyệt đối không nên sân hận, vì chúng ta có tích tập bao nhiêu tài sản chẳng nữa, đến chết cũng vẫn phải bỏ lại tất cả. Vật độc nhất còn sót lại với chúng ta là những vết hằn sân hận trong tâm thức, và những ác nghiệp đã tạo này sẽ dẫn chúng ta vào những tương lai mờ mịt nhất.

Cuộc sống tuy ngắn, dài,
Đến chết như tỉnh mộng.¹⁷¹

(59) Dù được nhiều lợi dưỡng,
Hưởng an lạc lâu dài,
Lúc chết, như bị cướp,
Ra đi bàn tay không.

(60) Nếu nói lợi nuôi thân,
Làm sạch tội, tu phước,
Nhưng vì lợi mà sân,
Phước hết, tội ác sinh.

(61) Nếu vì lợi mà sống,
Do sân, bị thoái đọa,
Lại chuyên làm tội ác,
Cuộc sống nghĩa lý gì?

(62) Hủy báng làm người nghi [ta],
Nên ta sân kẻ [hủy] báng,
Nếu vậy, sao không sân,
Kẻ hủy báng người khác?¹⁷²

¹⁷¹ Như hai người nằm mộng, tuy giấc mộng có đẹp có xấu, có ngắn có dài, nhưng tỉnh ra thì cùng giống nhau, nghĩa là không được gì. Giống thế, cuộc đời tuy có buồn có vui, chết đi cũng sẽ không còn gì, như tỉnh giấc mộng kẻ vàng.

¹⁷² **[Behold] Hỏi:** Chúng ta có thể không trả thù người ngăn chặn lợi dưỡng; nhưng sẽ trả thù nếu họ hủy báng danh dự của chúng ta, vì điều này sẽ làm kẻ khác mất sự tin tưởng đối với chúng ta. **Đáp:** Lối lập luận này rất là yếu ớt. Nếu chúng ta trả thù khi bị người khác hủy nhục, tại sao chúng ta không

(63) Nếu đó là việc người,
Cho nên ta nhẫn được,
Như vậy sao không nhẫn,
[Hủy] báng do phiền não sinh?¹⁷³

(64) Đối với kẻ [hủy] báng Pháp,
Phá hoại tháp, tượng Phật,
Ta cũng không nên sân,
Vì Phật không bị hại.¹⁷⁴

(65) Đối [với] kẻ hại sự trưởng,
Cùng thương tổn thân bằng,
Vì biết là duyên sinh,
Thế nên không sân hận.¹⁷⁵

trả thù khi kẻ khác bị hủy nhục, bởi vì sự hủy nhục này cũng làm người khác mất lòng tin đối với họ (kẻ bị hủy nhục).

¹⁷³ **[Behold]** Thật là phi lý nếu chúng ta có thể an nhẫn khi người khác bị làm nhục, mà không an nhẫn khi ta bị nhục. Tất cả sự nhục mạ chỉ là phản ánh của sự sinh khởi của vô minh, do đó không lý do gì mà phải khởi tâm sân hận với nó (sự nhục mạ).

¹⁷⁴ **[Behold]** Nghi: Có lẽ chúng ta nên tu tập an nhẫn nếu có kẻ đến hại ta, nhưng nếu họ hủy nhục Tam bảo, chúng ta sẽ phải trả thù. Điều này chắc chắn không sai lầm. Đáp: Bởi vì chư Phật ở ngoài phạm vi của tất cả sự hủy hoại, chúng ta không nên giận dữ đối với kẻ khác, dù họ là kẻ hủy báng Tam bảo, phá hoại tháp tượng, hoặc ô nhục Chánh pháp với bất cứ phương pháp nào. Những kẻ mà có thể làm những hành động ngu xuẩn như vậy, chắc chắn đã hoàn toàn bị khống chế bởi vô minh. Đối với những kẻ bất hạnh, yếu đuối như vậy chúng ta nên sinh lòng từ bi thương xót mới đúng.

(66) Vậ vớ tình, hữu tình,
Đều tổn hại đến ta,
Sao lại [chỉ] sần hữu tình?
Thế nên phải an nhĩn.¹⁷⁶

(67) Kẻ vì ngu làm ác,
Người vì ngu nổi sần,
Trong đây kẻ nào lỗi,
Kẻ nào không có lỗi?¹⁷⁷

(68) Vì đâu xưa tạo nghiệp,
Ngày nay bị người hại,

¹⁷⁵ **[Behold]** Cho đến những người thân của ta, như sư trưởng, thân quyến, hoặc bạn bè bị người khác hãm hại, ta cũng phải tự kèm hãm, không nên trả thù hoặc sinh sần hận, mà nên hiểu là tất cả đều là quả báo của ác nghiệp đã tạo ra trong đời trước. Dĩ nhiên, ta vẫn có thể trong phạm vi quyền lực của ta, với thái độ ôn tồn, không giận dữ, cố gắng ngăn chặn sự tai hại xảy đến cho người khác. *Tu tập nhĩn nhục, không có nghĩa là chúng ta để kẻ khác tự do làm ác mà không can thiệp, mà chỉ có nghĩa là chúng ta hoàn toàn tự chủ, không để cho tâm ta bị khống chế bởi vô minh, mà trở nên điên cuồng giận dữ, mất hết lý trí.*

¹⁷⁶ Nếu chúng ta có thể nhĩn được sự tổn hoại của vô tình, như mưa, gió, nóng, lạnh v.v..., mà không sinh sần hận, thì do sự quán sát về nhân duyên hoà hợp không tự tính, chúng ta cũng có thể an nhĩn được sự tổn hại mà hữu tình đem đến cho chúng ta.

¹⁷⁷ **[Behold]** Vì do sần hận mà tổn hại người khác, hoặc vì do sần hận mà trả thù, cả hai hành động hoàn toàn chỉ là sự nô lệ của vô minh, đều không đáng được khích lệ.

Tất cả đều do nghiệp,
Sao lại sân hận người?

(69) Đã hiểu rõ như thế,
Nên thương xót lẫn nhau,
Vì thế phải nhất tâm,
Tu hành chư phước thiện.

(70) Ví như nhà bị cháy,
Lửa lan đến nhà người,
Đáng lý mau chặt, dọn,
Cỏ rơm, vật nhạy lửa.¹⁷⁸

(71) Vì tâm tham cảnh giới,
Làm lửa sân bùng cháy,
Sợ lửa đốt phước đức,
Phải mau trừ diệt tham.¹⁷⁹

¹⁷⁸ **[Behold]** Sự tham luyến đối với người thân (một cách tổng quát, sự tham luyến đối với tất cả sự vật) thường là nguyên nhân sinh khởi của sự giận dữ, bởi vì chúng ta bên ngoài họ nên sinh tâm thù hận. Ngài Tịch Thiên đề cập đến vấn đề này bằng cách đưa ra thí dụ sau đây: Khi một ngôi nhà bị cháy, cỏ khô chung quanh có thể dẫn lửa cháy lan đến nhà bên cạnh. Nếu cỏ không bị cắt, ngọn lửa sẽ cháy lan đến các ngôi nhà hàng xóm và thiêu hủy tất cả tài sản của họ.

¹⁷⁹ **[Behold]** Cũng thế, đang khi những sự vật chúng ta tham luyến bị xâm phạm, cỏ khô của sự tham luyến sẽ dẫn lửa sân hận đến hại chúng ta, cùng đốt cháy tất cả phước đức mà chúng ta đã tu tập được. Để phòng ngừa sự khốc hại này, chúng ta phải nhất tâm dứt bỏ sự tham luyến của ta đối với trần cảnh.

(72) [Giống] như, đáng [lẽ] bị tử hình,
Nay chỉ bị chặt tay,
Tu hành chịu chút khổ,
[Mà được] giải thoát, chẳng vui sao?¹⁸⁰

(73) Hiện nay, chút ít khổ,
Mà còn không nhĩn được,
Sao không trừ sân hận,
Gốc của khổ địa ngục?¹⁸¹

(74) Vì [tham] dục, [nên] đã ngàn lần,

¹⁸⁰ Tu hành tuy chịu chút ít khổ mà được giải thoát, cũng giống như người đáng lẽ bị tử hình, nay bản án được giảm khinh thành chặt tay, điều này không phải là đáng vui mừng hay sao?

Hỏi: "Nếu như tôi dứt bỏ người thân cùng bè bạn (nói tổng quát là không tham luyến trần duyên), tôi sẽ tiếp tục nhận chịu sự khổ đau (như biệt ly, cô đơn chẳng hạn)."

Đáp: "Sự nhĩn chịu khổ đau đó, giống như một kẻ sắp bị tử hình, nay nhờ sự can thiệp của người khác mà bản án được giảm xuống, chỉ bị chặt tay. Kẻ tử tù đó nhất định sẽ vui mừng khôn xiết. Tương tự như vậy, một người nhận chịu khổ đau của sự phải xa rời cảnh giới đang tham luyến, phải nên cảm thấy may mắn vì sẽ không bị cảnh giới đó trói buộc khiến cho khởi tâm sân hận màọa địa ngục."

¹⁸¹ **[Behold] Hỏi:** Tôi vẫn không thể nào chịu đựng nổi sự nhục mạ và phỉ báng. **Đáp:** Nếu chúng ta không nhĩn chịu sự khổ đau nhỏ nhất này, thì làm sao nhĩn chịu nổi sự thống khổ ở địa ngục được. Nếu không nhĩn chịu được sự khổ đau ở địa ngục, tại sao chúng ta không sợ, mà vẫn còn tiếp tục sân hận, gây tạo nguyên nhân để bị thác sinh vào cõi đó.

Bị đọa ngục, [chịu] thiêu đốt,
[Thế] nhưng việc lợi mình, người,
[Đến] nay vẫn chưa thành tựu.¹⁸²

(75) An nhẫn, khổ không nhiều,
Lại thành tựu lợi lớn,
Vì [muốn] trừ hại [cho] chúng sinh ,
Nên vui nhận khổ này.

(76) Thấy người khác vui vẻ,
Khen ngợi kẻ thù ta,
Tâm, sao người không khen,
Để lòng ta hoan hỉ?¹⁸³

(77) Sự hoan hỉ phát sinh,
Là vui, không phải tội,
Chư Phật đều cho phép,
Lại là pháp nhiếp người.¹⁸⁴

¹⁸² **[Behold]** Trong quá khứ, chúng ta vì ngu si, không hiểu luật nhân quả, hơn nữa tâm thức của chúng ta lại bị nhiễm ô bởi sự sân hận và tham luyến, chúng ta đã từng nhận chịu bao nhiêu sự khổ đau thiêu đốt của địa ngục. Điều rất đáng tiếc là tuy chịu biết bao nhiêu khổ đau như thế, nhưng chúng ta vẫn chưa làm được lợi ích gì cho người khác và cho chính mình [trên con đường giải thoát].

¹⁸³ **[Behold]** Sự giận dữ thường thường đi đôi với sự ganh ghét, bởi vậy chúng ta phải nên vượt qua cả hai sự chướng ngại này. Vì thế, nếu kẻ thù chúng ta được người khác ca ngợi, thay vì trở nên ghen tị, chúng ta nên vui vẻ và tùy hỉ đối với sự hân hoan của họ.

(78) Nếu thấy người được vui,
[Mà] ta [lại] không muốn họ vui,
Giống như [chủ] không trả [tiền] công,
Hai bên [đều] mất an lạc.¹⁸⁵

(79) Người nào khen ngợi ta,
[Thì] ta muốn họ được vui,
Nay họ khen người khác,
Cớ sao ta không vui?

(80) Xưa muốn hữu tình vui,
Nên phát tâm Bồ đề,
Nay [thấy] hữu tình được vui,
Sao lại sân hận họ?¹⁸⁶

¹⁸⁴ **[Behold]** Nếu chúng ta có thể tùy hỷ công đức của kẻ khác một cách chân thực, chúng ta sẽ được sự vui đời này và đời sau. Không những chư Phật đều hài lòng với hành động của chúng ta, mà sự tùy hỷ công đức này lại còn là một phương pháp hay nhất để kết duyên lành với chúng sinh.

¹⁸⁵ **[Behold]** Nếu chúng ta không thích thấy người khác vui, thì cũng giống như là chúng ta không trả tiền công cho người làm, vì điều này (tiền công) sẽ làm họ vui. Nếu thế, người làm sẽ không làm việc cho ta, và như vậy, trong hiện tại và tương lai hai bên (chủ tớ) đều sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Tương tự, tùy hỷ công đức người khác cũng giống như trả tiền lương sống phẳng cho người làm của chúng ta, điều này sẽ làm cho họ vui, mà chúng ta cũng được nhiều lợi ích an lạc.

¹⁸⁶ Chúng ta đã phát hạnh nguyện lợi ích chúng sinh, và hơn nữa đã từng phát tâm Bồ đề để kiên cố hạnh nguyện này. Nếu thế, chúng ta nữ nào nhẫn tâm ghen ghét với kẻ khác,

(81) Xưa mong cho hữu tình,
Thành Phật, thọ cúng dường,
Nay thấy họ được lợi,
Sao lại sinh tật đố?

(82) Bốn phận ta phải nuôi,
Phải chăm sóc người thân,
Nay thấy họ tự lập,
[Sao ta] không vui, lại [còn] sân hận?¹⁸⁷

(83) Không muốn người được lợi,
[Lẽ] nào muốn họ thành Phật?
Ghen ghét kẻ phú quý,
[Làm] sao có Bồ đề tâm?¹⁸⁸

khi họ với tất cả nỗ lực, thu hoạch được một ít sự vui sướng không đáng kể.

¹⁸⁷ **[Behold]** Ví như cha mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng con cái, khi thấy chúng đã trưởng thành và có thể tự lập, cha mẹ nên vui mừng. Họ luôn luôn sung sướng với sự thành tựu của con cái ta và không bao giờ khởi tâm ghen ghét. Chúng ta đối chúng sinh cũng nên như vậy.

¹⁸⁸ **[Behold]** Nếu chúng ta muốn dẫn dắt chúng sinh đến nơi an lạc, tự do và giải thoát, không có lý do nào mà lại trở nên ghen ghét và sân hận khi chúng sinh tìm được niềm an ủi nhỏ nhất cho chính họ. Nếu chúng ta có những tâm tưởng nhỏ nhen như vậy, sao lại gọi là kẻ thực hành hạnh Bồ tát được. Khi tâm chúng ta còn tràn ngập bởi sự ghen ghét và ác cảm, tâm Bồ đề của chúng ta không bao giờ tăng trưởng được. Nếu tâm ghen ghét, sân hận cùng sự điên đảo tăng gia một phần, thì tâm Bồ đề bị giảm sút một phần. Nếu chúng ta

(84) Kẻ thù đã được lợi,
Hoặc, thí chủ chưa đưa [họ],
[Cả hai] ta đều không có phần,
Việc gì ta phải lo?¹⁸⁹

(85) Sân hận mất phước lành,
Tín tâm và đức hạnh,
Sao không chịu trách ta,
Tự gây bao chướng ngại?¹⁹⁰

(86) Khi xưa từng làm ác,
Tại sao chưa hối hận,
Nay lại còn ghen ghét,
Kẻ phước đức hơn ta?

(87) Giả sử người đau khổ,

thật sự tha thiết thực hiện hạnh Bồ tát, thì hãy cấp tốc quét sạch những căn bã này ra khỏi tâm thức của chúng ta.

¹⁸⁹ **[Batchelor]** Việc gì đến ta, nếu kẻ thù được hay không được lợi dưỡng? Hoặc là họ đã được; hoặc là thí chủ đã hứa, nhưng chưa đưa cho họ. Trong cả hai trường hợp, ta chẳng được phần nào.

¹⁹⁰ **[Behold]** Một mặt khởi tâm ghen ghét, mặt khác lại mong nhận được lợi dưỡng và hạnh phúc. Đây chính là một sự mâu thuẫn to tát của chính ta. Tại sao? Vì nguyên nhân chính cho sự gặt hái được lợi dưỡng và hạnh phúc chính là đức hạnh của chúng ta. Khi mà lòng ghen tuông cùng tâm ích kỷ nổi dậy, chúng sẽ đập nát những hạnh phúc của chúng ta, và như thế sẽ hủy diệt những cơ hội cho sự hạnh phúc của chúng ta trong tương lai. Giữa tâm ác và quả lành, chúng ta phải chọn một, không thể lưỡng lự được.

Thì ta được vui gì,
Chỉ mong người khác khổ,
Chưa chắc họ sẽ khổ.

(88) Giả sử ta mãn nguyện,
Người khổ, ta vui gì?
Nếu nói ta thỏa mãn,
Không gì tệ hơn đây.¹⁹¹

(89) Nếu lưỡi câu sân hận,
Bén nhọn móc dính ta,
Đưa ta xuống địa ngục,
[Ắt] đọa vào vạc dầu sôi.

(90) Khen ngợi và vinh dự,
Không đem đến phước, thọ,
Sức lực, sự khoẻ mạnh,
Không làm thân an lạc.¹⁹²

¹⁹¹ **[Behold]** Khi kẻ thù chúng ta bị tổn hại, điều này đem đến sự vui sướng gì cho chúng ta? **Phản đối:** Nếu kẻ thù đau khổ, điều này sẽ làm tôi vô cùng thỏa mãn. **Đáp:** Những ý tưởng như vậy sẽ không bao giờ được toại nguyện. Ngược lại, không có sự tai hại nào hơn là những ý tưởng hạ tiện và thô bỉ đó đem đến cho chúng ta.

¹⁹² **[Behold]** **Hỏi:** Nếu tôi không trả thù khi bị người hủy nhục, kẻ khác sẽ nghĩ thế nào? Danh vọng, và sự ca ngợi của tôi sẽ bị tổn giảm. **Đáp:** Để trả lời sự thắc mắc này, trước tiên nên quán sát giá trị của cái gọi là danh vọng, ca ngợi, v.v... Chúng đưa đến cho chúng ta sự lợi ích thực tế nào? Dư luận của kẻ khác có thể làm cho tâm linh chúng ta tiến bộ không? Làm cho chúng ta sống lâu không? Làm cho chúng ta

(91) Nay hiểu rõ tổn, ích,
Danh vọng có ích gì?
Nếu chỉ muốn thỏa lòng,
Chi bằng vui tửu sắc.¹⁹³

(92) Nếu chỉ vì hư danh,
[Mà bị] mất của, táng thân mệnh,
Lời khen đem được gì,
Khi chết, ai hưởng lạc?

(93) Nhà cát bị sụp đổ,
Trẻ con khóc, gào la,
Mất danh, nếu bi thương,
Khác nào lũ con trẻ.¹⁹⁴

(94) [Âm] thanh tạm bỏ, vô tình,
Khen ngợi nào đủ vui,
Nếu nói người ưa ta,

thoát khỏi sự bệnh hoạn (và già chết) không? Nếu nó không giúp được gì cho chúng ta, thì những hư danh đó đối với chúng ta chẳng có nghĩa lý gì. Tại sao chúng ta để nó làm xao động tâm hồn?

¹⁹³ **[Behold]** Nếu đã ý thức được những ý nghĩa đó (tức là sự tổn hại của tâm sân hận và sự lợi ích của tâm tùy hỷ), thì chúng ta sẽ tìm được gì trong sự khen chê này. Nếu tất cả những điều mà chúng ta mong cầu chỉ là một chút khoái lạc tâm hồn, thì tốt hơn nên đi tìm những thú vui trong rượu chè, cờ bạc, v.v...

¹⁹⁴ Ở đây danh vọng được ví như nhà cát mà trẻ con đắp trên bãi biển.

Người khen là niềm vui.¹⁹⁵

(95) Được khen, hoặc người vui,
Đối với ta có ích gì,
Vui sướng riêng họ hưởng,
Ta được phần nào đâu?

(96) Nếu [nói] người vui, [nên] ta vui,
Đối kẻ khác, cũng [nên như] vậy,
Người khác khen kẻ thù [của ta],
Cớ sao ta [lại] không vui?¹⁹⁶

(97) Vậy khi ta được khen,
Nếu sinh tâm hoan hỉ,
Sự vui này vô lý,
[Giống như] hành động của trẻ con.

¹⁹⁵ **[Behold]** Bởi âm thanh là vô tình không có ý khen ta nên ta không vì lời khen mà vui, nhưng vì thấy người khen vui vẻ, cho nên ta lấy sự vui của họ làm niềm vui của ta.

¹⁹⁶ Nếu nói, thấy người vui nên ta vui theo, như vậy khi thấy người khác vui vẻ khen ngợi kẻ thù ta, tại sao ta không vui?

[Behold] Hỏi: Thật là điều hợp lý nếu chúng ta vui khi thấy người khác vui. Trong kinh điển chẳng lẽ chưa nói đến: "Chúng ta nên hoan hỉ khi thấy chúng sinh vui?" **Đáp:** Điều này rất đúng. Điều quan trọng là chúng ta phải suy tư một cách sâu sắc hơn, cho đến trình độ chúng ta vẫn có thể hoan hỉ khi thấy kẻ thù ta vui sướng. Thật là phi lý nếu chúng ta vẫn còn tâm phân biệt, chỉ vui khi thấy bạn bè ta được khen ngợi, và trở nên ghen tức khi thấy kẻ thù ta vui sướng.

(98) Khen ngợi làm tâm loạn,
Tổn hoại tâm xả ly,
Ghen ghét người có đức,
Sẽ [hủy] hoại quả báo lành.¹⁹⁷

(99) Vì vậy nếu có người,
Tổn hoại danh dự ta,
Phải chăng [là] đã cứu ta,
Khỏi đọa ba đường ác?

(100) Ta chỉ cầu giải thoát,
Không cần lợi trói buộc,
Tại sao lại sinh sân,
Với người cõi trời [cho] ta?

(101) Như ta sắp bị đọa,
Vì nhờ Phật gia hộ,
Kẻ thù thành vật ngăn,
Cớ sao lại ghét họ?¹⁹⁸

¹⁹⁷ **[Crosby]** Sự khen ngợi đưa đến cho ta [vọng tưởng của] sự an ninh. Chúng phá hoại ý thức của ta về sự khẩn cấp của việc thoát ly sinh tử. Hơn nữa, chúng tạo nên sự ghen ghét đối với người có đức hạnh, và giận dữ đối với sự thành công của họ.

¹⁹⁸ **[Behold]** (Kệ 99-101) Kẻ thù là bậc thầy quý trọng nhất của chúng ta. Họ dạy chúng ta hạnh nhẫn nhục, giúp chúng ta cắt đứt sự tham mê danh vọng, đoạn trừ cho chúng ta sự trói buộc của sinh tử. Họ ngăn chặn chúng ta trong sự tạo thêm nhân duyên cho sự đầu thai vào cõi thống khổ sau này, và giúp cho chúng ta gây tạo nhân duyên cho sự giải thoát. Nên coi họ như bậc dẫn dắt tâm linh, đang đem đến cho ta

(102) Nếu [kẻ] thù ngăn phước ta,
Ghét họ cũng không đúng,
Khó làm, không hơn hẳn,
Tại sao không chịu nhẫn?¹⁹⁹

(103) Nếu ta tự có lỗi,
[Vi] không nhẫn sự tổn hại,
Phải chăng ta tự chướng,
Tu nhẫn, nguồn phước đức?²⁰⁰

(104) Không [bị] hại, nhẫn không sinh,
Kẻ thù giúp ta nhẫn [nhục],
Họ là nguồn tu phước,
Sao gọi [họ] là chướng phước?²⁰¹

bao nhiêu sự lợi lạc. Nếu được như vậy, chúng ta sẽ dẹp trừ được sự giận dữ của chúng ta đối với người bạn cao quý này.

¹⁹⁹ **[Behold]** Hỏi: Tại sao người tu học Phật pháp phải nghĩ rằng kẻ thù là người bạn thân nhất của mình? Khi kẻ khác hại ta, họ làm gián đoạn sự tu tập, ngăn trở sự tích tập phước đức, và chướng ngại sự thực hành bố thí và các công đức khác của ta, lúc đó không những họ không phải là bạn ta, mà sự trả thù của ta đối với họ cũng là hợp lý. **Đáp:** Cơ hội tu tập hạnh nhẫn nhục (một yếu tố quan trọng nhất trên con đường thành Phật), được đem đến cho chúng ta là do "sự tử tế của kẻ thù."

²⁰⁰ **[Behold]** Bằng cách đem cho chúng ta một cơ hội tu tập nhẫn nhục, kẻ ác ôn đó giúp chúng ta tạo công đức vô lượng. Nhưng nếu chúng ta không nhẫn, cơ hội hiếm có này sẽ mất.

²⁰¹ Kẻ thù là động cơ cho ta tu nhẫn nhục, nếu tu thành, phước đức ta sẽ vô lượng, như thế sao lại cho họ là kẻ chướng ngại phước đức ta? Ở đây nên suy ngẫm kỹ càng, cái

(105) Kẻ đúng lúc lại xin,
Không ngăn ta bố thí,
Các vị thầy truyền giới,
Không ngăn ta xuất gia.²⁰²

(106) Thế gian nhiều ăn mày,
[Nhưng] người hại ta thì ít,
Nếu ta không kết oán,
Chắc không ai hại ta.²⁰³

(107) Kẻ thù rất khó gặp,
Như báu hiện nhà nghèo,
Họ giúp ta thành Phật,
Phải mừng khi gặp họ.

(108) Nhờ [kẻ] thù nên thành [tự] nhẫn,

nhìn của người đời rất thiển cận, chỉ thấy kẻ thù làm chướng ngại phước báo hữu lậu thế gian của ta, mà không thấy họ là ân nhân giúp ta tu thành quả báo vô lậu xuất thế gian.

²⁰² Ở đây, kẻ ăn xin, thầy thọ giới ví với kẻ thù, còn kẻ bố thí, kẻ cầu xuất gia ví với chính ta. Kẻ ăn xin là nhân duyên lành cho ta tu bố thí, không thể bảo rằng họ ngăn trở sự bố thí của ta. Đối kẻ cầu xuất gia, thì thầy thọ giới là nhân duyên lành cho sự xuất gia của họ, không thể nói rằng các vị ấy chướng ngại sự xuất gia. Sự bố thí và xuất gia ví với sự nhẫn nhục.

²⁰³ **[Behold]** Nói một cách tổng quát, hạnh nhẫn nhục cao hơn hạnh bố thí, bởi vì đối tượng của sự nhẫn nhục khó tìm hơn đối tượng cho sự bố thí. Vì sao? Kẻ ăn mày thì nhiều (cơ hội bố thí cũng nhiều), nhưng có mấy kẻ [thật tình] đến dạy cho chúng ta sự nhẫn nhục?

Vì thế thành quả này,
Nên dâng hiến kẻ thù,
Vì họ giúp [ta] tu nhẫn.²⁰⁴

(109) Nếu [kẻ] thù không ý giúp [ta],
Không đáng ta cúng dường [họ],
Vậy [ta] cũng chẳng nên cúng,
Chánh pháp (nguồn tu thiện).²⁰⁵

(110) {Phản đối} Vì kẻ thù hại ta,
Nên ta không cúng dường [họ].
{Đáp} Nếu họ như lương y,
Ta làm sao tu nhẫn?²⁰⁶

(111) Phải nhờ người sân ác,
Mới tu được nhẫn nhục,

²⁰⁴ **[Behold]** Chúng ta phải thường nhớ đến sự từ bi của kẻ thù đã làm cho chúng ta sân hận. Phải cảm thấy vui mừng khi gặp được họ. Chính họ là người giúp chúng ta có cơ hội tu tập nhẫn nhục. Vì thế, bất cứ công đức hay quả báo lành nào có được, trước nên hồi hướng đến họ.

²⁰⁵ **[Behold]** **Hỏi:** Tôi không có lý do gì thờ phụng kẻ thù. Họ không có ý giúp tôi tu tập nhẫn nhục. **Đáp:** Nếu sự phản đối này là đúng, thì chúng ta cũng chẳng nên thờ phụng (Phật) Pháp. Nó (vì vô tâm nên) cũng chẳng có ý muốn đem đến cho chúng ta đức hạnh.

²⁰⁶ **[Behold]** **Hỏi:** Điều này không giống nhau. Kẻ thù có ý hại chúng ta, trong khi Chánh pháp không có ý nghĩ đó. **Đáp:** Chính vì do ý muốn hãm hại của kẻ thù, chúng ta mới có cơ hội tu tập nhẫn nhục. Nếu kẻ thù giống như bậc lương y, chỉ mong làm lợi ích, chỉ đem lại sự an lành, thì chúng ta sẽ không bao giờ có cơ hội tu tập nhẫn nhục.

Họ là gốc [của sự] tu nhẫn,
Nên cúng [họ] như [cúng] Chánh pháp.²⁰⁷

(112) Chúng sinh, và chư Phật
Là phước điền thù thắng,
Người nào kính cả hai,
Sẽ đạt đến bờ Giác.²⁰⁸

(113) Chúng sinh, Phật đều là,
Nhân duyên giúp thành Phật,
Kính Phật, khinh chúng sinh,
Lẽ nào có lý này?²⁰⁹

(114) Trên phương diện trí, đức,
Chúng sinh không bằng Phật,
[Nhưng] làm duyên giúp thành Phật,
Chúng sinh, [và] Phật bằng nhau.²¹⁰

²⁰⁷ **[Batchelor]** Sự nhẫn nhục [của ta] được sinh ra, tùy thuộc vào tâm sân hận của kẻ thù, như thế, họ phải đáng được thờ phụng như Chánh pháp.

²⁰⁸ **[Batchelor]** Do đó, đức Phật dạy rằng phước điền của chúng sinh đồng như phước điền của Phật. Vì những kẻ từng làm chúng sinh vui lòng, đã đạt đến sự viên mãn (thành Phật).

²⁰⁹ **[Crosby]** Khi mà sự truyền thọ phẩm hạnh để thành Phật đến với chúng ta từ phước điền của chúng sinh và phước điền của Phật bằng nhau, lý do gì mà chúng ta không cung kính chúng sinh như cung kính Phật?

²¹⁰ **[Behold]** Ngài Tịch Thiên không có ý muốn nói phẩm hạnh của chúng sinh đồng với phẩm hạnh của bậc Giác Ngộ, mà chỉ muốn nói chúng sinh và Phật giống nhau ở điểm là cả hai đều là nguyên nhân cho sự giác ngộ (của chúng ta), và

(115) Nên cúng bậc tâm từ,
Bởi vì họ tôn quý,
Kính Phật, [bậc] phước điền lớn,
Bởi vì Phật tôn quý.²¹¹

(116) Chúng sinh giúp thành Phật,
Nên nói [họ] đồng [với] Phật,
Nhưng chúng sinh kém Phật,
Vô biên biển công đức.²¹²

(117) Với bậc [chỉ] được ít phần,

chỉ trên phương diện này, cả hai đều đáng là đối tượng cho chúng ta tôn thờ.

[Diễn Nghĩa] Nói một cách tổng quát, nếu chúng ta bố thí tài vật, sự an vui (vô úy), và Phật pháp đến kẻ khác, đây gọi là tu hạnh bố thí. Nhưng Bồ tát vì thấy được chúng sinh là sự quý báu vô hạn, và cảm ơn những sự lợi ích mà chúng sinh đem đến, do đó các ngài coi hành động bố thí của mình chính là sự cúng dường đến chúng sinh. Các ngài nhận thức rằng chúng sinh là đối tượng để tu tập hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, v.v..., và giúp cho sự gặt hái được quả lành Giác Ngộ, do đó các ngài thờ phụng chúng sinh ngang hàng với Tam bảo.

²¹¹ **[Batchelor]** Bất cứ công đức nào sinh ra từ sự tôn thờ một bậc có tâm từ bi là nhân vì sự tôn quý của họ. Và giống như vậy, công đức sinh ra do sự tin tưởng vào đức Phật là nhân vì sự tôn quý của đức Phật.

²¹² Chúng sinh được nói là đồng với chư Phật trên phương diện họ giúp kẻ khác thành tựu đức hạnh của Phật (thành Phật). Nhưng trên phương diện phước đức, họ không thể nào bằng Phật là bậc có vô biên biển công đức.

Công đức của chư Phật,
Dù cúng [cho họ] vật [đầy] ba cõi,
Cũng chưa gọi là đủ.²¹³

(118) Hữu tình đủ công đức,
Sinh khởi Pháp thù thắng,
[Công] đức này đồng chư Phật,
Nên phải cúng [dường] hữu tình.²¹⁴

(119) Chư Phật đối [với] hữu tình,
Thành thật làm lợi ích,
Nếu muốn báo ơn Phật,
Hãy làm hữu tình vui.²¹⁵

(120) Lợi sinh mới đủ báo,
Ơn Phật, bậc vì ta,
Xả thân vào địa ngục,
Vì thế dù bị hại,
Kiên quyết tu pháp lành.²¹⁶

²¹³ **[Batchelor]** Dù chúng ta đem cả ba cõi cúng dường đến những bậc chỉ có được một phần nhỏ công đức của chư Phật, cũng chưa bày tỏ hết sự tôn thờ của chúng ta đến với họ.

²¹⁴ **[Behold]** Một cách tổng quát, tuy chúng sinh không có những đức hạnh to lớn của chư Phật, họ cũng chia xẻ một phần trong việc làm phước điền cho chúng ta. Bởi vì chúng ta nhờ vào phước điền này trong sự tu hành thành Phật, thế nên chúng ta phải tôn thờ chúng sinh như tôn thờ chư Phật.

²¹⁵ **[Crosby]** Hơn nữa, đối với chư Phật, bậc Thành Thực đã đem vô biên hạnh phúc đến cho hữu tình, chúng ta không có cách nào hay hơn để báo ân các Ngài là làm cho hữu tình được an vui.

(121) Chư Phật vì chúng sinh
Còn không tiếc thân mệnh,
[Tại] sao ta còn ngã mạn,
Không [chịu] phục vụ hữu tình?²¹⁷

(122) Chúng sinh vui, Phật vui,
Chúng sinh khổ, Phật buồn,
Làm chúng [sinh] vui, Phật vui,
Hại chúng sinh, [là] hại Phật.

(123) Nếu toàn thân bỏng lửa,
Gặp vui, tâm nào vui?
Nếu tổn hại hữu tình,
Làm sao khiến Phật vui?²¹⁸

(124) [Khi] xưa, vì hại chúng sinh,

²¹⁶ **[Behold]** Trong quá khứ, đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni, vì lợi ích chúng sinh đã bỏ biết bao nhiêu thân mệnh. Vì thế chúng ta không nên làm hại những đối tượng thương yêu của ngài (nghĩa là tất cả chúng sinh). Giả sử chúng ta bị hại, không nên tìm cách báo hận, mà nên đem sự vui sướng, lợi ích, và tình thương đến cho kẻ thù. Nếu như chúng ta có thể thực hành được điều này, tất cả chư Phật đều sẽ hài lòng.

²¹⁷ **[Batchelor]** Vì chúng sinh mà chư Phật còn không đoái hoài đến thân mệnh (của các ngài), tại sao ta, kẻ ngu si lại đầy ngã mạn, không chịu phục vụ như một kẻ tôi tớ cho chúng sinh?

²¹⁸ **[Batchelor]** Nếu toàn thân chúng ta đang bị lửa cháy, sự vui bên ngoài không thể làm chúng ta vui; tương tự, khi chúng ta đang làm hữu tình đau khổ, chư Phật cũng không thể nào được vui.

Làm cho Phật đau buồn,
Nay [con xin] gặp đầu sám hối,
Cầu Phật tha hết tội.

(125) Muốn khiến cho Phật vui,
Phải làm lợi chúng sinh,
Dù họ giẫm lên đầu,
Thà chết, [nguyện làm] vui lòng Phật.²¹⁹

(126) Chư Phật, đấng Đại Bi,
Xem chúng sinh như [chính] mình,
Chúng sinh, [và] Phật đồng thể,
Sao [ta] không kính chúng sinh?²²⁰

²¹⁹ **[Batchelor]** Từ ngày hôm nay, để làm Phật vui lòng, con xin phục vụ hữu tình trong pháp giới, và quyết định ngừng dứt sự tổn hại [đối với hữu tình]. Mặc cho họ giẫm lên đầu con, dù phải bỏ thân này, con xin làm vui lòng chư Phật.

²²⁰ **[Batchelor]** Điều không còn nghi ngờ là những bậc với tâm từ bi xem tất cả chúng sinh đồng như chính họ. Hơn nữa, những kẻ nào thấy được Phật tính này chính là bản tính chúng sinh sẽ thấy được Phật. Tại sao ta lại không kính trọng hữu tình?

[Behold] Một trong những phương pháp hay nhất để phát triển và duy trì tâm Bồ đề là pháp quán “chuyển đổi tự tha” (xem phẩm thứ tám). Chư Phật từ bi đã tu thành pháp quán này, đã phá trừ tất cả những nhỏ nhen ích kỷ, và thương xót chúng sinh còn hơn chính mình. Vì đức Bốn sư Thích Ca đã hoàn toàn thành tựu pháp quán “chuyển đổi tự tha” này, do đó mỗi chúng sinh đều là hiện thân của ngài. Nếu chúng ta thấu hiểu rằng hữu tình trên phương diện này không khác biệt với bậc Giác ngộ, và nếu chúng ta kính trọng chúng sinh, thành quả của sự giác ngộ sẽ đến với chúng ta

(127) Làm chúng [sinh] vui, Phật vui,
Không những lợi cho ta,
Lại trừ [diệt] thế gian khổ,
Nên phải thường an nhẫn.²²¹

(128) Như bầy tôi của vua,
Tuy tổn hại nhiều người,
Bậc trí tuy đủ sức,
Nhưng vẫn không phục thù.

(129) Vì bọn họ đông nhiều,
Lại được vua hậu thuận.
[Cho nên] sức kẻ thù tuy yếu,
Cũng không coi thường họ.²²²

(130) Bởi vì họ nương [tựa] vào,

một cách nhanh chóng. Bởi thế chúng ta nên tiếp tục cúng dường và khởi lòng từ bi vô hạn đến với chúng sinh.

²²¹ **[Behold]** Kẻ nào tu tập nhẫn nhục khi bị hại, và kính trọng tất cả chúng sinh như Phật, sẽ làm cho chư Phật vui lòng, và sẽ thành Phật đoạn trừ phiền não cho tất cả chúng sinh. Do đây, chúng ta nên tu tập ba loại nhẫn như sau: 1. vui vẻ nhận chịu sự thống khổ của chính ta, 2. phải luôn luôn suy tư Chánh pháp, 3. kèm hãm (tâm sân hận) quyết không trả thù.

²²² Người có trí tuệ, tuy có đủ sức phục thù cho nhân dân, nhưng các ngài vẫn nhẫn nhịn, vì các ngài biết bọn bầy tôi đó đang có thế lực lớn, lại được sự sủng ái của nhà vua. Cũng thế, những chúng sinh, dù yếu thế, đến hại ta, ta cũng không nên coi thường họ.

Chư Phật cùng ngục tốt.
Hãy làm hữu tình vui,
Giống như dân hầu vua.²²³

(131) Bạo chúa tuy nổi sần,
Không làm đọa địa ngục,
Nếu xúc phạm hữu tình,
Ắt sẽ [bị] đọa vào đó.

(132) Dù làm cho vua vui,
Không giúp ta thành Phật,
Nếu làm chúng sinh vui,
Ắt thành Vô thượng giác.²²⁴

(133) Tại sao vẫn chưa thấy [được],
Quả báo làm chúng [sinh] vui:
Đời sau được thành Phật,
Đời này hưởng vinh hoa.²²⁵

(134) Đời đời, tu nhĩn nhục,
[Được] thân đẹp, không bệnh hoạn,

²²³ **[Batchelor]** Vì kẻ hại ta nương tựa vào sự sủng ái của chư Phật (lòng từ bi cứu độ), cùng sự hậu thuẫn của bọn cai địa ngục (nhân quả). Bởi thế, chúng ta đối với hữu tình phải giống như thần dân hầu hạ nhà vua, làm cho họ vui lòng.

²²⁴ **[Batchelor]** Ngay cả khi vị vua đó tử tế, họ cũng không thể ban cho ta quả vị Phật. Quả vị này là thành quả mà ta có được bằng cách làm hữu tình vui.

²²⁵ **[Batchelor]** Tại sao ta chưa thấy rằng tương lai mà ta được thành Phật, cũng như được danh hay tiếng tốt, cùng sự vui sướng trong đời này, là kết quả của sự làm hữu tình vui.

Danh dự, tuổi thọ dài,
Vui đồng Chuyển luân vương.²²⁶

²²⁶ **[Crosby]** Sự bình an, không bệnh hoạn, sống lâu, sự vui sướng và tài sản của Chuyển Luân Vương, đây là những sự kiện mà kẻ tu tập nhấn nhục thu gặt được khi còn ở trong vòng sinh tử.

7. Tinh tiến

(1) Nhẫn xong, cần tinh tiến,
Tinh tiến chứng Bồ đề.
Không gió, đèn không động,
Không siêng, phước không sinh.²²⁷

(2) Siêng là hay làm thiện,
Nếu không sẽ lười biếng,
Ham những việc thấp hèn,
Tự khinh và chán nản.²²⁸

²²⁷ **[Behold]** Sự biếng nhác lừa bịp chúng ta, làm cho chúng ta lang thang trong vòng sinh tử. Nếu chúng ta có thể bẻ gãy ảnh hưởng của sự biếng nhác và dốc toàn lực vào sự tu học Phật pháp, chúng ta sẽ được nhanh chóng rời khỏi vòng khổ đau và bất mãn. Thành tựu sự giác ngộ cũng giống như xây một ngôi nhà lớn, đòi hỏi một sự cố gắng không ngừng trong một thời gian lâu dài. Nếu chúng ta để cho sự tinh tiến nỗ lực của ta bị gián đoạn bởi sự biếng nhác, chúng ta sẽ không bao giờ hoàn tất công tác [thành Phật] của chúng ta.

²²⁸ **[Behold]** Tinh tiến là tâm ham thích làm việc thiện và tích tập công đức. Nó là địch thủ chính của sự lười biếng. Tinh tiến không có nghĩa là siêng năng làm những công việc thể gian, mà là siêng năng trong công cuộc diệt trừ vô minh và tu tập công đức. Tinh tiến có bốn loại: (1) tin ưa, (2) kiên nghị, (3) hoan hỉ, và (4) buông xả. Bốn loại tinh tiến đều giống nhau trong việc làm cho tâm ham thích tu thiện. (1) tin ưa là sự nỗ lực vượt qua tất cả các chướng ngại của ngoại cảnh, (2) kiên nghị là sự nỗ lực vượt qua những sự chướng ngại trong tâm như nhút nhát và buồn bã, (3) hoan hỉ là những công năng chính trong việc tu thiện, (4) buông xả là công năng trong sự thăng tiến và hoàn mãn sự tu hành của

(3) Tham mê sự lười vui,
Biếng nhác, ưa ngủ nghỉ,
Không nhàm [chán] khổ luân hồi,
Càng lúc càng lười biếng.

(4) Sao vẫn chưa biết mình,
Đang trong lưới vô minh,
Lăn lộn [trong] ngục sinh tử,
Ắt vào miệng tử thần?²²⁹

(5) Có sinh ắt có tử,
Bạn lẽ nào không thấy,
Những kẻ ham ngủ nghỉ,
Như bò thấy đồ tể.²³⁰

(6) Lối thoát bị chặn ngăn,
Tử thần nhìn đăm đăm,
Lúc đó nào có thể,
Tham ngủ cùng tham ăn?

(7) Cái chết đến nhanh chóng,
Kịp thời nên chuẩn bị,

chúng ta, mà không thỏa mãn với những thành quả mà ta đã gặt được.

²²⁹ Tại sao vẫn chưa biết ta đang bị trói buộc bởi tham, sân, si, do đây mà bị trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi, và thần chết đang rình rập cơ hội để dẫn ta vào ác đạo?

²³⁰ Bò thấy đồ tể đến dẫn nó đi làm thịt nhưng vẫn cứ nhớn nhợ, cho đến giây phút cuối khi có linh cảm là sắp bị giết, lúc đó nó mới gào rống thì đã muộn.

[Đợi] chết đến mới siêng năng,
Đã trễ, siêng ích gì?

(8) Sắp làm, [hoặc] mới bắt đầu,
Hoặc làm chưa bao lâu,
Tử thần đột nhiên đến,
Ô hô, đời còn đâu.²³¹

(9) Ưu sầu đôi mắt đỏ,
Giòng lệ [ta] tuôn nhạt nhòa,
Nhìn họ hàng, [ta] tuyệt vọng,
Bóng tử thần hiện ra.²³²

(10) Nhớ tội [đã tạo], lòng áo não,
Nghe tiếng ngục kêu gào,
Kinh hoàng, thân [bài tiết] phần ướ
Lúc đó phải làm sao?²³³

²³¹ **[Behold]** Cuộc đời chúng ta đầy đầy những sự việc mà chúng ta dự định. Có những việc chưa bắt đầu, có những việc vừa mới bắt tay vào, lại có những việc còn đang dở dang. Tuy thế, bất luận tình trạng của bất cứ công việc nào ta đang xúc tiến, cái chết sẽ đến bất ngờ. Nếu chúng ta hoàn toàn không chuẩn bị tư lương, chúng ta sẽ cảm thấy kinh sợ. Lúc đó có hối hận cũng đã trễ.

²³² **[Padma]** Từ sự khổ đau thăm thẳm trong lòng, dòng lệ chảy dài từ đôi mắt đỏ, trong cơn hấp hối, bạn nhìn người thân, và thấy bóng tử thần hiện đến.

²³³ **[Crosby]** Bạn bị hành hạ bởi tội lỗi quá khứ, và khi nghe những tiếng gào thét, chấn động của địa ngục, trong sợ hãi, bạn phóng phần ướ ra đầy cả thân thể. Khi đó bạn sẽ làm sao?

(11) Lúc chết, nổi lo sợ,
Như cá nằm trên thớt,
Hướng [chi bị] nghiệp xưa dẫn dắt,
[Đi] thọ khổ nơi địa ngục.²³⁴

(12) Như trẻ [con bị] bỏng nước sôi,
Rất đau, thân thống khổ,
Đã tạo nghiệp địa ngục,
[Hiện nay] sao lại còn nhõn nhơ?²³⁵

(13) Lười, mà [lại] mong quả lành,
Nhu nhược, [lại] hay than van,
Chết [sắp] đến [mà] còn phóng dật,
Ắt [sẽ] chịu khổ thiêu đốt.²³⁶

²³⁴ **[Padma]** Ngay khi bạn đang sống, mà còn cảm thấy sợ hãi như cá đang oằn oại trên mặt thớt, cần gì phải nói đến sự thống khổ không thể nhẫn chịu được nơi địa ngục, được tạo ra do những nghiệp ác của bạn khi xưa.

²³⁵ **[Batchelor]** Sao ta còn có thể nhõn nhơ như vậy, khi mà ta đã tạo nghiệp ác sẽ đưa đến quả báo là thân thể nhạy cảm như thân trẻ con của ta gặp phải nước sôi trong hỏa ngục.

²³⁶ **[Behold]** Chúng ta mong sớm được giác ngộ mà không chịu nỗ lực, mong được vui sướng mà không chịu làm lành. Hơn nữa, vì không muốn nhận chịu nghịch cảnh, dù là một chút khó chịu, chúng ta mong hủy diệt tất cả sự khổ đau. Và trong lúc đang sống trong miệng tử thần, chúng ta lại mong sự sống lâu của cõi trời. Không cần biết chúng ta có mơ ước bao nhiêu, những sự mơ tưởng này sẽ không bao giờ trở thành sự thực. Nếu chúng ta không chịu nỗ lực hàng phục tâm mình, tất cả những sự vui sướng mà chúng ta mơ ước đều chỉ là mộng ảo.

(14) Nhờ chiếc bè thân người,
Vượt qua biển khổ lớn,
Bè này khó gặp lại,
Đồ ngu, chớ tham ngủ.

(15) Bỏ pháp vui cao thượng,
Nguồn [gốc của] hoan lạc vô biên,
Tham sự vui phù phiếm,
Nguồn gốc của khổ đau.²³⁷

(16) Không sợ, tích [tập] phước đức,
Tu định, lòng tự tại,
Quán “tự tha” bình đẳng,
[Siêng] tu “trao đổi mình, người.”²³⁸

²³⁷ **[Behold]** Tại sao những thú vui tầm thường như khiêu vũ, ca hát, v.v..., lại là nguồn gốc của sự khổ đau? Bởi những thú vui phù phiếm này là chướng ngại cho con đường giải thoát tâm linh của chúng ta. Nếu chúng ta muốn có được niềm vui vĩnh cửu, chúng ta phải tu tập Phật pháp, và nếu chúng ta muốn chấm dứt sự khổ đau, chúng ta phải tức khắc buông xả những bám víu thế gian. Nói như vậy, không có nghĩa là trong khi theo đuổi sự giải thoát tâm linh, chúng ta không thể giải khuây trong âm nhạc, hoặc theo đuổi những công tác (nghề nghiệp) hợp với Chánh pháp. Trong luận này, ngài Tịch Thiên thường nhấn mạnh rằng: “Sự thiện hay ác của hành động, hoàn toàn do động cơ phát sinh từ tâm chúng ta.” Nếu động cơ là chính đáng, như phục vụ nhân loại chẳng hạn, thì sẽ có biết bao nhiêu hoạt động trên thế gian để chúng ta có thể tham dự, mà không sợ rằng chúng ta sẽ lãng phí thì giờ, hoặc tự gây tạo sự khổ đau trong tương lai. Ở đây nói sự nhàn hạ, lười biếng, là hoàn toàn đề cập đến những động cơ ích kỷ, hoặc làm tổn hại đến kẻ khác, v.v...

(17) Không nên sợ, thoái lui,
Nghĩ ta không thành Phật,
Như Lai, đáng nói thật,
Đã dạy như thế này.²³⁹

(18) Như lũ muỗi, mòng, ong,
Tất cả loài côn trùng,
Nếu phát tâm tinh tiến,
Đều chứng Vô thượng giác.

(19) Huống [chi] ta sinh làm người,
Sáng suốt, rõ thiện ác,
Nếu hành trì không ngừng,
Lẽ nào không thành Phật?²⁴⁰

²³⁸ **[Dịch Chú]** Tâm chúng ta phải hoàn toàn không còn sợ hãi, hoặc do dự trong việc tích tập những tư lương phước đức và trí tuệ. Siêng năng tu tập thiền định, khiến cho tâm ý càng lúc càng tự tại [với ngoại cảnh]. Quán sát, suy ngẫm về sự bình đẳng vốn có giữa ta và người, nỗ lực bố thí sự vui của chúng ta, và thay thế người khác chịu khổ.

²³⁹ **[Dịch Chú]** Chúng ta không nên tự ti mặc cảm, nhút nhát rụt rè, nghĩ rằng: Ta làm sao mà có thể chứng Vô thượng Bồ đề? Bởi vì đức Phật, bậc nói lời chân thực, trong Kinh Diệu Tý Thỉnh Vấn, đã từng dạy như vậy.

²⁴⁰ **[Batchelor]** Kinh Diệu Tý Thỉnh Vấn (Phạn: Subahupariṣccha Sutra) nói: "Hơn nữa, Bồ Tát phải viên mãn sự tu tập của mình như sau. Họ phải suy ngẫm rằng nếu những loài động vật trong hiện đời, như sư tử, cọp, chó, sói, điều hâu, cò, quạ, cú, côn trùng, ong, muỗi, v.v..., trong đời vị lai còn có thể thành Phật, tại sao ta đã sinh làm người, lại

(20) Nếu nói ta sợ rằng,
Phải bố thí chân, tay,
Thật chưa rõ trước sau,
Kẻ ngu sợ vớ vẩn.²⁴¹

(21) Đã qua vô lượng kiếp,
Ngàn lần bị chặt, cắt,
Đâm, đốt, bị phanh thây,
Mà vẫn chưa thành Phật.

(22) Nay tu hạnh Bồ Đề,
Chịu khổ chỉ có hạn,
Như trị bệnh ung nhọt,
Bị mổ, tạm thời đau.

(23) Vì muốn trị lành bệnh,
Lương y dùng chút khổ,
Muốn diệt khổ sinh tử,
Phải nhẫn [sự] tu hành khổ.

không phẩn khởi trong việc truy cầu Vô thượng Bồ đề, dù là phải trả giá bằng cả sinh mệnh của chính mình?"

²⁴¹ **[Dịch Chú]** Nếu như nói, thành Phật phải bố thí tay, chân, v.v..., các bộ phận của thân thể, và đây là điều mà bạn sợ hãi nhất, do đó bạn không dám nguyện thành Phật, đây là vì bạn ngu xuẩn, không biết rõ lợi, hại, trước, sau, do đó mới sinh khởi sự lầm lẫn và khiếp sợ như vậy.

Phụ chú: Lợi, hại, trước, sau có thể hiểu như sau: “Lợi”, tức là thành Phật; “hại”, tức là sinh tử luân hồi; “trước”, tức là bố thí vật tầm thường; “sau”, tức là bố thí thân thể.

(24) Đức Phật không dùng đến,
Lối trị bệnh tầm thường,
Mà dùng sự ngọt ngào,
Trị cơn bệnh trầm kha.²⁴²

(25) Ban đầu, Phật cũng dùng,
Cơm, rau đem bố thí,
Lần lần tâm rộng lớn,
Mới bố thí thân thể.²⁴³

(26) Một khi biết [rõ] thân ta,
Tầm thường như cây cỏ,
Lúc đó [bố] thí xương thịt,
Đâu còn khó khăn gì? ²⁴⁴

²⁴² **[Crosby]** Tuy lối trị liệu (tầm thường) đó rất thích đáng, nó không phải là phương pháp mà bậc Y vương (Phật) dùng để trị bệnh. Bằng đức hạnh dịu dàng (Anh: sweet conduct), Ngài trị liệu cho những kẻ mang những cơn bệnh trầm kha nhất.

²⁴³ **[Behold]** Phần trên, ngài Tịch Thiên có nói đến niềm sợ hãi của những kẻ phạm tục như chúng ta, mỗi khi nghĩ đến sự hy sinh thân thể của mình cho kẻ khác. Ở đây, ngài Tịch Thiên muốn nhấn mạnh là ngay chính đức Phật cũng không đề nghị chúng ta hy sinh thân thể, hay bất cứ vật gì, nếu như tâm chúng ta chưa được huấn luyện và chuẩn bị sẵn sàng. Sự tập luyện đó cần phải có thời gian tính. Bắt đầu, hành giả chỉ cần bố thí những vật tầm thường như cơm, áo, v.v... Đợi đến khi tâm ý trở nên rộng lớn, lúc đó hành giả có thể học tập nguyện hạnh của chư vị Đại bồ tát cũng chưa muộn.

²⁴⁴ **[Dịch Chú]** Một khi Bồ tát thể ngộ được sự vô tự tính của các pháp, tất cả đều như mộng huyễn, lúc đó các ngài không

(27) Ác nghiệp làm thân khổ,
Vọng tưởng khiến tâm sầu,
Đoạn ác, tiêu nổi khổ.
Có trí, diệt niềm đau.²⁴⁵

(28) Có phước, thân vui sướng,
Có tuệ, tâm an lạc,
Bồ tát vì chúng sinh,
Trong sinh tử không nhàm.²⁴⁶

(29) Tâm Bồ đề có thể,
Diệt trừ chur ác nghiệp,
Tích tụ biển phước đức,
Vì thế thắng Thanh văn.

(30) Thế nên, quên nhọc nhằn,
Cưỡi ngựa Bồ đề tâm,
Càng lúc càng an lạc,
Người trí [lẽ] nào sồn lòng?²⁴⁷

còn chấp trước thân thể là của mình, do đây có thể đem thân ra bố thí, mà không còn sợ hãi.

²⁴⁵ **[Wallace]** Nếu dứt bỏ sự ác, sẽ không còn sự khổ đau, nếu có trí tuệ sẽ không còn sầu lo. Bởi vì sự đau khổ tâm hồn là do vọng tưởng, và sự đau đớn của thân xác là do tội lỗi.

²⁴⁶ **[Wallace]** Bồ tát vì có phước đức nên thân thể vui sướng, vì có trí tuệ nên tâm thần an lạc, do đây các ngài ở trong sinh tử vô lượng kiếp cứu vớt chúng sinh một cách tự tại mà không nhàm chán sợ hãi.

²⁴⁷ Người tu hạnh Bồ tát cưỡi ngựa tâm Bồ đề qua các nẻo sinh tử cứu vớt chúng sinh, các ngài không những không sợ

(31) Muốn làm lợi hữu tình,
Bốn duyên giúp tinh tiến:
Tin sâu, lòng kiên nghị,
Buông xả, tâm hoan hỷ.
Sợ khổ, nghĩ lợi ích,
Có thể sinh lòng tin.²⁴⁸

(32) Muốn trừ bệnh biếng nhác,
Khéo dùng bốn trợ duyên,
Tín, nghị, xả, hoan hỷ,
Nỗ lực tăng tinh tiến.

(33) Phát nguyện muốn trừ sạch,
Tội lỗi của chúng sinh,
Muốn trừ một tội lỗi,
Phải tu vô số kiếp.²⁴⁹

(34) Nếu hành giả chưa từng,
Tinh tiến diệt tội lỗi,
Chẳng lẽ lại không sợ,
Vô lượng quả báo khổ?²⁵⁰

hãi mà lại càng tinh tiến, do đó sự tu hành càng lúc càng tiến bộ, càng lúc càng an lạc.

²⁴⁸ Nghĩ đến sự khổ của luân hồi và sự ích lợi của Phật Pháp (giúp ta thoát ly sinh tử), từ đây có thể sinh khởi lòng tin đối với Tam Bảo.

²⁴⁹ **[Behold]** Ngay khi Bồ Tát bắt đầu phát tâm Bồ đề, họ phát nguyện sẽ trừ sạch tất cả ác nghiệp và lỗi lầm của chính họ, cũng như của tất cả chúng sinh, dù là phải trải qua vô tận thời gian.

(35) Phát nguyện muốn mau thành,
Công đức cho chúng sinh,
Muốn thành một công đức,
Phải tu vô số kiếp.²⁵¹

(36) Thế nhưng vẫn chưa từng,
Tu một phần công đức,
Quả là sự lạ lùng,
Phí một đời vô nghĩa.²⁵²

(37) Xưa chưa từng cúng Phật,
Chưa lập hội bố thí,
Chưa từng vâng lời Phật,
Chưa mãn nguyện kẻ nghèo,

(38) Chưa từng thí vô úy,

²⁵⁰ **[Behold]** Thế nhưng, khi chúng ta đang tu tập hạnh Bồ Tát, nếu nhìn vấn đề một cách thẳng thắn, thực tế rất là bi đát. Tịch Thiên đã mô tả như sau: “Hiện nay, chúng ta chưa có đủ, dù là một phần nhỏ nhất, năng lực của các vị Bồ Tát, và vì thế chúng ta đang phải chịu biết bao nhiêu thống khổ. Khi chúng ta nhận thức rằng vô lượng ác nghiệp mà chúng ta đã tạo sẽ đem đến cho chúng ta những sự khổ đau ác liệt nhất của ba ác đạo, thì lúc đó tim chúng ta lẽ nào không vỡ nát vì sự lo sợ?”

²⁵¹ **[Crosby]** Chúng ta phải tích tập công đức cho ta và cho người. Muốn tu tập mỗi công đức này, dù phải trải qua vô số kiếp cũng chưa chắc thành tựu.

²⁵² **[Wallace]** Chúng ta chưa từng tu tập một phần công đức nào cả, quả thật là một sự lạ lùng. Cuộc đời mà chúng ta hiện đang có được đã bị lãng phí một cách vô ý nghĩa.

Chưa làm người khổ [được] vui,
Vì thế, phải chịu khổ,
Của sinh, lão, bệnh, tử.

(39) Từ xưa đến đời nay,
Vì không tin Phật pháp,
Nên gặp khổ khổ này.
Nếu đã hiểu như vậy,
Sao dám bỏ niềm tin?²⁵³

(40) Phật nói mọi sự lành,
Niềm tin là căn bản,
Gốc của niềm tin là,
Thường nghĩ đến nhân quả.²⁵⁴

(41) Do tội xưa, mà nay,
Sinh ra nhiều sợ hãi,
Thống khổ, lòng không vui,

²⁵³ Đã biết vì không tin Tam Bảo nên phải nhận chịu nhiều sự thống khổ trong sinh tử như vậy, làm sao dám bỏ niềm tin đối với Phật Pháp?

²⁵⁴ **[Crosby]** Không biết ngài Tịch Thiên có nghĩ đến bài kệ đặc biệt nào không? Nhưng nếu đem bài kệ này cùng hai bài kệ dưới (42), (43), so sánh với hai bài kệ 117, 118 của Kinh Pháp Cú sẽ thấy sự tương tự:

117. Nếu có kẻ làm ác, không nên để họ tiếp tục làm (điều ác này), không nên để họ có ý ham thích (điều ác này), vì sự khổ đau là do tích tập những ác nghiệp.

118. Nếu có kẻ làm lành, nên để họ tiếp tục làm (điều lành này), nên để họ có sự ham thích (điều lành này), vì sự vui sướng là do tích tập những thiện nghiệp.

Bao sự cầu không toại.

(42) Những kẻ vững niềm tin,
Do làm những điều lành,
Bất luận đến nơi nào,
Phước đức đều nảy sinh.

(43) Kẻ ác tuy cầu vui,
Bất luận đến nơi nào,
Tội báo đều hiện tiền,
Khổ não, nhiều sầu đau.

(44) Do xưa tu nghiệp lành,
Sinh vào hoa sen lớn,
Ngát thơm và mát mẻ,
Thưởng thức lời Pháp ngon,
Tâm nhuần, thân sắc diệu,
Ánh sáng Phật, hoa khai,
Sinh ra thành Bồ tát,
Trước Phật hưởng an lạc.²⁵⁵

(45) Do xưa nhiều nghiệp ác,
Diêm Vương, lũ ngục tốt,

²⁵⁵ [Crosby] Quang cảnh ở đây được miêu tả trong Kinh Cực Lạc Trang Nghiêm (Phạn: Sukhāvatīvyūha Sutra), là một trong hai quyển kinh nổi tiếng của Đại thừa. Trong đó mô tả những người tin tưởng vào đức A Di Đà đều được bảo đảm vắng sinh về cõi Cực Lạc, sinh vào hoa sen và trở thành Bồ Tát. Ở đó, trong hào quang và những lời Pháp vi diệu của Đức A Di Đà, họ sẽ tu hành thành Phật, mà không còn sợ bất cứ sự trở ngại nào.

Lột da làm đau đớn,
Lửa đun thép lỏng sôi,
Tưới vào thân không da,
Kiếm lửa đâm thân thể,
Đồng thịt xương nhầy nhựa,
Tung tóe trên sàn lửa.

(46) Thế nên, tâm ngưỡng mộ,
Cung kính tu pháp lành,
Theo Kinh Kim Cang Tràng,
Làm thiện, tăng lòng tin.²⁵⁶

(47) Nên tự lượng sức mình,
Có nên làm hay chưa,
Nếu chưa, hãy tạm gác [lại],
Đã làm, không lùi bước.

(48) Nếu lùi, thì đời sau,
Quen nết, tăng tội khổ,
Nghiep lành lúc chín muồi,
Yếu ớt không thành quả.²⁵⁷

²⁵⁶ **[Crosby]** Kinh Kim Cang Tràng: hiện nay bản tiếng Phạn đã thất lạc, chỉ còn sót lại những đoạn trích lục ghi trong Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu do ngài Tịch Thiên biên soạn.

[Batchelor] trích một đoạn ngắn của kinh này từ Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu: "Này chư thiên tử, thí như khi mặt trời chiếu rọi, không phải vì người mù không thấy, hoặc bị núi cao che chướng, mà làm cho nó sợ hãi, thoái lui (không chiếu sáng). Tương tự như thế, Bồ Tát vì chúng sinh, tùy cơ giáo hóa làm cho họ giải thoát, nhưng không sợ hãi thoái lui khi gặp những chúng sinh cương cường khó dạy."

(49) Nên sinh lòng tự tin,
Vào năng lực tu hành,
Đoạn ác và tu thiện,
Ta hãy nên tự lực,
Hành diện trong việc làm.²⁵⁸

(50) Kẻ phàm bị nghiệp trói,
Không thể tự lợi ích,
Thế nên phải tận lực,
Cứu vớt kẻ phàm ngu.

(51) Người đời còn siêng làm [việc],
Sao ta lại ngồi không,
Nếu vì kiêu không làm,
Tốt nhất đừng nên kiêu.²⁵⁹

²⁵⁷ **[Batchelor]** Nếu ta lùi bước, thì thói quen xấu này sẽ tiếp tục trong đời sau. Do đây, tội ác và khổ quả sẽ tăng gia. Hơn nữa, các nghiệp lành khác, đến lúc muốn kết quả, sẽ yếu ớt và không hoàn thành được.

²⁵⁸ **[Dịch Chú]** Đối ba phương diện: tu tập thiện nghiệp, đoạn trừ phiền não, và năng lực (tu hành của chính ta), chúng ta phải có lòng tự tin và tự trọng. Nên nghĩ: "Ta nên tự lực trong việc tu hành tất cả học xứ", và đây là lòng tự tin trên đường tu tập hạnh Bồ tát.

²⁵⁹ Bài kệ này dịch theo các bản tiếng Anh, còn bản tiếng Hán của Thích Như Thạch dịch là:

Kẻ khác siêng làm việc,
Sao ta lại đứng không,
Chớ vì [kiêu] mạn [mà] tu hành,
Tốt hơn nên trừ [kiêu] mạn!

(52) Quạ gặp rắn [đang] hoi hóp,
[Bèn] dũng cảm như đại bàng;
Tín tâm nếu khiếp nhược,
Ắt bị việc nhỏ hại.²⁶⁰

(53) Khiếp nhược bỏ tinh tiến,
Làm sao tăng phước đức,
Tự tin và quả cảm,
Chướng lớn cũng không ngại.

(54) Bởi thế, tâm kiên định,
Hăng hái diệt tội đọa,
Nếu bị thua tội này,
Làm sao vượt ba cõi?

(55) Ta phải thắng tất cả,
Đừng để nghiệp thắng ta,
Ta đã là con Phật,
Nên giữ niềm tự tin.

Và giải thích như sau: Kẻ khác còn bận rộn trong việc phàm tục của họ, sao bạn lại có thể nhàn nhã không tu thiện pháp. Thế nhưng, không nên vì kiêu mạn mà tu hành thiện nghiệp. Lúc tu thiện nghiệp, tốt nhất là không nên có tâm kiêu mạn.

²⁶⁰ Ở đây, quạ được ví với phiền não nhỏ nhất, còn rắn được ví với tín tâm. Lúc bình thường thì quạ sợ rắn. Nhưng khi rắn sắp chết (ví cho tín tâm thoái sụt), thì quạ sẽ tấn công rắn một cách hùng mãnh như chim đại bàng. Cũng thế, nếu hành giả tín tâm không kiên cố thì một chướng ngại nhỏ nhất cũng có thể làm cho hành giả đọa lạc.

(56) Kẻ đầu hàng ngã mạn,
Là người không tự tin,
Người dũng không [bị] khuất phục,
Bởi phiền não ngã mạn,
Còn những kẻ ngã mạn,
Đầu hàng sự ngã mạn.²⁶¹

(57) Nếu do mạn sinh kiêu [căng],
Sẽ đọa vào đường ác,
Sinh vào hạng hạ tiện,
[Làm] nô bộc, ăn đồ thừa.

(58) Ngu, xấu, thân ốm yếu,
Nơi nơi bị người khinh,
Có gì đáng thương bằng,
Kẻ kiêu căng tự phụ.

(59) Vì muốn thắng ngã mạn,
Hãy giữ vững lòng tin,
Đây là người thắng lợi,
Bậc anh hào tự tín.
Nếu chân thật diệt hết,
Kẻ thù kiêu mạn này,
Ắt sẽ thành Phật quả,

²⁶¹ **[Dịch Chú]** Những kẻ bị khống chế bởi ngã mạn chỉ là những kẻ phạm phu phiền não, mà không phải là người đầy đủ lòng tự tin chân chính. Những dũng sĩ có lòng tự tin sẽ không bị khuất phục bởi phiền não ngã mạn, ngược lại kẻ kiêu mạn không thoát nổi sự khống chế của ngã mạn.

Viên mãn chúng sinh nguyện.²⁶²

(60) Ở trong chúng phiền não,
Ngàn lần nên nhẫn nại,
[Như] sư tử giữa lũ chồn,
Không bị phiền não hại.²⁶³

(61) Như người gặp nguy hiểm,
Cẩn thận giữ đôi mắt,
Nếu đối diện phiền não,
Giữ tâm đừng bị mê.

(62) Chẳng thà bị đốt chết,
Thậm chí bị chặt đầu,
Quyết định không nhường bước,
Quy lụy giặc phiền não.
Ở tất cả thời, xứ,
Không làm chuyện vô nghĩa.

(63) Bồ tát đối việc thiện,
[Phải] giống như kẻ đam mê,
Phát khởi lòng ham muốn,
Yêu thích, tâm không nhàm.²⁶⁴

²⁶² **[Crosby]** Họ (người đã chiến thắng sự ngã mạn) là kẻ có niềm tin và là kẻ chiến thắng. Họ thực sự là anh hùng, hãnh diện trong sự chiến thắng kẻ địch kiêu mạn. Họ, kẻ đã tiêu diệt sự kiêu ngạo bằng lòng kiên quyết, sẵn sàng đem thành quả chiến thắng của họ đến ban bố cho chúng sinh.

²⁶³ Khi sự tu tập nhẫn nhục đã thành tựu, hành giả sẽ có thể ở giữa phiền não một cách tự tại, giống như sư tử ở giữa bầy chồn.

(64) Kẻ phàm tham cầu vui,
Chưa chắc sẽ được vui,
Hai lợi đem niềm vui,
[Nếu] không làm, làm sao vui?²⁶⁵

(65) Dục lạc giống như mật,
Dính trên lưỡi dao bén,
Lại tham mê không nhàm,
Đổi niềm vui Tịch diệt,
Cớ sao lại sinh nhàm?²⁶⁶

(66) Muốn thành tựu sự lành,
Xông pha lòng vui vẻ,
Như voi, trời oi bức,
Xuống ao, lòng hân hoan.

(67) Khi thân tâm mệt mỏi,
Tạm nghỉ, sau làm tiếp,

²⁶⁴ **[Crosby]** Chúng ta nên say sưa trong công việc mà chúng ta đang làm. Chúng ta nên mê mẩn bởi công việc đó, không biết nhàm chán, giống như những kẻ đang đắm mình trong khoái lạc của cuộc "truy hoan."

²⁶⁵ Hai lợi (tự lợi, lợi tha) sẽ đem đến niềm vui, nhưng nếu chúng ta không làm việc lợi mình, lợi người, làm sao chúng ta có thể gạt được quả vui trong vị lai.

²⁶⁶ Dục lạc cũng giống như chút mật ngọt trét trên lưỡi dao bén. Kẻ liếm nó, tuy được chút ít vị ngọt, nhưng sẽ bị nguy hiểm đứt lưỡi. Cũng thế, kẻ theo đuổi dục lạc thế gian, tuy cũng hưởng được chút ít khoái lạc, nhưng sẽ bị nguy hiểm đọa lạc ba ác đạo.

Làm xong liền gác bên,
Kế đến làm việc khác.

(68) Người chiến sĩ kỳ cựu,
Gặp địch, tránh làn gươm,
Như thế, tránh vô minh,
Khéo trối địch phiền não.²⁶⁷

(69) Đánh trận bị rơi kiếm,
Sợ chết, liền nhặt lên,
Nếu như mất chánh niệm,
Sợ đọa, liền nhiếp tâm.

(70) Như độc theo mạch máu,
Nhanh chóng chảy khắp thân,
Vô minh thừa cơ hội,
Tội ác che lấp tâm.²⁶⁸

(71) Kẻ giữ giới giống như,
Người bị kiếm kề cổ,
Lại cầm bát dầu đầy,
Sợ tràn sẽ bị giết.²⁶⁹

²⁶⁷ Đánh với giặc vô minh phải cẩn thận đề phòng, cũng giống như một chiến sĩ nhiều kinh nghiệm đối diện với một tay kiếm thiện nghệ, chắc chắn họ sẽ không lẫn xả vào làn kiếm của địch, mà sẽ kiên nhẫn chờ cơ hội. Tu hành phải nhẫn nhục, cũng giống như thế.

²⁶⁸ Nếu tu hành mà không giữ chánh niệm, vô minh sẽ thừa cơ hội xâm nhập và sẽ tàn phá hết những công đức tu hành của mình.

(72) Nếu [bị] rắn chui vào lòng,
Phải nên mau xua đuổi.
Như thế, ma ngủ đến,
Tĩnh táo, mau diệt trừ.

(73) Mỗi khi làm điều lỗi,
Phải nên tự trách mình,
Từ nay trở về sau,
Quyết định không tái phạm.

(74) Nên bất cứ lúc nào,
Tinh tiến tu chánh niệm,
Theo đây cầu thầy lành,
Hoàn thành sự tu tập.

(75) Vì muốn làm việc lành,
Trước khi bắt tay nên,
Nhớ lời “không phóng dật”,

²⁶⁹ Ở đây ý nói Bồ tát giữ giới luật, tâm phải đề cao cảnh giác đến tột độ, không chút sơ xuất, giống như kẻ cầm bát dầu đầy, vì sợ bị giết bởi một kẻ cầm gươm đi theo sau, phải cẩn thận giữ cho dầu không tràn ra ngoài.

Trong kinh có kể một câu chuyện như sau: Có một kẻ được lệnh phải bưng một bát đầy dầu đi qua một đám đông đang tụ họp để xem một hoa hậu trong vùng nhảy múa và ca hát. Tuy cũng muốn nhìn trộm người đẹp, nhưng hắn phải chăm chú vào công việc bưng bát dầu của mình, vì theo sau là một tên lính có nhiệm vụ là chém đầu hắn, nếu hắn để dầu tràn ra ngoài, dù chỉ là một giọt.

Hăng hái làm vui vẻ.²⁷⁰

(76) Như bông vải nhẹ bay,
Theo gió thổi đông tây,
Thân tâm nếu hăng hái,
Quả Phật chóng tròn đầy.

²⁷⁰ “Nhớ lời không phóng dật”: Nhớ lời dạy về tinh tiến. Ở đây, có thể hoặc là chỉ cho phẩm thứ tư, Không Phóng Dật, hoặc là chỉ cho lời dạy “Nỗ lực, không phóng dật” của đức Phật trước khi ngài nhập Niết bàn

8. Tĩnh lự

(1) Đã phát khởi tinh tiến,
Tâm nên trụ thiền định,
Người tâm ý tán loạn,
Ở trong miệng vô minh.²⁷¹

(2) Thân tâm nếu tịch tĩnh,
Tán loạn sẽ không sinh,
Nên phải xa thế gian,
Buông xả lòng tục lụy.²⁷²

(3) Tham họ hàng tài sản,
Khó mà bỏ thế gian,
Vì vậy, nên xả hết,
Nương trí [tuệ] tu thiền quán.²⁷³

²⁷¹ **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** Tâm ý tán loạn có những lỗi lầm nào?
Đáp: Kinh Bát Nhã nói: "Người tâm ý tán loạn, rất dễ nghĩ việc xằng bậy. Muốn tu tập thiền định thế gian còn khó khăn, huống gì tu tập Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề." Bởi vậy phải khởi lòng quyết định: "Trước khi thành tựu Vô thượng Bồ đề, con quyết định không để tâm mình tán loạn."

²⁷² **[Diễn Nghĩa]** Làm thế nào để diệt trừ tán loạn? (1) Phải rời xa sự ồn náo của cuộc đời, không cùng người thân tới lui, để làm cho thân thể trở nên an tĩnh, (2) Sau đó tìm cách diệt trừ tâm tham muốn dục lạc và tâm sân hận v.v ..., làm cho nội tâm trở nên tịch tĩnh.

²⁷³ **[Behold]** Nguồn gốc của tất cả sự mê luyến là ngã chấp ngu si của chúng ta. Nhân đây, chúng ta có cảm tưởng rằng: "Muốn tăng trưởng sự an tĩnh của tâm hồn, trước tiên phải nên đoạn trừ ngã chấp." Sự thực không phải như vậy. Bằng cách quán tưởng về sự lỗi lầm và bất lợi của sự tham luyến

(4) Pháp quán dựa trên [pháp] chỉ,
Mới diệt được phiền não,
Trước hết, nên tu chỉ,
Thành [tự] chỉ, do xả [tâm] tham.²⁷⁴

(5) Thân ta vốn vô thường,
Lại tham [luyến] kẻ vô thường,
Trải qua trăm ngàn kiếp,
Không gặp người [mà] ta thương.²⁷⁵

(6) Chưa gặp, lòng ray rút,
Không thể nhập thiền định,

gia đình, tài sản, v.v ..., chúng ta có thể tạm thời xả được sự chấp trước. Như thế cũng đủ cho chúng ta tu tập thiền định. Còn việc đoạn trừ ngã chấp thì tùy thuộc vào trí tuệ, và sự tu tập trí tuệ lại tùy thuộc vào sự tu tập thiền quán.

²⁷⁴ **[Behold] Hỏi:** Tại sao trước tiên phải đoạn trừ sự tham luyến thế gian? **Đáp:** Bởi vì sự đoạn trừ chủng tử cùng tập khí của ba cõi phải nhờ vào trí tuệ (thắng quán) như thực quán sát chư pháp thực tướng. Thắng quán lại cần có “tâm nhất cảnh tính” dẫn đến một trạng thái tu chỉ có sự khinh an làm cơ sở mới có thể sinh khởi được. Nhưng điều kiện tất yếu của tâm nhất cảnh tính là phải đoạn trừ hôn trầm và điệu cử. Nhân đây, nếu chúng ta muốn tu chỉ thành công, trước tiên chúng ta phải đoạn trừ nguyên nhân chính của điệu cử, tức là đoạn trừ tâm tham ái thế gian và tâm sân hận do tham ái sinh ra.

²⁷⁵ **[Behold]** Nếu vì sự tham luyến của chúng ta đối với những kẻ (vô thường) đó mà tạo các tội lỗi, chúng ta sẽ phải thác sinh vào những cõi mà trải qua trăm ngàn đời, chúng ta không còn gặp lại những đối tượng đáng yêu đó được nữa.

Dù gặp, [cũng] không thỏa mãn,
Vẫn ray rút như xưa.

(7) Nếu tham luyện hữu tình,
Sẽ không thấy chân tướng,
Đánh mất tâm xả ly,
Chung cuộc gặp sầu khổ.²⁷⁶

(8) Nếu mãi luyện nhớ họ,
Cuộc sống thành vô nghĩa,
Người bạn vô thường này,
Phá hoại pháp chân thường.²⁷⁷

(9) [Nếu] hành vi giống [kẻ] phạm ngu,
Sẽ đọa ba ác đạo,
Tâm muốn đến cảnh thánh,
Cần gì gần [kẻ] phạm ngu.²⁷⁸

²⁷⁶ **[Crosby]** Họ (kẻ mê luyện) không còn thấy được chân tướng của sự vật, và đánh mất sự khẩn cấp cầu thoát ly sinh tử. Tâm hồn họ bị gặm nhấm trong phiền muộn phát sinh từ sự tham luyện những kẻ mà họ yêu thích.

²⁷⁷ **[Behold]** Nếu tâm ta chỉ ham thích những việc thế gian và lưu luyện cuộc đời này, chúng ta sẽ đánh mất cơ hội quý báu và hiếm có của đời người hoàn thiện này. Tuy đối tượng tham luyện của chúng ta chỉ là giả tạm, nhưng họ lại có năng lực phá hoại con đường giải thoát của chúng ta. Chỉ vì người bạn tạm bợ này mà chúng ta đánh mất cơ hội tu tập Chánh pháp và thành tựu sự giác ngộ vĩnh viễn cho chính ta.

²⁷⁸ **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** Loại người như thế nào bị gọi là phạm ngu? **Đáp:** Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu dẫn Kinh Bảo Văn nói: “Có mười loại người ác không thể đạt được lợi ích trong việc tu học Phật pháp: (1) kẻ phá giới, (2) kẻ tà kiến, (3) kẻ thiếu oai

(10) Mới vừa là bạn thân,
Phút chốc biến thành thù,
Việc vui cũng buồn giận,
Khó mà vừa lòng họ.

(11) Nói thật thì giận hờn,
Lại khuyên [ta] bỏ điều thiện,
Nếu [ta] không nghe, họ sẽ,
Sân nộ, [mà bị] đọa ác thú.²⁷⁹

(12) Cao hơn thì ghen ghét,
Bằng nhau thì cạnh tranh,
Thấp hơn thì khinh miệt,
Được khen thì kiêu ngạo,
Ngược ý, thì nổi sân,
Gần kẻ [phàm] tục ích gì?²⁸⁰

ngi, (4) kẻ sống tà mạng, (5) kẻ ham thích náo động, (6) kẻ biếng nhác, (7) kẻ ham mê sinh tử, (8) kẻ đi ngược hạnh Bồ đề, (9) kẻ ham mê bạn bè quyến thuộc, (10) kẻ nhiều phiền não. Hơn nữa, Kinh Bảo Vân cũng nói: “Tuy chúng ta cần phải xa lánh những hạng người nhiều tổn hại này, nhưng không nên sinh khởi ác ý, sân hận, phiền não, hoặc khinh miệt đối với họ.”

²⁷⁹ **[Diễn Nghĩa]** Diệu Bình (một bản chú giải tiếng Tây tạng) dẫn Kinh Tam Ma Địa Vương nói:

Phàm phu khó gần gũi,
Tuy nói pháp cho họ,
Không tin, mặt nổi sân,
Đây là phép người phàm,
Biết rồi, chớ gần họ.

(13) Đánh bạn với kẻ ngu,
Sẽ sinh việc bất thiện,
Khen mình, chê lỗi người,
Ưa nói chuyện thế gian.

(14) Vì thế gần người thân,
Chỉ là tự hại ta,
Họ không ích gì ta,
Ta cũng không lợi họ.

(15) Hãy rời xa lũ ngu,
Gặp họ, [tuy] vui vẻ chào,
Nhưng không nên thân mật,
Chẳng qua, thuận lễ nghi.

(16) Giống như ong lấy mật,
Vì pháp mà khát thực,
Xong rồi, như người lạ,
Chưa bao giờ gặp qua.

(17) “Ta giàu, được cung kính,
Kẻ khác đều thích ta”,
Nếu kiêu căng như vậy,

²⁸⁰ **[Behold] Hỏi:** Tại sao ngài Tịch Thiên nói một cách trắng trợn như vậy? **Đáp:** Vì ngài muốn cho chúng ta biết rõ rằng không có lợi ích gì trong việc tới lui với người đời. Thay vì bị rối rắm và tán loạn bởi việc đời, chúng ta nên tìm một nơi cô tịch và chuyên tâm vào việc tu tập thiền định, tăng trưởng nhân duyên giải thoát cho chính ta.

Lúc chết nhiều sợ hãi.²⁸¹

(18) Nay tâm, nên biết rằng:
Bất luận tham việc gì,
Đều sẽ bị khổ báo,
Ngàn lần hơn chỗ tham.²⁸²

²⁸¹ **[Diễn Nghĩa]** Nếu ta được lợi dưỡng và cung kính mà sinh tâm kiêu mạn, đây là nhân cho sự đọa địa ngục. Kinh Di Lặc Sư Tử Hống nói: "(1) Do vì đa văn sinh khởi kiêu mạn, từ đó mà phóng dật; (2) do vì được lợi dưỡng sinh khởi kiêu mạn, từ đó mà phóng dật; (3) do vì bạn bè vớ kẻ quyền thế sinh khởi kiêu mạn, từ đó mà phóng dật; (4) do vì học thức cùng của cải sinh khởi kiêu mạn, từ đó mà phóng dật. Ca Diếp, đây là chỗ mà người xuất gia vì kiêu mạn mà sinh ra bốn loại phóng dật. Nếu như người xuất gia có đủ bốn loại phóng dật sinh ra từ kiêu mạn, sẽ phải đọa vào địa ngục."

²⁸² **[Diễn Nghĩa]** Ngài Công Đức Quang trong Giới Luật Bản Tụng nói: "Kẻ biếng nhác nếu tiêu dùng bất cứ vật gì đều thành món nợ." Ý muốn nói rằng ngay kẻ giới hạnh thanh tịnh, nếu như không siêng năng tu tập văn tuệ, tư tuệ, hoặc là, tuy tu học những học xứ viên mãn, nhưng lại không chịu truy cầu sự tiến bộ, những kẻ biếng nhác như thế, chỗ tiêu dùng vật của tín thí đều trở thành những món nợ. Trong tương lai họ sẽ phải bồi thường thí chủ trăm lần, ngàn lần nhiều hơn, hoặc đầu thai làm nô lệ, hoặc làm người mắc nợ của thí chủ. Nếu kẻ phạm giới thọ dụng của tín thí, ác báo càng trở nên nghiêm trọng hơn. Kinh Phật Tạng nói: "Tỳ Kheo phá giới sẽ trong trăm ngàn vạn ức kiếp cắt đứt bồi thường thí chủ. Nếu đầu thai làm súc sinh, sẽ phải kéo, chở vật nặng. Những Tỳ Kheo này, cho đến vật cúng dường nhỏ như sợi tóc chẻ thành ngàn ức phần, còn không thể tiêu được, huống là thức ăn, quần áo, giường chiếu, thuốc men, v.v..."

(19) Người trí chớ nên tham,
Tham sinh lòng lo sợ,
Phải kiên tâm hiểu rõ,
Vật tính vốn là không.²⁸³

(20) Dù có nhiều tiền của,
Được nhiều người ca ngợi,
Danh lợi dù bao nhiêu,
Đến chết, không theo ta.

(21) Nếu có người chê ta,
[Thì] khen ngợi nào đáng vui,
Nếu có người khen ta,
[Thì] chê bai nào đáng buồn.²⁸⁴

²⁸³ **[Diễn Nghĩa]** Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu dẫn Kinh Tăng Thượng Ý Lạc Thỉnh Vấn nói: “Này Di Lặc, Bồ tát sơ học nên biết rằng lợi dưỡng cung kính có thể sinh khởi sự tham dục. Phải nên quán sát rằng chúng có thể phá hoại chánh niệm. Phải nên suy ngẫm sự được mất của lợi dưỡng cung kính có thể làm cho chúng ta trở nên kiêu mạn hoặc tuyệt vọng... Sau khi quán sát như thế, phải nên giảm thiểu tham dục, không sinh phiền não. Vì sao? Vì sự thiếu dục sẽ không đem đến những sự lỗi lầm.”

²⁸⁴ **[Behold]** Không lý do gì mà chúng ta phải vui khi được kẻ khác khen ngợi, hoặc phải buồn khi bị chê bai. Vì sao? Bởi vì không có sự khen ngợi nào mà có đủ sức mạnh làm cho chúng ta thăng tiến, hoặc tăng trưởng đức hạnh cho chúng ta. Tương tự, cũng không có sự chê bai nào có thể làm cho chúng ta sa ngã. Hơn nữa, luôn luôn sẽ có kẻ khen ngợi, và đồng thời cũng có kẻ chê bai chúng ta, nếu vậy, vui khi được khen, và buồn khi bị chê, có nghĩa lý gì?

(22) Phật còn không thể làm,
Vừa lòng hết chúng sinh,
Huống [chi] ta là người phàm,
Bởi thế đừng nên lo.²⁸⁵

(23) Khinh thường kẻ bần cùng,
Chê bai kẻ giàu sang,
Bản tính khó làm bạn,
Gần họ có gì vui?

(24) Như lai từng dạy rằng:
Đừng làm bạn phàm ngu,
Nếu không làm lợi [cho] họ,

²⁸⁵ **[Behold]** **Hỏi:** Bỏ chúng sinh để đi tìm sự cô tịch, không phải là hành động quá đáng hay sao? Nếu mục đích chúng ta là tu tập hạnh Bồ tát, đáng lý chúng ta phải ở chung với người phàm để làm lợi cho họ? **Đáp:** Đây là quan niệm sai lầm. Hiện tại chúng ta chưa có thể hoàn toàn làm chủ tâm ta. Như vậy, chúng ta làm thế nào để thỏa mãn tất cả nguyện vọng của tất cả chúng sinh? Mỗi người đều có quan niệm và ý hướng khác nhau, nhiều khi trở nên xung đột, mâu thuẫn. Ngay cả đức Phật còn không thể thỏa mãn hết những nguyện vọng của họ, huống chi phàm phu mê muội như chúng ta? Tạm thời nên bỏ ý định tới lui với họ, mà nên chuyên tâm tu tập thiền định và quán sát Không tánh. Điều này sẽ tăng gia năng lực cho chúng ta trong việc cứu giúp kẻ khác. Sau khi chúng ta đạt đến chứng ngộ, lúc đó chúng ta sẽ có thể hòa đồng với họ mà làm công tác lợi sinh. Nếu chúng ta hiện nay còn tiếp tục tới lui với họ, không những chúng ta không giúp được gì cho họ, mà nhiều khi họ vì vô minh, lại nhân vì chúng ta mà tạo những nghiệp nặng.

[Họ sẽ] uất ức lòng không vui.²⁸⁶

(25) Chùng nào mới vào rừng
Ở với cây, chim, thú,
Chúng không nói lời ác,
Ở chung, tâm thường vui.²⁸⁷

(26) Chùng nào ở gốc cây,
Động núi, chùa hoang vắng,
Nguyện không còn quyến luyến,

²⁸⁶ **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** Bốn luận ở phần trước có nói: “Nên làm cho hữu tình hoan hỷ, hơn nữa phải xem trọng lợi ích của người khác.” Thế nhưng ở đây lại nói không nên cùng người tục tới lui. Điều này không phải trước sau mâu thuẫn hay sao? **Đáp:** Không phải thế. Phần trên muốn nói là trên phương diện hạnh nguyện, cần phải xem sự lợi ích của người là chính. Còn ở đây muốn nói là: Giả sử tâm ta vẫn còn sự ích kỷ và sân hận, nếu tới lui với kẻ khác, không những không lợi ích cho người, mà lại còn tạo thành nhân duyên đọa lạc cho chính ta. Do đó hai phần trên dưới không có sự trái ngược. Do đây, tuy ta chưa đủ năng lực lợi ích chúng sinh, nhưng “chỉ cần ta đem tâm cầu lợi ích cho chúng sinh mà tu hành”, thì không thể nói là ta hoàn toàn không đoái hoài đến chúng sinh. Bồ Đề Tâm Thích nói:

Tuy không sức lợi người,
Thường ôm lòng cứu độ,
Người giữ ý nguyện này,
Là làm lợi chúng sinh.

²⁸⁷ **[Wallace]** Rừng cây không nói những lời quở trách, hoặc [ta] phải tìm cách làm vừa lòng chúng. Khi nào ta mới có thể đến ở chung với những người bạn này trong niềm vui sướng.

Dứt lòng tham hồng trần.

(27) Chùng nào mới đến chốn,
Trời đất rộng thiên nhiên,
Không chấp là của ta,
Tự tại không tham luyến.

(28) Chùng nào ở không lo [lắng],
Bình bát, vại vật nhỏ,
Tắm y chẳng ai thềm,
Hoặc chẳng cần che thân.

(29) Chùng nào đến rừng cây,
Thấy cảnh, hiểu được rằng,
Xương người cùng thân ta,
Đều là pháp hoại diệt.²⁸⁸

(30) Thân này sẽ nát rữa,
Mùi thối làm nôn mửa,
Chồn, sói chẳng dám gần,
Cuối cùng chỉ là thế.²⁸⁹

²⁸⁸ **[Behold]** Để tăng trưởng quyết tâm trong việc sinh sống và thiền định trong cảnh cô tịch, trước tiên chúng ta nên suy tư về vô thường và sự chết. Điều này sẽ tăng gia sự ưa thích của chúng ta trong việc tu tập Chánh pháp. Nếu chúng ta quán sát về sự đương nhiên của cái chết, về sự bất chợt của nó đến với chúng ta, và về sự kiện chỉ có tu tập Chánh pháp mới có thể làm lợi ích, lúc đó động lực cho sự tu tập sẽ được tăng gia rất nhiều.

²⁸⁹ **[Diễn Nghĩa]** Kinh Tứ Niệm Xứ nói: “Nhuệ vị tỳ kheo trong bãi tha ma, nhìn thấy thân chết thối rữa chỉ còn thừa

(31) Lúc sống, tẩm thân này,
Xương, thịt gắn liền nhau,
Đến chết, xương tẩm máu,
Huống gì bạn, người thân?²⁹⁰

(32) Sinh ra cũng một mình,
Chết đi cũng một mình,
Khổ, chẳng ai chia sẻ,
Thân quyến nào ích chi?

(33) Như lữ khách qua đường,
Rời đây đến nơi kia,
Trên đường sinh tử dài,
Bỏ thân này đến kia.

(34) Nên sớm vào rừng tu,
Đừng đợi đến khi chết,
Tiếng người thân nức nở,
Bốn người khiêng thầy ra [rừng].

(35) Không thân cũng không oán,
Một mình ẩn núi rừng,

lại thịt, xương, gân, v.v..., vị tỳ kheo đó nên đem thân mình và thầy chết ra so sánh, nghĩ rằng thân thể của mình cũng có tánh chất như thế, kết cục như thế, không thể nào tránh được.”

²⁹⁰ **[Wallace]** Nếu những mảnh xương của tẩm thân này sẽ phải rời nhau ra, như vậy những kẻ mà ta yêu thích, nào có hơn gì thân phận của những mảnh xương này?

Thân này như đã mất,
Đến chết chẳng người lo.

(36) Bốn bề không bóng người,
Khóc la, hoặc làm hại,
Có thể tu niệm Phật,
Mà không ai chướng ngại.²⁹¹

(37) Thế nên ở một mình,
Ít sự, dễ an lạc,
Trong rừng vắng tịch tĩnh,
Đình chỉ tâm tán loạn.

(38) Đã bỏ hết lòng tục,
Tâm nay phải chuyên nhất,
Vì muốn nhập “đẳng chí”,
Siêng trừ diệt phiền não.²⁹²

(39) Đời này hoặc đời sau,
Tham dục đem tai hại,
Đời này bị chém, giết,...
Đời sau đọa địa ngục.²⁹³

²⁹¹ [Crosby] Trong truyền thống Phật giáo, trạng thái của tâm thức khi sắp chết có ảnh hưởng trọng đại đến cuộc sống đời sau. Để được sự thác sinh vào cõi lành, tốt nhất trước khi chết nên tu pháp Lục niệm (Niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí, và niệm thiên).

²⁹² Đẳng chí (Samadhi): tức là trong trạng thái định này, thân tâm bình đẳng an hòa nên gọi là đẳng, tu định có thể đem đến trạng thái bình đẳng này nên gọi là đẳng chí.

(40) Vì ai mà khẩn cầu,
Trước ông tơ, bà nguyệt?
Vì ai mà không ky
Tạo tội và ác danh?²⁹⁴

(41) Dù [nguy] hiểm vẫn lao vào,

²⁹³ Từ bài kệ (39) cho đến bài kệ (84) là phần quán tưởng những lỗi lầm của sự tham dục.

[Behold] Trong phần này, ngài Tịch Thiên thảo luận một cách cặn kẽ về những lỗi lầm của sự tham luyến, và cho chúng ta biết rõ sự tham luyến này trói buộc chúng ta vào một cuộc đời đầy dẫy những truy cầu, bất mãn và khổ đau. Vì sự tham mê sắc dục là hình thức phổ biến nhất của sự tham luyến, nên ngài Tịch Thiên đã nhấn mạnh về sự trói buộc của sự tham dục thái quá. Và bởi vì những thính giả đầu tiên của ngài đều là tỳ kheo, thành thử ngài đã tập trung vào đề tài về sự tham luyến của đàn ông đối với đàn bà, và đưa ra món thuốc đối trị là mô tả sự nhóp nhúa của thân thể của người đàn bà, mà mọi người phạm tục đều cho là hấp dẫn. Tuy thế, Tịch Thiên cũng đã nêu rõ, “ở đây không nên hiểu là chỉ có thân thể đàn bà mới là nhóp nhúa, hoặc chỉ có đàn ông mới thêm khát dục vọng (nếu quán ngược lại, thân thể đàn ông cũng nhóp nhúa, và đàn bà cũng thêm muốn dục vọng).” Khi đã hiểu rõ điều này, người đọc nên làm sự cải đổi cần thiết khi đọc những bài kệ sau.

²⁹⁴ **[Crosby]** Theo phong tục Ấn độ, những người làm mai mối, phần lớn đều thuộc giai cấp hạ tiện. Kẻ mê gái này không còn biết giữ thể diện. Vì muốn được người nữ mà họ mong cầu, họ đã không ngần ngại khúm núm, van xin những kẻ mai mối (mà bình thường là những kẻ phải tôn trọng họ), cầu mong những ông tơ bà nguyệt này tới lui, liên lạc với người nữ mà họ đang tơ tưởng đến.

Tiêu hao bao tài sản,
Chỉ cần [ôm] gái vào lòng,
Đê mê hồn tiêu tán.

(42) Tắm thân không tự chủ,
Ngoài [bộ] xương, chẳng có gì,
Thay vì khổ tham luyến,
Chi bằng tu [tập] Niết bàn.²⁹⁵

(43) Mới về, tay nâng cằm,
Kề nhau, nhìn e lệ,
Khi xưa, [người khác] thấy, [hoặc] chưa thấy,
Màn the che [khuôn] mặt đẹp.²⁹⁶

(44) Xưa khuôn mặt yêu kiều,
Nay phô bày trước mắt,
Điều hâu bóc màn che,
Đã thấy, sao sợ chạy?²⁹⁷

²⁹⁵ **[Crosby]** Nàng không là gì, ngoài những khúc xương không liên hệ nhau. Tại sao bạn không [còn thêm] muốn ôm ấp những khúc xương đó, và cảm thấy khoái lạc?

²⁹⁶ **[Behold]** Sự thêm muốn của đàn ông quả thật là lạ lùng và ấu trĩ. Trong cổ tục Ấn độ, mỗi khi người phái nữ gặp người phái nam, mặt họ đều được che bởi tấm màn the. Ngay đến buổi hôn lễ, mặt người vợ vẫn được che lại, và họ hiện ra trước mặt người chồng trong dáng dấp thẹn thùng. Cuối cùng, khi người chồng gỡ được tấm màn che mặt người vợ mới cưới của mình, sự háo kỳ này tăng gia lòng thêm muốn của họ trong việc ân ái với người vợ.

(45) Ngày trước, người [khác] nhìn trộm,
Ghen tuông lo giữ gìn;
Thầy nàng, nay điều [hâu] ăn,
Đồ [keo] kiết, sao không giữ?²⁹⁸

(46) Nay nhìn đồng tử thi,
Điều [hâu], [dã] thú tranh cầu xé,
Xưa khổ tưng tiu nàng,
Nay điều [hâu] rửa, [dã] thú bơi.²⁹⁹

(47) Nếu thấy đồng xương trắng,
Nằm yên vẫn còn sợ,
Sao không sợ gái đẹp,
[Là] quý trong [cái] thầy di động?

(48) Xưa che đây vẫn tham,
Nay lỏa lồ sao sợ,
Nếu nói [hiện nay] ghét đồ dơ,
Sao tham khi che đây?³⁰⁰

²⁹⁷ **[Wallace]** Khuôn mặt khi xưa đã từng làm bạn ngất ngây [trong đau khổ] nay đã hiện rõ ràng, bạn đã thấy nó bị điều hâu bóc ra, tại sao bạn lại chạy trốn?

²⁹⁸ **[Wallace]** Nay kẻ ghen tuông! Cái mà ngày xưa bạn đã lo giữ gìn khi người khác nhìn trộm, bây giờ đang bị điều hâu, dã thú ăn, tại sao bạn không giữ?

²⁹⁹ **[Batchelor]** Tại sao ta lại dâng hiến hương hoa, chiên đàn cùng những món trang sức cho cái vật mà bây giờ là món ăn của điều hâu và cầm thú?

³⁰⁰ Che đây: ở đây, có thể hiểu theo hai nghĩa: Một là che đây bởi lớp da, nay lớp da bị điều hâu, dã thú bóc đi, phô bày

(49) Phần uế cùng nước bọt,
Do thức ăn bài tiết,
Nếu không thích phần uế,
Sao lại tham nước bọt?

(50) Bọn mê gái không thích
Chăn gối nhung mềm mại,
Vì không mùi đàn bà,
Lũ ngu, tham đồ dơ.³⁰¹

(51) Bọn dâm tiện cho rằng,
Gối chăn tuy mềm mại,
Không thành mộng uyên ương,
Đối gối chăn sinh hờn.

(52) Nếu nói ghét đồ dơ,
Sao lại xiết vào lòng,
Người nữ, [chỉ là] lớp da bọc,
Thịt, gân buộc [vào các] lóng xương?³⁰²

xương, gân, máu, mỡ, v.v... Hai là che đầy bởi quần áo. Xưa quần áo che kín thân thể không thấy da thịt, vẫn tham. Nay làn da phô bày trước mắt (thân trần đen, ứ máu chẳng hạn), sao không tham?

“Nếu nói ... che đầy”: **[Crosby]** Nếu bạn không dùng được nó (thây chết khi lớp da bị bóc đi, gân, xương lòi ra ngoài ...), sao bạn lại cọ xát với nó khi nó được che đầy [bởi lớp da].

³⁰¹ **[Crosby]** Không cảm thấy khoái lạc với gối nhung [nhồi bông] vì nó không rỉ ra chất hôi thối. Kẻ đang yêu (nói chung cho cả hai phái) bị đồ dơ bẩn làm mê loạn.

(53) Thân ta vốn bất tịnh,
Ngày ngày đều thấy biết,
Tham chẳng lẽ chưa đủ,
Còn tham thân [dơ] của người?³⁰³

(54) Nếu nói tham làn da,
Mắt nhìn, tay vuốt ve,
Nay sao lại không thích,
Vô tâm, cái thầy ma?³⁰⁴

(55) Nếu nói yêu tâm nàng,
Tâm nào rò thấy được?
Rò được không phải tâm,
[Sự] ghì xiết [nhau] thật vô nghĩa.³⁰⁵

³⁰² **[Wallace]** Nếu bạn không tham mê chỗ dơ bẩn, sao bạn cứ ôm vào lòng [người đàn bà], kẻ chỉ là một bộ xương, cột với nhau bằng những sợi gân, và được đắp lên bởi những lớp thịt.

³⁰³ **[Crosby]** Ê, thân bạn đã đầy nhóc những chất bẩn thỉu. Hãy thỏa mãn với đồ dơ của mình. Đồ tham cứt đái! Bỏ quên ả đi! Thứ đó cùng chỉ là một bọc đồ dơ khác.

³⁰⁴ **[Wallace]** Bạn ham thích nhìn nó và vuốt ve vì nó là xác thịt. Tại sao bạn lại thích xác thịt, mà bản tính nó là không có ý thức (nói nôm na là không có linh hồn).

³⁰⁵ **[Behold]** Hỏi: Những cái thầy chết quả thực không có tâm thức, nhưng tôi yêu nàng bởi vì nàng có tâm hồn. Đáp: Đúng vậy. Nhưng tâm hồn nàng không thể rò mó được. Sao bạn lại dính líu trong những sự giao hợp vô nghĩa như vậy? Chúng ta nên nhớ rằng, không chỉ thân đàn bà là dơ bẩn, mà chính thân đàn ông cũng dơ bẩn. Chúng ta nên hiểu như vậy, và không nên nghĩ một chiều.

(56) Không biết người bất tịnh,
Còn chưa phải kỳ lạ,
Không biết mình bất tịnh,
Điều này mới kỳ lạ.³⁰⁶

(57) Tâm tham cấu uế này,
Sao lại bỏ đóa sen,
Nặng bần mai nở nhụy,
Ngược lại tham đàn bà?

(58) Tại sao không dám rờ,
Vùng đất bị trét phân,
Mà lại tham rờ rẫm,
Chỗ dơ, rỉ cấu uế?

(59) Nói không ưa nhóp nhúa,
Thai nghén trong lầy lụa,
Chỗ cấu uế sinh ra,
Sao cứ ôm vào lòng?³⁰⁷

(60) Phần uế sinh [ra] giới trùng,
Dù ít cũng nhàm tởm,

³⁰⁶ **[Behold]** Suy ngẫm về việc này (sự bất tịnh của ta và người), chúng ta nên tìm cách đối trị sự tham luyến không thể kiềm thúc của chúng ta đối với kẻ khác [bằng cách tu bất tịnh quán].

³⁰⁷ Bạn nói rằng bạn không ưa những chất nhóp nhúa. Thế sao họ (đàn bà) đã được thai nghén trong chỗ lầy lụa, và được sinh ra từ nơi cấu uế, vậy mà bạn vẫn cứ thích ôm vào lòng?

Biết thế sao còn tham,
Phần ế sinh thân này?³⁰⁸

(61) Không những không khinh ghét,
Thân cấu ế của mình,
Lại vì tham bất tịnh
Thèm thân dơ của người.

(62) Thế gian món trần hào,
Thức ăn và rau cải,
Nhai xong nhổ trên đất,
Mặt đất thành cấu nhơ.

(63) Thân này nhóp như vậy,
Nhìn kỹ, nếu còn nghi,
Nên đến rừng cây chết,
Nhìn đồng cây thối rữa.

(64) Thân chết bóc làn da,
Kẻ nhìn sinh khủng khiếp,
Biết rồi sao lại còn,
Háo sắc, lòng hoan hỉ?³⁰⁹

(65) Thân thoa mùi chiên đàn,

³⁰⁸ **[Crosby]** Có phải bạn không thích con giò sinh ra từ phần ế là vì nó quá nhỏ? Chắc chắn là bạn thèm muốn thân thể đàn bà, cũng là từ chỗ phần ế sinh ra, bởi vì thân xác họ to lớn?

³⁰⁹ **[Wallace]** Đã biết lớp da bị bóc ra sẽ đem đến sự sợ hãi khủng khiếp, sao bạn lại còn tham mê cái đồ bất tịnh đó!

Hương không từ thân ra,
Sao ngu si thèm muốn,
Thân nhớp mượn mùi hương?³¹⁰

(66) Thân vốn mùi xú uế,
Đúng lý nên nhờm tởm,
Lũ phàm phu tham dục,
Sao điểm tô thân này?³¹¹

(67) Thân tiết ra mùi gì,
Nếu [mùi] hương thuộc [về] chiêm đàn,
Đừng vì mùi hương lạ,
Mà tham thân đàn bà.³¹²

³¹⁰ **[Behold] Phản đối:** Xin làm ơn im lặng một chút. Tôi muốn được phát biểu vài lời. Khi người đàn bà xúc dầu thơm, son phấn, và các món trang điểm khác. Lúc đó chẳng phải là họ rất hấp dẫn hay sao? **Đáp:** Câu nói của bạn rất đáng buồn cười. Những món dầu thơm, phấn thơm này, v.v... chẳng có quan hệ gì với thân thể họ. Mùi thơm toát ra là từ những vật như chiêm đàn, v.v... Chẳng lẽ bạn bị họ hấp dẫn bởi vì những vật mà họ thoa lên thân thể? Giả sử bọn họ không thoa những vật này, và không tắm rửa một đoạn thời gian, lúc đó bạn sẽ nhìn thấy thân thể họ như thế nào?

³¹¹ **[Behold]** Lúc đó thân thể họ sẽ tiết ra mùi tự nhiên của nó [là hôi thối]. Nếu thân đàn bà như nhớp và hôi thối như vậy, phải chăng điều tốt nhất là không nên tham luyến những thân thể đó.

³¹² **[Behold] Phản đối:**Ồ, không phải thế. Nếu họ (phụ nữ) tắm rửa, thoa xúc dầu thơm, trang sức thân thể họ bằng những món nữ trang, và mặc lên những bộ quần áo lộng lẫy. Chẳng lẽ bạn không thấy những người đàn bà như vậy là đẹp hay sao? **Đáp:** Những sự lộng lẫy đó có phải là của chính họ

(68) Thân xác vốn loã lồ,
Tóc rối, móng dài dơ,
Răng vàng, bựa hôi thối,
Thoạt nhìn thấy nôn ọe.³¹³

(69) Tham dục, vật hại mình,
Sao lại trang sức nó?
Ô hay, bọn người ngu,
Tự hôn mê điên loạn.³¹⁴

hay không? Chắc chắn, sự bày vẽ đó chỉ có tính chất tạm thời mà thôi. Sắc đẹp mà bạn nhìn thấy đó chỉ là sự giả tạo. Họ (đàn bà) dùng xà phòng và nước rửa sạch mùi hôi của thân thể. Kế đó xức dầu lên tóc, đánh phấn, và trang điểm khuôn mặt họ. Sau đó, lại mặc lên quần áo sang trọng và mang đồ trang sức lộng lẫy, để cho chúng ta chiêm ngưỡng cái dung nhan gọi là mỹ miều của họ. Nếu thế, chúng ta đem một hình nộm gỗ ra trang điểm, thì hình nộm đó cũng sẽ hiện ra một cách lộng lẫy như thế. Xin nhìn kỹ thân thể đàn bà xem bản chất của nó là gì, nếu không có những món hương phấn này?³¹³ **[Behold]** Nếu họ ở trong trạng thái thiên nhiên, mà không trang điểm như đã mô tả ở trên, chúng ta sẽ thấy gì? Chỉ là một hình dạng đáng kinh sợ: trần truồng, nhóp nhúa, vớ mái tóc bù xù, móng tay đen nhóp, và hàm răng vàng khè hôi thối.

Phụ chú: Ngài Tịch Thiên đã phí rất nhiều thì giờ mô tả về sự bất tịnh của thân thể này. Ngài làm thế không phải có mục đích tô lên một bức tranh bệnh hoạn, mà chính là muốn giúp chúng ta đối trị căn bệnh tham luyến, chấp trước thân thể của ta.

³¹⁴ **[Behold]** Như ngài Tịch Thiên đã nói, nếu chúng ta bị tràn ngập bởi sự đam mê, ngã mạn, và tiếp tục theo đuổi những đối tượng dục lạc, cũng giống như chúng ta mài giũa

(70) Nếu lòng sinh nhờm tởm,
Đống xương nơi rừng thây,
Sao lại tham xương trắng,
Tới lui chốn thị thành?³¹⁵

(71) Thân đàn bà dù nhơ,
Muốn được phải trả giá,
Đời này, lẫn lóc đau,
Đời sau, xuống địa ngục.³¹⁶

(72) Trẻ không làm ra tiền,
Lớn làm sao hưởng dục,

những món binh khí bén nhọn, để một ngày nào đó, chúng sẽ quay lại giết ta. Không lý do gì mà tiếp tục những cuộc truy hoan, mà chung cuộc chỉ làm hại chúng ta. Đây lại chính là những sự việc mà mọi người trên thế giới đang miệt mài đeo đuổi. Họ hoàn toàn lầm lẫn, mê muội. Không còn biết đâu là thiện, đâu là ác, đâu là sạch, đâu là dơ.

³¹⁵ **[Wallace]** Chỉ nhìn thấy một vài cây chết nơi nhà mồ bạn còn cảm thấy nhờm tởm, sao bạn lại có thể vui thích chốn thành thị, là nhà mồ tràn đầy những cái thây di động.

³¹⁶ **[Behold]** Hơn nữa, sự nhớp nhúa của thân thể không phải chỉ là vấn đề độc nhất trong việc tham muốn thân thể người khác. Chúng ta phải hiểu rằng, vì muốn hưởng được thú vui xác thịt, chúng ta càng lúc càng trói buộc chúng ta chặt hơn vào sự bất mãn của vòng luân hồi. Như đã nói ở trên, chúng ta tiêu hao tài sản, làm những việc ác đức, và nhọc nhằn trong việc tìm cầu vật chất để cung phụng nó. Bởi vì những việc này, hiện đời chúng ta sẽ gặp biết bao hoạn nạn, và đời sau vào đường ác, nơi đó những sự thống khổ đọa đầy đang chờ đợi chúng ta.

Tích tụ [tiền của] đến bạc đầu
Dục lạc nào hưởng được?³¹⁷

(73) Kẻ tham dâm ti tiện,
Ban ngày làm việc mỗi,
Tối về khí lực mòn,
Ngủ lẫn như thây chết.

(74) Hoặc phải đi xứ người,
Đường dài lắm gian nan,
Tuy muốn gặp mặt nhau,
Hàng năm không gặp được.³¹⁸

(75) Hoặc có người mưu lợi,
Vì ngu bán thân mình,
Tuy chưa thấy điều lợi,
Theo số phận nổi trôi.³¹⁹

³¹⁷ **[Behold]** Khi còn trẻ, chúng ta khó mà có cơ hội tích tụ của cải. Khi lớn hơn chút nữa, chúng ta lại phải bỏ bao nhiêu nỗ lực để tìm một người vợ. Rốt cuộc, khi tìm được người vợ rồi, chúng ta lại phải nhọc nhằn làm lụng để cấp dưỡng gia đình, và ít có thì giờ cùng họ chung vui. Mà nhiều khi, sự hiện diện của họ chỉ làm cho chúng ta càng thêm đau khổ mà thôi. Đây là sự thật của rất nhiều người.

³¹⁸ **[Behold]** Có người vì cuộc sống của gia đình đã phải phiêu lưu đến xứ người, hoặc đi làm lính. Khi xa cách, họ phải chịu khổ đau bởi sự chia cách với người họ đang yêu, cùng nỗi đau hành hạ bởi sự thèm muốn xác thịt. Không ai muốn lìa xa người mà họ yêu, nhưng đây chính là sự tham luyến đã dẫn chúng ta đến những kinh nghiệm khổ đau (ái biệt ly khổ) này.

(76) Hoặc có kẻ bán thân,
Tùy thuộc người sai khiến,
Vợ họ khi lâm bồn,
Ra đồng dưới gốc cây.

(77) Kẻ nô lệ dục lạc,
Vì tìm kế sinh nhai,
Hoặc phải đi làm lính,
[Hoặc] vì lợi làm nô lệ.³²⁰

(78) Vì tham dục, [tự] cắt thân,
Hoặc nằm trên công nhọn,
Hoặc tự đâm thân mình,
Hoặc lấy lửa đốt thân.³²¹

³¹⁹ **[Behold]** Lại có kẻ lầm lẫn trong việc kiếm tiền, đã bán thân cho kẻ khác, rồi cuộc bị bức bách làm những công tác lao động nặng nề. Trong tình trạng như thế, không còn một chút tự do, bởi vì hoàn toàn bị khống chế bởi người chủ, và đôi khi, tùy thuộc vào ý muốn của chủ nhân, họ bị trôi dạt đến những nơi chốn mà họ không mong muốn.

³²⁰ **[Crosby]** Vì để tìm cách sinh sống, họ (trở thành lính và) đi ra chiến trường nhận chịu sự nguy hiểm tánh mệnh. Lại có kẻ vì kiêu hãnh mà thành nô lệ. Họ là người ngu làm trò hề cho sự đam mê của chính họ.

³²¹ **[Crosby]** Có người là nạn nhân của sự khát vọng của họ, thân thể họ bị chặt, cắt. Có kẻ bị tên bắn, có kẻ bị đốt chết và bị giết bởi gươm giáo.

Phụ chú: Trong đây, nếu theo **[Batchelor]**, thì chính nạn nhân của dục vọng đã tạo những cảnh huống này cho chính họ, tức là tự đâm, tự đốt, v.v... Còn theo các bản dịch

(79) Trãi qua [sự] khổ tích giữ,
Mới biết của [cải đem] nhiều họa,
Tham làm tâm điên đảo,
Đường giải thoát mật mờ.³²²

(80) Tham dục sinh lắm khổ,
Nhiều hại, [nhưng] ít phước lợi,
Như con thú kéo xe,
Chỉ được vài năm cỏ.

(81) Lợi này quá nhỏ nhoi,
Súc sinh cũng có được,
Người vì lợi bôn ba,
Hoang phí thân quý này.

(82) Dục lạc rồi sẽ mất,
Tham, dễ đọa địa ngục,
Vì chút vui sướng tạm,
Chìm cõi khổ lâu dài.³²³

khác, có thể hiểu theo hai nghĩa, hoặc là họ tự làm tổn hại, hoặc là họ bị kẻ khác làm tổn hại.

³²² **[Wallace]** Nên xem của cải như một sự bất hạnh, bởi vì sự tích tụ, giữ gìn và mất mát chúng sẽ đem đến những phiền muộn không cùng. Những kẻ quyến luyến tài sản, do vì tâm tưởng tán loạn, sẽ không có cơ hội thoát ly sự khổ đau của thế gian này.

³²³ **[Behold]** Tài sản mà chúng ta đã cố gắng một cách vất vả để tích tụ có nghĩa lý gì? Bất luận tích tụ bao nhiêu chẳng nữa, cuối cùng rồi chúng cũng sẽ mất. Nếu như quá tham luyến tiền của này, chúng ta chắc chắn sẽ bị đọa vào ba

(83) Bồ tát chịu ít khổ,
Cũng đủ thành Phật đạo,
Kẻ tham, tuy khổ nhiều,
Vẫn chưa chứng Bồ đề.³²⁴

(84) Nghĩ đến khổ địa ngục,
Mới biết các khổ như,
[Thuốc] độc, lửa, binh [khí], kẻ ác,
Không bằng khổ địa ngục.

(85) Vậy nên nhàm dục lạc,
Ham thích a lan nhã,
Không tranh, không phiền não,
Tịch tĩnh trong núi rừng.

đường khổ. Từ vô thủy đến nay chúng ta đã từng bỏ biết bao nhiêu nỗ lực để tích tập những khoái lạc trong cõi luân hồi, nhưng rốt cuộc những nỗ lực đó đã đem được gì đến cho chúng ta? Nếu mà chúng ta bỏ nhiều nỗ lực như vậy trong việc tu tập Chánh pháp, chắc chắn hiện nay chúng ta đã được giác ngộ (thành Phật).

³²⁴ **[Diễn Nghĩa]** Bồ tát làm việc lợi ích chúng sinh, chỉ cần trong khoảng thời gian ngắn ngủi, tự nguyện nhẫn thọ chút ít sự khổ đau trong sự lợi sinh, tuy nỗ lực ít ỏi như thế vẫn có thể chứng được quả Bồ đề. Thế nhưng, những kẻ phạm phu tham dục, tuy trong vô lượng kiếp bị nghiệp lực cưỡng bức, nhận chịu vô lượng khổ sở trong những chỗ như địa ngục Vô gián, v.v..., vẫn không có nhân duyên chứng Vô thượng bồ đề. Nói cách khác, ý nghĩa tu chứng Bồ Đề quan trọng mà chỉ thọ khổ chút ít, còn sự truy cầu dục lạc gần như không có ý nghĩa gì, trái lại sự thống khổ quả thật vô cùng.

(86) Thanh khiết ánh trăng trong,
Mát rượi như chiêm đàn,
Chiều dài trên mặt đá,
Lòng hân hoan nhẹ nhẹ,
Gió rừng êm, lặng lẽ,
Trong tịch mịch thối qua,
Người [tu] Du già hạnh phúc,
Vút bay lòng lợi tha.³²⁵

(87) Nhà trống, động, gốc cây,
Tùy ý ở đó đây,
Bỏ hết tâm tham luyến,
Bước chân theo trời mây.

(88) Tự tại bước vân du,
Không ràng rịt thân thù,
Vương hầu chưa chắc hưởng,
Biết đủ trong nhàn du.

(89) Nghĩ đến công đức này,
Lìa xa những trần duyên,
Dứt hết tâm phân biệt,
Tu quán tâm Bồ đề.

(90) Trước hết nên quán sát,
Ta, người vốn bình đẳng.

³²⁵ [Wallace] Những hành giả Du già hạnh phúc, được môn trốn bởi cơn gió rừng nhẹ nhẹ, và im lặng bước trên những tảng đá đẹp, rộng rãi như cung điện, mát lịm dưới ánh trăng tựa gỗ chiêm đàn, và suy ngẫm việc lợi ích cho kẻ khác.

Đồng tránh khổ cầu vui,
Thương người như thương ta.

(91) Tay, chân tuy khác nhau,
Giữ [gìn] như thân [thể], ắt đồng,
Chúng sinh tuy khác biệt,
Cầu vui cũng giống ta.³²⁶

(92) Tuy sự khổ ta chịu,
Không tổn thương kẻ khác,
Bởi vì chấp có “ta”,
Sự khổ thành của ta,
Nên không nhẫn chịu được.

(93) Như thế, người thọ khổ,
Tuy không hại đến ta,
Vì quán người là “ta”,
Sự khổ thành của ta,
Nên không nhẫn chịu được.³²⁷

³²⁶ **[Diễn Nghĩa]** Trong việc tu tập tâm Bồ Đề, phẩm này đề ra hai phương pháp: (1) quán ta và người bình đẳng, (2) trao đổi ta và người (tự tha hoán). Trước tiên phải nỗ lực tu tập quán ta và người bình đẳng. Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu nói: "Sau khi tu tập thành thạo pháp quán ta người bình đẳng, có thể sinh tâm Bồ Đề kiên cố." Nếu, trước tiên, tu tập và sinh khởi tâm xem ta và người đều bình đẳng, thì tự nhiên tâm trao đổi ta và người cũng sẽ sinh khởi một cách dễ dàng. Nếu tâm bình đẳng không sinh, ắt tâm sân hận không thể trừ diệt; đương nhiên, tâm trao đổi ta và người lại càng không thể sinh khởi. Do đó, trước tiên phải tu quán ta và người bình đẳng.

(94) Nên trừ khổ cho người,
Người khổ như ta khổ,
Nên làm lợi cho người,
Xem người như chính ta.³²⁷

³²⁷ **[Behold] Phản đối:** Sự khổ mà tôi nhận chịu không tổn hại đến kẻ khác, và sự khổ của họ cũng không thương tổn đến tôi. Như vậy, chẳng có lý do gì mà tôi phải tìm cách diệt trừ sự khổ cho người khác, giống như tìm cách diệt khổ cho chính ta. Tốt hơn, tôi nên tìm cách giải quyết vấn đề cho chính ta trước. **Đáp:** Quả đúng là sự khổ đau mà ta kinh nghiệm không tổn hại đến kẻ khác, và ngược lại. Thế nhưng, sự khổ đau của kẻ khác không khác gì sự khổ đau của chính ta. Nếu như thân thể chúng ta bị cắt và chúng ta cảm thấy đau khổ, chỉ là vì chúng ta thương thân này, và không thể nhẫn chịu khi thấy nó bị tổn hại. Nếu như chúng ta thương yêu kẻ khác như thương yêu chính ta, chúng ta sẽ không thể nào nhẫn chịu khi thấy người khác nhận chịu sự thống khổ.

³²⁸ **[Behold]** Nguyên nhân chính nào ngăn chận chúng ta trong việc chấp nhận rằng sự thống khổ của người khác không khác gì với sự thống khổ của ta? Chúng ta nên cùng nhau tra cứu vấn đề này. Như màu xanh và màu vàng thì lúc nào cũng khác nhau. Không thể nào sự nhận thức rõ màu vàng trở thành sự nhận thức rõ màu xanh. Thế nhưng ta và người không phải như vậy. Chúng ta không phải khác biệt và đặc thù như chúng ta cảm tưởng. Mặc dù vậy, chúng ta cứ ôm chặt cái ta đối với những việc liên quan đến ta, và gán ghép cái họ cho những việc liên quan đến kẻ khác. Bởi vì chúng ta ngoan cố và vội vã trong việc phân biệt ta và người, chúng ta phải bị chìm đắm trong biển sinh tử. Vì sao? Bởi vì thái độ phân biệt lầm lẫn của chúng ta, chúng ta cảm thấy ghen tuông, tham luyến, giận dữ, v.v..., đối với kẻ khác, và tùy thuộc vào tâm vô minh này, chúng ta đã tạo những nghiệp ác

nặng nề. Điều này chẳng dẫn chúng ta về đâu, ngoài sự thống khổ và bất mãn.

Nếu chúng ta suy ngẫm rõ ràng, chúng ta sẽ thấy là ta và người không phải giống như màu vàng và màu xanh, mà giống như (hai) quả núi này và quả núi khác. Khi chúng ta ở trên núi phía đông, lúc đó quả núi phía tây sẽ được gọi là quả núi khác. Nhưng khi chúng ta đi qua quả núi phía tây, chúng ta sẽ gọi nó là quả núi này, còn quả núi phía đông mà chúng ta vừa rời khỏi, trước kia được gọi là quả núi này, bây giờ trở thành quả núi khác. Điều này đưa đến vài câu hỏi quan trọng: Quả núi phía đông có phải vừa là quả núi này, vừa là quả núi khác? Nếu đúng là thế, thì điều này cũng đúng với quả núi phía tây. Nếu hai quả núi luôn luôn khác nhau, thì quả nào thật là quả này, quả nào thật là quả khác? Phải chăng đây chỉ là vấn đề quan niệm, và là điều mà chúng ta có thể thay đổi được? Nếu chúng ta quán sát kỹ lưỡng cái ta và người, chúng ta cũng sẽ nhận thấy sự tương tự như thế.

Ta và người lại cũng tương tự như cao và thấp. Thí dụ một đứa trẻ tám tuổi, cũng vừa là cao mà cũng vừa là thấp. So với một thanh niên hai mươi tuổi thì nó gọi là thấp, nhưng nếu so với đứa trẻ ba tuổi thì nó gọi là cao. Do đó, chúng ta không thể nào nói nó là vĩnh viễn thế này hay thế nọ. Cao và thấp không phải luôn luôn là hiện tượng khác nhau như màu vàng và màu xanh. Tương tự, ta và người cũng không phải luôn luôn khác nhau như màu vàng và màu xanh. Quả là một sự lầm lẫn nếu chúng ta bám víu vào quan niệm lầm lạc rằng hai bên (ta và người) là khác.

Nếu chúng ta suy ngẫm về thí dụ này cùng những lý luận tương tự, và hơn nữa nếu chúng ta quán sát những lỗi lầm của thái độ ích kỷ cùng những công đức của lòng lợi tha, hy vọng chúng ta sẽ nỗ lực tu tập pháp quán ta và người bình đẳng, hơn nữa sẽ có thể thành tựu trong pháp quán trao đổi ta và người. Nếu chúng ta không chuẩn bị tâm lý của

(95) Hai bên, ta và người,
Cầu vui đều như nhau,
Ta, [và] người nào khác biệt,
Sao chỉ cầu vui [riêng cho] ta?

(96) Hai bên, ta và người,
Ghét khổ đều như nhau,
Ta, người nào khác biệt,
Sao chỉ lo riêng [cho] ta?

(97) Nếu nói khổ của người,
Không tổn hại đến ta,
Thế nên ta không lo,
Nếu thế, khổ đời sau,
Không tổn hại đời này,
Cớ sao ta lại lo?³²⁹

ta như thế, chúng ta sẽ gặp khó khăn trong việc tu tập, và tệ hơn nữa sẽ không có hy vọng thành công.

Vì khả năng phát triển tâm Bồ Đề quý báu này tùy thuộc vào nhận thức sự bình đẳng của những sự vật mà chúng ta trước kia đã có thói quen cho là khác biệt. Bởi vậy, chúng ta nên nỗ lực trong việc tu tập pháp quán bình đẳng này!

³²⁹ **[Behold] Phản đối:** Tôi đã nói rồi. Chẳng có lý do gì mà tôi phải lo lắng cho sự khổ của người khác. Nó chẳng tổn hại gì đến tôi. **Đáp:** Thế sao bạn lại nỗ lực trừ diệt sự khổ của già bệnh sẽ đến trong tương lai, hoặc hơn nữa, lo trừ diệt những việc phiền muộn của ngày mai hoặc ngày mốt, khi mà những sự khổ đau trong tương lai chẳng tổn hại đến chúng ta trong hiện tại?

(98) [Nếu] nghĩ ta sẽ thọ khổ,
 Đây là nghĩ sai lầm,
[Vi] kẻ chết [đi] là thân này,
Người sinh [ra] là thân khác.³³⁰

(99) Cho rằng thân ta khổ,
 Nên ta tự bảo hộ,
 Chân khổ khác tay khổ,
 Sao tay [lại] bảo vệ chân?

(100) Lo ta, không lo [cho] người,
 Chấp ngã nên như vậy,

³³⁰ **[Crosby]** Bài kệ này đề cập đến thuyết luân hồi mà tất cả các tông phái trong Phật giáo đều công nhận. Tuy có sự đầu thai, nhưng không có một linh hồn hay một cái ngã thường hằng bất biến. Do đó, người chết đi trong đời này không phải là một với kẻ được sinh ra trong đời sau. Ở đây có sự khó khăn trong việc hòa giải thuyết luân hồi và thuyết vô ngã, và đã trở thành một đề tài giáo lý cho các tông phái trong Phật giáo (tương tự như trong Thiên chúa giáo, vấn đề của một vị Thượng đế toàn thiện mà lại sáng tạo việc ác). Các tông phái đã đưa ra các giải đáp khác nhau. Một thí dụ sớm nhất cho vấn đề này là một ngọn lửa thắp sáng một ngọn lửa khác. Hai bên tuy không phải là một, nhưng lại là một phần của sự liên tục. Trong kệ (97)-(98), vấn đề được đặt ra: “Tại sao phải làm điều thiện để bảo đảm việc sinh vào cõi lành, khi mà đời sống ở cõi đó, không phải là kẻ làm việc thiện trong hiện tại được hưởng thụ?”

Phụ chú: Nói nôm na, nếu kẻ làm lành đời này và kẻ hưởng phước đời sau là hai kẻ khác nhau, tại sao ta phải làm để người khác hưởng?

Đây là điều phi lý,
Thế nên quyết đoạn trừ.³³¹

(101) Tâm là sự tương tục,
Như hạt [chuối] trong xâu chuối,
Thân là sự tích tụ,
Như lính trong đội quân,
Vốn không người thọ khổ,
Ai là kẻ trừ khổ?³³²

³³¹ **[Behold] Phản đối:** Tôi đã nhấn mạnh là sự diệt trừ khổ đau của kẻ khác là không thích đáng, vì tôi không có liên hệ gì với họ. Điều này không đúng cho thí dụ vừa mới đưa ra (kệ 99). Diệt trừ khổ não cho bản thân hoặc cho đời sống vị lai của ta là điều thích đáng, bởi vì chúng ta chấp trước vào “cái thân của tôi đau” hoặc “đời sau của tôi đau khổ.” **Đáp:** Chấp trước vào sự hiện hữu độc lập của cái ngã của ta và cái ngã của người khác là một điều cực kỳ phi lý. Điều quan trọng là phải chấm dứt ngay [quan niệm] về “cái ngã độc lập” này. Bởi nó là nguyên nhân chính làm cho chúng ta oằn oại trong vũng lầy sinh tử từ vô thủy đến nay.

³³² **[Behold] Phản đối:** Lý do mà tôi nói là sự khổ của bản thân phải được trừ diệt bởi bản thân, và sự khổ đau trong tương lai phải được trừ diệt trong hiện tại, bởi vì chúng cùng là một tổ hợp và liên tục. Điều này không đúng cho ta và người khác. **Đáp:** Chẳng có cái gì gọi là tổ hợp độc lập của ta và người như bạn suy diễn. Một tổ hợp bao hàm nhiều bộ phận mà trên đó chúng ta gán ghép một nhãn hiệu gọi là tổ hợp. Thí dụ, như xâu chuối là tổ hợp của một trăm lẻ tám hạt chuối. Tương tự, sự tụ hợp của nhiều người lính với nhau thì được gọi là quân đội. Thông thường, chúng ta bám víu mạnh mẽ vào cái gọi là ngã riêng biệt của mỗi vật, và gọi tên như “chuối của ta”, nhưng thực sự không có một xâu chuối nào hiện hữu một cách độc lập hết cả. Cái gọi là chuối, thực sự

(102) Đã không người thọ khổ,
Các [sự] khổ không khác biệt,
Phải trừ diệt sự khổ,
Cần gì phải phân biệt?³³³

(103) Không nên tranh luận rằng:
Cần gì đoạn khổ [cho] người?
Muốn trừ phải trừ hết,
Nếu không, đều không trừ.³³⁴

(104) {Phản đối} Tâm Bi đem đến khổ,
Sao cưỡng bức [nó] phát sinh?
{Đáp} Nếu thương chúng sinh khổ,
Khổ [của] mình làm sao tăng?³³⁵

chỉ là một tên gọi tâm lý (mental label) mà ta gán ghép trên những bộ phận của nó. Nếu chúng ta quán sát kỹ lưỡng các bộ phận rời rạc này, và đi tìm cái gọi là chuỗi, điều này không thể có được. Tương tự, cái gọi là quân đội, không phải là một vật hiện hữu độc lập, dù chúng ta có làm đủ mọi cách tìm nó trong những người lính.

³³³ Nếu đã không còn sự khác biệt giữa ta và người, thì không còn cái gọi là khổ của ta và khổ của người. Mục đích của chúng ta là phải trừ diệt sự khổ, mà không còn phải phân biệt ta và người nữa.

³³⁴ Nếu muốn trừ khổ, phải trừ tất cả khổ cho cả ta và người. Còn nếu không trừ khổ cho người, thì cũng không nên trừ khổ cho chính ta. Vì sao? Vì ta và người không có sai biệt.

³³⁵ **[Crosby] Phản đối:** Tâm từ (bi) đem đến cho chúng ta bao nhiêu thống khổ, tại sao lại cưỡng bức nó sinh khởi?
Đáp: Nếu ta đã thấy được chúng sinh thọ biết bao nhiêu

(105) Nếu khổ [của] ta trừ được,
Khổ của nhiều người khác,
Vì lợi lạc [cho] ta, [và] người,
Nên hân hoan chịu khổ.

(106) Bồ tát Diệu Hoa Nguyệt,
Tuy biết vua mưu hại,
Nhưng vì lợi tự tha,
Không tiếc thân mệnh mình.³³⁶

thống khổ, thì tâm từ bi đem cho ta sự thống khổ này có gì là lớn lao?

³³⁶ **[Crosby]** Câu truyện của Diệu Hoa Nguyệt (Phạn: Supuṣpacandra) được kể trong phẩm thứ ba mươi lăm của Kinh Tam Muội Vương (Phạn: Samādhirāja Sūtra). Trong truyện, có một vị thánh tăng tên là Diệu Hoa Nguyệt, không nghe lời cảnh cáo của các vị đồng tu, du hành đến một xứ còn dã man. Ngài đi đến kinh đô xứ này và bắt đầu giảng Phật Pháp. Ngài đã thu hút được sự chú ý của mọi người, trong đó có hàng ngàn người con của nhà vua, các vị đại thần, cùng vợ con của họ. Tất cả đều cải đạo vào Phật Pháp. Nhà vua, tên Suradatta, ghen tị với dung nhan tuấn tú của ngài, và cảm thấy ghen tuông đến cực độ, khi thấy các cung phi của mình đã bị thu hút bởi Diệu Hoa Nguyệt và cử một mực ca ngợi ngài. Nhà vua ra lệnh cho các người con của ông hạ sát Diệu Hoa Nguyệt, nhưng họ đã từ chối và khuyên nhà vua nên chấm dứt những âm mưu tàn nhẫn này. Tuy vậy, nhà vua cuối cùng cũng tìm được một gã sát nhân hung dữ nguyện ý làm công việc tàn ác đó, bằng cách bầm thân ngài Diệu Hoa Nguyệt thành từng mảnh vụn trước mặt đại chúng. Nhà vua giả vờ như không có việc gì xảy ra, và tiếp tục làm những công tác thường nhật của mình. Cho đến tuần lễ sau, nhà vua có dịp đi ngang qua chỗ mà thân thể nát vụn của

(107) Như vậy, tu tâm mình,
Vui diệt khổ cho người,
Địa ngục cũng tìm đến,
Như [thiên] nga vào ao sen.³³⁷

(108) Nếu hữu tình [được] giải thoát,
Tâm [ta] vui như biển lớn.
Vui [này] chả lẽ không đủ,
Sao chỉ độ riêng ta?³³⁸

Diệu Hoa Nguyệt còn vương vãi trên mặt đất, thì thấy rằng những mảnh thịt đó, không những không đổi màu, mà lại còn đỏ thắm và tươi rói. Lúc ấy, cõi lòng nhà vua tràn ngập sự hối hận, vì ông nhận thấy rằng mình đã tàn hại một vị thánh nhân. Nhà vua lẫn lộn khóc lóc, sám hối tội ác của mình, cùng kêu gào sợ hãi ác báo địa ngục mà mình sẽ nhận chịu. Trong khi nhà vua khóc than kể lể như thế, trên không trung các vị thiên thần ca vang những lời tán tụng công đức của Diệu Hoa Nguyệt. Điều may mắn là sau đó nhà vua đã đến trước Tăng đoàn phát lồ sám hối tội lỗi, và phát tâm quy y Tam Bảo. Vị vua này, trải qua vô lượng kiếp, dần dần trong đời sau đã thành Phật, tức là đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni.

³³⁷ **[Crosby]** Giống như Bồ tát Địa Tạng, những bậc mà mục tiêu độc nhất là diệt trừ sự khổ cho chúng sinh, nguyện ý vào trong những địa ngục dữ dội nhất (như A Tỳ chẳng hạn), một cách vui vẻ, giống như thiên nga vùng vẫy trong hồ sen mát mẻ. Ngăn chặn sự khổ đau là điều quan trọng của các ngài, cho đến những sự khổ dữ dội nhất trong vũ trụ cũng không làm cho các ngài chùn bước. Bồ tát Quan Thế Âm cũng được mô tả là đã vào địa ngục A Tỳ để cứu độ chúng sinh (Kinh Ca Lăng Tần Già Trang Nghiêm, Skt: Kāraṇḍa-vyūhasūtra, Phẩm thứ hai).

(109) Tuy làm việc lợi người,
Cũng không nên kiêu ngạo,
Chuyên tâm làm lợi người,
Không mong cầu thiện báo.

(110) Việc ác tuy nhỏ nhặt,
Cũng nên tự giữ gìn,
Như vậy thấy người khổ,
Tu tập từ bi tâm.³³⁹

(111) Tuy tinh cha huyết mẹ,
Vốn không phải thân ta,
Vì tập khí chấp trước,
[Nên] nhận tinh huyết là ta.

³³⁸ **[Crosby]** Những kẻ mà lòng vui sướng rạt rào như biển lớn khi nhìn thấy chúng sinh được giải thoát đích thực là những kẻ thành tựu sự mãn nguyện. Đối với họ, sự giải thoát vô vị có nghĩa lý gì?

³³⁹ **[Behold]** Ta và người đều hy vọng không thọ khổ, đây là tâm lý chung của tất cả. Bởi vậy ta nên tu tập quán ta người bình đẳng. Phải làm cách nào? Thí như có người hơi nói nặng ta một chút, tuy lời nói chẳng đáng gì, nhưng cũng đem đến chúng ta nhiều sự thống khổ. Lúc đó tâm chúng ta tự động tìm mọi cách giải trừ, hầu mong thoát khỏi sự tổn hại này. Cũng vậy, đối với những sự khổ nạn có thể đem đến sự tổn hại đến chúng sinh, dù là lớn lao hay nhỏ nhặt, chúng ta phải tìm cách giữ gìn, khiến cho họ tránh khỏi sự thương tổn. Giả như ta không đủ sức thực hiện, ít nhất cũng phải tu tập tăng trưởng tâm bình đẳng, bồi dưỡng tâm từ bi. Niệm niệm nghĩ đến sự thương xót và cứu độ chúng sinh.

(112) Như vậy đối thân người,
Sao không chấp là ta?
Thân ta đối thân người,
Như thế cũng không khó.³⁴⁰

(113) [Quán] thân ta, lỗi lầm nhiều,
[Quán] thân người, công đức lớn,
Biết rồi, nên tu tập,

³⁴⁰ **[Behold] Phản đối:** Tôi không thể làm cho cái tâm đã bám chặt vào cái ta, đồng nhất chính nó với thân của người khác. Làm sao tôi có thể nghĩ rằng cặp mắt người khác là của ta? Làm sao tôi có thể thấy rằng sự thống khổ của kẻ khác là sự thống khổ của ta? Làm sao tôi có thể tìm cầu hạnh phúc cho người khác như tìm cầu hạnh phúc cho chính ta? Điều này tuyệt đối không thể được. **Đáp:** Đây không phải là lỗi của chúng ta khi chúng ta nghĩ như vậy. Chúng chỉ là ý nghĩ của kẻ chưa có kinh nghiệm. Hiện tại chúng ta quá quen thuộc với sự chấp ngã, và kinh nghiệm của chúng ta chỉ dựa vào sự chấp trước này. Bởi vì tập khí trong quá khứ mà chúng ta bám vào tinh cha, huyết mẹ, từ đó sinh ra xương thịt của chúng ta, mà nhận đó là cái ngã của chính ta. Nếu chúng ta tập luyện thành thạo, thì sẽ không còn vấn đề trong việc đồng nhất ta và người.

Thật sự, thân này của ta là thuộc về kẻ khác. Như đã giải thích trong phẩm thứ tư: "Thân này như vật mượn", giống như chúng ta mượn từ kẻ khác. Thogme Zangpo, trong Ba Mươi Bảy Pháp Thật Hành Của Bồ Tát đã cho rằng thân này như một quán trọ, mà tâm thức chúng ta chỉ là kẻ lữ hành tạm trú trong đó một thời gian. Khi mà ông chủ (Tứ thần) đến, chúng ta sẽ phải dọn ra khỏi lữ quán (thân này) và ra đi một ta. Nếu quả thật thân này là của chúng ta [như chúng ta cảm tưởng], thì chúng ta đã có thể đem nó đi theo khi chúng ta chết.

Thương người, bỏ [sự] chấp [cái] ta.³⁴¹

(114) Mọi người đều công nhận,
Tay, chân đều thuộc thân [thể],
Sao lại không công nhận,
Hữu tình cũng là ta?³⁴²

(115) Do tập khí nên nhận,
Tấm thân này là ta,
Như vậy, đối thân người,
Sao [lại] cho là xa lạ?³⁴³

(116) Thế nên làm lợi người,
Cũng không sinh kiêu ngạo,
[Giống] như tự cho mình ăn,
Chưa từng cầu thiện báo.

³⁴¹ **[Crosby]** Chúng ta nên nhận thức rằng chúng ta có nhiều lỗi lầm, còn công đức của người khác thì bao la như biển lớn. Kể đó quán tưởng về sự buông xả cái ngã của ta và chấp nhận [cái ngã của] người khác [là ta].

³⁴² **[Dịch Chú]** Hữu tình là một bộ phận của chúng sinh giới, nghĩa là tất cả chúng sinh đồng nhất trên phương diện bản thể, không thể chia cắt. Mỗi chúng sinh, đối với toàn thể, tuy nhỏ bé như một giọt nước trong biển lớn, nhưng nếu thiếu đi một giọt nước đó, biển sẽ không còn là biển trong dáng dấp nguyên thủy của nó nữa. Cũng vậy, nếu thiếu đi một chúng sinh, thì cái Toàn thể [chúng sinh đó], không còn là Một, trong dạng nguyên sơ của nó.

³⁴³ **[Batchelor]** Do tập khí (thói quen), đối với cái thân vô ngã này, ý niệm về cái ta được sinh khởi; như vậy, tại sao nó (cái ý niệm ta đó) không sinh khởi đối với chúng sinh khác?

(117) Người hại ta việc nhỏ,
Đã lo tự bảo hộ,
Như thế, đối người khổ,
Nên khởi lòng cứu độ.

(118) Bồ tát Quán Thế Âm,
Vì diệt khổ chúng sinh,
Nên khởi lòng Đại bi,
Gia trì danh hiệu mình.

(119) Thấy khó không lùi bước,
Mọi việc đều do quen;
[Như] xưa, nghe tên sợ hãi,
Gần lâu thành bạn hiền.³⁴⁴

(120) Nếu muốn được mau chóng,
Cứu hộ ta và người,

³⁴⁴ **[Diễn Nghĩa] Hỏi:** Như ngài đã nói, coi người như ta, chắc chắn lợi ích sẽ vô cùng. Nhưng tâm ý như vậy quả thật là quá cao thâm, tôi không thể nào thật hiện được. **Đáp:** Không nên mặc cảm tự ti. Muốn tu tập tâm bình đẳng này, quả là một sự khó khăn. Tuy vậy, không nên vì thế mà khiếp sợ thụt lùi. Chỉ cần kiên trì ý chí tu tập, làm chủ tâm ta, từ từ cải đổi, tự nhiên đến một lúc nào đó sẽ thành tựu. Cũng giống như lúc xưa chúng ta có một kẻ thù, mà mỗi khi nghe đến tên họ, chúng ta liền cảm thấy khiếp sợ hay giận dữ. Nhưng vì một nhân duyên nào đó, ta phải miễn cưỡng gần gũi với họ. Trải qua một đoạn thời gian, hai bên càng lúc càng hiểu rõ nhau hơn, sự quan hệ từ từ phát sinh tình cảm. Lúc đó, mỗi khi xa vắng họ, chúng ta nhiều khi lại cảm thấy cõi lòng tràn ngập niềm nhung nhớ.

Nên tu “tự tha hoán”,
Bí quyết rất tuyệt vời.³⁴⁵

(121) Vì tham luyến tự thân,
Việc nhỏ cũng sợ hãi,
Ai chẳng ghét thân này,
Như kẻ thù tai hại.³⁴⁶

³⁴⁵ **[Behold]** Nếu những kẻ biết khó nhưng không lùi bước, tu tập đến khi trình độ có thể sinh khởi tâm “ta và người bình đẳng”, thì có thể thành tựu sự tự lợi, lợi tha một cách nhanh chóng. Pháp tu này là yếu nghĩa cứu cánh của Đại thừa, là khẩu quyết thâm sâu nhất. Đây không phải là pháp mà những kẻ phàm tục, đặc biệt là những kẻ có căn tính Tiểu thừa, có thể tin hiểu được. Vì không muốn những hành giả Tiểu thừa nghe đến pháp môn này, sinh tâm bất tín và lo sợ, Hoặc tệ hơn nữa, lại còn phỉ báng. Do đó, phải coi pháp này như một bí quyết rất thù thắng, chỉ để ta bí mật tu tập, mà không thể tùy tiện truyền thọ cho người khác.

Phụ chú: Ý muốn nói, pháp môn này rất thù thắng, chỉ nên tìm người căn cơ thích hợp để truyền dạy, chứ không phải để riêng ta tu tập mà không truyền dạy cho người khác.

³⁴⁶ Kệ (121) đến kệ (124) nói đến sự diệt trừ ái chấp của chính ta.

[Diễn Nghĩa] Nếu như không tu phép hoán tự tha, hành giả sẽ tham trước thân thể. Vì tham trước thân ta nên phập phồng lo lắng, sợ nó bị thương tổn. Do đó, chỉ cần gặp một ít hoàn cảnh khó khăn hoặc hiểm nạn không đáng kể, cũng đủ làm cho kinh hồn mất vía. Không những thế, vì muốn chăm sóc, giữ gìn thân thể, chúng ta lại còn tạo nhiều ác nghiệp, do đây mà thọ nhận những quả báo khốc liệt. Nếu đã biết thế, bất luận trường hợp nào, phải quyết tâm đoạn trừ sự ái chấp thân ta, tu tập pháp trao đổi ta người.

(122) Ngàn kẻ muốn trị lành,
Đói, khát, thân bệnh tật,
Bèn giết thú, cá, chim,
Hoặc làm chuyện cướp giết.

(123) Hoặc vì cầu lợi, kính,
Đến nổi giết mẹ cha,
Trộm cắp vật Tam bảo,
Do đây đọa Vô gián.

(124) Ai là người có trí,
Lại chăm sóc thân này,
Ai không coi [nó] như [kẻ] thù,
Ai chẳng khinh miệt nó?³⁴⁷

(125) “Nếu cho, ta còn gì?”
Tự lợi, đọa nga quỉ.
“Ta hưởng, còn gì cho?”
Lợi tha, sinh trời người.³⁴⁸

³⁴⁷ **[Crosby]** Người nào có trí tuệ mà lại muốn cái ngã (cái thân) như vậy, sẵn sóc nó, thờ phụng nó, mà không coi nó như kẻ thù? Ai mà có thể kính trọng nó?

³⁴⁸ **[Wallace]** Nếu có kẻ chỉ lo cho ta mà nghĩ như sau: “Nếu ta cho, thì còn gì mà hưởng?” Đây là cảnh giới của loài nga quỉ. Ngược lại, nếu họ chỉ lo lắng cho kẻ khác mà nghĩ rằng: “Nếu ta hưởng thụ, thì còn gì để cho kẻ khác?” Đây là cảnh giới của cõi trời.

[Diễn Nghĩa] Bài kệ (125) đến (128), phân biệt bốn trường hợp của sự lợi, hại, được, mất: (1) tự hưởng thụ, hoặc bố thí cho người; (2) hại chính ta, hoặc hại người; (3)

(126) Vì mình mà hại người,
Sẽ thọ khổ địa ngục;
Tổn mình để lợi người,
Tất cả đều thành tựu.³⁴⁹

(127) Muốn cầu quyền thế cao,
Sẽ bị đọa ác đạo,
Ngược lại, tiến cử người,
Sẽ được sinh thiện báo.³⁵⁰

(128) Sai người phục vụ mình,
Sau bị làm nô bộc.
Nhọc mình làm lợi người,
Sau thành bậc vương hầu.

(129) Tất cả vui trên đời,
Đều do lợi người sinh,
Tất cả khổ trên đời,

tự tìm địa vị cao cho ta, hoặc tiến cử kẻ khác; (4) tự ta cực nhọc làm lợi cho người, hoặc sai sử người khác làm lợi cho ta.

³⁴⁹ **[Dịch Chú]** Nếu như tổn hại tính mệnh, tài sản người khác, chắc chắn phải đọa ác đạo chịu thống khổ; nếu như vì người khác mà hy sinh tính mệnh, tài sản của ta, thì tất cả phước báo trí tuệ, cùng những sự nghiệp lợi sinh của ta đều sẽ được thành tựu viên mãn.

³⁵⁰ **[Batchelor]** Vì mong được hơn kẻ khác, chúng ta sẽ đọa vào ác đạo, xấu xí và ngu si. Nhưng nếu thái độ này chuyển qua kẻ khác (nghĩa là mong cho người khác hơn ta), chúng ta sẽ được sinh vào cõi lành hưởng sự cung kính.

Đều vì tự lợi [mà] thành.

(130) Đâu cần phải dài lời,
Phàm ngu cầu tự lợi,
So với bậc lợi tha,
Khác biệt xa vời vợi.³⁵¹

(131) Nếu không chân thật đem,
Vui mình thay khổ người,
Không những không thành Phật,
Sinh tử cũng không vui.

(132) Không cần luận đời sau,
Đời này sẽ thế nào,
Nếu tứ không làm việc,
Chủ không trả thù lao?³⁵²

(133) Lợi người, sẽ được vui,
Nếu không, sẽ mất vui,
Hại người làm họ khổ,

³⁵¹ **[Wallace]** Cần gì nói nhiều! Hãy nhìn vào sự khác biệt giữa kẻ ngu si chỉ lo lợi ta, và các vị Thánh (Muni), bậc chỉ lo lợi ích cho kẻ khác.

³⁵² **[Behold]** Nếu chúng ta không chịu diệt trừ thái độ ích kỷ, chúng ta sẽ nhận chịu những khổ báo đời sau. Không những thế, ngay trong đời này chúng ta cũng sẽ gặp nhiều sự bất mãn. Ví như một kẻ đầy tớ không quan tâm đến hạnh phúc của chủ mình, không chịu phục vụ, và nếu người chủ cũng chẳng quan tâm đến hạnh phúc của tôi tớ, không chịu trả tiền lương. Nếu thế, bên nào cũng chẳng được những điều mà họ mong muốn từ bên kia.

Kẻ ngu tự chôn vùi.

(134) Những thế gian tai hại,
Khổ não và sợ hãi,
Đều do ngã chấp sinh,
Sao [ta] vẫn còn tham ái?

(135) Chưa quét sạch ngã chấp,
Ắt không thể trừ khổ,
Như chưa dập tắt lửa,
Sẽ dễ bị đốt bỏng.

(136) Nếu không muốn tự hại,
Và diệt khổ cho người,
[Nên] quên mình giúp kẻ khác,
Thương người như thương mình.

(137) Nay tâm, người nên biết:
Ta đã thuộc [về] người khác,
Người phải rải lòng thương,
Đừng nên nghĩ tự lợi.³⁵³

(138) Chớ dùng mắt kẻ khác,

³⁵³ **[Behold]** Một khi chúng ta đã trao đổi ta với người khác, chúng ta nên tập quen dòng tư tưởng như sau: "Hiện giờ ta đã hoàn toàn thuộc về kẻ khác, ta không còn có sự lựa chọn những công việc lợi ích cho chính ta." Chúng ta phải quyết chắc là tâm ý của chúng ta hiểu rõ điều này. Từ bây giờ, chúng ta phải làm sao cho cái tâm này luôn luôn chỉ biết làm chuyện lợi ích cho chúng sinh. Thái độ mới này phải được thấm nhập vào tất cả các ý tưởng và hành động của chúng ta.

Để làm lợi cho mình,
Cũng không nên đem chúng,
Làm ác, hại chúng sinh.

(139) Nên cung kính hữu tình,
Vật gì là của mình,
Có được, đem ra hết,
Làm ích lợi chúng sinh.

(140) Đem mình đổi chỗ người,
Tùy bậc: thấp, bằng, cao,
Kế đó quán: tật đổ,
Cạnh tranh và kiêu ngạo.³⁵⁴

(141) Họ được kính, ta không [được];

³⁵⁴ **[Batchelor]** Kế (141) đến kế (154) là sự thực tập pháp trao đổi ta và người. Vai trò của ta và người khác (hắn, hoặc họ) được trao đổi nhau. Do đó, ở đây “ta” phải được hiểu là người khác, và “hắn” phải được hiểu là chính ta. Từ kế (141)-(146) là quán sự tật đổ, kế (147)-(150) là quán sự cạnh tranh, kế (151)-(154) là quán sự ngã mạn.

[Dịch Chú] Trước tiên, quán tưởng ba đối tượng: thấp hơn, ngang hàng, và cao hơn ta. Kế đó đem ba đối tượng này trao đổi vị trí với ta (nghĩa là tưởng ta là họ, họ là ta). Sau đó đem địa vị sau khi trao đổi này, không chút do dự, đối với thân ta (trước khi đổi địa vị, nghĩa là cái ngã cũ của ta hiện nay là kẻ khác, đối tượng cho sự quán tưởng của ta hiện giờ), dẫn sinh sự ganh ghét, cạnh tranh, và kiêu ngạo. Mượn đây làm phương tiện để hiểu rõ tâm tật đổ, cạnh tranh và kiêu mạn của chính ta để tìm cách đối trị. Tiến thêm bước nữa, thông cảm với sự ghen ghét, cạnh tranh và kiêu mạn của kẻ khác mà tha thứ cho họ.

Hắn giàu, ta ít của;
Hắn được khen, ta chẳng [được];
Hắn vui, ta khổ đau.³⁵⁵

(142) Hắn ngày ngày nhàn nhã,
Ta [phải] làm việc nhọc nhằn,
Hắn được người xưng dương,
Ta [bị] tiếng tăm tàn tạ.³⁵⁶

(143) [Ta] bất tài phải làm sao?
Tài [của] hắn dù thế nào,
Hắn vẫn thua một số,
So lại, ta vẫn cao.³⁵⁷

³⁵⁵ **[Flash]** Trước tiên, chúng ta phải quán sát những phẩm hạnh mà ta hơn kẻ khác. Đồng nhất ta (cái ta mới) với những chúng sinh thấp hơn ta, ta thấy ta hiện giờ ghen tị với phẩm hạnh của cái ta ngã mạn xưa. Họ kêu gào: “Thật là bất công, hắn được kính trọng còn ta thì không.”

³⁵⁶ **[Flash]** Nếu chúng ta cảm thấy rằng sự so sánh này rất xấu hổ, chúng ta không nên thất vọng vì ta thiếu những đức hạnh cao đẹp. Chúng ta nên nhớ rằng tất cả hữu tình đều có khả năng cho sự giác ngộ, và chúng ta sẽ thành Phật nếu chúng ta nỗ lực tinh tiến. Bởi thế không có lý do gì phải tuyệt vọng cả.

³⁵⁷ **[Dịch Chú]** Nếu như ta chẳng có tài cán gì hết, ta phải làm sao đây? Sự thực, ta và người khác đều có sở học. Tuy có thể họ hơn ta, nhưng vẫn có nhiều người khác hơn họ. Còn ta, tuy vậy vẫn hơn một số người. Đâu đến nỗi phải tuyệt vọng!

[Flash] Điều lỗi không phải ở chỗ chúng ta thua kém kẻ khác, mà ở tâm lý bi quan (negative emotion). Những quan niệm hơn và thua chỉ có giá trị tương đối. Chúng ta bảo

(144) Giới hạnh, kiến giải [của] ta,
Thụt lùi bởi vô minh,
Xin [hắn] xót thương cứu hộ,
Dù khổ, [hắn] nên nguyện tình.³⁵⁸

(145) Nhưng hắn không giúp ta,
Trái lại còn khinh miệt,
Hắn tuy nhiều đức hạnh,
Nào ích gì cho ta?

(146) Hắn không thương chúng sinh
Đang ở cửa ác đạo,
Mà lại khoe công đức,
Muốn hơn người cao minh.³⁵⁹

cái ta cũ của ta: “Bạn hơn tôi chỉ vì tôi thua kém. Nếu bạn muốn lúc nào cũng hơn tôi, bạn phải nhẫn nại với tôi khi tôi đang truy cầu sự giác ngộ. Phẩm hạnh của bạn có gì là hay nếu nó không ích gì cho tôi?” Bằng phương pháp này, khi chúng ta thấy được phẩm hạnh của ta cao hơn người khác, chúng ta nên trao đổi địa vị ta và người, và dùng phương tiện này để diệt trừ tâm lý kiêu mạn.

³⁵⁸ **[Behold]** Quả thực là giới hạnh và kiến giải của tôi trở nên sút kém, nhưng đây không phải do lỗi của chính tôi. Tôi không được tự chủ trong vấn đề này. Đó là lực lượng của vô minh làm cho tôi thụt lùi. Nếu họ thật có tâm từ bi, nên tận lực giúp đỡ tôi. Dù có gặp nhiều khốn khổ, họ cũng nên vui lòng nhận chịu.

[Batchelor] Sau khi trau dồi những ý tưởng đó, chúng ta thử quán xét vị Bồ tát ở địa vị cao này (tức là cái ngã cũ của ta) có xứng đáng với phẩm hạnh của họ hay không?

(147) Vì muốn thắng được kẻ,
Lợi có thể bằng ta,
Dù tranh, [ta] cũng mong được,
Tài lợi và cung kính.³⁶⁰

(148) Ta tự khoe công đức,
[Để] được nổi tiếng thế gian,
Che không cho người biết,
Đức của kẻ bằng ta.³⁶¹

(149) Che lỗi, để [ta] được cúng,
Còn hấn thì không được.
[Ta] được danh lợi, cung kính,
Còn hấn thì không được.³⁶²

³⁵⁹ **[Dịch Chú]** Họ đối với những chúng sinh ngu si, vô phước, đang bị hãm trong cửa ác đạo, thấy như không thấy, hoàn toàn không có chút từ bi. Trái lại, họ chỉ chuyên môn khoe khoang tài học, cho là họ cao siêu hơn những kẻ có học vấn khác.

³⁶⁰ **[Batchelor]** Bây giờ chúng ta đổi chỗ với kẻ có địa vị, khả năng, hoặc trí tuệ ngang hàng với ta. Đồng nhất ta với họ, đem cái ta gắn vào kẻ đó, và quay lại quán xét cái ngã của ta, với tâm trạng cạnh tranh như sau: “Để cho ta vượt hơn kẻ ngang hàng với ta, ta sẽ tìm đủ mọi cách để đoạt được tài lợi và cung kính cho riêng ta, dù phải tranh giành cũng được.”

Phụ Chú: Từ bài kệ (147) đến kệ (150) là quán sát tâm hơn thua đối với kẻ bằng ta.

³⁶¹ **[Dịch Chú]** Một mặt, ta sẽ tự tuyên dương công đức, khiến cho tiếng tăm của ta lan khắp mọi nơi; một mặt, ta sẽ che giấu không cho người khác biết được ưu điểm và công đức của họ.

(150) Lại mong cho hẩn bị,
Long đông, nhiều hoạn nạn,
Bị kẻ khác cười chê,
Xúm nhau mà trách mắng.

(151) Nghe nói tên quền đó,
Muốn cùng ta cạnh tranh,
Tài nghệ và học thức,
Dòng dõi [của hẩn], nào bằng ta?³⁶³

(152) Khi nghe người cùng nhau,
Ca tụng công đức ta,
Lòng đê mê, khoái lạc,
Sung sướng nổi da gà.³⁶⁴

³⁶² **[Dịch Chú]** Lại che đậy lỗi lầm của ta, khiến cho mọi người cúng dường, nhưng làm cho họ không được phần nào hết. Lại làm cho ta từ đây về sau, được danh vị, tài lợi, được mọi người cung kính, nhưng không cho họ được phần nào hết.

³⁶³ **[Dịch Chú]** Cuối cùng chúng ta đồng nhất ta với kẻ hơn ta, và nhìn xuống quán sát cái ngã cũ của ta như sau: “Nghe nói cái tên không biết trời cao đất dày này muốn cùng ta hơn thua cao thấp. Có thực là kiến thức, tài nghệ, dung nhan, dòng dõi, và sự giàu có của hẩn bằng ta hay không?”

Phụ Chú: Bài kệ (151) đến (154), đối kẻ cao hơn ta, quán sát kiêu mạn.

³⁶⁴ **[Dịch Chú]** Ta phải tìm cơ hội cho hẩn bội phục sự vĩ đại của ta. Phải làm cho hẩn thấy mọi người đang cùng nhau ca tụng công đức ta. Lúc đó ta sẽ cảm thấy đê mê, như ngây như dại. Tâm hồn như bay vút cao trên đỉnh trời khoái lạc.

(153) Nếu hẩn có tài vật,
Ta tìm cách đoạt hết,
Bắt [hẩn] làm công cho ta,
Chỉ trả lương đủ sống.

(154) Làm hẩn thiếu an lạc,
Thường thường gặp họa hoạn.
Trong sinh tử, ngã chấp,
Bao lần hãm hại ta.³⁶⁵

(155) Tâm, người muốn tự lợi,
Thế nhưng bao số kiếp,
Từng chịu bao gian nan,
Chấp ngã chỉ tăng khổ.³⁶⁶

(156) Cho nên phải tận tụy,

³⁶⁵ **[Diễn Nghĩa]** Trong hai câu dưới của bài kệ, cụm từ “ngã chấp”, nguyên văn là chữ “đây” (kẻ này, cái này), do đó Diệu Bình giải thích như sau: "Tại sao bạn lại sân hận kẻ đó, và lại ngược đãi hẩn như vậy? Bởi vì hẩn trong quá khứ đã từng trăm nghìn lần đốt, đâm, chém, giết ta. Làm cho ta thống khổ muôn vàn. Bất quá, cũng có bản chú giải đem hai câu này phối hợp với phần dưới giải thích." Bản chú giải mà Diệu Bình đề cập là Phật Tử Chánh Đạo, và Diệu Giải Đại Hải. Hai quyển này đem chữ “đây” giải thích là “ngã chấp.” Người viết (Thích Như Thạch) nghĩ rằng lối giải thích này hợp lý hơn.

³⁶⁶ **[Crosby]** Trong vô lượng kiếp, người (tâm) miệt mài trong việc truy cầu khoái lạc cho chính ta, nhưng những nỗ lực phi thường này, rốt cuộc chỉ đem lại cho người thống khổ.

Phụ Chú: Từ đây đến kệ (158) là phần khuyến tu pháp tự tha hoá.

Siêng làm lợi chúng sinh.
Đức Phật nói nếu muốn,
Được ích, phải phụng hành.

(157) Nếu người từ xưa xa,
Chỉ làm việc lợi tha,
Nay chắc không gặp khổ,
Mà đã chứng Phật đà.

(158) Nếu người đối tình huyết,
Cha mẹ tụ hợp lại,
Có thể chấp là ta,
Vây cũng nên quán sát,
Kẻ khác cũng là ta.³⁶⁷

(159) Nên vì người, dò xét,
Xem vật gì của ta,

³⁶⁷ **[Diễn Nghĩa]** Bồ Tát sơ học, lúc chưa tu tâm, nghe nói đến hạnh Bồ Tát rộng lớn khó tu tập, trong tâm liền sinh khởi cảm giác lo lắng, sợ hãi. Đây là điều rất thường tình. Thật ra, các vị Đại bồ tát, lúc bắt đầu tu tập, cũng có cảm nghĩ là họ bất lực. Bất quá, họ kiên quyết theo đuổi những lý tưởng mà họ mong đạt đến, tu tập không ngừng nghỉ, cho đến lúc thành công mới thôi. Lúc đó họ cũng sẽ như các vị Đại bồ tát khác, tự nhiên dễ dàng vượt qua được những khó khăn mà lúc ban đầu tưởng là ghê gớm. Cho nên, lúc bắt đầu tu hành là giai đoạn hết sức quan trọng. Nếu như hành giả phát hiện năng lực hiện thời của ta là hữu hạn, rồi buông xuôi không dám tiếp tục trên con đường tu hạnh Bồ tát, thì đây là một điều rất đáng tiếc. Và như vậy, đối với con đường đạo sẽ càng lúc càng xa cách nghìn trùng.

Nếu có, đem ra hết,
Làm ích lợi chúng sinh.

(160) Ta vui, người khác buồn,
Ta cao, người khác thấp,
Lo ta, chẳng lo người,
Sao không tự đổ kị?³⁶⁸

(161) Là bỏ sự vui sướng,
Thay người khác chịu khổ,
Thường nên quán sát tâm,
Xem ta có lỗi gì?

(162) Nếu người khác làm lỗi,
Cúi đầu, ta thể tội,
Lỗi ta tuy nhỏ nhặt,
Nên thành thật sám hối.³⁶⁹

³⁶⁸ **[Wallace]** Nên khởi tâm đổ kị đối với chính ta như thế này: “Ta vui sướng trong khi người khác khổ não, ta ở địa vị cao sang trong khi người khác thấp hèn, ta nhàn nhã trong khi người khác làm việc cực nhọc.”

Phụ chú: Nếu chúng ta ở địa vị ưu đãi, chúng ta thường không nghĩ đến kẻ khác. Do đó, dùng phương pháp quán sát này để khởi lòng thương xót đến tha nhân.

³⁶⁹ **[Crosby]** Dù là người khác làm lỗi, nên đem trút hết lên đầu hấn (cái ngã cũ của ta), và dù hấn chỉ phạm ít lỗi lầm, nên báo cáo tội trạng của hấn cho các vị trưởng lão (great sage).

Thông thường chữ great sage (đại thánh) là chỉ cho Phật, nếu dùng nghĩa đó ở đây thực không hợp lý. Theo ngài Nghĩa Tịnh, trong quyển tạp ký của ngài về sự sinh hoạt của

(163) Nêu cao danh dự người,
Che dấu tên tuổi ta,
Đem thân làm nô bộc,
Siêng làm lợi chúng sinh.

(164) Thân này nhiều lỗi lầm,
Đức mỏng có gì khoe,
Nên che giấu đức [của] ta,
Đừng để ai biết đến.

(165) Xưa chỉ biết lợi ta,
Việc làm đều hại người,
Nay vì muốn lợi người,
Nguyện chịu tất cả hại.

(166) Đừng hiện tướng hung hăng,
Hách dịch và kiêu căng,
Phải như nàng dâu mới,
E sợ, rất cẩn thận.

(167) Kiên quyết làm lợi người,
Đừng thương tổn chúng sinh,
Nên ngừng việc vọng động,
Nếu phạm sẽ trị tội.³⁷⁰

các tự viện ở Ấn độ, chữ great sage là chỉ cho các vị chấp
chưởng kỷ luật trong chùa.

³⁷⁰ **[Diễn Nghĩa]** Như phần trên đã nói qua, không những
trên phương diện tư tưởng và động cơ phải kiên trì ý
nguyện lợi tha, mà trên phương diện hành vi cũng phải như

(168) Đã răn dạy như thế,
Nếu vẫn chưa làm thiện,
Tội lỗi đều về người,
Đến lúc sẽ bị phạt.³⁷¹

(169) Xưa bị người khống trị,
Nay ta đã giác ngộ,
Bất luận đến nơi nào,
Đều phá kiêu mạn [của] người.

(170) Người chớ nên nghĩ rằng,
Người vẫn còn quyền lợi,
Người đã bị [ta] bán đứng.
Chớ than, phải tận lực.³⁷²

(171) Nếu ta còn phóng dật,

vậy (nghĩa là phải thực sự dẫn thân thực thi hạnh nguyện của ta). Cũng giống như điều phục ngựa rừng, chúng ta phải dùng chánh niệm, chánh tri điều phục thân tâm, làm cho chúng phải nhẫn nại tu hành. Nếu cái tâm ích kỷ tự lợi góc đầu trỗi dậy, phải nhanh nhẹn kiềm chế nó. Nếu như vì động tâm mà hành vi vượt ngoài phạm vi chính đáng, phải tìm cách trị phạt nó (làm cho nó quay trở về chánh niệm).

³⁷¹ **[Dịch Chú]** Tuy đã dùng lời ôn hòa ân cần khuyên răn dạy dỗ người (tâm) như thế, nếu như người còn bướng bỉnh không tuân lời, vẫn tiếp tục ích kỷ lo cho riêng ta, như vậy ta sẽ tìm phương pháp nghiêm khắc trừng trị người.

³⁷² “Người đã bị ... phải tận lực”: Vì trong lúc tu tự tha hoá, ta đã bán người cho kẻ khác (tâm lợi tha), bởi vậy chớ nên than vãn, phải nên tận lực mà phục vụ chúng sinh.

Chưa đem người cho người [khác],
Người chắc sẽ đem ta,
Mà bán cho ngục tốt.³⁷³

(172) Người đã từng bao phen,
Làm ta khổ triền miên,
Nay nhớ oán hận xưa,
Quyết giết tâm ích kỷ.³⁷⁴

(173) Người muốn được hạnh phúc,
Không nên chỉ yêu mình,
Nếu muốn được che chở,
Nên che chở người khác.³⁷⁵

(174) Nếu càng lắm ân cần,
Che chở thân dơ này,
Nó càng thêm đọa lạc,

³⁷³ **[Wallace]** Nếu ta không vui vẻ đem người cho người khác (nghĩa là tu tự tha hoá), chắc người đã tống ta đến bọn ngục tốt (guardians of hell).

³⁷⁴ **[Wallace]** Người đã nhiều lần đối xử với ta như thế (tống ta vào địa ngục), người đã làm ta đau khổ lâu dài. Nay nhớ đến những thù hận xưa, ta sẽ hủy diệt người, đồ nô lệ cho sự ích kỷ của chính ta.

³⁷⁵ **[Diễn Nghĩa]** Bài kệ này là tổng kết của năm bài kệ trên (168-172). Nếu chúng ta muốn thường được hoan hỷ khoái lạc, không nên tham ái, chấp trước vào cái ngã của ta. Nếu muốn vĩnh viễn xa rời sự sợ hãi và thống khổ, chúng ta phải thường thương yêu và đùm bọc kẻ khác, che chở và chăm sóc họ. Quảng Nghĩa nói: "Chỗ này dùng phương pháp uyển chuyển và hòa bình để tự khuyên nhắc ta."

Vô dụng và bạc nhược.³⁷⁶

(175) Ái dục càng tăng trưởng,
Tất cả vật thể gian,
Còn không viết nhàm đủ.
Ai [có thể] thỏa mãn lòng dục?³⁷⁷

(176) Cầu dục chưa thỏa mãn,
Phiền muộn không vừa ý.
Người nào không tham cầu,
Phước báo vô cùng tận.³⁷⁸

(177) [Lòng] dục làm lớn tâm tham,
Đừng cho nó cơ hội,
Đừng tham mê vật dục,
Đây là tài sản thật.³⁷⁹

³⁷⁶ “Nó càng thêm ... bạc nhược”: Sau này, nó sẽ biến thành vô dụng và bạc nhược, càng lúc càng không thể đảm nhận sự thống khổ cho chúng sinh.

³⁷⁷ **[Wallace]** Khi mà nó (cái thân) đã đọa lạc như thế, ngay cả vật chất nhiều như quả đất này cũng không thể làm cho nó vừa đủ. Ai có thể thỏa mãn dục vọng của nó được?

³⁷⁸ **[Wallace]** Đối kẻ dục vọng không được thỏa mãn, sự phiền muộn và sự bất mãn sẽ tăng trưởng. Còn đối những kẻ không còn tham cầu, sẽ có sự giàu có (thịnh vượng) không bợn nhơ (vì không do tâm tham cầu mà được).

³⁷⁹ **[Dịch Chú]** Tham mê hưởng lạc chỉ làm tăng trưởng sự tham dục của thân thể, vì thế không cho cái thân này có cơ hội hưởng lạc. Chỉ có cái tâm thanh tịnh, không tham luyến bất cứ sự vật đáng yêu (khả ái) nào, mới là tài sản thực mà chúng ta có thể nương nhờ.

(178) Tắm thân dơ, góm ghiếc,
Nằm đơ, đơ người khiêng,
Đốt xong thành tro bụi,
Sao lại chấp là ngã?³⁸⁰

(179) Bất luận sống hay chết,
Tắm thân này ích gì,
Chẳng khác gì cây đá,
Sao không trừ ngã mạn?³⁸¹

(180) Hầu hạ tắm thân này,
Tích tập khổ vô nghĩa [lý],
Vớ thân tựa gỗ này,
Nhọc gì tham với sân.³⁸²

(181) Dù lắng lo, chăm sóc,
Hay quăng [cho dã] thú, điều [hầu] ăn,
Thân chẳng biết tham, sân,
Khổ gì ôm ấp nó?

(182) Khen, đâu làm thân vui,

³⁸⁰ **[Crosby]** Cái hình dạng ghê tởm như nhóp này, nằm ngay đơ và bị lôi đi bởi người khác, chấm dứt cuộc đời trong tro tàn (bị hỏa táng), tại sao ta lại tham luyến nó?

³⁸¹ **[Wallace]** Dù là sống hay chết, cái thân này có ích gì cho ta? Có gì khác biệt giữa nó và cục đất (cùng những vật tương tự)? Tâm à! Người vẫn chưa trừ diệt được sự chấp trước vào cái TA.

³⁸² “Vớ thân ... tham với sân”: Cái thân này giống như cây gỗ, vừa vô tình lại vừa bất nghĩa. Ta hơi đâu phải nhọc sức vì nó mà khởi tham với giận?

Chê, đâu làm thân giận,
Thân vốn không hay biết,
Sao lại phải ân cần [với nó]?³⁸³

(183) Kẻ nào thích thân ta,
Ta xem họ là bạn,
Ai cũng yêu thân họ,
Sao [ta] không thương chúng sinh?³⁸⁴

(184) Nên rời tâm tham chấp,
Vì người, xả thân mình.
Thân này tuy nhiều lỗi [lầm],
Khéo dùng, như bè quí.³⁸⁵

(185) Đã nhàm thói phàm phu,
Nay nên theo thánh hiền.
Nhớ lời, không phóng dật,
Siêng cần, ít ngủ nghỉ.³⁸⁶

³⁸³ **[Crosby]** Khi cái thân này bị đối xử tệ bạc, ta nổi cơn giận dữ; khi cái thân này được sùng bái, ta vui mừng hớn hờ. Nếu cái thân này tự nó không biết vui hay giận, ta đang vì ai mà vui giận như thế này?

Phụ chú: Ta lo cho cái thân, chẳng khác gì lo cho một vật vô tri vô giác, một cục gỗ. Hơi đâu mà nhọc!

³⁸⁴ Nếu người khác thích thân của ta, thì ta coi họ như bạn. Nếu người khác thích thân của họ, tại sao ta lại không coi họ là bạn ta? Vì thân ta và thân người nào có gì khác biệt, cả hai đều là thân.

³⁸⁵ **[Crosby]** Do đó, ta sẽ xả bỏ thân này để làm lợi ích chúng sinh, không chút ân hận. Vì vậy, tuy thân này có nhiều lỗi lầm, ta sẽ dùng nó như công cụ lợi ích chúng sinh.

(186) Như Bồ tát tâm bi
An nhẫn trong việc làm,
Nếu không siêng tu hành,
Ngày nào mới thoát khổ?³⁸⁶

(187) Vì muốn trừ nghiệp chướng,
Hồi tâm tránh đường tà,
Nương cảnh duyên thù thắng,
Thường siêng tu tam muội.³⁸⁷

³⁸⁶ **[Diễn Nghĩa]** Bài kệ này ý muốn nói: “Cần phải trừ vọng niệm.” Giả như muốn dùng “Ta người bình đẳng” và “Tâm hoá tự tha” làm cảnh sở duyên, để tu tập thành tựu sự chuyên nhất vào một cảnh, phải nên đoạn trừ chướng ngại của thiền định là tâm tán loạn, làm cho thân tâm trở nên tịch tĩnh. Viên ly thế gian là phương pháp làm cho thân thể tịch tĩnh, và đoạn trừ vọng niệm là phương pháp làm cho tâm hồn tịch tĩnh. Quảng Thích giải thích như sau: “Bài kệ này là sự kết thúc của đoạn văn: ‘Buông xả lòng tục lụy ...’ phía trên.”

³⁸⁷ **[Dịch Chú]** Ta phải giống như các vị Bồ tát đại từ, đại bi, nhẫn nại, nỗ lực trong việc tu hành giới, định, tuệ. Nếu không an nhẫn trong sự tu hành, ngày nào mới có thể độ ta độ người thoát khỏi vực sâu khổ não của sinh tử?

³⁸⁸ Cảnh duyên, còn gọi là đề mục, là đối tượng mà ta nương vào đó để tu tập thiền định, như người tu niệm Phật thì danh hiệu A Di Đà là cảnh sở duyên, người tu số tức quán thì hơi thở là cảnh sở duyên.

9. Trí tuệ

(1) Phật vì Trí tuệ nên,
Nói các phẩm ở trên,
Nếu muốn diệt trừ khổ,
Phải nên tu Không tuệ.

(2) Phật thường nói Nhị đế,
Thắng nghĩa và Thế tục,
Thắng nghĩa vượt tâm cảnh,
Thế tục tức vọng tâm.³⁸⁹

³⁸⁹ (2ab) “Phật thường ... Thế tục”: Thế tục đế là sự thật tương đối (relative truth), hay sự thật theo truyền thống, tập tục, được thiết lập từ sự nhận thức của vọng tâm, chẳng hạn như chấp sự vật là có tự tính, độc lập, thường hằng v.v... Thắng nghĩa đế, là sự thật tuyệt đối, được thể ngộ bởi các bậc Giác ngộ, tức là sự thể ngộ các pháp không có tự tính, hoàn toàn do nhân duyên hòa hợp mà sinh diệt. Bậc Giác ngộ, ở đây có thể hiểu là, nếu theo Tiểu thừa, là từ Sơ quả trở lên, còn theo Đại thừa, là từ Sơ địa trở lên. Nhưng ở đây, sự thật tương đối và tuyệt đối, không nên hiểu là hai thật thể hoàn toàn khác biệt, mà cả hai chỉ là hai mặt khác nhau của cùng một sự vật.

(2cd) “Thắng Nghĩa ... vọng tâm”: Thắng nghĩa đế không thể nào được nhận thức trực tiếp bởi tâm phân biệt (vọng tâm). Khi ta trực tiếp thể ngộ Thắng nghĩa của sự vật, lúc đó hình tướng tương đối của sự vật tạm thời ẩn đi, do đó mới nói Thắng nghĩa (tuyệt đối) siêu vượt sự nhận thức thế tục. Vì tâm phân biệt bị ô nhiễm bởi vô minh, do đó nó sẽ không bao giờ thể ngộ được tuyệt đối. Thật là phi lý nếu chúng ta nói tuyệt đối sẽ không được thể hội bởi bất cứ sự nhận thức nào. Khi bốn luận nói “thật tướng không là đối

(3) Thế gian có hai loại:
Người đời, Du già sư.
Kiến giải của người đời,
Bị Du già sư [luận] phá.³⁹⁰

(4) Du già có nhiều bậc,
Bậc trên [đả] phá bậc dưới,
Bằng cách dùng thí dụ,
Mà hai bên công nhận,
Nhưng đối với quả tu,
Thì không cần truy xét.³⁹¹

tượng của nhận thức”, là muốn nói đến sự nhận thức của tâm phân biệt. Câu “Thắng nghĩa vượt tâm cảnh”, chỉ định đặc tính của Thắng nghĩa, còn câu “Thế tục tức vọng tâm”, chỉ định đặc tính của Thế tục. Đối tượng của tâm phân biệt được gọi là Thế tục đế.

³⁹⁰ “Người đời, Du già sư”, có hai lối giải thích: (1) Người đời bao gồm những người bình thường cho đến những kẻ tu pháp ngoại đạo, còn Du già sư là chỉ cho tất cả những người tu học Phật pháp. (2) Người đời bao gồm tất cả ngoại đạo và những người tu học Phật pháp chưa kiến đạo, còn Du già sư là những bậc từ kiến đạo (Tiểu thừa: Sơ quả, Đại thừa: Sơ địa) trở lên.

³⁹¹ “Du già có ... phá bậc dưới”: Không những quan niệm sai lầm của phàm phu bị các vị Du già sư luận phá, mà ngay cả trong cả hàng ngũ của các vị Du già, những bậc có kiến giải cao thâm luận phá những vị có kiến giải nông cạn. Theo quan điểm của phái Trung quán Ứng thành, các tông phái trong Phật giáo có thể được phân thành cấp bậc từ thấp đến cao như sau: (1) Tiểu thừa Tỳ bà sa, (2) Kinh lượng bộ, (3)

(5) Người đời nhìn thế tục,
Phân biệt là chân thật,
Không biết là huyền hóa,
Nên tranh [với] Du già sư.³⁹²

(6) Sự vật nhận thức được,
Đều không phải chân thật,

Duy thức (ở đây gọi là Duy tâm), (4) Phái Trung quán Tự tục, (5) Phái Trung quán Ưng thành.

“Bằng cách dùng ... cần truy xét”: **Hỏi:** “Nếu các pháp đều không có tự tính, Bồ tát làm thế nào tu hành thành Phật?” **Trung quán:** “Chỉ cần dùng thí dụ về các vật như huyền (như vật trong mộng, vật biến hiện bởi nhà huyền thuật, v.v...), mà bạn và tôi đều công nhận, có thể giải thích điều này: ‘Bồ tát tu pháp bố thí không có tự tính (kinh Bát Nhã gọi là bố thí như huyền), sẽ chứng được Phật quả không tự tính.’ Bởi vậy, lúc vì muốn thành Phật mà tu các pháp bố thí như huyền, v.v..., không cần phải tra xét thêm về phương diện Thắng nghĩa của chúng.”

Phụ chú: Trên phương diện Thắng Nghĩa các pháp đều vô tự tính, không Phật, không chúng sinh, nhưng trên phương diện Thế Tục, các pháp đều do nhân duyên sinh, có Phật, có chúng sinh, v.v...

³⁹² **Hỏi:** Người đời và Du già sư đều nhận thức tất cả hiện tượng giống như nhau. Tại sao lại phải tranh luận về vấn đề này? **Đáp:** Tuy đối với cả hai, hiện tượng hiện ra đều tương tự, nhưng người đời khi nhìn thấy sự vật, liền nhận định rằng chúng là có thật. Họ không biết rằng sự vật tuy hiện hữu, nhưng chỉ là huyền ảo. Ngược lại, các vị Du già sư tuy cũng nhận thức sự vật, nhưng không chấp trước vào những sự vật ấy, vì các ngài đã hiểu rõ sự huyền hoá của chúng. Đây chính là chỗ tranh luận của hai bên.

Chúng chỉ là hư ngụy,
Như dơ cho là sạch.³⁹³

(7) Muốn dẫn đạo người đời,
Phật nói pháp vô thường;
{Nghị} Sự thật tất cả pháp
Không phải sát na diệt,
Nếu nói “pháp không thật”,
Há không ngược thế tục?³⁹⁴

³⁹³ Những sự kiện như hình sắc, âm thanh, tuy được cảm nhận một cách trực tiếp (từ những giác quan của chúng ta), không có nghĩa là chúng thật sự hiện hữu. Bởi vì sự nhận thức trực tiếp chỉ là một phương tiện theo tập quán của tri thức (nghĩa là không nhìn được chân tướng của sự vật). Nếu sự nhận thức trực tiếp có thể nhận rõ thật tướng của các pháp, thì tất cả chúng ta đã giác ngộ mà không cần nỗ lực. Như vậy sự tu học Phật pháp đâu còn nghĩa lý gì? Chính bởi những sự nhận thức trực tiếp chỉ hoàn toàn theo tập quán của chúng sinh, cho nên mới nhận thức sai lầm, chẳng hạn như thân thể chúng ta là nhơ nhớp, mà vì mọi người nhìn quen, đều công nhận là sạch sẽ. Tương tự, như sự nhận thức về vô thường mà lại cho là thường, không có ngã lại cho là có ngã v.v...

³⁹⁴ **Hỏi:** Nếu tất cả hiện lượng đều không có tự tính chân thật. Tại sao đức Phật lại nói tự tính của mọi vật đều là sát na sinh diệt? **Đáp:** Câu này phải được giải thích rõ. Phật dạy các pháp vô thường là vì muốn dẫn dắt những kẻ chấp sự vật là có thật, dần dần thâm nhập Phật Pháp. Trên thật tế, các vật không phải là sát na sinh diệt. **Hỏi:** Nếu vậy, bởi vì người đời không thấy được sát na sinh diệt, hiện nay lại nói sự hiện hữu của các vật là huyền giả (Anh: deceptive), điều này chẳng phải là mâu thuẫn (với cái nhìn thế gian) hay sao?

(8) {Trung quán} Du già [sư] thấy không lầm,
So [với] “tục” gọi là “chân”,
Nếu không, quán bất tịnh
Ngược lối nhìn thế gian.³⁹⁵

(9) {Nghị} Nếu tất cả như huyễn,
Cúng Phật cũng không phước?
{Trung quán} Cúng Phật huyễn được phước,
Giống như cúng Phật thật.³⁹⁶

³⁹⁵ **Đáp:** Hiện tượng sát na sinh diệt này, tuy không hiển hiện cho người phàm thấy, nhưng chúng lại hiển hiện khi các hành giả Du già thấy rõ được sự vô ngã của các pháp. Vì thế không có sự lỗi lầm khi các ngài nói hiện tượng là huyễn giả. **Hỏi:** Điều này chả lẽ chẳng mâu thuẫn với câu: "Thấy được tự tính sát na sinh diệt của sự vật là thấy được thật tướng của sự vật?" **Đáp:** So với cái thấy mọi vật là vô thường của người đời, cái thấy được sát na sinh diệt của sự vật của các hành giả Du già có thể nói là thấy được thật tướng của sự vật. Mặt khác, nếu so với hành giả Du già, người đời nhìn được chân tướng sự vật, thì sự thấy rõ của các hành giả Du già về sự nhơ nhớp của thân thể đàn bà sẽ trở thành mâu thuẫn với quan điểm của người đời cho rằng thân thể đàn bà là thơm sạch.

³⁹⁶ Ở đây, **đối phương** bắt đầu đặt câu hỏi từ quan điểm tôn giáo: “Nếu tất cả hiện tượng đều như huyễn, như vậy Phật cũng như huyễn. Nếu thế, cúng Phật huyễn được công đức gì?” Ngài **Tịch Thiên** trả lời rằng: “Giống như quan niệm của kẻ chấp thật, cho rằng khi cúng Phật thật sẽ sinh ra công đức thật, thì ở đây cúng huyễn Phật sẽ sinh ra công đức huyễn.” Sự khác biệt giữa ngài Tịch Thiên và phái chấp thật hữu chỉ là trên phương diện bản thể, còn trên phương diện nhân quả hai bên đều giống nhau.

{Tiểu thừa} Hữu tình nếu như huyễn,
Chết rồi, làm sao sinh?

(10) {Trung quán} Chúng duyên đã tập hợp,
Tuy huyễn cũng sẽ sinh.
Đâu phải vì trụ lâu,
Hữu tình thành có thật?³⁹⁷

Phụ chú: Ở đây nói đến sự tranh luận giữa phái chấp thật hữu và phái Trung quán. Phái thật hữu chấp có Phật thật, công đức thật. Họ phản đối phái Trung quán cho rằng nếu tất cả đều như huyễn, Phật cũng như huyễn, như vậy cúng Phật làm gì có được thật công đức? Ngài Tịch Thiên trả lời rằng, cúng huyễn Phật, theo lý nhân quả, sẽ được huyễn công đức. Ở đây tuy nói công đức thật, công đức huyễn, nhưng người đọc không nên hiểu lầm là có hai loại công đức là thật và huyễn. Nên theo cái nhìn Trung quán, tất cả chỉ là huyễn. Các ngài tùy thuận theo lời nói của đối phương mà lập luận. Thật sự, như sẽ chứng minh ở phần dưới, tất cả các pháp đều là vô tự tính, do duyên sinh. Tuy huyễn giả, nhưng vẫn không ra khỏi luật nhân quả. Chớ nên hiểu lầm huyễn ảo là không tội không phước, không nhân không quả, như một số người lầm tưởng. Tạo tội như huyễn, dọa địa ngục như huyễn, thọ sự thống khổ như huyễn. Sự thống khổ tuy như huyễn, nhưng cũng vẫn là vô cùng khốc liệt.

³⁹⁷ Ngài **Tịch Thiên** cho rằng: “Bất luận nhân và quả là huyễn ảo hay thật hữu, luật nhân quả vẫn tiếp tục hiện hữu nếu nhân duyên còn hiện hữu. Cũng giống như người bị bùa chú hoặc uống thuốc kích thích, thấy những hình ảnh huyễn ảo hiện ra trước mắt họ. Khi nào hiệu lực của bùa chú hoặc của thuốc kích thích còn tồn tại, huyễn cảnh sẽ vẫn còn tiếp tục hiện diện. Cũng thế, do những nhân và duyên như huyễn, kẻ phạm phư như huyễn sẽ còn tiếp tục lăn chuyển trong cõi luân hồi như huyễn.” **Đối phương** lại lập luận rằng: “Sự liên

(11) {Duy tâm} Người huyễn làm thiện ác,
[Vì] vô tâm, [nên] không tội phước.
{Trung quán} Những kẻ có tâm huyễn,
Sinh tội phước như huyễn.³⁹⁸

tục của hữu tình không thể là huyễn ảo. Vì sao? Vì họ đã ở trong luân hồi từ vô lượng kiếp đến nay, và vì những huyễn cảnh hiện ra như chúng ta được biết đều chỉ là trong phút chốc.” **Tịch Thiên** cho rằng: “Sự hiện hữu của hữu tình kéo dài từ vô thủy đến nay, là vì do các nhân duyên cho sự sinh diệt vẫn còn tiếp tục huyễn hiện không dứt. Sự lâu dài của thời gian không phải là điều kiện đủ để chứng minh sự hiện hữu chân thật của chúng sinh. Cũng như chúng ta nhớ lại những giấc mơ từ xa xưa, không có nghĩa là những giấc mơ đó có thật hơn là những giấc mơ mà chúng ta mới vừa gặp ngày hôm qua.”

³⁹⁸ Phái chấp thật hữu vẫn tiếp tục công kích, muốn chứng tỏ là sự huyễn ảo mà phái Trung quán chủ trương, sẽ đem đến sự hủy diệt của giới luật trong Phật Pháp, như cấm sát sinh, cấm tà dâm chẳng hạn. Phái chấp thật hữu cho rằng nếu chúng sinh như huyễn, chắc chắn họ sẽ không có tâm thức, nếu vậy khi họ tạo tội, vì do không có tâm thức, họ sẽ không phạm tội nào hết (cũng giống như nhà ảo thuật biến hiện người huyễn và sai nó đi giết người chẳng hạn). Ngài **Tịch Thiên** trả lời rằng: “Tâm chúng sinh tuy không thật. Nhưng đem tâm như huyễn tạo tội ác như huyễn, sẽ thọ nghiệp báo như huyễn.”

Phụ chú: Tất cả các quan niệm nhân quả của người phàm có thể áp dụng ở đây. Chỗ khác biệt là người phàm chấp trước tất cả là thật, còn các nhà Trung quán, tuy không đi ngược lại quan niệm thế gian, nhưng các ngài hiểu rõ là tất cả đều như huyễn mộng. Chỉ khi nào hành giả thể ngộ thể tính như huyễn của các pháp, thì mới không chấp trước vào

(12) {Duy tâm} Chú thuật không tình thức,
Không thể sinh tâm huyễn,
{Trung quán} Các loại nhân duyên sinh,
Các loại vật như huyễn.³⁹⁹

(13) Chưa hề có một duyên,
Mà sinh ra tất cả.⁴⁰⁰
{Tiểu thừa} Nếu theo Thắng nghĩa đế
Hữu tình đều Niết bàn,
Mà theo Thế tục đế,
Tất cả đều luân hồi.

sự tu hành của mình, và như thế mới có thể tự tại trong công việc độ sinh.

³⁹⁹ Ở đây **đối phương** (phái Duy tâm) cho rằng, giống như con voi như huyễn tạo ra do nhà huyễn thuật, không thể có được tâm thức, vì chú thuật, hoặc linh dược, v.v..., không có năng lực sinh được tâm thức cho huyễn cảnh mà chúng tạo ra. Cũng thế người huyễn không có được tâm thức. Ngài **Tịch Thiên** trả lời rằng vật huyễn và người phàm không giống nhau ở chỗ là hai bên được tạo ra bởi những điều kiện khác nhau. Vật huyễn được tạo ra bởi chú thuật, v.v..., còn người huyễn được sinh ra từ vô minh, v.v... Điều kiện sau (vô minh) sinh ra được tâm thức, còn chú thuật, v.v..., không có năng lực này.

⁴⁰⁰ Tất cả tông phái Phật giáo đều phủ nhận sự hiện hữu của một nguyên nhân độc nhất sinh ra tất cả. Giống như chú thuật không phải là nguyên nhân độc nhất tạo ra huyễn cảnh, tâm thức cũng không phải là nguồn gốc độc nhất của huyễn cảnh. Ở đây phái Trung quán chận đứng điều mà phái Duy tâm muốn tuyên bố “tâm” là nguyên nhân độc nhất sinh ra tất cả huyễn cảnh.

(14) Vậy Phật cũng luân hồi,
Hạnh Bồ tát ích gì?⁴⁰¹
{Trung quán} Chư duyên nếu chưa đoạn,
Tuy huyễn cũng không diệt.

(15) Chư duyên nếu đoạn diệt,
Thế tục, cũng không sinh.⁴⁰²
{Duy tâm} Loạn thức nếu là không,
Lấy gì duyên huyễn cảnh?

⁴⁰¹ Đối phương (các tông phái của Tiểu thừa) đều công nhận là Niết Bàn và luân hồi là hai thật thể hoàn toàn khác biệt. Thế nhưng, theo phái Trung quán, tất cả các pháp đều không tự tính, và bốn tính là tịch diệt. Do đó, chúng sinh từ vô thủy đã có bốn tính giải thoát (Niết bàn). Chúng sinh, trên phương diện tịch diệt đều đã giải thoát, thế nhưng, trên phương diện tương đối, bởi vì sức mạnh của vọng tưởng, họ vẫn biến hiện như là đang trôi ngụp trong vòng luân hồi. **Phái chấp thật hữu** cố ý đưa đến kết luận là: “Nếu trên phương diện bản thể luân hồi và Niết bàn là một, thì sẽ không có sự chứng ngộ Niết bàn thật sự, và như vậy, ngay cả đức Phật cũng sẽ tiếp tục bị luân hồi. Nếu thế, tu hạnh Bồ Tát có nghĩa lý gì?”

⁴⁰² Để trả lời, ngài **Tịch Thiên** chỉ đơn giản xác nhận sự hiện hành của luật nhân quả trên phương diện tương đối. Ngay cả vật huyễn cũng sẽ hiện hữu lâu dài, nếu những điều kiện sinh ra chúng còn tiếp tục hiện hành. Cũng vậy, nếu vô minh và phiền não chưa được diệt trừ, hữu tình sẽ tiếp tục luân chuyển trong vòng sinh tử. Do đó, nếu hành giả muốn thoát khỏi sinh tử, phải tìm cách diệt trừ nguyên nhân của nó, tức là vô minh, v.v..., bằng cách nỗ lực tu hành, đặc biệt là phải luôn luôn quán sát thật tướng của các pháp.

(16) {Trung quán} Nếu không có huyễn cảnh,
Tâm thức duyên chỗ nào?⁴⁰³

{Duy tâm} Sở duyên khác thật cảnh,
Cảnh tượng tức tâm thể.

(17) {Trung quán} Huyền cảnh nếu là tâm,
Vật nào thấy vật nào?

Đức Phật có dạy rằng,
Tâm không thấy tự tâm,

(18) Như lưỡi dao bén nhọn,
Không thể tự cắt mình.⁴⁰⁴

{Duy tâm} Tâm thức như lửa đèn,

⁴⁰³ Nhân vì phái **Trung quán** phủ nhận sự thật hữu của các pháp, như vậy ngay cả sự nhận thức về sự vật như huyễn (huyễn cảnh) cũng không có tự tính. Khi phái **Duy thức** nghe đến một vật không có tự tính, liền cho rằng vật đó hoàn toàn không hiện hữu, do đó mới hỏi rằng: “Nếu ngay cả sự nhận thức huyễn cảnh cũng không hiện hữu, như vậy, huyễn cảnh được nhận thức bởi cái gì?” Các nhà **Trung quán** trả lời: “Nếu các bạn không chủ trương có ngoại cảnh như huyễn, như vậy tâm thức duyên vào chỗ nào [để có sự nhận thức]?”

⁴⁰⁴ **Duy tâm** cho rằng: “Dù ngoại cảnh không thật sự hiện hữu, nhưng tâm thức thật sự hiện hữu. Bởi vì ảnh tượng của sự vật được trình hiện trước tâm thức, và chính là tâm thức, do đó nó được nhận thức bởi tâm thức.” Nhưng **Trung quán** phản đối: “Kinh điển cũng đã từng phủ nhận sự kiện là một vật tự nhận thức chính ta. Như trong Kinh Bảo Kế (Anh: Ratnakuta Sūtra), đức Phật có dạy rằng tâm không thể tự thấy tâm. Tâm không tự thấy tâm, cũng giống như lưỡi gươm không thể tự cắt chính nó.”

Có thể chiếu tự thân.

(19) {Trung quán} Lửa đèn không tự chiếu,
Như ám không tự che.⁴⁰⁵
{Duy tâm} Thủy tinh, xanh nhờ duyên,
Vật xanh, không nhờ duyên,

(20) Thức cũng giống như vậy,
Nhờ, hoặc không nhờ duyên.⁴⁰⁶
{Trung quán} Nếu không có tính xanh
Không tự thành tính xanh.⁴⁰⁷

⁴⁰⁵ **Duy tâm** cho rằng: “Cũng giống như ngọn lửa của một ngọn đèn, có thể chiếu ngoại cảnh, đồng thời lại chiếu chính mình. Tâm thức cũng thế, vừa nhận thức ngoại cảnh, đồng thời vừa nhận thức chính mình.” **Trung quán** phản đối: “Lửa đèn không tự chiếu chính mình. Vì một vật muốn được chiếu, đầu tiên phải được che bởi bóng tối. Lửa đèn không phải vậy. Khi ta thắp đèn lên, ánh lửa chưa bao giờ bị che bởi bóng tối.”

⁴⁰⁶ **Duy tâm** cho rằng: “Như màu xanh của thủy tinh, phải nhờ vào vật xanh khác mới ánh hiện ra. Trái lại màu xanh của lưu ly vốn là tự thân của nó có sẵn (mà không nhờ vào vật ngoài). Cũng thế, chúng ta có thể thấy được, có một số tâm thức phải nhờ vào ngoại duyên mới hiện hữu (như nhãn thức, nhĩ thức, v.v...), còn tự chứng phần thì không cần (nhờ ngoại duyên).”

⁴⁰⁷ Nhưng phái Trung quán không thừa nhận sự tương tự này, vì theo họ, ngay cả màu xanh của lưu ly cũng phải tùy thuộc vào các nhân duyên khác. Màu xanh của lưu ly không thể tự tạo ra chính nó, vì Phật giáo không thừa nhận một vật có thể tự sinh ra chính nó.

(21) Nếu nói thức biết rõ,
Cho là đèn tự chiếu,
Tự tâm vốn sáng suốt,
Do đâu mà thức biết?⁴⁰⁸

(22) Nếu tất cả mọi vật,
Đều không thấy được thức,
Tâm sáng hay không sáng,
Nói đến đều vô nghĩa.
[Như] nói con gái [của] thạch nữ,
Là đẹp hay không đẹp.⁴⁰⁹

(23) {Duy tâm} Nếu không tự chứng phần,
Tâm thức sao nhớ biết?
{Trung quán} Vì tâm cảnh liền nhau,

⁴⁰⁸ Dù chúng ta có chấp nhận rằng bản chất của đèn là tự chiếu sáng, điều này cũng không thể dẫn đến kết luận là tâm thức có thể tự nhận thức chính ta. Bởi vì đèn chiếu sáng là đối tượng cho sự nhận biết của tâm thức, nhưng tâm thức không thể nào nhận thức chính nó như nó nhận thức đèn. Vì sao? Tâm thức không thể bị nhận thức trước khi có sự nhận thức, vì nó chưa sinh ra; hoặc là sau khi có sự nhận thức, vì niệm tâm đó đã mất; hoặc là đồng thời với sự nhận thức, vì nó không thể có trước chính nó để sinh ra sự nhận thức.

⁴⁰⁹ Thật là điều phi lý nếu chúng ta tranh luận về sự hiện hữu của tự chứng phần, vì chúng ta không nhận biết được nó. Cũng giống như chúng ta bàn luận về sắc đẹp của đứa con gái của thạch nữ (người đàn bà không thể sinh con) là đẹp hay xấu. Tự chứng phần và con gái của thạch nữ đều là sự kiện hoàn toàn không hiện hữu, vì cả hai đều không thể được xác nhận là có thật do bất cứ sự cảm nhận nào của chúng ta.

Nên biết như chuột độc.⁴¹⁰

(24) {Duy tâm} Tâm thông, thấy vật xa,
Gần nên tự thấy mình.
{Trung quán} Bôi mắt thuốc nhìn xa,
Thấy bình, không thấy thuốc.⁴¹¹

(25) Ở đây không phủ nhận,
Thấy, nghe, và hiểu biết,
Chấp thật (gốc sự khổ),
Là điều muốn trừ diệt.⁴¹²

⁴¹⁰ **Duy tâm:** “Nếu như nhãn thức v.v... lúc nhận biết sự vật, không có tự chứng phần làm chứng nhận, ý thức làm sao có thể nhớ lại những sự nhận biết trong quá khứ.” **Trung quán:** “Vì tâm và cảnh liên nhau (tương quan nhân quả), do đó từ sự nhớ lại những hoàn cảnh đã trải qua trong quá khứ, dẫn đến kinh nghiệm của tâm thức, mà không cần đến tự chứng phần. Thí như con gấu nằm ngủ mùa đông, khi ngủ bị chuột cắn, lúc đó gấu hoàn toàn không hay biết. Đến mùa xuân lúc tỉnh dậy, do độc phát sinh, mới biết là bị chuột cắn. Do đây mà biết là không cần tự chứng phần cũng có thể nhớ lại kinh nghiệm quá khứ.”

⁴¹¹ **Duy tâm:** “Như kẻ có tha tâm thông, có thể biết được tâm thức của những kẻ ở rất xa. Như vậy, tâm thức lại càng có thể thấy rõ vật ở gần nhất là chính nó.” **Trung quán:** “Chưa chắc. Như kẻ thoa lên mắt một loại linh dược, có thể nhìn thấy được những kho tàng nằm sâu trong lòng đất, nhưng họ lại không thể thấy được linh dược đã được thoa trên mắt họ.”

⁴¹² **Trung quán:** “Ở đây chúng tôi tuy phủ nhận tự chứng phần, nhưng chúng tôi không phá hoại những tác dụng của những sự thấy, nghe, hiểu biết, v.v... Trong ý nghĩa tương đối (Thế tục đế), sự thấy, nghe, hiểu biết, v.v..., tự thân của chúng

(26) {Duy tâm} Huyền cảnh không ngoài tâm,
Cũng không phải là tâm.
{Trung quán} Nếu thật, sao không khác?
Không khác, ắt không thật [có].⁴¹³

(27) Huyền cảnh không có thật,
Tâm thấy biết cũng thế.⁴¹⁴
{Duy tâm} Luân hồi nương thật pháp,
Nếu không, như hư không.⁴¹⁵

không đem đến sự khổ. Điều mà chúng tôi muốn phá trừ là sự chấp trước, cho rằng những sự thấy, nghe, hiểu biết v.v... là thật sự hiện hữu. Đây chính là nguồn gốc của sự khổ đau.”

⁴¹³ **Duy tâm:** “Huyền cảnh không phải là một vật ngoài tâm (và hoàn toàn khác biệt với tâm), nhưng cũng không thể nói nó là hoàn toàn đồng nhất với tâm.” **Trung quán:** “Nếu hình sắc, v.v..., là có thật, thì ngoại cảnh hiển hiện đó cũng phải là vật có thật, tại sao nó không phải là tâm, vừa không khác với tâm? [Vật đó] nó phải là cái này (tâm), hoặc cái kia (không phải tâm), nhưng nếu bạn cho rằng nó vừa không phải cái này, mà cũng không phải cái kia, thì đó không phải là một vật, vì một sự vật như vậy không thể hiện hữu.”

Phụ chú: Nếu ngoại cảnh là chân thật, thì cảnh phải khác với tâm, vì cả hai (tâm, cảnh) đều có tự tính khác biệt.

⁴¹⁴ **Trung quán:** “Cũng giống như hình sắc của huyền cảnh mà chúng ta thấy được không phải là thật có, sáu tâm thức thấy biết (như mắt, tai, ...) cũng chỉ là giả mà không thật hữu.”

⁴¹⁵ **Duy tâm:** “Luân hồi (pháp giả) cần phải y tựa vào pháp có thật (tâm thức) để tồn tại, nếu không nó sẽ giống như hư không, hoàn toàn trống rỗng, không có tác dụng.”

(28) {Trung quán} Không thật nếu nương thật,
Làm sao có tác dụng?
Nếu tâm không trợ duyên,
Ắt thành thể cô độc.⁴¹⁶

(29) Nếu tâm rời đối tượng,
Chúng sinh đều thành Phật.
Lập ra nghĩa duy thức,
Cuối cùng có ích gì?⁴¹⁷

(30) {Duy tâm} Tuy biết pháp như huyễn,
Làm sao trừ phiền não?
Như huyễn sư biến [ra huyễn] nữ,
Đối huyễn nữ sinh [tâm] tham.⁴¹⁸

⁴¹⁶ **Trung quán:** “Giả sử nói rằng pháp không thật cần phải nương vào pháp có thật mới có thể có tác dụng. Nhưng tâm pháp (là pháp có tự tính), không có quan hệ gì với luân hồi (là pháp không có tự tính), như vậy luân hồi làm sao có những tác dụng nhân quả nghiệp báo? Lại nữa, bạn lại chủ trương là tâm thức không có ngoại cảnh làm trợ duyên cho sự nhận thức, và do đây tâm thức trở thành một cá thể cô độc, tự ta nhận thức chính ta.”

⁴¹⁷ **Trung quán:** “Nếu tâm rời đối tượng (không còn chấp trước) và tồn tại độc lập, chắc chắn nó sẽ không còn bị nhiễm ô bởi trần cảnh. Nếu thế, tất cả chúng sinh chẳng phải đều sẽ thành Phật hay sao? Như vậy, tông nghĩa của Duy thức, ‘Vạn pháp đều do thức biến hiện’, chung cuộc có ý nghĩa và lợi ích gì?”

⁴¹⁸ **Phái Duy thức** muốn phản kích lại điều mà phái Trung quán tuyên bố: “Thấy rõ tất cả pháp đều như huyễn, có thể đoạn trừ phiền não.” Họ (Duy Thức) cho rằng dù chúng ta có hiểu rõ tất cả pháp đều là không, không tự tính v.v..., chúng

(31) {Trung quán} Huyền sư đối chỗ biết,
Chưa đoạn phiền não tập,
Quán “Không” chưa thành thực,
Thấy cảnh vẫn còn tham.⁴¹⁹

(32) Nếu tu tập Không tánh,
Ắt đoạn chấp thật có,
Lại quán “Không” không thật,
Đoạn trừ sự chấp “Không.”⁴²⁰

(33) {Duy tâm} Quán pháp không chân thật,
Không được pháp chân thật,

ta cũng không thể đem sự hiểu biết đó diệt trừ phiền não. Giống như một nhà huyền thuật (huyền sư) biến hiện ra một người nữ lộng lẫy, ông ta tuy biết rằng người nữ đó hoàn toàn là huyền ảo, nhưng tâm tham dục của ông ta vẫn bùng cháy khi nhìn thấy đối tượng của mình.

⁴¹⁹ Ngài **Tịch Thiên** trả lời rằng: “Nhà huyền thuật đó không thể nào so sánh với các hành giả Trung Quán, kẻ đã thể ngộ Không tánh. Huyền sư đó tuy có một khái niệm hời hợt về sự huyền ảo của kẻ mà ông ta đã biến hiện ra. Nhưng ông ta vẫn chưa hàng phục được tập khí chấp thật của ta. Do sự hiểu biết yếu ớt về sự huyền ảo bị tràn ngập bởi vô minh, cho nên ông ta đối người nữ như huyền đó mới khởi tâm tham muốn.”

⁴²⁰ Nếu tu tập pháp quán chư pháp không có tự tính trong một thời gian lâu dài, dần dần sẽ đoạn trừ những tập khí vô minh là sự chấp trước các pháp là thật có. Nếu như lại có thể tiến thêm một bước, tu tập quán sát bốn thân của Không tánh cũng không có tự tính, thì trong tương lai sẽ đoạn trừ được sự chấp trước vào sự có thật của Không tánh.

Không thật không chỗ y,
Làm sao trụ trước tâm?⁴²¹

(34) {Trung quán} Nếu pháp “thật”, “không thật”,
Đều không trụ trước tâm,
Lúc đó không [có] tướng khác,
Không duyên, tối tịch diệt.⁴²²

(35) {Nghi} Nếu Phật không tâm thức,
Làm sao độ chúng sinh?
{Trung quán} Ma ni, cây Như ý,
Vô tâm, làm mãn nguyện,
Do phước và túc nguyện,

⁴²¹ Đang lúc chúng ta quán sát một pháp nào đó, và phát hiện là nó không có thật tính, lúc đó lý trí sẽ nhận định là pháp đó không thật sự tồn tại. Nếu pháp không thật đã rời khỏi chỗ nương tựa của nó là pháp có thật, như vậy, pháp không thật làm sao hiện trước tâm như là pháp có thật.

Bài kệ này có thể được coi như là một phần của sự lập luận của phái Trung Quán. Sự không có thật của một pháp là sự phủ nhận sự hiện hữu của pháp đó. Chúng ta không thể phủ nhận nếu vật đó chưa từng hiện hữu. Do đó không thể có sự hiện hữu của những vật chưa từng hiện hữu, vì nền tảng của sự không hiện hữu là sự hiện hữu.

Phụ chú: Nói cách khác, nếu một vật chưa từng hiện hữu, làm sao có thể phủ nhận sự hiện hữu của nó?

⁴²² Đang lúc những “pháp có thật” và “pháp không thật” đều không trình hiện trước cái tâm đang quán sát pháp tính, lúc đó trong tâm Thắng nghĩa (đệ nhất nghĩa tâm) cùng không trình hiện những hành tướng thật hữu khác. Như vậy, “tâm Không” không còn chỗ duyên, nhân đây tiến nhập vào cảnh giới bất nhị, tịch diệt nhất.

Phật thị hiện độ sinh.⁴²³

(36) Như xây tháp diệt độc,
Xây xong liền mệnh chung,
Tuy chết đã lâu đời,
Sức diệt độc vẫn còn.⁴²⁴

(37) Tu tập hạnh Bồ đề,
Viên thành tháp Chánh giác,
Bồ tát tuy nhập diệt,
Vẫn làm lợi chúng sinh.⁴²⁵

(38) {Tiểu thừa} Cúng dường “vô tâm” Phật,
Làm sao được quả báo?
{Trung quán} Cúng hiện [tại], quá khứ Phật,
Kính nói phước bằng nhau.⁴²⁶

⁴²³ **Hỏi:** Nếu Phật không có tâm phân biệt, ngài làm sao có thể thuyết pháp độ sinh? **Đáp:** Giống như ngọc Ma ni (thường được gọi là ngọc Như ý) và cây Như ý, tuy không có tâm phân biệt, nhưng vẫn có thể làm thỏa mãn những nguyện vọng của chúng sinh. Giống vậy, do phước đức của chúng sinh và nguyện lực của chư Phật, các vị Phật không có tâm phân biệt này, tiếp tục thị hiện thuyết pháp độ chúng sinh.

⁴²⁴ Thí dụ, như người Bà La Môn tên Sanku xây tháp Garuda. Ông ta dùng bùa chú gia trì làm cho tháp có công năng diệt trừ những chất độc. Tuy ông ta qua đời đã lâu, công năng diệt độc của tháp Garuda vẫn còn tồn tại.

⁴²⁵ Tương tự, Bồ Tát tùy thuận thứ đệ tu tập hạnh Bồ Đề, cuối cùng viên mãn phước tuệ và thành Phật (cũng như xây xong tháp Chính Giác). Tuy các ngài đã nhập diệt, nhưng vẫn còn [gián tiếp] làm lợi ích chúng sinh.

(39) Cúng [Phật], dùng tâm “chân”, “tục”,
Kính nói đều được phước,
Đem tâm huyễn cúng Phật,
Phước như cúng Phật thật.⁴²⁷

(40) {Tiểu thừa} Kiến để tức giải thoát,
Cần gì chứng tánh Không?
{Trung quán} Kinh Bát Nhã có nói:
Nếu không chứng Không tuệ,
Quyết không chứng Bồ đề.⁴²⁸

⁴²⁶ **Hỏi:** "Cúng dường Phật (bậc không có tâm mong cầu) cùng các vật vô tâm khác (như tháp, tượng, xá lợi ...) làm sao có được phước báo?" **Đáp:** "Do vì phước đức nhân duyên được sinh từ đáy lòng của chính ta. Bởi vậy Kinh Di Lặc Sư Tử Hống có nói: "Cúng dường đức Phật còn tại thế, hoặc đã nhập Niết bàn, công đức đều giống như nhau."

⁴²⁷ Trong kinh có nói: "Khi cúng Phật, bất luận là đem tâm chấp thật hoặc tâm thể ngộ Tánh không, đều có quả báo giống như đem lễ vật và tâm cung kính cúng Phật." Nhân đây, giống như bạn (phái chấp thật) đem tâm chấp thật cúng Phật được quả báo thế nào, thì chúng tôi (phái Trung Quán) đem tâm thể ngộ các pháp như huyễn cúng Phật, phước báo cũng giống như vậy.

Phụ chú: Theo giải thích của đức Đạt Lai Lạt Ma, đem tâm chấp có và tâm thể ngộ Tánh Không cúng Phật, tuy đều có phước báo, nhưng phước đức có được của hai tâm có sự khác biệt. Nếu giải thích theo tinh thần của Kinh Bát Nhã, tuy đem ít vật cúng Phật, nếu hành giả hiểu rõ Tánh không, được phước báo vô lượng, còn ngược lại, tuy đem của cải nhiều vô lượng cúng Phật, trong tâm nếu còn sự chấp trước, thì phước báo sinh ra chỉ có hữu hạn mà thôi.

(41) {Tiểu thừa} Đại thừa giáo bất thành.
{Trung quán} Tiểu thừa thế nào thành?
{Tiểu thừa} [Vì] hai thừa đều công nhận.⁴²⁹
{Trung quán} Trước khi tin Tiểu thừa,
Bạn cũng không chấp nhận,
Tiểu thừa do Phật nói.⁴³⁰

(42) [Bạn] nương gì [để] tin Tiểu thừa,
[Chúng tôi] tin Đại thừa, cũng vậy,
Nếu [do] hai bên công nhận,
Mà pháp thành chân thật,
[Thì] Phê Đà cũng chân thật.⁴³¹

⁴²⁸ Kiến đế, còn gọi là kiến đạo, tức là thấy được chân lý, thế ngộ lý vô thường, vô ngã. Ở đây chỉ cho các bậc thánh Tiểu thừa từ Sơ quả trở lên. Bồ đề, ở đây chỉ chung cho Bồ đề của ba thừa (Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát).

⁴²⁹ **Tiểu thừa** cho rằng: “Đại thừa không phải do Phật nói, vì thế Kinh Bát Nhã không đáng tin.” **Đại thừa** hỏi lại: “Nếu nói Đại thừa không do Phật nói, còn Tiểu thừa như thế nào thành lập?” **Tiểu thừa** trả lời: “Bởi vì bạn (Đại thừa) và chúng tôi (Tiểu thừa) đều công nhận Kinh A Hàm là do Phật nói.”

⁴³⁰ Những giáo phái Tiểu thừa không công nhận kinh điển Đại thừa là do Phật nói, Đại thừa trái lại công nhận kinh điển của Tiểu thừa lẫn Đại thừa. Bởi vậy, phải có một thời điểm một cá nhân bắt đầu chấp nhận một học thuyết. Do đây, phái **Trung quán** lập luận rằng: “Sự kiện một cá nhân (hay một nhóm người) không thừa nhận quyền uy của kinh điển, không ảnh hưởng gì đến giá trị chân thật của kinh điển đó.”

⁴³¹ Bạn dùng lý do nào để tin kinh điển Tiểu thừa là do Phật nói, chúng tôi (Đại thừa) cũng dùng lý do đó để tin kinh điển

(43) {Tiểu thừa} Đại thừa nhiều tranh luận,
Cho nên không công nhận.
{Trung quán} Tiểu thừa tranh [luận] Đại thừa,
Ngoại đạo tranh [luận] Tiểu thừa,
Tiểu thừa tranh luận nhau,
Chỗ tranh [luận] đều không nhận.⁴³²

(44) Nếu [được] ghi vào Kinh tạng,
Được [thừa] nhận là Phật nói,

Đại thừa là do Phật nói. Nếu vì do cả hai bên công nhận, mà giáo điển là chân thật, thì giáo điển Phệ Đà (của Bà La Môn) cũng chân thật.

Theo ngài Trí Tác Tuệ, nên căn cứ vào phương diện nội dung, thay vì quá chú trọng vào phương diện lịch sử, trong việc phán định một bộ kinh là do Phật nói hay không. Có bốn điều kiện để xác nhận một bộ kinh là do Phật nói: (1) *ý nghĩa chính đáng*, (2) *hiển dương Chánh pháp*, (3) *làm nhân cho sự diệt trừ vô minh*, (4) *hiển hiện công đức Niết bàn*. Nay, kinh điển Đại thừa đều gồm đủ bốn điều kiện này, các hành giả Tiểu thừa nên tôn trọng Đại thừa kinh là do Phật nói. Tiểu thừa cho rằng kinh điển của họ cũng được một số ngoại đạo thừa nhận là do Phật nói. **Tịch Thiên** trả lời rằng: “Nếu ngoại đạo công nhận là có giá trị, thì kinh điển Phệ Đà của Bà La Môn cũng sẽ có giá trị.” Điều này đương nhiên không được các vị Tiểu thừa chấp nhận.

⁴³² **Trung quán:** “Nếu các bạn (Tiểu thừa) cho rằng kinh điển Đại thừa có nhiều điểm đáng tranh luận, do đó cần phải bị phủ nhận là lời Phật nói. Nếu vậy, các bạn nên phủ nhận ngay cả kinh điển của chính bạn, vì chúng cũng là chỗ tranh luận bởi bọn ngoại đạo, và bởi ngay những người trong nhóm của các bạn (chỉ các giáo phái Tiểu thừa tranh chấp với nhau về giáo lý).”

Tam tạng Đại thừa giáo,
Sao bạn lại không nhận?⁴³³

(45) Nếu bạn vì không hiểu,
Một bộ kinh Đại thừa,
Mà cực lực phủ nhận,
Đại thừa do Phật nói,
Nay nên vì một bộ,
Đại thừa đồng Tiểu thừa,
Mà phải chấp nhận rằng,
Đại thừa do Phật nói.

(46) Các ngài Đại Ca Diếp, ...
Chưa lường hết lời Phật;
Ai vì bạn không hiểu [Đại thừa],
Mà phế bỏ Đại thừa?⁴³⁴

(47) Nếu tăng là giáo bốn,
Tăng cũng khó an trụ.
Kẻ chấp pháp là thật,
Khó mà chứng Niết bàn.⁴³⁵

⁴³³ Điểm chính của bài kệ này là: Vì phần lớn các kinh Đại thừa đều tương tự như kinh Tiểu thừa (xem chú thích kệ 42), bởi thế kinh Đại thừa cũng phải được công nhận là do Phật nói.

⁴³⁴ Các vị A la hán như ngài Đại Ca Diếp, v.v..., còn chưa thể thấu triệt hết tất cả lời Phật nói. Ai vì bạn không hiểu kinh điển Đại thừa, mà chấp nhận rằng không nên tin tưởng, không nên thọ trì kinh Đại thừa?

(48) {Tiểu thừa} Nếu quán pháp Tứ đế,
Như vô thường, vô ngã,
Sẽ chứng đắc giải thoát,
Cần gì chứng Tánh không?
{Trung quán} Kiến đạo nếu giải thoát,
Đoạn hiện hành cũng thế,
Bọn họ tuy đoạn hoặc,
Nghiep báo vẫn hiện hành.⁴³⁶

⁴³⁵ Chân thật tăng là giáo bốn (gốc của giáo pháp). Những kẻ chấp trước vào pháp là có thật, (họ) không phải là chân thật tăng, và (chắc chắn) cũng sẽ khó mà chứng đắc Niết Bàn.

Theo Crosby, (1) Trong lịch sử Phật giáo, tăng đoàn đã trải qua nhiều sự rạn nứt. Những sự rạn nứt này là kết quả của sự tranh chấp về giới luật. Mỗi giáo phái đều giải thích giới luật theo quan điểm của tông phái ta. Sự khác biệt này đưa đến là giáo phái này không chấp nhận những điều luật của giáo phái khác. Đây là điều mà tăng đoàn được gọi là không được thiết lập một cách vẹn toàn. (2) Những vị A la hán, theo Tiểu thừa, là bậc chứng ngộ, nhưng họ bám víu vào những thật thể (chấp pháp là có thật), và không hoàn toàn thấu triệt lý Không tánh. Vì lý do này, theo Kinh Bát Nhã Ba la Mật, họ không thể chứng Bồ đề (theo ý nghĩa Đại thừa). Nhân đây, "sự giác ngộ" của họ không được thiết lập một cách vẹn toàn.

⁴³⁶ Nếu nói chỉ cần pháp Tứ đế sẽ được giải thoát, thì kẻ diệt trừ phiền não hiện hành cũng nên được giải thoát. Sự thật, các vị đó tuy đoạn trừ phiền não hiện hành, nhưng chủng tử phiền não (tập khí) vẫn còn. Do đó, nghiệp duyên vẫn có thể kết hợp với chủng tử, và đưa đến công năng tái sinh đời sau.

Theo Crosby, trong hậu kỳ văn học Phật giáo Ấn Độ, ngay cả các vị A la hán, được mô tả là có những hành động hoàn toàn bị khống chế bởi tập khí của họ. Chẳng hạn, trong

(49) {Tiểu thừa} Nếu không còn ái, thủ,
Quyết định không [còn] tái sinh.
{Trung quán} Ái không nhiễm ô này,
Như si, làm sao không?⁴³⁷

(50) Do duyên thọ, sinh ái,
La Hán vẫn còn thọ,
Vì tâm còn sở duyên,
Thọ vẫn ở trong tâm.⁴³⁸

các vị đại đệ tử của đức Phật, ngài Đại Ca Diếp, một người thuộc giai cấp Bà la môn, chưa đoạn hết tập khí kiêu mạn. Hơn nữa, tuy ngài là một vị tu khổ hạnh nổi tiếng, nhưng khi nghe tiếng nhạc liền tự động nhảy múa, bởi đời quá khứ ngài đã từng sinh ra trong loài khỉ. Lại như ngài Kiều Phạm Ba Đề, từng làm thân trâu nhiều đời, do đó vẫn còn thói quen nhơi com như bò nhơi cỏ. Lại còn ngài Madhavasistha, đời trước cũng từng làm khỉ, do đó vẫn còn thói quen thích leo cây, leo tường. Lại còn có câu truyện một vị Bích chi Phật, đời trước đã từng làm kỹ nữ, do đó vẫn còn thói quen làm dáng và ẻo lả như con gái.

⁴³⁷ Tiểu thừa cho rằng A la hán đã đoạn trừ ái và thủ (là nguồn gốc của sự thọ sinh đời sau), như vậy họ sẽ không còn tái sinh, nhưng theo phái Trung quán, A la hán tuy đã đoạn trừ được ái nhiễm ô, nhưng vẫn chưa đoạn trừ được ái không nhiễm ô.

Phụ chú: Vô minh được phân làm hai loại, nhiễm ô vô minh và phi nhiễm ô vô minh. Ái cũng tương tự, được phân làm hai loại, nhiễm ô và phi nhiễm ô. Theo Đại thừa, A la hán chỉ đoạn được nhiễm ô vô minh nhưng chưa đoạn được phần phi nhiễm ô. Đối với ái cũng thế. Tuy vậy, nên nhớ rằng ái và vô minh có sự khác biệt. Vô minh là thể, còn ái là sự tác dụng của vô minh.

(51) Nếu chưa chứng Không tuệ,
Tâm diệt, hoặc lại sinh,
Giống như Vô tướng định,
Vậy phải tu Không tánh.⁴³⁹

(52) Vì muốn độ kẻ ngu,
Bồ tát bỏ tham, sợ,
[Dùng] bi, trí trụ [trong] luân hồi,
Đây là ngộ Không quả.⁴⁴⁰

(53) Chớ nên khởi vọng động,
Phủ nhận lý Không tánh,
Tâm đừng nên sinh nghi,
Đáng lý [nên] tu Không tánh.

(54) Không tánh có thể [đối] trị,

⁴³⁸ Nếu như chấp thọ vẫn còn và làm trợ duyên, nhất định sẽ đưa đến sự tham ái. Các vị La hán, tuy tạm thời trừ được phiền não hiện hành, nhưng trong tâm thức vẫn còn chủng tử tham ái. Nhân đây, tâm chấp pháp là thật có của họ vẫn còn thọ duyên, và do đây, trong tương lai vẫn còn có thể sinh khởi sự tham ái.

⁴³⁹ Nếu chỉ tu tập Tứ đế mà không triệt ngộ trí tuệ Tánh không, phiền não tâm sở tuy tạm thời đình chỉ hoạt động, nhưng trong tương lai vẫn có thể sinh khởi trở lại, giống như Vô tướng định. Do đó phải nỗ lực tu tập Tánh không, hầu có thể trừ diệt phiền não đến tận gốc rễ.

⁴⁴⁰ Ở trong sinh tử để làm lợi ích cho chúng sinh bị khổ đau bởi vô minh là do sự thoát ly từ hai cực đoan, sự tham ái và sự sợ hãi. Đây là thành quả của sự tu tập Không tánh.

Phiền não, sở tri chướng,
Người muốn mau thành Phật,
Sao không tu Không tánh?

(55) Chấp thật sẽ sinh khổ,
Nên sợ sự chấp này,
Chứng “Không” sẽ diệt khổ,
Sao lại sợ Không tánh?

(56) Nếu vẫn còn “thật ngã” ,
Sẽ sinh tâm sợ hãi,
Nay đã không “thật ngã” ,
Ai là người sợ hãi?⁴⁴¹

(57) Ngã chẳng phải răng, tóc,
Cũng chẳng phải máu, xương,
Chẳng phải đàm, nước bọt,
Cũng chẳng phải mủ, mật,

(58) Chẳng phải mỡ, mồ hôi,
Chẳng phải phổi, hoặc gan,
Chẳng phải là nội tạng,
Chẳng phải đại, tiểu tiện.

(59) Cũng chẳng phải thịt, da,
Mạch máu, khí, sức nóng,

⁴⁴¹ Chỉ cần có chút ít sự tồn tại của thật ngã, đương nhiên sẽ có sự sợ hãi là ngoại cảnh sẽ đến tổn hại ta. Nay đã hiểu rõ là không có cái ngã chân thật tồn tại, như vậy ai là người sợ hãi? Thân sợ? Tâm sợ? Hay là lục phủ ngũ tạng sợ?

Trăm khiếu và sáu thức,
Tất cả không phải ngã.⁴⁴²

(60) “Thanh thức” nếu là thường,
Mọi thời đều nghe tiếng,
Nếu không có âm thanh,
Lý gì gọi [là] nghe thanh?⁴⁴³

(61) [Nếu] không có “thức” mà biết,
Cây cũng có thể biết,
Vì thế nên hiểu rằng
Không [có ngoại] cảnh thì không biết.⁴⁴⁴

⁴⁴² Ở đây, ngài Tịch Thiên, bắt đầu một đoạn văn (kệ 57-69), muốn chứng tỏ cái ngã không hiện hữu. Đầu tiên là nêu rõ cái ngã không có trong thân thể vật chất (kệ 57-59). Ở đây ngài không dùng sự lập luận, mà chỉ phô bày các bộ phận trong thân thể, cho chúng ta thấy được sự phi lý nếu chúng ta cố gắng đồng nhất cái ngã với bất cứ bộ phận nào trong cơ thể ta. Phần cuối của kệ (59), phủ nhận sáu thức là ngã, là muốn đả phá lập luận đồng nhất ngã với thức của phái Số luận.

⁴⁴³ Nếu [thanh] thức là thường hằng, thì lúc nào nó cũng nghe thấy âm thanh. Giả như không có âm thanh nào làm đối tượng cho nó, thì làm sao gọi là nó đang nghe âm thanh được?

⁴⁴⁴ Ở đây, Tịch Thiên bác bỏ lập luận của phái Số luận cho rằng ngã là động lực chính cho sự nhận thức thường hằng (eternal). Tịch Thiên bắt đầu bằng cách cho rằng nếu thanh thức đồng nhất với cái ngã, thì kẻ đó phải thường nghe âm thanh (vì ngã là thường). Số luận cho rằng tuy âm thanh không luôn luôn hiện hữu, nhưng người nghe (cái ngã) luôn luôn hiện hữu và không biến đổi. Phái Trung quán không

(62) Nếu nói thức biết sắc,
Lúc đó sao không nghe?
Nếu nói [âm] thanh ở xa,
Vậy, “thanh thức” [ắt] không có.⁴⁴⁵

(63) Tự tính [vốn] là nghe thanh
Làm sao [trở] thành nhãn thức?
{Sổ luận} Một người [vừa] làm cha, [vừa làm] con.
{Trung quán} Giả danh không chân thật.⁴⁴⁶

đồng ý, cho rằng sự nhận biết âm thanh không thể rời âm thanh mà có được. Nếu sự nhận biết không cần đối tượng, thì cây gậy hay những vật vô tri cũng có thể nhận biết sự vật. Do đây, bác bỏ lập luận của Sổ luận cho rằng sự hiểu biết có thể hiện hữu mà không cần đối tượng.

⁴⁴⁵ **Sổ luận** phản đối: "Lúc không có âm thanh không có nghĩa là không có người nghe. Bởi vì khi không có âm thanh, cái thức nghe thanh lúc trước quay sang nhận thức hình sắc, v.v..." **Trung quán** trả lời: "Nếu thế, cái thức lúc thấy hình sắc đó sao lại không nghe? Nếu cho rằng âm thanh không hiện hữu ở gần đó cho nên không nghe, chứng tỏ lúc đó thanh thức cũng không hiện hữu. Như vậy thanh thức cũng không thường hiện hữu như các bạn (Sổ luận) đã quả quyết."

⁴⁴⁶ **Trung quán**: "Hơn nữa, bản tính của thanh thức là nhận thức âm thanh, tại sao lại trở thành nhãn thức có công năng nhận thức hình sắc?" **Sổ luận**: "Cũng giống như một người, lúc được gọi là cha, lúc được gọi là con." **Trung quán**: "Nhưng tên gọi cha, con chỉ là giả danh, không phải như chủ trương của các bạn (Sổ Luận), cho rằng nhãn thức, thanh thức, v.v..., là chân thật."

(64) Ba đức Ưu, Hỷ, Ám,
Chẳng phải con hoặc cha;
Nhãn thức không [có] tánh nghe,
Vì không thấy tánh ấy.⁴⁴⁷

(65) {Số luận} Như diễn viên nhiều dạng.
{Trung quán} Thức đó không thường hằng.
{Số luận} Tuy dạng khác [nhưng] thể đồng.
{Trung quán} Sự đồng [như vậy] chưa từng có.⁴⁴⁸

(66) Hình dạng nếu không thật,

⁴⁴⁷ Ưu, Hỷ, Ám: Số luận chủ trương ba đức Ưu (Suffering), Hỷ (Joy), và Ám (Confusion) là ba tính chất căn bản của vũ trụ. Nếu ba đức này ở thể quân bình thì gọi là Vật chủ. Vật chủ là căn bản sinh ra tất cả các vật trong vũ trụ (Vật chủ và Ngã là hai thật thể khác biệt, Vật chủ không sinh ra Ngã, mà Ngã cũng không sinh ra vạn vật vì nó thường hằng bất biến). Khi cái Ngã này tiếp xúc với Vật chủ, sẽ phát sinh ra cảm thức (thức), cơ quan nhận thức (căn), và đối tượng nhận thức (vật, hoặc còn gọi là trần), mà cái ngã sẽ cảm thọ.

Trung quán: "Trong trường hợp này, Vật chủ (chân thật hiện hữu) không thể nào là cha hoặc con (giả danh). Hơn nữa, nhãn thức (nhận thức hình sắc) cũng không thể có tính chất nghe được âm thanh, vì trong nhãn thức không thể nào tìm ra được cái tính chất nghe thanh đó."

⁴⁴⁸ **Số luận:** "Giống như diễn viên có thể đóng nhiều vai trò, cái thức nghe được âm thanh đó, lúc khác vẫn có thể thấy được hình sắc." **Trung quán:** "Nếu vậy thanh thức đó không phải là thường hằng, vì nó tiếp tục biến thành cái khác." **Số luận:** "Tuy thức đó hiển hiện dưới nhiều hình thức khác nhau (nghe thanh, thấy sắc), nhưng thể của nó vẫn là một, là đồng nhất." **Trung quán:** "Sự đồng nhất kiểu đó, chúng tôi chưa từng nghe thấy!"

Tự tính sẽ là gì?
Nếu nói [nó] tức là thức,
Chúng sinh sẽ thành một.⁴⁴⁹

(67) Tâm, vô tâm là một,
Đều là thường hiện hữu;
Khi [sự] sai khác là giả,
Sự đồng nưong chỗ nào?⁴⁵⁰

(68) {Trung quán} Vô tâm không phải ngã,
Vô tâm giống như [cái] bình.
{Ni kiền tử} Lúc hợp lại có tâm.
{Trung quán} Biết thành, không biết diệt.⁴⁵¹

⁴⁴⁹ **Trung quán:** "Nếu bạn (Số luận) cho rằng thức đó (thể không biến đổi) hiển hiện ra dưới nhiều dạng (nghe thanh, thấy sắc) khác nhau, và các dạng hiện ra đó là không thật, nếu vậy, thể của các dạng đó là gì? Nếu nói thể của các dạng khác nhau đó chính là thức, như vậy tâm chúng sinh (dạng khác nhau) sẽ là một (thể của chúng là đồng nhất)."

⁴⁵⁰ **Trung quán:** "Hơn nữa, vật hữu tình (có tâm) và vật vô tình (vô tâm) sẽ là một, vì cả hai đều là thường hiện hữu. Nếu các bạn (Số luận) cho rằng các vật biểu hiện (hữu tình, vô tình) đều là huyễn giả, như vậy chỗ cộng đồng y cứ của chúng làm sao có thể là chân thật (thức) được?"

⁴⁵¹ Hai bài kệ (68, 69) là đả phá phái Ni kiền tử. Phái này chủ trương cái ngã là vật thường hằng, độc lập, và bản tính là vật chất; và cho rằng cái ngã nhận thức được sự vật là vì nó có cái tâm riêng biệt (độc lập với cái ngã).

Trung quán: "Vật (vô tri) không thể là ngã, vì nó không thể cảm thức (biết) được sự vật, giống như cái bình."
Ni kiền tử: "Tuy bản chất của nó không phải là tâm, nhưng nó có thể cảm thức được sự vật, vì nó có một cái tâm (độc

(69) Nếu ngã không đối khác,
Tâm đối ngã ích gì,
Vô tri lại vô dụng,
Hư không cũng thành ngã.⁴⁵²

(70) {Hỏi} Nếu ngã không thật có,
Nghịệp báo rất phi lý,
[Vi] kẻ làm xong đã diệt,
Ai là kẻ thọ báo?⁴⁵³

lập với nó). Khi hai bên (ngã và tâm) tạm thời hợp lại, thì có sự nhận thức (biết)." **Trung quán:** "Đây là điều phi lý. Vì khi cái ngã hợp với cái tâm (biết), thì cái ngã (không biết) không còn hiện hữu. Như vậy làm sao các bạn (Ni kiền tử) có thể nói nó là thường hằng?"

Phụ chú: Cái ngã không thể vừa biết vừa không biết. Ni kiền tử chủ trương cái ngã không biết (vì vô tâm) là thường hằng. Nay cái ngã đã biết, thì cái ngã không biết ắt phải không hiện hữu. Đây là sự mâu thuẫn của họ.

⁴⁵² **Trung quán:** "Dù là cái ngã không biến đổi, nhưng làm sao cái ngã vô tri, xuyên qua cái tâm biết nhận thức, từ một vật không biết nhận thức lại có thể nhận thức được sự vật? Lại nữa, nếu nhận rằng cái ngã là vật không biết nhận thức vì nó là vật chất, lại không có tác dụng vì nó thường hằng không biến đổi, nếu vậy hư không cũng là cái ngã (như bạn chủ trương)."

⁴⁵³ **Hỏi:** "Nếu cho rằng cái ngã không thường hằng, như vậy sự liên hệ giữa nhân và quả (nghịệp báo) đâu còn ý nghĩa gì? Vì một sát na sau khi cái nghịệp được tạo ra, thì cái ngã vừa tạo nghịệp đó đã không còn, như vậy ai sẽ là kẻ nhận thọ quả báo đó?"

Phụ Chú: Từ bài kệ (70) đến kệ (77), phái Trung quán đả phá sự hiện hữu của cái ngã.

(71) {Trung quán} Kẻ làm khác kẻ thọ,
Báo đến, kẻ làm mất,
Tôi, [và] bạn đã đồng ý,
Lý gì lại tranh nhau?⁴⁵⁴

(72) Tạo nhân liền thấy quả,
Điều này không thể có,
Y vào sự tương tục,
Phật nói kẻ làm thọ.⁴⁵⁵

⁴⁵⁴ **Trung quán:** "Căn bản của nghiệp (đời này) và căn bản của quả báo (đời sau) là hai thật thể khác nhau. Bạn chủ trương cái ngã thường hằng (không tạo nghiệp, không thọ quả báo), chúng tôi chủ trương không có cái ngã tạo nghiệp, không có cái ngã thọ báo. Chẳng phải bạn và chúng tôi đều chung quan điểm? Sao còn thắc mắc nổi gì?"

⁴⁵⁵ **Ngoại đạo:** "Còn những hành động (nhân) mà gặt quả báo liền trong đời này? Chúng không thể nào có hai thật thể khác biệt, một bên tạo nghiệp, một bên thọ báo!" (**Phụ chú:** Ý của ngoại đạo vẫn là muốn chứng tỏ có một cái ngã là chủ nhân của sự tạo nghiệp thọ báo). **Trung quán:** "Nhân và quả không thể nào hiện hữu cùng một lúc, như cha và con không thể nào được sinh ra cùng một lúc." **Ngoại đạo:** "Thế nhưng trong một đoạn kinh (Phật giáo) có nói như sau: 'Một kẻ đã tạo nghiệp sẽ thọ báo như thế nào? Nay các Tỳ Kheo, những nghiệp thiện ác mà các ông tạo và tích tụ sẽ không hiện quả báo trên những vật khác như đất, sỏi, mà sẽ hiện quả báo trên thân tứ đại của các ông trong đời vị lai.' Nếu vậy, chẳng lẽ các bạn (Trung Quán) đã không mâu thuẫn với lời kinh là kẻ tạo nghiệp sẽ thọ báo hay sao?" **Trung Quán:** "Đây là do Phật căn cứ vào sự tương tục của một cá nhân mà nói về nghiệp báo. Thật sự không có một cái ngã thường hằng bất biến như các bạn (ngoại đạo) chủ trương."

(73) Tâm quá khứ, vị lai,
Đều [là] không, không phải ngã;
Tâm hiện tại nếu là [ngã],
[Tâm ấy] diệt đi, ngã cũng mất.⁴⁵⁶

(74) Ví như thân cây chuối,
Bóc đi, không còn gì,
Như vậy dùng tuệ quán,
Tìm ngã, thấy không thật.

(75) {Hỏi} Nếu không có hữu tình,
[Bồ tát] khởi lòng bi với ai ?
{Trung quán} Bồ tát còn vô minh
Vẫn thấy có chúng sinh,
Vì muốn cứu vớt họ,
Nên lập nguyện thành Phật.⁴⁵⁷

(76) {Hỏi} Không [có] người, ai đắc quả?
{Trung Quán} Do tâm phân biệt [mà] đắc,

⁴⁵⁶ **Ngoại đạo:** "Tại sao bạn (Trung quán) cho rằng không có cái ngã thường hằng bất biến?" **Trung quán:** "Tâm quá khứ, tâm vị lai đều không phải là ngã. Vì tâm quá khứ đã diệt, và tâm vị lai chưa sinh. Chúng đều không tồn tại. Nếu nói tâm hiện tại là ngã, thì khi tâm này biến thành quá khứ (diệt đi), cái ngã cũng không còn. Lập luận tương tự, có thể chứng minh rằng năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) đều không phải là ngã."

⁴⁵⁷ Bồ Tát vì còn vô minh nên vẫn còn thấy có chúng sinh (như huyễn), vì muốn cứu độ những chúng sinh (như huyễn) này, các ngài đã phát nguyện tu hành thành Phật.

Vì diệt khổ [cho] chúng sinh,
Không nên [diệt] trừ tâm này.⁴⁵⁸

(77) Ngã chấp là gốc khổ,
Lại tăng trưởng ngã mạn.
“Làm sao trừ ngã chấp?”
Đáp: “Nên tu vô ngã.”⁴⁵⁹

(78) Bàn chân và bắp chân,
Bắp đùi, hông và bụng,
Lưng, ngực và đôi vai,
Tất cả không phải thân.⁴⁶⁰

⁴⁵⁸ **Hỏi:** “Nếu hữu tình không có thật, ai là kẻ phát tâm thành Phật?” **Trung quán:** “Chủ trương của chúng tôi là trên phương diện Thắng nghĩa đế, không có Phật, không có chúng sinh. Nhưng trên phương diện danh ngôn (Thế tục đế), do vô minh (thấy có chúng sinh khổ não) mà lập nguyện, có thể thành Phật. Do đó, vì muốn diệt trừ khổ não của chúng sinh mà phát tâm thành Phật, tuy đó là sự phân biệt, xuất phát từ vô minh, nhưng cũng không nên trừ diệt sự phát tâm này.”

⁴⁵⁹ Phải nên trừ diệt ngã chấp, vì đây là nguồn gốc tăng trưởng sự ngã mạn và thống khổ. **Hỏi:** “Thế nhưng chẳng có phương pháp nào đối trị ngã chấp?” **Đáp:** “Có. Quán vô ngã chính là phương pháp hay nhất để đối trị sự chấp ngã.”

⁴⁶⁰ Trong phần giải thích pháp vô ngã, tác giả thảo luận bốn niệm xứ: thân, thọ, tâm, pháp. Những đối tượng này được đem ra quán sát, và chứng minh là chúng không có thật.

Đối với kẻ phàm phu chúng ta, cái thân hiện ra như một vật có thật, và chúng ta chấp vào, bám vào sự (hình như) có thật đó. Sự lầm lẫn này là nguồn gốc của sinh tử luân hồi. Nếu cái thân là có thật, chúng ta phải tìm ra nó từ một trong những bộ phận, hoặc là từ sự tổng hợp của các bộ phận,

(79) Bàn tay và bắp tay,
Hai nách, đầu, nội tạng,
Tất cả đều không phải,
Trong đây ai là thân?

(80) Nếu nói thân ở khắp,
Tất cả các bộ phận,
Mỗi bộ là phần riêng,
Thân phải ở chỗ nào?⁴⁶¹

(81) Nếu nói một thân này,
Phân ra ở các phần,
Vậy có bao bộ phận,
Là có bấy nhiêu thân.

(82) Trong, ngoài, nếu không thân,
Tay làm sao có thân?
Ngoài tay không gì khác,

hoặc từ nơi khác với hai chỗ này. Thế nhưng, như chứng minh ở phía dưới, chúng ta không thể tìm ra cái thân (có thật) như vậy.

Phụ chú: Kệ (78) đến kệ (105) giải thích về pháp vô ngã: (1) kệ 78-87: thân niệm xứ; (2) kệ 88-101: thọ niệm xứ; (3) kệ 101 đến hai câu đầu của kệ 105: tâm niệm xứ; (4) hai câu cuối của kệ 105: pháp niệm xứ.

⁴⁶¹ **Ngoại đạo:** “Cái thân, là một thật thể riêng biệt, tuy khác biệt với tất cả bộ phận, nhưng lại ở khắp tất cả bộ phận.”

Trung Quán: “Bạn cho rằng cái thân ở khắp tất cả bộ phận, nhưng lại cho rằng thân này tự nó không có bộ phận, nếu vậy nó phải ở chỗ nào?””

Làm sao mà có thân?⁴⁶²

(83) Không thân, vì ngu mê,
Đổi tay nghĩ có thân,
Như do hình dạng đá,
Lầm tưởng là người thật.

(84) Khi chúng duyên tụ hợp,
Thấy hình [tảng] đá giống người,
Như vậy đối [với] tay, chân,
Mà thấy thật có thân.⁴⁶³

(85) Bàn tay do ngón hợp,
Đúng lý là vật gì?
Ngón tay do lóng [tay] thành,
Lóng lại có thể phân.

(86) Phần lại phân thành [vi] trần,
Trần phân thành phương phần,
Phương trần không bộ phận,
Như [hư] không, không [có] vi trần.⁴⁶⁴

⁴⁶² Nếu cái thân không ở ngoài, cũng không ở trong, làm sao mà tay, chân, v.v..., có được thân này? Hơn nữa, cái thân này không thể khác biệt với tay, chân, v.v..., làm sao mà có một cái thân hiện hữu, mà lại hoàn toàn khác biệt với các bộ phận của nó?

⁴⁶³ Bất cứ lúc nào, khi các nhân duyên cho sự nhàm lẫn tụ hợp đầy đủ, thì tảng đá sẽ bị nhìn lầm thành hình người. Cũng vậy, khi tay, chân, các bộ phận và các hoạt động sinh lý (tâm thức) đầy đủ, cái tổ hợp của các bộ phận đó, sẽ bị nhìn lầm và bị chấp là người thật.

(87) Vì thế người có trí,
Ai tham thân huyễn này?
Vậy, thân nếu không có,
Sao [còn] tham tướng nam nữ?

(88) Tính khổ nếu có thật,
Sao không tổn niềm vui?
Sự vui nếu có thật,
Sao không vơi nỗi sầu?

(89) Nếu nói vì khổ nhiều,
Nên không cảm giác vui;
Nếu đã không cảm giác,
Sao lại gọi là vui?⁴⁶⁵

(90) Như nói có ít khổ,

⁴⁶⁴ Vi trần là phần nhỏ nhất của vật chất. Khi phân chia vi trần thì thành hư không. "Phương phần" kỳ thực không hiện hữu. Như vậy vi trần (Anh: atom) cũng không thực sự hiện hữu, do đó mới nói: "Phương phần không [có] bộ phận, như [hư] không, [vì thế] không [có] vi trần [có thực]." Nếu vi trần không có thực, thì cái thân (là tổng hợp của vi trần) cũng không có thực

⁴⁶⁵ **Trung quán:** "Nếu sự khổ là có thực, sao nó không thương tổn kẻ đang vui sướng? Nếu ăn món ngon là thực sự vui sướng, tại sao nó không làm kẻ đang đau khổ trở nên vui sướng?" **Đối phương:** "Khổ hoặc vui thực sự hiện hữu, nhưng nó bị che lấp bởi sức mạnh của cảm giác đối ngược, do đó không cảm giác được nó." **Trung quán:** "Làm sao không cảm giác lại được gọi là vui?"

Há đã chẳng trừ khổ?
Nói nó là vui thừa,
Ít khổ ắt là vui.⁴⁶⁶

(91) Nếu do sự nghịch duyên,
Khổ thọ không sinh khởi,
Phải chăng thọ khổ vui,
Đều chỉ là vọng tưởng?⁴⁶⁷

(92) Thế nên tu Không quán,
Đối trị chấp thật có,
Trong ruộng tốt “quán tuệ”,
Trồng món ngon Du già.⁴⁶⁸

(93) Nếu căn, cảnh cách nhau,
Làm sao sinh cảm xúc?
Nếu không cách, thành một,

⁴⁶⁶ Nếu cái khổ thọ đó, tuy lúc vui sướng nhiều, vẫn còn tồn tại dưới cảm giác ít khổ. Như vậy, chẳng phải là sự vui sướng đã tiêu trừ một phần lớn sự khổ hay sao? Nếu nói sự khổ ít là do sự vui đã tiêu trừ phần lớn sự khổ, và còn thừa lại một ít sự vui. Nếu thế sự khổ ít chả lẽ chẳng phải đã thành sự vui sướng. Tại sao có thể nói là khổ?

⁴⁶⁷ Nếu như gặp nghịch duyên cho nên khổ thọ không thể sinh khởi, điều này chứng tỏ khổ thọ tùy nhân duyên mà sinh diệt, hoàn toàn không có tự tính. Nhân đây biết rằng sự phân biệt cảm giác là không có thực, hoàn toàn chỉ là chấp trước sai lầm (vọng tưởng).

⁴⁶⁸ Sự thấm nhuần lý Không tánh, trưởng sinh từ sự quán sát của tâm, là món dinh dưỡng nuôi sống sự hiểu rõ về thực tại cho các hành giả Du già.

Bên nào gặp bên nào?

(94) Trần, trần không vào nhau,
Không trống, lượng bằng nhau,
Không vào thì không hợp,
Không hợp làm sao gặp?⁴⁶⁹

(95) Không phần mà gặp nhau,
Việc này không có lý.
Nếu thấy, xin chỉ cho,
Vật không phần mà gặp.⁴⁷⁰

(96) Ý thức không [có] sắc thân,
Gặp cảnh, không có lý.
Tụ [lại] cũng không thật có,
Không gặp cảnh, [giống] như trên.⁴⁷¹

⁴⁶⁹ Bị phái Trung quán cật vấn như trên (kệ 93), ngoại đạo bèn đổi hướng cho rằng họ chấp nhận căn trần (Anh: atom of the sense faculty) và cảnh trần (Anh: atom of the object) đều không có bộ phận (Anh: part). Nhưng ngài **Tịch Thiên** tiếp tục cật vấn: "Nếu hai bên đều không có bộ phận, căn trần và cảnh trần, đều không có khoảng trống và có kích thước, sẽ bằng nhau. Như vậy, chúng không thể thâm nhập (Anh: penetration) vào nhau được. Nếu không có sự thâm nhập, làm sao có sự tiếp xúc? Nếu không có sự tiếp xúc, làm sao sinh cảm xúc?"

⁴⁷⁰ Nếu cả hai bên (căn, cảnh) đều không có bộ phận, thì không thể nào tiếp xúc được. Vì sự tiếp xúc có nghĩa là có chỗ tiếp nhau. Nay đã không có bộ phận, làm sao mà tiếp nhau được? Điều này dẫn đến kết luận: Sự ngụy biện về việc tiếp xúc nhau của căn và cảnh là phi lý.

(97) Nếu xúc không có thật,
Thọ từ chỗ nào sinh,
Tại [sao] đuổi theo trần lao,
Khổ nào hại kẻ nào?⁴⁷²

(98) Nếu biết, không [có] người thọ,
Và không [có] sự lãnh thọ,
Đã thấy điều chân thật,
Sao chưa dứt ái kiến?

(99) Chỗ thấy hay chỗ xúc,
Tính đều như mộng huyễn,
Thọ với tâm cùng sinh,
Nên tâm không cảm thọ.⁴⁷³

⁴⁷¹ Làm sao ý thức, không phải là vật chất (không có sắc thân), làm sao có thể hợp với căn trần và cảnh trần (cả hai đều là vật chất)? Điều này không thể có, bởi vì sự liên hợp cần phải có sự tiếp xúc. Mà điều này (sự tiếp xúc) không thể xảy ra giữa tâm và vật. Đến đây **ngoại đạo** phản đối: "Tuy không có sự tiếp xúc giữa căn, trần, thức. Nhưng ít nhất chúng cũng tạo thành một tập hợp (aggregation) làm phát sinh hiệu quả là sự cảm thức." **Trung quán**: "Ngay cả sự tập hợp này cũng không thực có (như đã luận phá ở trên)." Do đây biết rằng sự lập luận của đối phương chỉ là những giả thiết phi lý và ngoan cố.

⁴⁷² Đến đây, đã thấy rõ rằng thức không hiện hữu, do đó cảm giác cũng không có thực. Đã biết như thế, tại sao vẫn còn miệt mài trong trần lao sinh tử, theo đuổi những thú vui giả tạo? Chung qui, có cái khổ nào hại được kẻ nào? **Phụ chú**: Nghĩa là chẳng có cái khổ nào nào hại được ta, vì tất cả sự khổ đau đều chỉ là mộng huyễn.

(100) Niệm sau chỉ nhớ được,
Nhưng không thọ niệm trước,
Không bị vật khác thọ,
Cũng không thể tự thọ.⁴⁷⁴

(101) Vì không có người thọ,
Thọ cũng không thật có,
Ai nói huyền thọ này,
Hại được uẩn vô ngã?

(102) Ý không ở trong căn,
Cũng không ở trong sắc,
Không giữa, không trong ngoài,
Cũng không ở chỗ khác,

(103) Chẳng [phải] thân, chẳng khác thân,

⁴⁷³ Theo Sweet, sự kiện tâm không nhận thức được cảm thọ (vì cả hai sinh khởi cùng lúc), không được giải thích rõ ràng trong phần này, nhưng có thể giả định là nếu có sự liên hệ nhân quả giữa tâm và sự cảm xúc, thì sự cảm xúc phải sinh ra trước tâm (để tâm cảm nhận được). Điều này trái ngược với tiên đề là cả hai cùng sinh khởi đồng thời.

⁴⁷⁴ Ý thức chỉ có thể nhớ được cảm thọ trong quá khứ, và mong ước những cảm thọ trong tương lai, chứ không thể trực tiếp kinh nghiệm được (**Phụ chú:** vì cảm thọ trong quá khứ đã diệt, và cảm thọ trong tương lai chưa đến). Bởi vì không có kẻ cảm thọ và vật được cảm thọ (cả hai đều không thực có), do đó cảm thọ không thể tự cảm thọ chính nó. Hơn nữa, nếu tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể kinh nghiệm được cảm thọ, thì không ai (bất cứ vật nào) có thể trực tiếp kinh nghiệm được cảm thọ này.

Chẳng hợp cũng chẳng ly,
Nên không có thật tánh,
(Do đây mà nhận biết)
Hữu tình [bốn] tánh Niết bàn.⁴⁷⁵

(104) Rời cảnh đã có thức,
Duyên gì mà sinh thức,
Thức, cảnh nếu đồng thời,
Đã sinh, sao [còn] đợi duyên?

(105) Thức nếu sinh sau cảnh,
Duyên gì mà được sinh,
Cho nên không biết chắc,
Chư pháp là thật sinh.⁴⁷⁶

⁴⁷⁵ Lập luận ở đây cũng giống như lập luận ở phần trên. Nhưng ở đây đem tâm ra làm đối tượng phân tích. Cái tâm này không tìm được từ bất cứ chỗ nào, dù là căn, cảnh, v.v... Như vậy chứng tỏ là cái tâm này không thực có, và chỉ là vật tượng tượng. Do đó sự sinh tử luân hồi cũng không có thực. Hữu tình thực sự là đã được giải thoát, vì bản tính của họ là Niết bàn. Tuy vậy, vì sự nhận thức sai lầm về thực tại và những khát vọng khổ đau đã lôi kéo họ chìm ngập trong sinh tử. Nhưng vì cái tâm nhiễm ô này chỉ là huyền giả, cho nên hữu tình vẫn có cơ hội được giải thoát.

⁴⁷⁶ Phần này là phá “sự thực có” của năm thức (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân).

Đối phương: “Tuy ý thức có thể là huyền giả, nhưng năm thức: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, chẳng lẽ cũng không nhận thức được năm cảnh?” **Trung quán:** “Thử quán xét xem thức này có trước, có sau, hoặc xuất hiện đồng thời với cảnh. Nếu thức có trước cảnh (ly cảnh), thì thức này (khi không có cảnh) nhận thức cái gì? Nếu cùng cảnh sinh đồng

(106) {Phản đối} Nếu không Thế tục đế,
Làm sao có Nhị đế?
Nếu Tục do phân biệt,
Làm sao chư hữu tình
Chứng đắc quả Niết bàn?⁴⁷⁷

(107) {Trung quán} Đây là do phân biệt,
Chẳng phải Thế tục đế,
Sau khi ngộ Tánh không,
Dùng giả danh an lập,
Gọi là Thế tục đế,
Nếu không, không [phải thế] tục đế.⁴⁷⁸

thời, thức đã sinh ra thì đâu còn phải cần duyên với cảnh để sinh ra thức. Còn nếu cảnh có trước rồi thức mới sinh ra, thì khi thức sinh, cảnh đã diệt mất (Ở đây nói về hiện tượng xảy ra trong sát na), thì lúc đó thức này duyên với cảnh nào? (Thức không còn đối tượng để nhận thức.)"

Từ những lập luận như trên, có thể kết luận rằng tất cả hiện tượng (pháp) đều không thực có.

⁴⁷⁷ **Phản đối:** "Các bạn (Trung quán) cho rằng các pháp đều không có tự tính, như vậy ắt là không có Tục đế. Nếu không có Tục đế, làm sao thành lập Nhị đế (Chân đế và Tục đế)? Hơn nữa, nếu như Tục đế tồn tại là do sự chấp trước phân biệt, mà sự phân biệt của phàm phu, toàn là hư vọng điên đảo. Nếu vậy, hữu tình làm sao chứng được Niết bàn?"

⁴⁷⁸ **Trung quán:** "Những pháp do sự chủ quan phân biệt an lập mà cho là có thực, vốn không phải là thực sự tồn tại. Đây không phải là điều mà chúng tôi gọi là Tục đế. Mà phải hiểu rõ các pháp là không tự tính, sau đó dùng danh ngôn an lập (**Phụ chú:** nghĩa là tất cả các pháp hiện hữu hoàn toàn là giả danh, không có tự tính), đây mới gọi là Tục đế. Nếu không,

(108) Phân biệt, chỗ phân biệt,
Nương nhau mà tồn tại,
Vì thế những quán sát,
Đều nương vào tên gọi,
Mà thế gian công nhận.⁴⁷⁹

(109) {Phản đối} Nếu tâm phân tích Không,
Lại bị đem phân tích,
[Chỗ] phân tích lại bị phân,
Sẽ thành lỗi vô cùng.⁴⁸⁰

giống như hoa trời (do mắt nhậm nhìn thấy), không thể thành lập Tục để được."

Phụ chú: Ở đây nên phân biệt rõ giữa thế tục và Thế tục đế. Thế tục tức là những sự vật theo quan niệm thế gian, nghĩa là kẻ phàm phu chấp trước mọi vật đều có thực (tự tính), hiện hữu như những cá thể độc lập. Trong khi đó Thế tục đế, theo lập trường Trung quán, tuy không bác bỏ sự hiện hữu của các vật mà phàm phu cho là có, nhưng các ngài nhìn sự vật qua đôi mắt của những kẻ đã thể ngộ về Tánh không, nghĩa là các vật hiện hữu không có tự tính (như huyễn). Do đó các ngài tuy không đi ngược lại thế gian, cái nhìn của các ngài sâu sắc hơn phàm phu rất nhiều.

⁴⁷⁹ **Phản đối:** "Tâm (phân biệt) cùng vật (chỗ phân biệt) nương vào nhau mà tồn tại (hoàn toàn không có tự tính). Nếu vật không được thành lập, thì tâm cũng không hiện hữu. Như vậy, những sự phân tích của bạn (Trung quán) sẽ không có giá trị." **Trung quán:** "Đúng. Bởi vì vật không có thực, tâm cũng không có thực. Nhưng không có nghĩa là sự phân tích không có giá trị. Vì tâm phân tích đều là sự nhận thức theo Thế tục đế, và tùy thuận theo những lý luận hợp lý mà thế gian công nhận."

(110) {Trung quán} Ngộ chỗ phân là không,
Trí không còn chỗ tựa,
Không tựa nên không sinh,
Gọi đây là Niết bàn.⁴⁸¹

(111) Lý của phái Thật hữu,
Rất khó mà an lập,
Nếu cảnh do thức thành,
Nương đâu lập thức có?⁴⁸²

(112) Nếu thức do cảnh thành,
Nương đâu mà lập cảnh?
Tâm cảnh đối đãi thành,
Cả hai đều không thật.

⁴⁸⁰ Nếu chúng ta dùng trí phân tích và thành lập tất cả pháp là không tự tính, sau đó, nếu cái trí đã ngộ Không tánh này lại bị đem phân tích, và sự phân tích này lại có thể bị phân tích. Như vậy, sự phân tích sẽ không ngừng nghỉ (và sẽ thành lỗi vô cùng).

⁴⁸¹ Sau khi chúng ta đã phân tích, và thể ngộ chư pháp Không tánh, thì cái trí phân tích đó không còn chỗ y tựa (cảnh). Cảnh (chỗ tựa, hoặc sở y) đã không có, thì tâm (kẻ tựa, hoặc năng y) cũng không sinh. Không năng không sở, đây là chỗ mà chúng ta gọi là trạng thái vốn có (bản nhiên) của Niết bàn.

⁴⁸² Phái Thực hữu chủ trương rằng tâm cảnh đều có thực. Lập luận như vậy khó mà thành lập. Nếu nói ngoại cảnh thực có là do tâm thức thành lập. Nếu thế, họ y cứ vào đâu mà thành lập tâm thức là thực có? (Phía trên đã biện phá tự chứng phần cùng các thức khác đều không thể thành lập.)

(113) {Phản đối} Không con, không [gọi] là cha,
Không cha, ai sinh con?
{Trung quán} Cha con đối đãi thành,
Như thế, không [có] tâm cảnh.⁴⁸³

(114) {Phản đối} Như mầm từ hạt sinh,
Nhờ mầm biết có hạt;
Thức từ cảnh sinh ra,
Sao không biết có cảnh?⁴⁸⁴

(115) {Trung quán} Do thức khác với mầm,
Nên biết rõ có hạt,
Nhưng lúc tâm rõ cảnh,
Nương đâu biết có thức?⁴⁸⁵

⁴⁸³ **Phản đối:** "Nếu một người không có con, không thể gọi kẻ ấy là cha. Nếu vậy, nếu không cha, con làm sao mà sinh?" (Phụ chú: Đối phương lập luận, muốn chứng minh là một trong hai, hoặc tâm, hoặc cảnh, là y cứ để thành lập cái kia.) **Trung quán:** "Đã không con, ắt không cha, cha con chỉ là đối đãi mà có. Như vậy, cũng không có tâm và cảnh thực sự tồn tại."

⁴⁸⁴ Trong trường hợp sự nhận thức được sinh ra từ đối tượng của nó, và đối tượng được cảm nhận bởi sự nhận thức, cũng giống trường hợp cha con ở trên, vì hai bên tùy thuộc vào nhau, bên này không thể hiện hữu nếu không có bên kia, không bên nào là thực có. Tuy rằng sự kiện này là hiển nhiên như vậy, nhưng đối phương vẫn muốn chứng tỏ là sự hiện hữu của sự nhận thức thành lập căn nguyên của nó, tức là vật được nhận thức. Cũng giống như sự hiện hữu của hạt được chứng minh bởi sự hiện hữu của mầm.

⁴⁸⁵ Ngài Tịch Thiên cho rằng sự tương tự của hai trường hợp là không thỏa đáng. Bởi vì sự hiện hữu của hạt không thể

(116) Người đời cũng thấy được,
Tất cả năng sinh nhân,
Như rễ sen, cọng sen,
Do nhân khác biệt sinh [ra].⁴⁸⁶

(117) {Hỏi} Ai làm nhân khác biệt?
{Trung quán} Do nhân trước [có] sai khác.
{Hỏi} Tại sao nhân sinh quả?
{Trung quán} Do lực của nhân trước.⁴⁸⁷

(118) {Ni kiền tử} Trời Tự tại là nhân.
{Trung quán} [Cái] gì là trời Tự tại,

biết được do mầm, mà từ sự nhận thức suy luận sự hiện hữu của hạt, xuyên qua sự hiện hữu của mầm. Tuy thế, không thể chứng nghiệm sự nhận thức là thực sự hiện hữu; vì như chúng ta đã biết, sự nhận thức không thể tự chứng nghiệm, hay được chứng nghiệm bởi nhận thức khác, hay vật khác, là nó thực sự hiện hữu, như đã chứng minh ở phần trên.

⁴⁸⁶ Hai bài kệ (116-117) đả phá **phái Tự nhiên** cho rằng mọi vật không nhân mà sinh ra, như trong sách vở của họ có nói: "Tất cả mọi vật, như mặt trời mọc lên, nước chảy xuống đồi, sự tròn trịa của hạt đậu, sự nhọn của gai, và lông đuôi của gà, v.v..., đều không do bất cứ ai tạo ra, chúng sinh ra do bản tính tự nhiên." **Trung Quán:** "Lập luận này không thể chấp nhận được, vì đôi khi sự sản sinh của một vật từ tập hợp các nhân của nó được nhìn thấy rõ ràng bởi tất cả mọi người. Hơn nữa, có thể suy luận mà biết rằng sự khác biệt của sự vật là do sự khác biệt của nhân tạo ra nó."

⁴⁸⁷ Sự khác biệt của nhân đến từ sự khác biệt của nhân của chúng, và như thế đi dọc theo dòng sinh tử luân hồi không cùng tận. Cái lực của nhân được sinh ra từ nhân của nó, v.v...

Nếu gọi [trời] là đại chủng,
Việc gì phải chấp tên [gọi]?⁴⁸⁸

(119) Các đại chủng vô tâm,
Chẳng thường, chẳng phải trời,
Như nhóp, bị giẫm đạp,
Chẳng phải trời Tự tại.⁴⁸⁹

(120) Trời chẳng phải hư không,
Lại cũng chẳng phải ngã,
Nếu nói [trời] không nghĩ bàn,
Vậy trời có nghĩa gì?⁴⁹⁰

⁴⁸⁸ Đại chủng: tức là những yếu tố cấu tạo nên vạn vật. Có nhiều chủ trương khác nhau về đại chủng như tứ đại (đất, nước, lửa, gió), hoặc lục đại (đất, nước, lửa, gió, không gian, và thức), v.v...

Phái Ni kiến tử và phái Thắng luận chủ trương rằng trời Tự tại là nguồn gốc của vạn vật. Trời Tự tại có năm đặc tính: thiêng liêng, thanh tịnh và tôn kính, thường trụ, hằng nhất, và là kẻ sáng tạo vạn vật. **Trung quán** hỏi: "Nếu bạn cho rằng trời Tự tại là nhân; xin lỗi, ai là trời Tự tại?" **Ni kiến tử** đáp: "Ngài là thành phần (Anh: element) vĩ đại: đất, nước, lửa, gió và không gian." **Trung quán**: "Như vậy, những nguyên tố này là nhân cho những sự vật mà chúng tạo ra. Nếu thế, bạn vì sao phải nhọc sức gán cho nó cái tên Tự tại làm gì? Dù sao đi nữa, lời của bạn vừa nói mâu thuẫn với định nghĩa của bạn về trời Tự tại."

⁴⁸⁹ Vì đất, nước, v.v..., là đầy dẫy (khác với hằng nhất), không thường hằng (khác với thường trụ), vật như nhóp (khác với thanh tịnh), bị người và động vật giẫm đạp (khác với thiêng liêng và tôn kính), chúng không thể là trời Tự tại.

(121) Trời đó muốn sinh gì?
Ngã và trời Tự tại,
Đại [chúng] chẳng lẽ không thường?
Thức sinh từ chỗ biết.⁴⁹¹

(122) Lại duyên vô thi nghiệp,
Vật nào do trời sinh,
Nếu nói trời vô thi,
Vật chẳng lẽ hữu thi?⁴⁹²

⁴⁹⁰ Hư không cũng chẳng phải là trời Tự tại vì nó bất động (vô tri), và cái ngã cũng không phải là trời Tự tại (như đã phá ở trên). Hơn nữa, nếu chúng ta không thể nghĩ bàn về trời Tự tại, như thế bạn uống công mô tả cái vật không thể nghĩ bàn này với mục đích gì?

⁴⁹¹ Lại nữa, trời Tự tại sinh ra những gì? **Ni kiền tử:** "Ngài tạo ra cái ngã, vi trần của đất v.v... cũng như tạo ra sự tương tục (Anh: continuity) của chính Ngài." **Trung quán:** "Chẳng phải bạn đã thừa nhận rằng mọi vật là thường hằng hay sao? Nếu bạn đã thừa nhận như vậy, sao bạn lại mâu thuẫn với chính bạn, nói rằng chúng "được sinh ra." Hơn nữa, sự nhận thức cũng không được sinh ra bởi trời Tự tại, mà nó chỉ là sự nhận thức (cognition), sinh ra từ một chuỗi nhận thức từ vô thi."

⁴⁹² **Trung quán:** "Vui và khổ được sinh ra từ những hành động thiện, ác. Nếu vậy, trời Tự tại sinh ra vật nào? Nếu trời, làm nhân cho vạn vật, là vô thi, như vậy sự vui, khổ (quá) chẳng lẽ là hữu thi (có sự bắt đầu)? Tương tự, nếu trời không có sự cùng tận (vô chung), tại sao sự khổ, vui không thường hiện hữu? Theo như lập luận của bạn, chúng phải nên hiện hữu như vậy, nhưng trên thực tế, chúng chỉ là những hiện tượng tương đối, lúc có lúc không."

(123) Trời không nương vật khác,
Sao không thường tạo tác,
Nếu trời tạo tất cả,
Trời còn nhờ vào đâu?⁴⁹³

(124) Nếu nhờ duyên hợp [mới] sinh,
[Vậy] trời không phải sinh nhân;
[Nếu] duyên hợp, trời phải sinh,
[Duyên] không hợp, trời không sinh.⁴⁹⁴

(125) Ý muốn không tự tại,
Duyên sinh do lực khác,
Nếu nhờ ý mới sinh,
Sao [lại] gọi là Tự tại?⁴⁹⁵

⁴⁹³ **Ni kiền tử:** "Không cần thiết là trời lúc nào cũng sáng tạo sự vật. Tuy Ngài là thường, Ngài phải tùy thuộc vào các nhân duyên khác để tạo ra vạn vật." **Trung quán:** "Như theo lập luận của bạn, trời không thể nương nhờ vào vật nào cả, vì tất cả mọi vật đều do trời tạo. Như vậy, trời còn phải nương vào đâu để tạo tác?"

⁴⁹⁴ **Trung quán:** "Nếu trời phải tùy thuộc vào một số điều kiện nào đó, thì khi những điều kiện này đầy đủ, trời cũng không đủ năng lực sinh tạo ra vật (vì những điều kiện này đã là nhân sinh ra vật đó), và khi không có những điều kiện này (hoặc không đầy đủ), thì trời cũng chẳng thể sinh ra vật nào hết."

⁴⁹⁵ **Trung quán:** "Nếu bạn cho rằng trời tạo ra không do ý muốn của trời, tức là trời bị lệ thuộc vào những điều kiện khác hơn là chính mình. Dù ngay khi trời tạo ra vật do ý muốn của mình, trời vẫn phải lệ thuộc vào 'ý muốn.' Nếu vậy, làm sao có thể gọi là trời Tự tại?"

(126) Vi trần [là] nhân [của] vạn pháp,
Phần trên đã phá xong,
Số luận chủ trương rằng,
Vật chủ [là] nhân [của] chúng sinh.⁴⁹⁶

(127) Hỷ lạc, Ưu và Ám,
Ba đức nếu quân bình,
Nói đó là vật chủ,
Nếu sự quân bình mất,
Hiện [khởi] thế giới, chúng sinh.⁴⁹⁷

(128) Một thể mà ba tính,
Phi lý, không hiện hữu.
Như vậy, đức cũng không,
Vì nó lại có ba.⁴⁹⁸

⁴⁹⁶ Phái Thắng luận cho rằng vi trần là nhân sinh ra vạn pháp, điều này không thể chấp nhận, như đã bị đả phá ở phần trên. Phái Số luận cho rằng vạn vật được phân làm hai loại: cái ngã và vật chủ cùng tất cả vật mà nó sinh ra. Trong hai vật này, cái ngã không phải là nhân hoặc quả (vì nó thường hằng bất biến), trong khi Vật chủ (thường hằng, không có bộ phận, vật chất, không thể nhìn thấy được, và tạo ra vạn vật) là nhân của tất cả vạn vật.

⁴⁹⁷ Số luận cho rằng trạng thái quân bình (Anh: balanced state) của ba đức ưu, hỷ, ám là Vật chủ, và nếu ba đức mất sự quân bình, sẽ tạo ra thế giới, chúng sinh.

⁴⁹⁸ **Trung quán:** “Vật chủ mà bạn chủ trương không thể nào hiện hữu, vì không thể nào có một vật không bộ phận (partless) mà lại có ba tính chất khác nhau. Tương tự, cái gọi là đức cũng không hiện hữu, vì tự nó lại có ba đức (và như thế sẽ trở thành vô cùng).”

(129) Nếu không có ba đức,
Không thanh, hương, vị, xúc,
Không cảm giác khổ vui,
Trong những vật vô tâm.⁴⁹⁹

(130) Nói pháp đủ nhân tính,
[Trên] chẳng lẽ [đã] chẳng xét qua?
Nếu cho vui là nhân,
Mà vải không phải nhân.⁵⁰⁰

(131) Nếu vải sinh sự vui,
Không vải, ắt không vui,
Thường tính của sự vui,
Chung cuộc không thể có.⁵⁰¹

⁴⁹⁹ **Trung quán:** "Nếu không có ba đức, những hiện tượng được tạo ra bởi chúng cũng không hiện hữu; hơn nữa, những vật như vải, cùng những vật tương tự khác (như hình sắc, âm thanh v.v...), không có tính chất khổ, vui v.v..., vì chúng không có tâm."

⁵⁰⁰ **Số luận:** "Những vật như vải, v.v..., có tính chất khổ, vui, v.v..., vì ba đức ưu (khổ), hỷ (vui), ám chính là nhân tạo ra vải." **Trung quán:** "Thế nhưng, những vật như vải chẳng hạn, tương tự như thân thể (là sự tổ hợp của các bộ phận), đã bị đả phá là không có thực trong phần phân tích cái thân ở trên. Hơn nữa, truyền thống của các bạn cho là ba đức ưu, hỷ, ám là nhân của vải, v.v.... Làm sao có thể như vậy được? Vải không thể nào sinh ra từ khổ, vui; mà ngược lại, như đã biết, khổ, vui sinh ra từ vải, v.v..."

⁵⁰¹ Hơn nữa, như trên đã phân tích, vải (nhân của sự khổ, vui) không thường hằng (không có thực), do đó sự khổ, vui (quả) cũng không thường hằng (không có thực).

(132) Sự vui nếu thường tồn,
Lúc khổ sao không vui?
Nếu nói vui giảm sút,
Vui sao lại nhiều ít?⁵⁰²

(133) Từ nhiều biến thành ít,
Sự vui ắt không thường,
Như vậy sao không nhận,
Tất cả pháp [là] vô thường.

(134) Nhiều, ít không khác vui,
Rõ ràng vui không thường,
Nếu nhận nhân là có,
Vô nhân quyết không sinh.⁵⁰³

⁵⁰² **Trung quán:** “Cảm giác vui, khổ, v.v..., không thể nào được chấp nhận là thường hằng, vì chúng chỉ là những hiện tượng thịnh thoảng mới hiện ra. Nếu sự vui luôn luôn hiện hữu, tại sao khi đang bị đau khổ, nó không hiện hữu?” **Số luận:** “Khi sự đau khổ phát sinh, chúng ta không thể nhận được sự vui vì nó trở nên rất vi tế (nhỏ, ít).” **Trung quán:** “Nếu vật là thường, tại sao lại có lúc nhỏ (ít), có lúc lớn (nhiều)?”

⁵⁰³ **Số luận:** “Tuy trạng thái của sự vui (lúc ít, lúc nhiều) là vô thường, nhưng thể của nó là thường.” **Trung quán:** “Vi trạng thái (ít, nhiều) của sự vui không khác gì bản thân của sự vui; hơn nữa, những trạng thái này là vô thường, như thể sự vui cũng vô thường. Hơn nữa, nếu như bạn (Số Luận) chủ trương tự sinh, thì trong nhân phải có (ẩn tàng) quả. Bởi vì lúc ở giai đoạn nhân, nếu không có vật (quả), sẽ không có sự sinh. Sinh, bất quá chỉ là sự hiển hiện của quả đang ẩn tàng trong nhân mà thôi.”

(135) Tuy không nhận hiển quả,
Lại nhận có ẩn quả,
Trong nhân nếu có quả,
Ăn cơm tức ăn phần.⁵⁰⁴

(136) Nếu thế, tiền mua vải,
Mua hạt bông vải mặc;⁵⁰⁵
Sao người ngu không thấy,
Lời người trí nói ra.

(137) Thế gian cũng nên biết.
Tại sao không thấy quả?
Sự thấy nếu không đúng,
Chỗ thấy chắc không thật.⁵⁰⁶

⁵⁰⁴ **Trung quán:** “Tuy bạn không thừa nhận có hiển quả (quả đã hiển hiện trong giai đoạn nhân), nhưng bạn lại thừa nhận ẩn quả (tuy chưa hiển hiện, nhưng đã ẩn tàng trong nhân). Như vậy khi ăn cơm, chẳng phải là ăn phần hay sao?”

Phụ chú: Cơm là nhân, còn phần là quả. Nếu y cứ theo lập luận của phái Số luận là quả đã ở trong nhân, thì phần phải đã ở sẵn trong cơm.

⁵⁰⁵ **Trung quán:** “Lại nữa, bạn nên dùng tiền mua vải, đi mua hạt bông vải về mà mặc (vì trong hạt bông vải đã có vải).” **Số luận** (ngoan cố): “Tuy sự thực là thế, nhưng những người ngu trên thế giới không mặc hạt bông vải. Vì họ không thấy quần áo trong đó.” **Trung quán:** “Ngay cả Kapila (tổ của phái Số luận), người mà các bạn thừa nhận là Kẻ Biết Sự Thực (Knower of truth), cũng mặc quần áo mà không mặc hạt bông vải. Nếu thế, đây cũng là sự thực cho ông ấy.”

⁵⁰⁶ **Trung quán:** “Hơn nữa, trong truyền thống của các bạn, kẻ Biết Sự Thực (quả), phải hiện hữu trong những kẻ phạm phu (nhân). Tại sao những kẻ phạm phu không thấy vải

(138) {Số luận} Nếu nhận thức đều sai,
[Kết] quả chẳng lẽ chẳng [phải] giả,
Vậy sự tu Không tánh,
Cũng thành ra sai lầm.⁵⁰⁷

(139) {Trung quán} Chưa phá giả, lập thật,
Chưa biết là không thật,
Cái “thật” đã [là] giả,
“Không thật” ắt cũng giả.⁵⁰⁸

trong hạt bông vải? Đúng lý, họ phải nên biết điều này (vì trong họ đã có sẵn kẻ Biết sự thực)." **Số luận:** "Quả thực kẻ Biết sự thực đã ở trong nhân của họ (phàm phu). Nhưng khi còn trong giai đoạn nhân (phàm phu), tất cả tâm thái của họ đều không có giá trị (còn mê hoặc). Do đó họ không biết (là vải hiện hữu trong hạt bông vải)." **Trung quán:** "Trong trường hợp này, ngay cả quả (sự vật, chẳng hạn như thực phẩm, quần áo, kẻ Biết sự thực, v.v...) mà phàm phu thấy rõ ràng cũng là sai lầm, bởi vì chúng là đối tượng (quả) của những cái tâm mê hoặc (của họ)."

⁵⁰⁷ Đến đây **ngoại đạo** tung thế, bèn quay ra cật vấn: "Nếu như sự nhận thức (lượng) đều là sai lầm (phi lượng), không thể dùng nó làm chuẩn tắc. Nếu vậy, sự hiểu biết của nó (kết quả) chẳng lẽ chẳng phải cũng là hư giả? Nhân đây mà biết rằng, các bạn y cứ vào những điều hiểu biết được, cùng sự tu tập về Không tánh, chắc chắn sẽ sai lầm, hoàn toàn không có ý nghĩa."

⁵⁰⁸ **Trung quán:** "Đúng thế. [Lúc tu tập Không tánh,] nếu không thể biện biệt rõ ràng những pháp (chấp là có thực) được sinh ra một cách hư vọng bởi vô minh, không thể nào thấy được Không tánh sau khi pháp (chấp là có thực) đó bị trừ khử. Hơn nữa, sau pháp hư vọng đã bị trừ khử, cái Không tánh hiển hiện cũng là giả. Chẳng qua, Không tánh

(140) Như mộng thấy con chết,
Nhưng vẫn biết [mình] không con,
Ngăn sự [mộng] tưởng có con,
Sự ngăn cũng là giả.⁵⁰⁹

(141) Như vậy xét chư pháp,
Biết không thể “không nhân”,
Cũng không phải cách biệt,
Hoặc hợp các nhân duyên.

(142) Không do vật khác sinh,
Không ở cũng không đi,
Kẻ ngu si chấp thật,
Khác gì như huyễn hoá.⁵¹⁰

cùng Không quán tuy là giả, chúng có công năng là quét sạch sự chấp trước.”

⁵⁰⁹ Giả như, có người nằm mộng thấy con ta chết. Lúc đó, tuy trong mộng, tâm trí người đó biết rằng đứa con đó không hiện hữu. Cái trí trong mộng, tuy có công năng tiêu trừ được vọng chấp là có con, nhưng cái trí đó vẫn là giả.

⁵¹⁰ Sau khi phân tích như vậy, có thể biết rõ là các pháp không thể từ nhân khác sinh (không có tha sinh), cũng không thể không nhân mà sinh (không có vô nhân sinh), cũng không có pháp nào tồn tại trên các nhân khác biệt (không có tự sinh), hoặc tồn tại do sự tụ tập của các duyên có tự tính (không có cộng sinh). Khi hình thành cũng không lưu trụ, lúc hoại diệt cũng chẳng tiêu tán đi đến chỗ khác. Thế nhưng phạm phu vì vô minh (che mờ đôi mắt) mà chấp thực những vật chẳng khác nào như huyễn hoá này.

(143) Vật huyễn, cùng sự vật,
Do nhân duyên biến hiện,
Nên tường tận quán sát
Từ đâu đến, về đâu?⁵¹¹

(144) Duyên hợp thấy sự vật,
Không nhân ắt không thấy,
Hư ngụy như ảnh tượng,
Trong đó nào có thật?

(145) Nếu pháp vốn đã có,
Nào còn cần gì nhân,
Nếu pháp vốn không có,
Tại sao còn cần nhân?⁵¹²

Phụ chú: Ở đây xác nhận lại lập trường của phái Trung quán, đã được trình bày bởi ngài Long Thọ trong Trung quán luận, phẩm Nhân duyên, kệ (3):

Chư pháp không tự sinh,
Cũng không từ tha sinh,
Không cộng, không vô nhân,
Cho nên biết vô sinh.

⁵¹¹ Bất luận là ngựa, voi, được biến hiện do nhà huyễn thuật, hoặc là những sự vật (sắc, thanh, v.v...) được tạo tác bởi nhân duyên, chúng ta nên quán xét trước đó chúng từ đâu đến, hiện tại chúng đang ở đâu, và cuối cùng chúng sẽ về đâu. Sau khi quán xét tinh tường, chúng ta sẽ thấy cả hai đều thực sự không đến và đi (nghĩa là cả hai đều như mộng huyễn).

⁵¹² Làm gì phải cần nhân cho các vật vốn đã có? Nếu nó vốn đã có, thì nó đã hiện hữu. Làm gì phải cần nhân cho những

(146) Dù dùng ức vạn nhân,
“Không” chẳng biến thành “có”,
Lúc “không” sao thành “có”,
Nếu thành là thế nào?⁵¹³

(147) Lúc “không” nếu không “có”,
Lúc nào mới thành “có”?
Lúc cái “có” chưa sinh,
Vẫn chưa rời cái “không.”

(148) Nếu chưa rời cái “không”,
Ắt không sinh cái “có”,
“Có” cũng không thành “không”,

vật không có? Nếu nó vốn không có, thì nó sẽ không là quả cho bất cứ vật nào.

⁵¹³ Dù là hàng triệu nhân cũng không thể làm cho những vật “không có” trở thành “có.” Nếu từ trạng thái “không có” chuyển thành trạng thái “có”, nó phải thoát ly hoặc không thoát ly sự “không có” của nó. Trong trường hợp sau (không thoát ly), “có” và “không có” hoàn toàn khác biệt, làm sao “không có” có thể trở thành “có.” Đây là điều không thể được. Còn trong trường hợp đầu (thoát ly), thì ngoài cái trạng thái “có” và “không có” ra, làm sao nó (không có) có thể trở thành “có.”

Phụ chú: Khi “không có” thoát ly cái trạng thái “không có” của nó, nghĩa là từ trạng thái “không có” biến sang một trạng thái khác. Nhưng ngoài trạng thái “có” và “không có” ra, không có trạng thái thứ ba nào khác. Như thế “không có” phải biến thành vật gì trước khi nó trở thành “có”? Nó không thể trực tiếp chuyển thành “có”, vì bản tính của nó là “không có”, hoàn toàn khác biệt với cái “có.”

Nếu không, thành “không-có.”⁵¹⁴

(149) Đã không tự tính sinh,
Cũng không tự tính diệt,
Vì thế chư chúng sinh,
Chung quy, không sinh diệt.

(150) Chúng sinh như mộng huyễn,
Xét kỹ như cây chuối,
Niết bàn, không Niết bàn,
Bản tính đều không khác.⁵¹⁵

⁵¹⁴ Trong hai bài kệ (147-148), Tịch Thiên biện phá về khả năng tánh của sự sinh, với tiên đề là sự không hiện hữu là có tự tính, đây là chủ trương của phái Thắng Luận và một số ngoại đạo khác. **Tịch Thiên** lập luận: “Nếu thế, sự không hiện hữu sẽ luôn luôn làm chướng ngại cho sự hiện hữu.” **Đối phương** trả lời rằng: “Sự không hiện hữu sẽ biến mất khi một thực thể được sinh ra.” **Tịch Thiên**: “Nhưng nếu một thực thể là không hiện hữu, nó không thể sinh ra được. Hơn nữa, cái không hiện hữu không thể bị tác động bởi cái hiện hữu. Như vậy cái không hiện hữu không thể nào bị dời chỗ (nghĩa là làm cho hiện hữu). Ngược lại, sự hiện hữu cũng không thể nào biến thành sự không hiện hữu, vì như thế nó sẽ biến thành hai tính (vừa có vừa không).”

Phụ chú: Ở đây biện luận dài dòng, vấn đề là vì ngoại đạo chấp trước vào sự vật (dù hiện hữu hay không hiện hữu) đều có tự tính. Nếu chấp nhận có tự tính, thì tất cả hiện tượng thế gian sẽ biến thành mâu thuẫn và phi lý.”

⁵¹⁵ Tất cả hiện tượng vốn là tịch tĩnh Niết Bàn, bởi vì chúng không sinh diệt. Một mặt khác, những sự khổ, vui, v.v..., trong sinh tử luân hồi hoàn toàn không có thực, giống như mộng huyễn. Khi những hiện tượng (hình như có thực) bị phân tích, chúng ta sẽ phát giác chúng giống như thân cây

(151) Thế nên, trong pháp Không,
Có gì được, gì mất?
Ai là người cung kính?
Ai [là] người khinh miệt mình?

(152) Khổ, vui từ đâu sinh?
Đáng gì mà vui, khổ?
Nếu tìm trong bốn tính,
Gì là ái, sở ái?

(153) Xét kỹ kẻ trên đời,
Ai là người sẽ chết,
Ai sinh, ai sẽ sinh,
Ai là thân, là bạn?

(154) Sao không cùng chấp nhận,
Tất cả như hư không.
Người đời muốn tìm vui,
Nhân vì thương với thù,
Buồn vui trong điên đảo.

chuối (được tạo bằng những lớp vỏ mà không có cái lõi cứng chắc, nghĩa là không thực). Tương tự, vì bản chất vừa là tịch tĩnh Niết Bàn, vừa là mộng huyễn, cho nên trên phương diện bản thể, không có sự khác biệt giữa kẻ giải thoát (Niết Bàn) và kẻ luân hồi (không Niết Bàn); tuy vậy, trên phương diện Thế Tục Đế, từ phương diện tâm lý, có sự khác biệt. Tâm của kẻ luân hồi bị nhiễm ô và ràng buộc bởi sinh tử, còn tâm của kẻ giải thoát thì hoàn toàn tự tại và không còn bị ràng buộc bởi luân hồi.

(155) Ưu khổ trong truy cầu,
Tranh đoạt, tàn hại nhau,
Vì tạo nhiều tội ác,
Vất vưởng trong niềm đau.

(156) Tuy từng sinh cõi lành,
Hưởng thọ nhiều khoái lạc,
Chết đọa vào đường ác,
Chịu thống khổ lâu dài.

(157) Ba cõi nhiều gian hiểm,
Trong đây nào thấy Chân?⁵¹⁶
Chân, vọng nhiều mâu thuẫn,
Nếu không được thấy Chân,

(158) Sẽ chịu khổ không cùng,
Vô biên như biển lớn,
Biển khổ, khó làm lành,
Tuổi đời lại ngắn ngủi.⁵¹⁷

(159) Lao khổ vì thân mệnh,
Nhận chịu sự đói mệt,
Ngủ nghỉ, bị người hại,

⁵¹⁶ Chân: chân lý (Anh: Truth), ở đây chỉ cho tánh Không.

⁵¹⁷ Trong dòng sinh tử đầy đầy sự khổ đau, và (sự hiểu biết về) sự chân thực thì không có. Hơn nữa, sự hiểu biết về sự hiện hữu (có tự tính) và sự hiểu biết về tánh Không mâu thuẫn với nhau. Nếu như ở trong sinh tử này mà chúng ta không thể ngộ chân lý (Không tánh) này, chúng ta sẽ bị tiếp tục trôi lăn trong biển luân hồi, mà sự thống khổ không thể nào diễn tả hay thí dụ được.

Bạn ngu, làm phi nghĩa.⁵¹⁸

(160) Thân vô nghĩa chóng tàn,
Quán tuệ rất khó được,
Đời này có pháp nào,
Trừ diệt thói tán loạn?

(161) Đời này ma tìm cách,
Dẫn dụ đọa ác đạo,
Đời này nhiều bợn tà,
Ngăn cản đường Chánh pháp.

(162) Thân người thật khó được,
Đời Phật lại khó gặp,
Dòng mê không dễ đoạn,
Ô hay, khổ triền miên.

(163) Luân hồi tuy thống khổ,
Vì mê không thấy biết,
Chúng sinh chìm biển khổ,
Ô hay, thật đáng thương.

(164) Như kẻ thường tắm gội,
Lại thường vào trong lửa,
Cực khổ đến như vậy,

⁵¹⁸ Vì muốn duy trì cuộc sống, chúng ta phải nỗ lực làm việc. Chúng ta đã nhận chịu sự đói khát và mệt mỏi. Lại cần phải ngủ nghỉ để giải trừ sự mệt nhọc. Có lúc lại bị kẻ khác làm tổn hại. Lại có lúc lại bị những người bạn ngu si dẫn dụ làm những việc vô nghĩa.

Vẫn cho là khoái lạc.⁵¹⁹

(165) Chúng sinh qua cuộc đời,
Giả vờ như không chết,
Đời này gặp giết hại,
Đời sau vào ác đạo.

(166) Đám mây phước đức này
Mà con từng tích tập,
Khi nào sẽ trút xuống
Mưa an lạc lợi sinh,
Diệt hết lửa khổ não?

(167) Khi nào tâm không duyên,
Thành kính [tu] tập phước đức,
Giảng nói lý Không tánh,
Đến [những] chúng sinh chấp có.⁵²⁰

⁵¹⁹ Có một số ngoại đạo tu khổ hạnh, vì muốn truy cầu giải thoát, mỗi ngày tắm (dưới dòng sông Hằng) nhiều lần; tắm xong, lại bước vào trong lửa (hoặc đi trên than nóng đỏ, hoặc đi qua vòng lửa v.v...). Tuy họ đang ở trong sự thống khổ khốc liệt như vậy, mà họ vẫn tự hào (?) cho đó là sự khoái lạc (đời này? đời sau?). Batchelor cho rằng có hai nhóm khác nhau, một nhóm thường tắm gội, còn một nhóm thường vào lửa.

Phụ chú: Theo thiện ý của người dịch, bài kệ này muốn nói rằng chúng sinh một mặt truy cầu khoái lạc vật dục (ví như được tắm gội mát mẻ), một mặt lại gây tạo ác nghiệp khiến bị đọa ba đường ác (ví như thường vào trong lửa dữ).

⁵²⁰ Nguyện con thể ngộ nền tảng, con đường, và thành quả của sự tu tập. Không chấp trước vào tự tính, mà hiểu rõ

được sự hiện hữu theo Thế tục đế của chúng. Với sự hợp nhất giữa trí tuệ và từ bi, khởi lên lòng thương xót chúng sinh, nguyện con sẽ sớm được giác ngộ, và sẽ giảng nói tánh Không cho tất cả chúng sinh, những kẻ vì sự chấp trước, đang bị phiền não làm chìm ngộp trong sinh tử luân hồi.

Như vậy, Bồ Tát nguyện đem tất cả công đức từ sự tu tập Không tánh, hồi hướng khiến cho chúng sinh được an vui.

10. Hồi hướng

(1) Soạn Nhập Bồ Tát Hạnh,
Tất cả chư phước thiện,
Hồi hướng đến chúng sinh,
Đều nhập Bồ đề hạnh.⁵²¹

(2) Người bệnh khổ thân tâm,
Ở tất cả mọi nơi,
Nguyện họ nhờ phước này,
Được vui như biển lớn.

⁵²¹ **[Behold]** Một cách tổng quát, bất luận chúng ta tu học Phật pháp, hay làm bất cứ một công việc có ý nghĩa nào, sự hồi hướng công đức của việc làm này là một điều trọng yếu. Một sự tu học sẽ có ý nghĩa, nếu sự bắt đầu và sự kết thúc của nó có những ý nghĩa đặc thù. Sự bắt đầu của một hành động, điều cực kỳ quan trọng là động cơ chính đáng, và sự kết thúc của hành động đó, điều trọng yếu là sự hồi hướng tất cả công đức mà nó đã gây tạo được. Động cơ đầu tiên của hành động xác định hành động là chính hay tà. Thí như, nếu chúng ta tu hành chỉ vì sự vui sướng tạm thời cho đời này, như mong được tiếng tăm, cúng dường chẳng hạn, thì đây là sự tà vạy. Nếu động cơ của chúng ta là mong được đầu thai lại cõi người, cõi trời, đây là sự tu hành của kẻ bậc thấp. Nếu động cơ cao hơn là mong cầu được ra khỏi sinh tử, chứng đắc Niết bàn, đây là sự tu hành của bậc trung. Sau hết, nếu chúng ta tu hành với ước vọng là thành Phật độ chúng sinh, thì động cơ này là của bậc căn cơ cao nhất. Thành thử, chúng ta có thể thấy rằng, tầm vóc của sự tu hành của ta là do động cơ đầu tiên của chúng ta. Do đây, điều quan trọng nhất là phải có một động cơ cao đẹp trước khi chúng ta bắt đầu con đường tu hành của chính ta, v.v...

(3) Nguyên kẻ trong luân hồi,
Không mất sự an lạc,
Nguyên họ đều sẽ được,
Vui Bồ đề không dứt.

(4) Nguyên cho các chúng sanh,
Ở những cõi địa ngục,
Trong tất cả thế giới,
Đều được vui Cực Lạc.⁵²²

(5) Nguyên ngục băng ẩm áp,
Và nguyên mây Bồ tát,
Trút xuống mưa cam lộ
Làm mát sự nhiệt nã.⁵²³

(6) Nguyên cho rừng đao kiếm,
Biến thành vườn hoa đẹp,
Nguyên cây gươm, đao nhọn
Đều mọc cành Như ý.⁵²⁴

⁵²² **[Crosby]** Cực Lạc (Phạn: Sukhavati), là cõi Tịnh Độ được thiết lập bởi hạnh nguyện của đức A Di Đà. Tất cả những chúng sinh vãng sinh về đó đều được hưởng sự vui sướng, và được cơ hội tu tập không ngừng. Nhân đây, họ sẽ sớm được viên thành Phật quả.

⁵²³ **[Crosby]** Nguyên cho những kẻ khổ sở bởi sự lạnh lẽo được sự ấm áp. Nguyên cho kẻ khổ sở bởi sự nóng bức được làm mát mẻ bởi những biển nước rưới từ những đám mây thù thắng của các vị Bồ Tát.

⁵²⁴ **[Crosby]** Nguyên cho tội nhân thọ nhận rừng đao kiếm như là đi vào khu vườn lồng lầy của cõi trời, và nguyện

(7) Địa ngục thành vườn vui,
Hồ sen thơm ngào ngạt,
Trong vườn thiên nga, nhạn,
Loài chim đẹp hoà ca.

(8) Lửa dữ thành trần bảo,
Sàn [sắt] nóng thành pha lê,
Núi ép nhiều khủng bố,
Biến thành cung điện Phật.

(9) Đá lửa, binh khí nhọn,
Biến thành trận mưa hoa,
Đao kiếm giết hại nhau,
Thành hoa thơm vung rải.⁵²⁵

(10) Đối với những chúng sinh,
Trời ngụp trong sông lửa,
Thịt da đều cháy hết,
Phơi màu xương trắng bệch,
Nguyên họ nhờ phước này,
Được thân sắc vi diệu,
Bên ao trời thơm mát,

những bụi gai đem sự thống khổ, mọc những cành như ý làm
mãn tất cả nguyện.

⁵²⁵ **[Crosby]** Trong truyện về đức Phật, ngay sau khi ngài
thành Chính giác, những binh khí khốc hại mà Ma vương
dùng để tấn công ngài đều biến thành những trận mưa hoa.
Trong thần thoại Ấn độ, Kama, vị thần của tình yêu và mùa
xuân, trang bị vũ khí là một cây cung, mà mỗi mũi tên đều là
một đóa hoa thơm.

Cùng thiên nữ đùa vui.⁵²⁶

(11) Tại sao trong địa ngục,
Chim cắt, quỷ, điều hâu,
Đột nhiên sinh sợ hãi,
Ai có diệu lực này,
Trừ u ám sinh vui?

[Chúng sinh trong địa ngục,]⁵²⁷

Nghĩ xong nhìn trời cao,
Vui thấy Kim Cang Thủ,
Nguyện nhờ niềm vui này,
Tội diệt, theo chân ngài.⁵²⁸

(12) Nguyện chúng sinh địa ngục,
Thấy mưa hoa nước thơm,
Từ lưng trời trút xuống,
Dập tắt lửa ngục dữ.
Thấy rồi, lòng hoan hỉ,
Không biết nhân duyên nào,

⁵²⁶ [Wallace] Nguyện nhờ công đức này, những kẻ mà thịt da họ đã bị rơi sạch, những kẻ mà xương màu trắng như hoa lài, và những kẻ đang chìm ngập trong dòng sông Vaitarani, dòng nước cháy rực như lửa đỏ, có được thân sắc của cõi trời và được ở chung với các thiên nữ bên dòng sông Mandakini.

⁵²⁷ Bản tiếng Phạn không có câu này.

⁵²⁸ Kim Cang Thủ, còn có tên là Kim Cang Trì, nghĩa là vị Bồ tát cầm chày Kim Cang. Đây không phải là tên riêng của một vị Bồ tát, mà là tên chung của các vị hộ pháp Bồ tát cầm chày Kim Cang. Trong Mật giáo, Kim Cang Thủ còn là tên gọi khác của đức Phổ Hiền.

Nghĩ xong, nhìn trời cao,
Lòng vui thấy Quán Âm.⁵²⁹

(13) Nguyên chúng sinh địa ngục,
Hân hoan thấy Văn Thù,
Sáng ngời hiện trên không,
Tâm Bồ đề đượm nhuần,
Sức mạnh diệt chư khổ,
Đem vui, cứu chúng sinh,
Dẹp tan hết sợ hãi,
Ai mà mong xa ngài?⁵³⁰

⁵²⁹ **[Crosby]** Một cơn mưa trút xuống hoa sen đỏ cùng với nước thơm, làm dập tắt lửa địa ngục. Chúng sinh trong địa ngục bàng hoàng tự hỏi: “Điều gì đang xảy ra?” Thốt nhiên họ vui mừng khôn xiết. Nguyên cho họ được nhìn thấy Người Tay Cầm Hoa Sen Đỏ.

Kamalapani (Người Tay Cầm Hoa Sen Đỏ) đồng nghĩa với Padmapani, một tên gọi khác của đức Quán Thế Âm, vị Bồ tát Từ bi, thỉnh thoảng thị hiện dưới hình dạng tay cầm một đóa sen.

⁵³⁰ **[Crosby]** Mau lên, mau đến đây! Này các bạn, hãy quăng đi sự sợ hãi. Chúng ta vẫn còn sống. Hãy nhìn, “vị hoàng tử trong chiếc áo nhà tu” đã đến với chúng ta, sáng ngời, đem lại sự an lành. Với quyền lực của ngài, tất cả sự khổ não sẽ bị tiêu trừ, dòng suối của sự an vui trào vọt, tâm Bồ Đề nẩy sinh, cùng với lòng từ bi.Ồ, ngài là bà mẹ từ bi của tất cả chúng sinh.

Phụ chú: Phần lớn các bản dịch đều cho rằng đoạn này và đoạn dưới đều chỉ ngài Văn Thù, riêng Crosby lại cho rằng “vị hoàng tử trong chiếc áo nhà tu” là chỉ ngài Địa Tạng, còn đoạn dưới mới chỉ ngài Văn Thù. Bản của Wallace, tuy cũng dịch là “prince in monastic robe (hoàng tử trong chiếc áo nhà tu)”, nhưng vẫn cho rằng đó là ngài Văn Thù.

(14) Ngài ở cung Đẹp Lòng⁵³¹,
Thiên nữ đều ca tụng,
Trăm vị thần đội mũ,
Đồng lay trước tòa sen,
Mưa hoa đầy mái tóc,
Từ bi mắt lệ nhòa.⁵³²

(15) Nguyên chúng sinh địa ngục,
Do sức thiện căn này,
Đều thấy đức Phổ Hiền,
Mây Bồ tát vô ngại,⁵³³
Mưa trời hương thơm ngát,
Mát mẻ lòng an lạc,
Đã được thấy các ngài,
Rào rạt niềm hoan hỉ.⁵³⁴

⁵³¹ Cung Đẹp Lòng (Hán: Duyệt ý cung 悅意宮).

⁵³² **[Crosby]** Nhìn xem chỗ này! Hàng trăm vị thiên thần đội mũ, sụp lay dưới tòa sen của ngài. Đôi mắt ngài ướt đầm hạt lệ từ bi. Một trận mưa hoa rải xuống trên mái tóc của ngài. Trong cung điện, những thiên nữ đang hòa vang lời ca tụng thánh thót lưng trời. Nguyên trong địa ngục, những kẻ nhìn thấy ngài, từ cõi lòng họ sẽ gào thét lên những lời nghẹn ngào vui sướng.

⁵³³ Mây Bồ tát: tức là các vị Bồ tát theo sau ngài Phổ Hiền nhiều như mây trời.

⁵³⁴ **[Crosby]** Nguyên nhờ công đức này, những chúng sinh trong địa ngục, vui mừng được thấy đám mây lành, mát mẻ, tỏa ra mùi hương trời phưng phức, mưa xuống những sự an lạc. Và trên những đám mây lành này, các vị Bồ Tát hiện thân, trong đó đức Phổ Hiền làm thượng thủ.

(16) Nguyên bàng sinh không còn,
Sợ sát hại lẫn nhau,
Nguyên nọ quỉ được vui,
Như châu Uất đản việt.⁵³⁵

(17) Nguyên đức Quán Thế Âm,
Tay rưới sữa cam lộ,
Làm nọ quỉ được no,
Và tắm gội mát mẻ.⁵³⁶

(18) Nguyên kẻ mù được thấy,
Kẻ điếc thường được nghe,
Sản phụ sinh dễ dàng,
Như Ma Da, mẹ Phật.⁵³⁷

(19) Kẻ trần truồng được áo,
Kẻ đói được cơm no,
Kẻ khát được nước trong,
Cam lộ mùi vi diệu.

(20) Nguyên kẻ nghèo được của,

⁵³⁵ **[Crosby]** Uất đản việt, còn được gọi là Bắc câu lô, là một châu ở phía bắc tiểu thế giới mà chúng ta đang sống. Chúng sinh nơi đó được hưởng sự vui sướng tự nhiên lâu dài.

⁵³⁶ **[Crosby]** Đức Quán thế Âm, được mô tả trong phẩm thứ ba của kinh Karandavyuha, là làm cho loài nọ quỉ được no đủ bằng tám dòng sữa chảy ra từ các đầu ngón tay, ngón chân và các lỗ chân lông của ngài.

⁵³⁷ Ma Da là mẹ của Đức Bồ đề sư Thích Ca, bà sinh Ngài từ một bên hông mà không có một sự đau đớn nào cả.

Người khổ hưởng an lạc,
Nguyện những kẻ tuyệt vọng,
Phấn chấn, ý kiên cố.

(21) Nguyện cho kẻ tật bệnh,
Mau thoát khỏi sự khổ,
Lại nguyện cho tật bệnh,
Vĩnh viễn không còn sinh.

(22) Nguyện kẻ nhát không sợ,
Kẻ tù được giải thoát,
Kẻ yếu, sức cường tráng,
Thường nghĩ giúp đỡ nhau.

(23) Nguyện kẻ đi kinh doanh,
Nơi nơi đều an lành,
Tất cả những lợi lạc,
Thành tựu không khó nhọc.

(24) Nguyện cho người thương thuyền,
Thỏa mãn tâm mong cầu,
Đến bến được bình an,
Hân hoan gặp bè bạn.

(25) Nguyện những kẻ lạc đường,
Sớm gặp đoàn đi buôn,
Không còn sợ cọp, cướp,
Thuận lợi, thân không mệt.

(26) Xin trời thương bảo hộ,

Kẻ ở nơi hoang hiểm,
Những người già, cô độc,
Cuồng điên và ngu si.⁵³⁸

(27) Nguyên được sinh thân người,
Đủ tín, từ ái, tuệ,⁵³⁹
Thức ăn được tràn đầy,
Thường thường nhớ quá khứ.

(28) Thọ dụng không cùng tận,
Như Kho Tàng Hư Không,⁵⁴⁰
Không tranh giành giết hại,
An nhiên hưởng tuổi trời.

(29) Nguyên những kẻ nghèo nàn,
Hưởng được sự vinh quang,
Nguyên những kẻ tật nguyên,
Tướng trang nghiêm, tráng kiện.

(30) Nguyên người nữ yếu đuối,
Thành thân nam hùng tráng,
Kẻ nghèo được công danh,
Ngạo mạn thành khiêm tốn.

⁵³⁸ Nguyên trời bảo hộ những kẻ già, những kẻ cô độc ở những nơi hoang hiểm, cùng những kẻ cuồng điên và ngu si.

⁵³⁹ Tín, từ ái, tuệ: tức là lòng tin, lòng từ bi thương xót, và trí tuệ.

⁵⁴⁰ [Crosby] Kho Tàng Hư Không (Skt: Gaganagañja) là tên của một vị Bồ tát. Ngài được gọi tên này là vì tâm bố thí của ngài như hư không, vô lượng và thuần khiết.

(31) Nguyên tất cả hữu tình,
Được nhờ công đức này,
Đều đoạn tất cả ác,
Thường ưa làm phước thiện.

(32) Nguyên không xả Bồ Đề,
Dẫn thân hành Bồ tát,
Chư Phật thường hộ niệm,
Đoạn hết những nghiệp ma.⁵⁴¹

(33) Nguyên cho chư hữu tình,
Tuổi thọ dài vô lượng,
Sống cuộc đời an lạc,
Không còn nghe tiếng chết.

(34) Nguyên tất cả mọi nơi,
Mọc rừng cây Như ý,
Vô số Phật, Bồ tát,

⁵⁴¹ “Đoạn hết những nghiệp ma”: tức là đoạn trừ tất cả những hành động tà ác làm chướng ngại đường tu hành của mình.

[Crosby] dịch là: "Chấm dứt những ngón đòn lừa bịp của Ma Vương", và dẫn một đoạn giải thích như sau: Ma vương tìm cách phá hoại đức Phật, bằng cách đưa ba người con gái của ông ta hóa hiện thành những cô gái đẹp lộng lẫy (tượng trưng cho sự tham dục), đến dụ dỗ Phật, sau đó đưa một đội quân ma (tượng trưng cho sự khiếp sợ), đến dọa nạt Ngài, và ông ta còn tìm cách làm cho Phật sinh lòng hoài nghi, bằng cách yêu cầu Ngài phải tìm ra một kẻ chứng minh cho sự giác ngộ của Ngài.

Giảng lời Pháp vi diệu.

(35) Nguyên cho khắp mười phương,
Không sỏi cát, chông gai,
Đất phẳng tựa lưu ly,
Trơn láng không chướng ngại.

(36) Nguyên các đệ tử Phật,
Chư vị đại Bồ tát,
Đều dùng diệu công đức,
Trang nghiêm Phật đạo tràng.⁵⁴²

(37) Nguyên tất cả hữu tình,
Thường được nghe tiếng chim,
Cây, hư không, ánh sáng,
Nói pháp lời vi diệu.

(38) Nguyên họ thường gặp Phật,
Cùng chư vị Bồ tát,
Đem vô lượng mây lành,

⁵⁴² **[Crosby]** Nguyên chư vị Bồ Tát ngồi đầy trong những vòng (của những buổi) tập hội. Nguyên họ trang nghiêm mặt đất (của đạo tràng) bằng những ánh hào quang sáng ngời của họ.

Phụ chú: Theo Crosby, chữ "vòng" là dịch từ chữ Mandala, là một danh từ dùng để mô tả những vòng tròn của chư Phật và chư đại Bồ Tát, và đôi khi với những kẻ tùy tùng, trong đạo tràng của họ. Đây là những đối tượng cho pháp thiền quán của Đại thừa. Mỗi vị Phật, hoặc Bồ Tát, có màu sắc riêng của mình, và thường được miêu tả là được vây bọc bởi một vòng hào quang.

Cúng dường Thầy chúng sinh.⁵⁴³

(39) Nguyên phong điều vũ thuận,
Ngũ cốc được tràn đầy,
Vua hiền tôn Chánh pháp,
Thế sự đều hưng long.

(40) Nguyên thuốc thành thần dược,
Chú thuật đều linh nghiệm,⁵⁴⁴
Bọn dạ xoa, la sát,
Đều khởi lòng từ bi.⁵⁴⁵

(41) Nguyên chúng sinh không khổ,
Không bệnh, không tạo tội,
Không sợ, không bị khinh,
Không ai không an lạc.

(42) Nguyên tất cả chùa chiền,
Đọc tụng đều hưng thịnh,

⁵⁴³ Thầy chúng sinh: tức là Phật (Hán: Thiên nhơn sư).

⁵⁴⁴ Nguyên tất cả thuốc men đều thành thần dược (có thể trị tất cả bệnh), và các loại chú thuật đều linh nghiệm (tất cả mong cầu đều được thỏa mãn).

⁵⁴⁵ **[Crosby]** Nguyên thuốc men đều thành linh dược (potent), và những lời chú của các Thầy pháp thuật đều có hiệu lực. Nguyên bọn dạ xoa, la sát cùng những bọn quỷ dữ, đều bị cảm phục bởi lòng từ bi.

Thầy pháp thuật (mutterer), là chỉ cho các nhà tu (Phật giáo), hoặc những tu sĩ ngoại đạo, hoặc các nhà huyền thuật, là những người tụng những lời chú có tính chất tôn giáo hoặc huyền thuật.

Tăng già thường hòa hợp,
Phật sự đều hanh thông.

(43) Nguyên các vị tỳ khưu,
Thường ở nơi tịch tĩnh,
Sau khi trừ tán loạn,
Khinh an tu pháp lành.

(44) Nguyên ni được lợi dưỡng,
Không tranh, không bị hại,
Như thế chúng xuất gia,
Giới đủ không khiếm khuyết.

(45) Nguyên kẻ phạm [tội] sinh hối,
Thường sám chư tội lỗi,
Mệnh chung sinh cõi lành,
Không còn khuyết giới hạnh.⁵⁴⁶

(46) Người trí được tôn sùng,
Hóa duyên đều đầy đủ,⁵⁴⁷
Thân tâm đều thanh tịnh,
Danh dự khắp mười phương.

⁵⁴⁶ Câu này cùng ý với câu “Giới đủ không khiếm khuyết” ở trên.

⁵⁴⁷ Hóa duyên có hai nghĩa: (1) Giáo hoá nhân duyên, nghĩa là chư Phật, Bồ tát thị hiện đến đây, vì nhân duyên giáo hoá chúng sinh đầy đủ. Nếu nhân duyên đã hết, các ngài sẽ thị hiện diệt độ, và đi đến cõi khác tiếp tục giáo hoá chúng sinh. (2) Những kẻ cúng dường Tam bảo, sẽ kết duyên lành với Phật pháp, do đó sự cúng dường cho Tam bảo cũng được gọi là hoá duyên.

(47) Nguyên lìa đường ác khổ,
Cùng những sự gian nan,
Dùng thân hơn trời này,
Mau chóng thành Chánh giác.⁵⁴⁸

(48) Nguyên cho chư hữu tình,
Ân cần cúng dường Phật,
Nhờ phước Phật vô biên,
Thường thường được an lạc.

⁵⁴⁸ Dùng thân hơn trời này: tức là phần trên đã từng nhắc đi nhắc lại nhiều lần là "Thân người khó gặp, Phật Pháp khó nghe." Thông thường, chúng ta đều cho rằng cõi trời thù thắng hơn cõi người. Điều này rất đúng, nếu nói theo phương diện hưởng thọ phước báo. Nhưng từ phương diện tu hành thành Phật, chỉ có cõi người là thù thắng nhất. Do đó tất cả chư Phật đều thị hiện ở thế gian thành Phật.

Theo các bản dịch từ tiếng Phạn, bài kệ này được dịch là: "Nguyên tất cả chúng sinh trong pháp giới được thành Phật trong một đời, mà không phải bị đọa lạc ác đạo, và không phải bỏ rất nhiều công lao cố gắng mới được thành Phật."

[Crosby] giải thích như sau: "Nguyên vọng mong cho chúng sinh thành Phật trong một đời, ví như ở cõi Cực Lạc, thay vì phải trải qua vô lượng kiếp hành Bồ Tát đạo, mà trên con đường tu hành này, hành giả phải chịu đựng những sự khổ nạn lớn lao, cùng phải bỏ rất nhiều công lao cố gắng mới được thành Phật."

Phụ Chú: Từ những dữ kiện của bản tiếng Phạn, có thể thấy rằng tư tưởng cầu sinh về cõi Cực Lạc có lẽ cũng lưu hành ở Ấn Độ trong khoảng thế kỷ thứ bảy, thứ tám trở đi.

(49) Bồ tát được mãn nguyện,
Thành tựu lợi chúng sinh,
Nguyện hữu tình đều được,
Phật từ bi hộ niệm.

(50) Nguyên Thanh văn, Độc giác,
Được sự vui Niết bàn,
Và tất cả trời người,
[Cung] kính, cúng dường, thờ phụng.

(51) Trước khi đắc Sơ địa,
Nguyên nhờ ơn Văn Thù,
Thường nhớ được quá khứ,
Xin xuất gia làm Tăng.⁵⁴⁹

(52) Nguyên ăn uống đạm bạc,
Để duy trì sắc thân,
Đời đời đều sẽ được,
Nơi tu hành tịch tĩnh.

(53) Đời nào muốn xem kinh,

⁵⁴⁹ Bồ Tát Học Xứ Tập Yếu, phẩm thứ nhất, Tập Bồ Thái Học, dẫn Kinh A Súc Như Lai Bản Nguyên Thọ Quyết, nói: "Nếu con không đời đời xuất gia, con sẽ là kẻ lừa dối chư Phật, ... Xá Lợi Tử, chư Bồ tát Ma ha tát đều xuất gia, ... Xuất gia là pháp tối thượng." Đoạn kinh này đối với ngài Tịch Thiên cũng đã có nhiều sự quan hệ. Ngoài ra, Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên đoạn cuối có nói: "Khi con vì Bồ Đề tu hành, ở trong tất cả cõi, đều nhớ được quá khứ, và thường được xuất gia tu tịnh giới." Cũng có thể xem là có sự quan hệ với bài tụng này.

Hoặc hỏi nghĩa Phật pháp,
Nguyện đều không chướng ngại,
Thấy được đức Văn Thù.

(54) Nguyện ở khắp mười phương,
Thành tựu lợi hữu tình.
Mọi việc lành đều được,
Viên mãn như Văn Thù.

(55) Cho đến tận hư không,
Nơi nào có chúng sinh,
Nguyện sẽ đến nơi đó,
Diệt khổ đau cho họ.⁵⁵⁰

(56) Nguyện trút vào thân này,
Tất cả khổ [của] chúng sinh.
Nhờ đức của Bồ tát,
Chúng sinh hưởng an lạc.

(57) Nguyện thuốc lành trừ khổ,
Gốc của sự an lạc,
Giáo pháp được hộ trì,
Trường cửu ở thế gian.⁵⁵¹

(58) Kính lạy đức Văn Thù,

⁵⁵⁰ **[Dịch Chú]** Khi nào hư không thế giới còn tồn tại, khi nào chúng sinh còn tồn tại, con nguyện sẽ tiếp tục ở lại thế gian, nỗ lực trừ diệt khổ đau cho tất cả chúng sinh.

⁵⁵¹ Giáo pháp của chư Phật là thuốc lành trị tất cả các bệnh khổ, và cũng là gốc nguồn của sự an lạc.

Nhờ ơn sâu của ngài,
Khiến con sinh tâm lành,
Cùng lạy thiện tri thức,
Cũng nhờ ơn các ngài,
Con tăng trưởng Tam học.

Phương danh ấn tống

Nhóm Phật tử CHẤP TAY HOA, Chicago, phát tâm ấn tống.

Nguyện đem công đức hoằng truyền Pháp Bảo Đại Thừa này HỒI HƯỚNG: Trên báo bốn ơn nặng, dưới cứu ba đường khổ. Nguyện mười phương pháp giới chúng sanh đều phát tâm Bồ đề, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh.

CHO ĐẾN TẬN HƯ KHÔNG,
NƠI NÀO CÓ CHÚNG SANH,
NGUYỆN SẼ ĐẾN NƠI ĐÓ,
DIỆT KHỔ ĐAU CHO HỌ.

For as long as space endures
And for as long as living beings remain,
Until then may I too abide
To dispel the misery of the world.